

Mật Giáo
(Các Giáo Lý Bí Truyền)

**MẬT TÔNG PHẬT GIÁO
TINH HOA**

(Yếu Lược)

ĐẠO HỌC - THẦN BÍ HỌC - THẦN THÔNG HỌC

LỜI TỰA

Quyển “Mật-Tông Phật-Giáo Tinh-Hoa Yếu-Lược” là bản đúc kết của Mật-Tông Phật-Giáo Tinh-Hoa quyển Thượng và Trung xuất-bản tại Hoa-Kỳ trong thời gian hai năm qua. Nó còn được bổ túc thêm một số tài liệu mới về Chú, Phù và Ân quyết để các học-giả và hành-giả về Mật-Pháp nghiên cứu thêm.

Về phần pháp-thuật hay công-năng của Chú, Ân, Phù ghi chép trong các bản kinh xin mời các đọc-giả tìm hiểu và chứng nghiệm. Nó hoàn toàn hiệu nghiệm và dĩ nhiên tùy theo công đức của hành-giả mà sự hiển linh có cấp bậc khác nhau. Mật Tông đã có những huyền thoại của nó tại nhiều quốc gia Á châu mà chúng ta không cần phải đề cao nó thêm nữa. Những quan điểm thần-thông và bí-truyền đã đến lúc được lưu hành trong quãng đại quần chúng như bất cứ một bộ môn khoa-học nào khác và mời những người hoài nghi hãy thí nghiệm nó trước khi nhận định, phê bình.

Thực hiện Lục Độ Ba-la-mật: Bố thí – Trì giới – Tinh tấn – Nhẫn nhục – Thiền định và Trí tuệ làn hồi hành-giả sẽ đạt được hai mục tiêu của Mật Giáo là giác ngộ viên mãn các chân lý hữu-hình và vô-hình của bản thể vũ-trụ và thành đạt cũng như thu phục được các lợi ích thực tế về sức khỏe, của cải, quyền năng... ngay trong đời sống hiện-hữu.

Công hiệu của nó chắc chắn là một thách thức cho những ai đã nghi về sự hiện hữu của các đàng thần-linh và Thượng-Đế. Xin mời tất cả những ai muốn chứng nghiệm về huyền-bí học và Đạo-học hãy khảo lược về quyển kinh này của Mật Giáo. Còn về phép “Quán Đánh” hay còn gọi là Lễ Điểm Đạo

truyền Pháp, nếu muôn các học giả có thể được trực tiếp trao truyền trong vòng nửa tiếng đồng hồ và hoàn toàn miễn phí, để thực nghiệm tức khắc về thần-lực gia-trì.

Chân thành cảm ơn tất cả các bạn đạo Mật Giáo đã giúp tôi có đủ mọi điều kiện để hành đạo ba năm qua tại Mỹ, Canada và trong thời gian tới tại các nước khác.

Colorado Ngày 06 Tháng 06 Năm 1985

Soạn Giả

Cư sĩ TRIỆU PHƯỚC
PHÁP HIỆU ĐỨC QUÍ

CHƯƠNG ĐẶC BIỆT

✍ LÁ THIÊN THO' CĂN BẢN DÙNG ĐỂ QUÁN ĐÁNH (TRAO TRUYỀN TÂM PHÁP)



Đây là lá linh phù tượng trưng cho 5 phương Phật: Trung Ương Phật Tổ (Đức ĐẠI NHẬT NHU'LAI hay THUỢNG ĐẾ) – Đông Phương Phật Tổ (BẤT ĐỘNG NHU'LAI) – Nam Phương Phật Tổ (BẢO SANH NHU'LAI) – Tây Phương Phật Tổ (VÔ LUỢNG THỌ NHU'LAI) – Bắc Phương Phật Tổ (BẤT KHÔNG THÀNH TỰU NHU'LAI) và 5 đạo binh trời gồm chư Tiên, chư Thánh, chư Thần hầu cận. Nó tượng trưng cho ngũ chi của các tôn giáo trong vũ trụ: PHẬT ĐẠO – TIỀN ĐẠO – THÁNH ĐẠO – THẦN ĐẠO và NHÂN ĐẠO.

Ngày xưa, trong thời kỳ bí truyền các chư sư đã tân tay trao truyền cho nhau trải qua mấy ngàn năm nay. Mật tôn Nam Tông đã sử dụng nó để trao truyền tâm pháp và trong truyền thống chính thức của Phật giáo Cao Miên chỉ được khẩu truyền cho các sư khi lên hàng lục-cá. Mật Giáo Cao Miên đã gọi lá Thiên Thơ này là Pracul consatte (Phép Phật)-Pracul Kìa Tha (võ Phật) và Sadatte Kìa Tha (vua Phép và võ).

Hiện nay, theo lệnh của Thiên ĐÌnh, chư sư cho phô truyền lá Thiên Thơ này để phô độ chúng sanh, chứng minh sự hiện hữu của các thánh thần và trợ độ cho con người để quân bình đời sống tâm linh và văn minh vật chất và cung cấp một chìa khóa chính xác cho những người thực tâm muôn tìm hiểu và học hỏi các bộ môn siêu hình có liên hệ đến đời sống hưu hình của nhân loại cũng như luật trời và bộ máy thiên cơ và Tạng kinh Vô tự.

Muốn thực nghiệm về năng lực thần bí sơ khởi, người thợ pháp chỉ cần:

1/ Đốt trước tượng Phật, tượng Chúa hay tượng của Giáo chủ mà mình tôn thờ hoặc trước quyển thánh kinh hay các kinh sách của Phật khấn nguyện thành tâm cầu xin học đạo của Thánh hiền và xin tự nguyện giữ các giới cấm: Không giết người (*trừ trường hợp tự vệ*) - Không trộm cướp - Không tà dâm - Không nói dối (*để hại người*) - Không uống rượu say sưa.

2/ Đốt lá linh phù đồ lại trong một ly nước lạnh và uống trọn.

3/ Chắp tay cao trên trán (*không tựa vào đầu*) rồi niệm liên tục danh hiệu của Thượng đế hoặc danh hiệu 1 vị Phật mà mình tôn kính hoặc tôn danh giáo chủ của mình. Khoảng 5 cho đến 30 phút, đôi cánh tay của hành giả sẽ tiếp nhận được 1 luồng thần lực chuyển động đôi tay hoặc kiến ấn, hoặc hạ

xuống, hoặc vẹt đôi tay ra, hoặc uốn thân thể để lê Chúa, lê Phật hoặc dạy các vị thế YOGA xác thân... Hành giả cứ tiếp tục niệm danh hiệu Phật Chúa... trong tâm và theo dõi để chứng nghiệm. (*Người thọ pháp hoàn toàn tinh táo 100%*)

4/ Muốn nghỉ buông tay ra sẽ nghỉ.

5/ Sau này muốn tiếp tục học, chắp tay trên trán và niệm Phật hoặc Chúa sẽ tiếp tục được dạy: Thập bát ban võ nghệ – Các động tác thể dục thẩm mỹ – Các loại vũ Tây phương cũng như Đông phương – Các động tác YOGA xác thân – Tập khí công – Tham thiền v.v... tùy theo năng khiếu và sự ưa thích của hành giả.

6/ Tại Việt Nam từ năm 1974 đến nay đã có hơn 5.000 thanh niên và thiếu nữ đã được học hỏi bộ môn mật truyền này.

7/ Hai năm qua tại Mỹ đã có trên 100 bạn đạo dưới 10 tuổi cho đến các cụ già trên 60 và nhiều bạn trẻ nam nữ đã tu tập theo mật giáo. Một số các bạn đạo đó đã được xuất hồn, thần nhẫn, huệ khẩu v.v...

8/ Mọi lý thuyết được đề cập tổng quát trong tập sách này và nếu cần có thể liên lạc với soạn giả để hỏi thêm kinh nghiệm.

9/ Sau đó, người Thiên Chúa giáo cứ theo 10 điều răn của Đức Chúa Trời và lần chuỗi câu nguyện cũng nhu sống theo Thánh kinh khuyên dạy – Tịnh Độ Tông có thể niệm Phật A-di-đà, tụng kinh bái sám và giữ ngũ giới cấm – Các Tông phái khác cứ theo giáo luật của Tông phái mình mà sống đúng luật đạo. Lần lượt học giả sẽ được chứng nghiệm rất nhiều nguyên lý vô hình tùy theo sự phát tâm của họ trên đường đạo.

10/ Lá linh phù này hoàn toàn linh hiển, phải thực tâm thành kính và chớ khéo dị nghị sẽ không tốt cho người giởn cợt.



CHƯƠNG I

KHÁI NIỆM VỀ MẬT GIÁO

CHƯƠNG I:

KHÁI NIỆM VỀ MẬT GIÁO

Vì sao phái này có danh xưng là Bí Mật Phật giáo, lược gọi là Mật Giáo? Có những lý do sau đây:

I. GIÁO CHỦ BÍ MẬT:

Vị giáo chủ của tông phái này không phải là Đức Phật Thích-ca như một số người làm tưởng mà chính là Pháp Thân của Đức Thích Tôn, tự là Đức Đại Nhật Như Lai hay còn gọi theo Phạn âm là Đại Tỳ-lô-giá-na Phật. Nhưng Đại Nhật Như Lai hay Đại Tỳ-lô-giá-na Phật (MAHAVAIROCANA) là vị nào? Các tông phái Đại-Thừa cũng như Mật giáo đã giải thích Phật có đến 3 thân: Pháp-thân, Báo-thân, Ứng-thân.

1. Pháp-Thân-Phật: Theo tiếng Phạn là VAIROCANA BUDDHA thường được dịch là Đại Nhật Như Lai, biểu tượng nhân cách cho Pháp Thân của chân lý vốn sáng rực rõ như mặt trời hư không bao la. Ngài ngự ở thế giới HOA TẠNG TRANG NGHIÊM (KUSUMATALA). GARBA. VYUHALAMKARA. LOKADHATU) thế giới được kết dệt bằng một ngàn cảnh hoa sen. Trong truyền thống Đại-thừa, những kinh điển siêu việt tri kiến như HOA NGHIÊM (AVATAMKARA), PHẠM VÕNG (BRAHMAJALA) đều do ngài giảng thuyết, mà chỉ có bậc Đại-Bồ-tát mới nghe và thấy Đức Phật hiện thân của chân lý này. Quốc độ của ngài được gọi là THƯỜNG TỊCH QUANG TỊNH ĐỘ.

Mặc khác, Pháp-thân (DHARMAKAYA) còn là tự thể của hết thảy chư Phật và chúng sanh. Do Pháp-thân mà các



*Pháp Thân Phật hay Đại Nhật Như Lai
hay Đại Tỳ-lô-giá-na Phật
(Mahavairocana)*

pháp có thể xuất hiện. Không Pháp-thân sẽ không có thể giới, theo nghĩa này Pháp-thân là bản thân yếu tính của hết thảy mọi loài, đã có từ trước. Pháp-thân là Pháp Tánh (DHARMATA) hay Phật-tánh (BUDDHATA). Cũng vì đó có Thiền Sư đã nói “Pháp-thân chân thật của Phật như hư không, ứng vật hiện hình như trăng lồng bóng nước” hoặc “Trúc biếc xanh xanh đều là Pháp-thân, hoa vàng rậm rạp chính là Bát-nhã”. Như vậy Pháp-thân của Mật Giáo phù hợp với nền tảng đạo lý của các tôn giáo khác. Nền tảng đạo lý của tất cả các tôn giáo chính là chân lý của chân lý (satyasya satyan; The Truth of Truth). Tất cả triết lý tôn-giáo đều qui kết về một kiến giải duy nhất đó là minh kiến về nguyên lý nền tảng của tất cả vũ-trụ. Nguyên lý đó là năng-lực huyền diệu của tất cả vũ-trụ, là nguyên lý của trời đất, đồng thời cũng là năng lực huyền diệu nắm kín trong tâm thức con người. Vì không thấy được nguyên lý đó nên con người mới trở thành đau đớn, khổ lụy và trôi nổi. Muốn giải phóng thân phận mình, muốn được giải thoát, con người phải đồng hóa, thể nhập với nguyên lý đó. Khám phá ra nguyên lý trong con người và vũ trụ, thể nhập làm một với nguyên lý ấy, đó là nền tảng của tất cả triết học của tôn giáo, đó là căn bản của tất cả khoa học. Làm thế nào để nhận thấy và thể nhập là một với nguyên lý đó? Câu hỏi này đã được mỗi một tôn phái triết học trả lời bằng những phương tiện khác nhau, nhưng tất cả các phương tiện khác nhau ấy đều dẫn về nền tảng duy nhất là một thái độ sống phù hợp với Đạo, với chân lý. Nguyên lý đó là thực tại tối cao, tối hậu mà triết học VEDANTA gọi là BRAHMAN, Thiên Chúa Giáo gọi là Thiên Chúa, Hồi Giáo gọi là ALLAH, Do Thái gọi là JEHOVAH, người Việt gọi là Ông Trời, Mật Tông gọi là Pháp Thân hay Đức Phật Đại Nhật, một số khác gọi là Đại Linh Quang v.v....

2. Báo-Thân-Phật: (SAMBHOGAKAYA) cũng gọi là Thọ-Dụng-Thân, là bản thân tâm linh của các Bồ-tát, được Bồ-

tát thọ dụng như là kết quả do tu tập các Ba-la-mật. Các ngài tự mình thành tựu điều này tùy theo định luật nhân quả trên phương diện đạo đức và trong đây các ngài giải trừ tận vẹn tất cả những sai lầm và ô nhiễm, thành tựu công đức tu hành trải qua ba đại kiếp mà được.

3. Hóa Thân Phật hay Ứng Hóa Thân hoặc Biến Hóa Thân (NIRMANAKAYA) phát sinh từ Đại bi-Tâm (MAHAKARANA) của chư Phật và Bồ-tát. Bằng lý thể của Đại Bi mà các ngài hướng tới chúng sanh, các ngài không bao giờ thọ dụng những kết quả các hành vi đạo đức của mình. Chỉ guyên thiết tha của các ngài là chia sẽ những kết quả này cho tất cả chúng sanh. Nếu có thể thay thế kẻ phàm phu chịu khổ não, Bồ-tát thực hiện ngay. Nếu kẻ phàm phu có thể được giác ngộ do Bồ-tát hồi hướng công đức của mình cho, ngài sẽ thi hành tức khắc.

Bồ-tát hồi hướng và chịu khó thay cho chúng sanh nhờ biến-hóa thân của ngài. Do đó trong tính cách không gian, Bồ-tát chia thân mình thành trăm nghìn ức vô số thân. Ngài có thể hóa thân làm những loài bò bay máy cưa, làm Thánh, làm Ma Vương, nếu ngài thấy đó là cơ duyên thích hợp để cứu vớt thế gian ra khỏi kiềm tỏa của vô minh, phiền não và đủ mọi thứ ô nhiễm, bất tịnh. Để có thể hiểu ý niệm Hóa thân, xin trích ra đây vài mẩu chuyện sau:

–Trong văn học Nhật Bản thường truyền tụng Bồ-tát Phổ Hiền hóa thân làm kỳ nữ. Sử chép người kỳ nữ ở đây là nàng Eguchi cùng thời với thiền sư Tây Hành (SAIGYO), một thi tăng dưới thời KAMAKURA. Khi Tây Hành, trên đường du thực đến vùng ở gần OSAKA, bấy giờ trời tối và không có nhà tá túc qua đêm. Sư đến kêu công Eguchi. Nàng từ chối không tiếp vì nhà chỉ có riêng mình. Tây Hành làm một bài thơ đưa vào:



Samantabhadra (Tây-Tạng)



Fugen (Nhật Bản)



P'u Hien (Trung-Hoa)

Đại Hạnh Phổ-Hiền Bồ-tát

“Khi tôi chưa bở cõi đời
Tim nàng cùng nén rắn
Giờ sao hắt hủi tôi
Chỉ một đêm tràn gian huyền mộng.”

Cử chỉ của nàng thật ra là nghĩa cử tốt đói với nhà thơ, không phải muốn làm khó dễ mà vì muốn bảo vệ danh tiếng của ông. Nữ thần biến mất. Nhà sư vân du này nghe tiếng vọng tuyệt vời của người phụ nữ lướt trên những ngọn sóng YODO (ĐINH XUYÊN). Lúc sur vừa nghe tiếng nhạc như bay bổng lên trời, sur nhìn thấy Đức Phổ Hiền ngự trên voi trắng có những tiên nữ tùy tùng, biến mất vào giữa đám mây lành rực rõ.

–Ở Trung Hoa cũng thường thường truyền tụng chuyện Quan Âm Hóa Ngư Lam. Đời Đường, trong niên hiệu Nguyên Hòa (806-820), vì muốn hóa độ dân chúng vùng Thiểm Hữu, Đức Quan Âm làm một thiều nữ đẹp. Có nhiều thanh niên rắp ranh bắn sét. Nàng ra điều kiện: “Nếu các anh, ai học thuộc kinh Quan Âm nội trong một buổi chiều, tôi sẽ làm vợ người đó”. Sáng hôm sau, có 20 ứng viên đã học thuộc lòng kinh đó. Nhưng nàng lại nói không thể làm vợ nhiều người cùng một lúc như thế. Vậy ai có thể học thuộc kinh Kim Cang nội trong một đêm? Mười người trúng tuyển. Phải thi nữa. Lần này họ được ra điều kiện học thuộc bộ kinh Pháp Hoa gồm 7 quyển trong 3 ngày. Chàng họ Mã là người duy nhất trúng tuyển. Nàng hứa làm vợ chàng. Khi hôn lễ đã được sửa soạn chu đáo, thiều nữ bỗng ngã bệnh, dung nhan tàn tạ hư hoại, rồi chết ngay trước mặt các tân khách. Sau đó, một nhà sư dự lễ tang, thấy xương của nàng trở nên vàng ròng, sư mới nói với họ: Nàng không phải là người phàm. Do phuơng tiện (UPAYA) của Bồ-tát mà nàng hiện thân cho họ thấy. Đó là cho họ nghĩ đến chánh pháp để đừng làm các tội ác. Nói xong, sư bay bổng lên không.



Avalokitesvara (Tây-Tạng)



Kannon (Nhật Bản)



Kwan Yin (Trung-Hoa)

Đại Bi Cứu-Khổ Cứu-Nạn Quang Đại Linh Cảm Bạch Y Quán
Thê Âm Bồ-tát

–Một lần khác Đức Quán Tự Tại xuất hiện vào lúc Huyền Trang đang trên đường đi Ấn-độ. Huyền Trang được dạy đọc “Bát-nhã Tâm kinh”. Mỗi khi gặp những gian nan và tận khổ vì bị bao phủ trong tuyết lạnh, bị thối cuốn bởi những cơn gió lốc ào ạt và bị thú dữ thường xuyên đe dọa. Bồ-tát hiện thân làm một nhà sư bệnh hoạn, đọc bài kinh và chú Bát-nhã để trấn an nhà sư chiêm bái vĩ đại này của Trung Hoa. Sư thành tín tuân theo lời khuyên và cuối cùng nhờ đó đã có thể bình an đi tới vùng đất tâm nguyện.

Về thuyết tam thân của Phật giáo, các tông của Hiển Giáo luận rằng Đại Nhật Như Lai là Pháp Thân nên không có hình tướng và không thuyết pháp, chỉ có Bảo Thân và Ứng Thân như Đức Phật Thích-ca mới có hình tướng và nói Pháp. Trái lại, Mật Giáo cho rằng: Chính Pháp Thân Phật thường trụ thuyết pháp nhưng vì thính chúng không có tai để nghe, không có mắt để thấy và thiếu trí để hiểu. Tam Mật của Đức Phật sẽ vĩnh viễn là bí mật, nếu không có phương tiện để dẫn độ. Một phương tiện dẫn độ như vậy phải bắt đầu từ “Gia Trì Lực” (AD-HISTANA) chứ không do nỗ lực hữu hạn của hành giả.

II. ADHISTANA:

Hán văn thường dịch là Thần Lực, Uy Lực hay Gia Trì Lực. Nó là năng lực, ý lực, tâm lực ở nơi một nhân cách lớn, người hay trời. Khi còn ở trên bình diện Trí (JNANA), thế giới không có vẻ thực chút nào, bởi vì hiện hữu hư huyền của nó mà trí soi thấu quá đậm màu sương khói. Nhưng khi tiến tới khía cạnh ADISTHANA của Bồ-tát Đạo chúng ta cảm thấy dường như mình đang nắm chắc cứng và vững. Đây là chỗ mà đời sống thực sự bắt đầu có ý nghĩa. Sống không còn là nhận định mù quáng của một thúc bách ban sơ vì ADISTHANA là một

biệt danh của PRANIDHANA (Nguyên), hay nó chính là sức mạnh tâm linh tuôn ra từ “Nguyên” cùng với “Trí” tạo thành tinh thể của Bồ-tát Đạo. Sức gia trì không phải chỉ là sức mạnh muôn tự cung cố để loại ra những cái không phải nó. Đằng sau nó luôn luôn có một vị Phật hay một Bồ-tát, có con mắt tâm linh soi thấy bản chất của vạn hữu và đồng thời có chí nguyện hộ trì nó. Chí nguyện hộ trì chính là tình thương yêu và lòng hoài bão cứu vớt thế gian khỏi những mê hoặc và ô nhiễm. PRANIDHANA (Bản Thể) là chí nguyện, là tình yêu, là hoài bão, được gọi là Vô Tận Tạng (AKSAYA).

Trí và nguyên là những yếu tố thiết định Bồ-tát Đạo hay Phật Đạo thì cũng vậy. Nhờ trí, chúng ta như leo lên đỉnh trời Tam-Thập-Tam-Thiên, rồi khi ngồi trầm mặc mà quán sát hạ giới và những hành vi của nó, thấy chúng tỳ hò như những đám mây chuyển động dưới chân mình, chúng là những khói quay cuồng của vọng động, nhưng không đụng chạm đến kẻ đang ngồi ở bên trên. Thế giới của Trí thì trong sáng và vĩnh viễn an lành. Nhưng Bồ-tát không trụ mãi trong cảnh trầm mặc thiền thu ở bên trên cái gian vì đây đầy những sai biệt nên có những phán đấu và đau khổ, bởi vì tim của ngài đau đớn khi nhìn cảnh tượng này. Bấy giờ ngài quyết định bước xuống giữa những giông tố của cuộc đời. Bản nguyên (PRANIDHANA) đã lập, uy lực (ADHISTANA) của ngài được gia cho những ai hướng về ngài, và mọi phương tiện (UPAYA) được tạo ra để dựng đứng dậy những ai cảm đầu vào trong mông muội và bị đắm chìm trong cảnh khổ tột cùng. PRANIDHANA như là một khía cạnh của ADHISTANA, như thể là cái thang dẫn xuống, hay sợi dây nối liền giữa Bồ-tát (BODHISATTVA) và chúng sanh (SARVASATTA). Từ đó sinh ra hóa thân (NIRMANAKAYA), một thuật ngữ mà trong nhiều kinh điển Đại thừa cũng gọi là VIKURVITA, tức Trang Nghiêm Thần Biển.

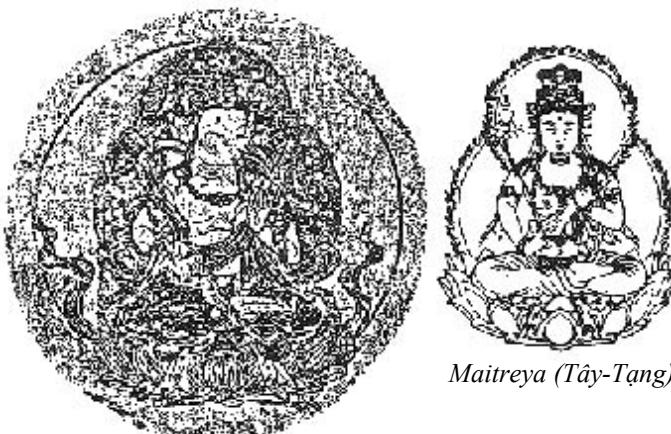
Gia trì được nhắc đến trong “GARDAVYAUHA” hay “AVATAMSAKA” cả hai được hiểu chung là “HOA NGHIÊM KINH” ở Trung-Hoa. Theo truyền thuyết, kinh được nói lúc Phật thâm nhập thiền định ngay sau khi vừa thành đạo. Bản Phạn GANDAVYUHA tường thuật kỹ cuộc hành trình của Thiện Tài Đồng Tử (SUDHANA), dưới sự chỉ đạo của Bồ-tát Văn Thủ. Thiện Tài đi cầu đạo vô thượng, trải qua từ vị thầy này đến vị thầy khác có trên 50 vị lãnh đạo tinh thần, mục đích là học Bồ-tát Hạnh. Sau cùng khi Thiện Tài khẩn cầu Bồ-tát Di-Lạc (BODHISATTVA MAITREYA) giảng dạy cho, Bồ-tát tán dương Thiện Tài đã có quyết tâm tìm cầu đạo lý cứu cánh của Phật pháp.

Bồ-tát Di-Lạc mở cửa lầu các “Tỳ Lô Trang Nghiêm” bằng cách khảy móng tay, Thiện tài hết sức hăm hở bước vào. Được gia trì bởi uy lực của Bồ-tát Di-Lạc, Thiện Tài thấy một quang cảnh hiện ra trước mắt, Lạ thay!

“Lầu các rộng rãi bao la cũng đồng như hư không. Mặt đất được lát bằng vô số cẩm thạch đủ loại và ngay giữa lầu các có vô số cung điện làm bằng bảy báu. Lại có vô số phuóng, lộng, lưới, màn buông; vô số chuông, hoa, chim, cây báu... tất cả đều cực kỳ trang nghiêm. Trong lầu các, cũng huy hoàng tráng lệ như lầu các chính. Ở đây, không có gì cản trở lầu các này hỗn nhập lầu các nọ, riêng và chung, hỗn giao toàn diện. Một lầu các bao hàm tất cả và tất cả bao hàm một.

Thiện Tài còn tự thấy mình có trong tất cả các lầu, đồng thời thấy đủ các cảnh giới tự tại bất-khả tư-nghì về cuộc đời của Bồ-tát Di-Lạc. Tức là thấy Bồ-tát Di-Lạc vừa mới phát tâm cầu chứng Vô thượng Bồ-đề... chứng các Trụ-Địa... được Như Lai thọ ký cho Vô thượng Bồ-đề... lúc nào và ở đâu.

Thiện Tài lại thấy trong mỗi lầu các, Bồ-tát được một vị thế-giới chủ khuyến-thỉnh dùi dắt hết thảy chúng sanh tu hành



Maitreya (Tây-Tạng)

Miroku (Nhật Bản)



Mi Lo Fu (Trung-Hoa)

Bồ-tát Di-Lạc

thập thiện; được một vị hộ-thế khuyển-thỉnh làm lợi ích cho hết thảy chúng sanh; được Đế-Thích (SAKRA) khuyển-thỉnh quở trách những bẩn năng khát dục của chúng sanh; được Phạm-Thiên khuyển-thỉnh mà tán dương vô lượng phuước báo của hạnh thiền định; được trời Dạ-ma (YAMA) khuyển-thỉnh mà tán dương vô lượng phuước báo của hạnh nghiệp-tâm; được trời Đâu Suất (TUSITA) khuyển-thỉnh mà tán dương các công đức của Bồ-tát sẽ thành Phật trong một đời nữa, được trời Hóa Lạc (NIRMITA) khuyển-thỉnh mà hiện các biến hóa thân cho Thiên chúng thấy; được trời Tha-Hóa-Tự-Tại (VASAVARTIN) khuyển-thỉnh mà diễn thuyết Phật-Pháp cho những chư Thiên tùy tùng.

Thiện Tài thấy, hoặc Bồ-tát Di-Lạc hiện thân làm Ma Vương mà thuyết hết thảy các pháp đều vô thường, hoặc vì Phạm Vương mà thuyết thiền định, vô lượng hỉ và lạc; hoặc vì A-tu-la (ASMA) mà lặn vào biển Đại Trí để biết rằng hết thảy pháp vốn như huyền, giảng cho A-tu-la vương và quân đội A-tu-la hãy đoạn trừ hết thảy kiêu mạn, cuồng ngạo và say sưa. Hoặc Bồ-tát phóng Đại-Quang-Minh vào cõi chết để cứu vớt chúng sanh khỏi các khổ não của địa ngục, hoặc thấy Bồ-tát ở thế giới ngạ quỷ bô thí các ảm thực để cứu rỗi sự đói khát của chúng ngã quỷ, hoặc thấy Bồ-tát trong cõi súc sanh đặt đủ các phương tiện để điều phục chúng, hoặc thấy Bồ-tát giảng pháp cho chúng hội chư Thiên ở trong các cõi trời Hộ-Thê, trời Đâu-Suất, trời Dạ-Ma, trời Hóa-Lạc, trời Tha-Hóa-Tự-Tại và trời Đại-Phạm; giảng cho các chúng hội Long Vương (NAGA), Dạ-xoa (YAKSA), La-sát (RAKSA), Càn-thát-bà (GANDHARA), A-tu-la (ASURA), Ca-lâu-da (GARUDA), Khẩn-na-la (KINNARA), Ma-hầu-la-già (MAHARAYA), Nhân (MANUSYA) và Phi-nhân. Hoặc thấy Bồ-tát giảng pháp cho các chúng hội Thanh-Văn (SRAAVAKA), Duyên-Giác (PRATYEKABUDDHA), Bồ-tát (BODHISATTVA) từ mới phát tâm cho tới địa vị cứu

cánh... Hoặc thấy Bồ-tát Di-Lạc, cùng với các Bồ-tát sẽ thành Phật trong một đời nữa, tán dương môn Quán Đảnh (ABHISEKHA) của hết thảy chư Phật. Lại thấy Bồ-tát nhập Tam-Muội mà thị hiện các năng lực thần biến.

Thiện Tài lại thấy một tòa lâu các đặc biệt cao rộng và trang nghiêm huy hoàng nhất, tráng lệ vô song, ở giữa hết thảy những tòa lâu các được nhìn thấy bên trong lâu các Tỳ-lô-giá-na. Trong tòa lâu các vô ti này, Thiện Tài thấy cả tam thiên thế giới trong chớp mắt, gồm cả trăm úc cõi trời Đâu-Suất (TUSITA) và trong mọi thế giới đó lại thấy Bồ-tát Di-Lạc giáng trần đản sinh. Đề Thích, Phạm Thiên và các thiên thần đang kính lể Bồ-tát...

Thiện Tài lại thấy có vô số Bồ-tát trong vô số thế giới, đang đi hay ngồi, đang làm các công việc, đang mở rộng lòng từ bồ thí, đang viết các luận làm lợi ích chúng sanh, đang thọ trì các luận với sư trưởng, đang hộ trì các luận cho những thế hệ tương lai, đang sao chép, đang tụng đọc, đang hỏi han, đang sám hối mỗi ngày ba thời và đang hỏi hướng phước báo cho giác ngộ, hoặc đang lễ bái vì hết thảy chúng sanh... Lại thấy vô số mặt trời, mặt trăng, tinh tú, đủ loại tinh hà, sáng tỏ cả mười phương.

Lại thấy Bồ-tát Di-Lạc, như đã từng tu các hạnh Bồ-tát trong quá khứ, hoặc thấy bố thí thân hay hết thảy sở hữu. Ngài giải thoát những ai bị giam giữ trong tù ngục, Ngài cõi tha những ai bị trói buộc, Ngài chữa trị những bệnh tật, dắt dẫn những ai lạc lối đến con đường thẳng. Khi làm thuyền trưởng, Ngài giúp mọi người vượt qua biển cả. Khi làm phu xe, Ngài đưa mọi người qua những hiểm nạn; khi làm một Đại-Hiền-Triết, Ngài giảng đủ các luận; khi làm một hoàng đế, Ngài tu hành thập thiện và khuyến dạy mọi người cùng hành theo, khi còn là một y-sĩ, Ngài cứu chữa đủ các chứng bệnh. Đối với cha mẹ, làm một người con hiếu, đối với bằng hữu làm một người bạn trung tín.

Sở dĩ Thiện Tài được thấy vô số những thần thông biến hóa bất khả tư nghị vì đã được con mắt thanh tịnh của Bồ-tát đã vào Sơ địa và nhất là nhờ năng lực gia trì của Bồ-tát Di-Lạc.

Như vậy theo thuật ngữ của Phật giáo Đại thừa, gia trì lực là năng lực bí mật phát khởi từ Chư Phật và Chư Tôn Bồ-tát có thể được bộc lộ qua thân, khẩu, ý của chúng sanh bằng các phương tiện dẫn độ của Mật Giáo: Phép Quán Đánh. Nhờ phép bí nhiệm này, chúng sanh sẽ lần lượt biết được cảm ứng toàn vẹn của Đức Phật và từ đó chúng sanh đạt được kết quả “Phật trong ta, ta trong Phật”, và chúng sanh mới có thể tu tập và chứng được Phật quả ngay nơi nhục thân này.

Thế nên mạt Tông cho rằng có đến 2 loại giáo pháp: Hiển Giáo và Mật Giáo. Những lời dạy bảo của ứng và hóa thân như Đức Phật Thích-ca thì tùy theo căn cơ của từng chúng sanh mà chỉ dạy lần. Đó tức là những pháp môn quyền thiêt của Hiển Giáo. Còn Mật Giáo là những pháp môn màu nhiệm, bí mật mà những vị Bồ-tát nhờ trí tuệ sáng suốt, mới cảm thông và thọ lãnh được với Pháp thân Phật, nhờ ngài Bồ-tát Kim Cang Tát-dỏa nhờ phép “Quán Đánh” mà thừa tiếp phép màu nhiệm của Đức Phật Đại Nhật.

III. PHÉP QUÁN ĐÁNH (ABHISEKHA):

Theo thông tục ở Ân “Quán Đánh” là dùng nước rưới lên đầu. Như vị Thái Tử khi thọ phong vương vị, vua cha dùng nước bốn biển hay nước ở bốn sông lớn, đựng ở trong 4 chiếc bình quý rồi tuần tự rưới lên đánh của kẻ thọ chức. Kế đó lại xướng lên 3 lần, đại ý nói kẻ đó đã thọ chức xong và sẽ cai trị bốn phương thiên hạ.

Theo Mật Giáo, “Quán” là dùng nước đại bi hay ánh sáng đại bi của chư Phật mà gia bị. “Đánh” có nghĩa là tăng thượng, là khiến cho ta bước lên địa vị cao. Phương pháp Quán Đánh

của Mật Giáo, chính là một trong những phương tiện dẫn độ để hành-giả tiếp nhận được năng lực giác tri của Phật và Chu Tôn.

Có nhiều cấp bậc “Quán Đánh”.

1. Tho Minh Quán Đánh. Có nghĩa là vị đệ tử, lúc theo vi A-xà-lê để thọ học pháp tam mật thì được làm lễ quán đánh và kẻ áy từ đây đã kết duyên với Phật đạo, nghiệp-chướng lần lượt sẽ tiêu trừ.

2. Sư Nghiệp Quán Đánh. Tức là thọ nhận đầy đủ các chi phần quán đánh của Mật Giáo để lên ngôi “Quán Đánh Sư”. Kinh Đại Nhật viết “Này Bí-Mật vương! (*Kim Cang Thủ Bồ-tát*), vị A-xà-lê kia nếu thấy chúng sanh kham làm pháp khí:

- Có sự tin hiểu sâu rộng
- Xa lìa trần cầu
- Mạnh mẽ siêng năng
- Thường nghĩ đến việc lợi tha

Nếu gặp người hội đủ bốn điều kiện trên, vị A-xà-lê nên tự đến khuyển phát mà bảo rằng: “Này Phật-tử! Đạo pháp Đại-thừa chân ngôn đây, ta vì bậc đại-thừa cẩn khí mới khai-diễn, ông nên dùng trí tuệ phương tiện để thành tựu, tất sẽ chứng được đạo quả.”

Kinh Kim Cang Đánh cũng nói: “Vị A-xà-lê nếu thấy người có thể làm pháp khí, chất trực hòa nhã, trí tuệ sáng suốt, lòng tin bền chắc tuy kẻ đó không cầu pháp và vào đạo tràng, vị “Quán Đánh Sư” nên kêu mà bảo rằng: Ngày Thiện Nam Tử! Nghi thức bí tạng mật ngữ của Đại thừa khó được nghe, ông muốn thành tựu trí tuệ chân thật của Như-Lai, phải một lòng tu hành pháp này, tất sẽ chứng được Nhất-Thế Chứng-Trí”.

3. Bí Án Quán Đánh. Vì thời gian gấp rút, vị A-xà-lê không kịp làm đủ các phép Quán Đánh, chỉ đem bí ẩn của ngôi A-xà-lê mà truyền thọ cho đệ tử. Khi trao bí ẩn này, chư Phật đều dùng tay mà xoa đầu người được truyền thọ.

4. Cam Lồ Quán Đánh. Lúc làm phép này vị A-xà-lê dùng nước đựng trong 5 chiếc bình rưới lên đánh đệ tử. Chu Như Lai cũng ứng theo đó dùng cam lồ trí thủy để gia bị cho người thọ pháp. Khi làm phép này, tội chướng của kẻ đệ tử liền được tiêu trừ và lần lượt sẽ được quả giải-thoát của Chu Phật.

IV. CÁC KÝ HIỆU TẠO PHÁP THUẬT: ĐARANI – PHÁP ÂN – LINH PHÙ

1. Đarani: Có nghĩa là trì (*giữ*), tổng trì (*giữ tất cả*) hay năng trì (*khả năng gìn giữ*). Gìn giữ ở đây là gìn giữ mọi thiện duyên, thâu hoạch những pháp lành, bảo vệ những chủng tử tốt. Bền tâm vững chí trước mọi thử thách của kiếp này cũng như của những kiếp sắp đến là ý nghĩa chánh của chữ Đarani. Đarani còn có một ý nghĩa khác là năng già: Có sức che láp những chủng tử xấu, những điều chẳng lành, mọi ác niệm đều bị chặn đứng không thể khởi xa được. Đarani như vậy là một trợ lực, một phương tiện thiêng xảo giúp chúng ta tham thiền dễ dàng khỏi bị vọng-động. Đarani có 4 loại:

- Văn Đarani: Giúp chúng ta luôn nhớ đến Phật pháp.
- Nghĩa Đarani: Giúp chúng ta nhớ nghĩa lý của Phật pháp.

-Chú Đarani: Hay chọn ngôn giúp chúng ta trừ khử các sự độc ác cùng với mọi phiền não chướng hay sở tri chướng. Chú Đarani thường đi chung với Pháp-Ân và Linh-Phù. Đarani là ngữ mật, Pháp-Ân là thân mật, còn Linh-phù là ý mật.

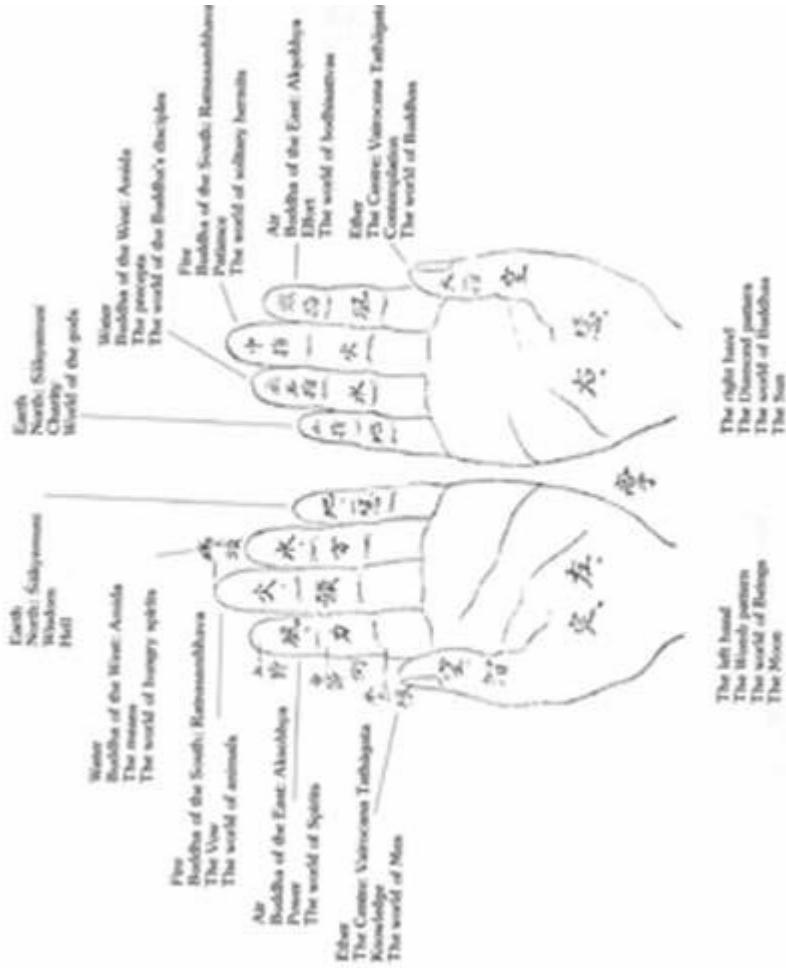
-Nhân Đarani: Hay Đarani cao nhất của Mật Giáo, chính ngay minh biến thành thật tướng của các pháp: nhẫn-nhục, an-trụ, thân-tâm siêu thoát, ở đây phương tiện Đarani đã biến thành cứu cánh Niết-bàn.

Chú và Nhân Đarani là phương tiện của Mật Giáo, còn Văn và Nghĩa Đarani là phương tiện của Hiển Giáo.

Người tu theo Mật Giáo, Khẩu thì đọc những câu chơn ngôn. Chú Đarani có sức huyền diệu vô cùng tận, vốn của chư vị thành đạo, Phật, Bồ-tát, và các Thánh Thần truyền trao cho loài người. Chơn ngôn tông rất chú trọng về huyền lực của những câu chơn ngôn, tức là câu phép tóm tắt và yếu lược. Đarani gốc ở Thiên-Truóc, được lưu truyền từ ngàn xưa. Người ta không dịch chú Đarani ra tiếng bản xứ, e mất sức mạnh đi, nên cứ theo tiếng Phạn mà đọc. Người ta gom vào một câu niêm các sức linh hoạt nhiệm mầu trong vũ trụ. Phật nhở hoàn toàn tinh thông nên ra công thu nhặt và sắp xếp các sức linh ấy mà truyền trao cho tín đồ. Ngoài ra chú còn là những kí hiệu, lời hứa khả của chư vị Phật-Thánh đã lập nguyện độ sanh cho những ai phát tâm chí thành trên đường đạo đức. Đó là những nguyện lực mà các Ngài đê lại trước khi tịch diệt. Ai đọc trúng những biểu hiệu đó và có tâm ý thực hiện theo hạnh đạo của các Ngài, các Ngài sẽ gia trì sức linh ấy đến hỗ trợ và ủng hộ cho. Người ta niêm chơn ngôn để cầu thỉnh Phật-Thánh hộ niêm gia trì và triệu thỉnh chư vị thần linh, sứ giả của Phật Thánh đến để giúp mình trong những dịp cần yếu.

2. Pháp Ân (YANTRA). Về thân, bàn tay bắt thành Pháp-Ân làm cho nhà Đạo mật tiếp với Phật-Thánh và tạo được huyền năng pháp thuật mạnh mẽ vô cùng. Kẻ bắt tay Ân cũng ví như thâu càn-khôn vào tay mình: Ngón cái chỉ về không gian. Hư không, ngón trỏ. Ngón giữa, lửa. Ngón áp-út, nước. Ngón út chỉ về đất.

Biết niêm chơn ngôn và bắt Ân thì kết quả không thể nào sai chạy. Chữ Ân người Phạn dịch là “Sceau”, con dấu. Ân là quyết định xong rồi, cũng nhu kẻ đã quyết định, ký tên và đóng dấu vào tờ hiệp-ước. Có nhiều cách bắt Ân khác nhau và mỗi đạo Ân có một công dụng riêng, tùy theo sở cầu của nhà đạo mà ám tay quyết. Có khi một tay Ân mà dùng nhiều việc. Từ



việc lớn đến việc nhỏ và bất kỳ giờ nào, dùng Ân và niêm chon ngôn cũng được hết. Gặp kẻ hung bạo Ân mà trừ. Có yêu quái tà mị, Ân mà đuổi. Xẩy ra nạn rủi, Ân mà thoát. Triệu thỉnh quý-thần Ân mà gọi. Mong ước điều chi Ân mà xin. Thức dậy, ăn uống, mặc áo, đi đứng, tụng kinh, nhà đạo cũng dùng Ân và Chú nguyện cho mình và chúng sanh.

THE MUDRAS OF RITUAL

Some of the mudras of the Fire ritual (Gomā). From the Shi-do-in-zu.



328: Phát Chuồng Ân.

329: Dàn Chỉ Ân.

330: Khú Hậu Ân.

331: Thanh Tịnh Ân.

332: Quang Trì Ân.

333: Thủ Ma Chiết Nguyệt Ân.

334: Linh Pháp Cửu Trụ Cú Ân.

335: Kinh Giác Ân.

336: Phương Tiện Ân.

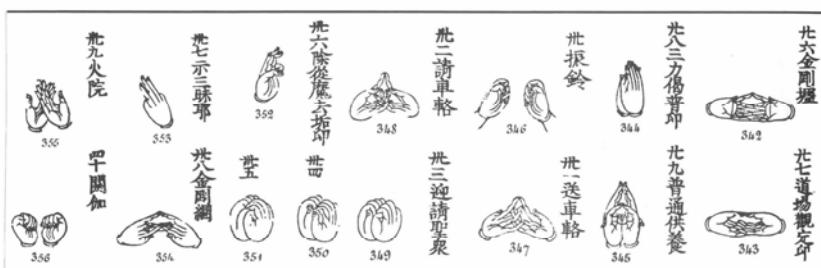
337: Phật Bồ Tam Ma Da Ân.

338: Liên Hoa Bồ Tam Ma Da Ân.

339: Kim Cang Bồ Tam Ma Da Ân.

340: Hộ Thân Tam Ma Da Ân.

341: Địa Kết Ân.



342: *Kim Cang Trì Ān.*

343: *Đạo Tràng Quan Định Ān.*

344: *Thân Cúng Đường Ān.*

345: *Phổ Thông Cúng Đường Ān.*

346: *Chán Linh Ān.*

347: *Tóng Xa Lạc Ān.*

348: *Thỉnh Xa Lạc Ān.*

349, 350, 351: *Nghinh Thỉnh Thành Chúng Ān.*

352: *Trù Tùng Ma Khí Hậu Ān.*

353: *Thị Tam Ma Da Ān.*

354: *Kim Cang Võng Ān.*

355: *Hỏa Viên Ān.*

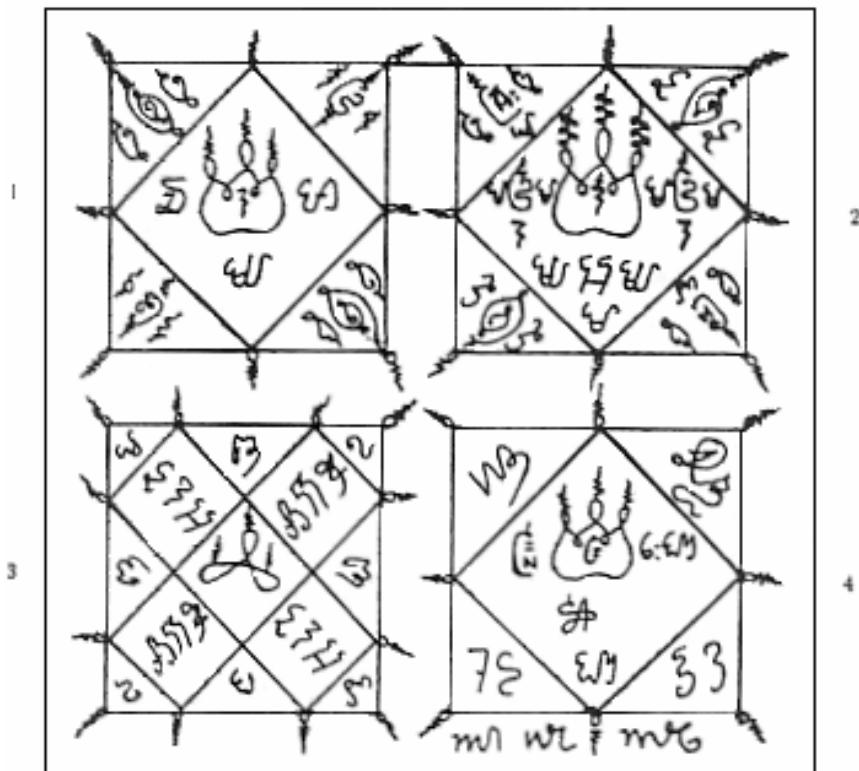
356: *Ān Cầm Cú.*

3. Linh phù. Về ý thì tham thiền. Nhờ tham thiền nhà Đạo hiểu những luật vĩ đại trong trời đất. Người sắp xếp những luật ấy theo trật tự của chúng nó, làm ra linh phù, định đặt các phép và bài trí ăn khớp với các sức mạnh tự nhiên chung quanh ta từ lớn chí nhỏ.

Linh phù theo con mắt của kẻ bất tín là một sự dị đoan, theo người thiện niệm là một vũ trụ thu hẹp mà nơi ấy Đức Đại Nhật Phật ngự trên trước và ở trung tâm và xoay vần chung quanh là chư vị Thánh, Thần hồn cặn theo Ngài.

Thấy linh phù tức là thấy biểu tượng của Phật, bao giờ tu tưởng về Phật cũng ở luôn nơi mình. Nhờ có đức tin đối với các vị thờ trong linh phù, nhờ lời cầu nguyện và khấn xin, nhờ hoài bão học tập theo hạnh lành của Phật Thánh; sức linh của chư vị sẽ biểu hiện nơi mình, bây giờ nhà Đạo muôn chi cũng được và thực hiện được nhiều việc kỳ bí thần thông để cảm hóa chúng sanh. Những bậc tu theo linh phù cần phải dày công nghiên cứu và tham thiền về nó, vì đây là một môn học rất rộng và khó khăn. Cho đến mấy vị cao tài về Chơn Ngôn cũng chưa dễ thông suốt hết các đạo linh phù.

Đarani, Pháp-Ân, Linh-Phù là những phương tiện thiện xảo, những kí hiệu mật truyền để tạo pháp thuật nhiệm màu, nói chung là dùng để giữ gìn thiền pháp và ngăn ngừa ác pháp. Nhà học đạo thấu được ý nghĩa của Đarani, Pháp Ân và Linh Phù thì tay bắt ân, miệng đọc chú, ý quán tưởng linh phù thì thấy được ba cái mật: thân mật, khẩu mật, ý mật và hành theo 3 cái mật đó mà giữ mình và cứu đời. Người còn truyền dạy cho hàng đệ tử nữa. Trong lúc hành 3 cái mật đó, nhà Đạo có thể ở vào một cảnh với Phật là cảnh Bồ-đề và đạt được nhiều quyền năng pháp thuật nhiệm màu và thông đạt được ý nghĩa của Phật trong ta, ta trong Phật tức là hiệp một với Thượng Đế trong phép nhập định Du-già của Mật Giáo.



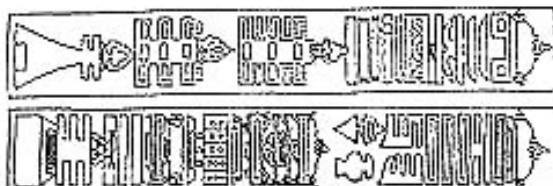
-Đây là hai lá Khăn Ân của Mật Tông Phật giáo Nam Tông. Có giá trị như là một Đại Linh Phù hộ mạng, may mắn, hạnh phúc, trừ tà và tiên triển tâm linh (Hình 1 và 2).

-Đây là lá Phép hội dùng để vô kim có giá trị trừ tất cả êm đới, thư phù và các tai họa do chư Thiên tác hại (Hình 3).

-Đây là lá Phép của tông phái chư vị Năm Ông (Năm Phương Phật và Năm Đạo Bình Trời) dùng để tĩnh tâm tham thiền (Hình 4).



*Lá cờ Phép, một loại Linh Phù đem lại sự may mắn
cho sức khỏe, thể xác, đời sống và tinh linh.*



Linh Phù dùng để tăng thêm tuổi thọ



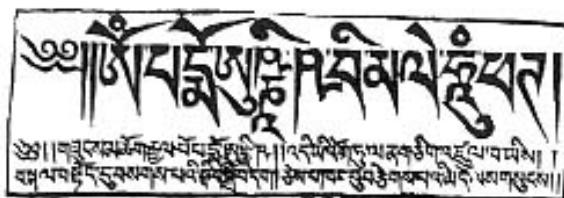
*Linh Phù dùng để ngăn ngừa trộm
cướp và các loại thú dữ*



Linh Phù trừ bệnh quỷ ám



Linh Phù Hộ mạng Tam Đin



Linh Phù này có công năng bảo vệ nhà cửa, tài sản

V. ĐÀN PHÁP:

Mandala có nghĩa là Đàn hay Đạo-Tràng, rắc rối hơn nhiều. Trong kinh Đại Nhật, Kim-Cang-Thủ Bồ-tát hỏi: “Bạch Thé-Tôn: sao gọi là Mandala?” Đức Phật bảo: “Phát sanh chư Phật gọi là Mandala, không chi hơn được, pháp vị không chi sánh bằng gọi là Mandala. Tiếng Mandala thường không được phiên dịch, nhưng cũng có nói phiên dịch là Đàn hoặc gọi là Luân Viên Cụ Túc.

Ở Tây Vực, khi té trời, chỗ đất được dọn sạch sẽ và bằng phẳng nơi đó được gọi là Đàn. Chữ Đàn như vậy chưa diễn tả đủ ý nghĩa của chữ Mandala của Mật Giáo vì nó còn thiếu nhiều nghi thức khác như Khế-Ân, Tam-Mật, Tứ-Trí v.v... Còn chữ Luân Viên Cụ Túc có nghĩa là cái bánh xe, nó gồm luôn đầu trục, chốt, căm, vành, niền xe, lại còn thêm chữ “Cụ Túc” để chỉ “không chi hơn” “pháp vị không chi sánh bằng”. Như vậy Luân Viên Cụ Túc diễn tả được đầy đủ ý nghĩa của chữ Phạn Mandala. Nhưng người ta ít gọi là Luân Viên Cụ Túc vì nó quá đồng dài.

Vì những lý do vừa kể chữ Mandala ít khi được phiên dịch. Mandala có nhiều thể tướng khác nhau. Kinh Đại Nhật nói có 4 loại Mandala: Đàn vuông, đàn tròn, đàn tam giác, đàn hình bán nguyệt. Còn Kinh Kim Cang Đảnh thì nói có 5 loại: Đàn tròn, đàn vuông, đàn tam giác, đàn hình hoa sen và đàn hình kim cang.

Theo Kinh Đại Nhật thì đàn vuông phối hợp với Địa Đại; đàn tròn phối hợp với Thủy Đại, Không Đại; đàn tam giác phối hợp với Hỏa Đại; đàn bán nguyệt phối hợp với Phong Đại. Đàn vuông có nghĩa là bình đẳng vì tướng đất vuông. Đàn tròn có nghĩa là viên mãn vì hư không và nước tròn. Đàn tam giác có nghĩa là hàng phục vì tướng lửa bốc lên hình tam giác. Đàn bán

nguyệt có nghĩa là diệt trừ tai nạn vì gió hay xô ngã các vật. Mandala còn có nhiều danh gọi khác nhau nữa. Đàn tràng có những bức vẽ Chư Tôn, Bồ-tát cầm đao, kiếm, bánh xe... gọi là bình đẳng Mandala. Đàn tràng có những tôn tượng do tô đắp, khắc chạm hoặc do đúc mà thành gọi là Sự Nghiệp Oai Nghi Mandala. Đàn tràng có những chủng tử tượng trưng cho Chư Tôn bên tôn vị, gọi là pháp Mandala.

Sở dĩ gọi là Đại Mandala vì những tôn tượng đó do 5 màu sắc chính: Vàng, Trắng, Đỏ, Đen, Xanh; các màu áy lại theo thứ lớp phối hợp với ngũ đại là Đất, Nước, Lửa, Gió và Hư-Không.

Gọi là Bình Đẳng Mandala vì Chư Tôn tiêu biểu cho các loại hữu tình, Đao, Kiếm, Bánh xe tiêu biểu cho loài phi tình. Đây có nghĩa là ngũ đại: Đất, Nước, Gió, Lửa lan khắp hư không để thành lập các loại hữu tình và phi tình một cách bình đẳng.

Gọi Sự Nghiệp Oai Nghi Mandala vì những tượng do đúc hoặc chạm áy thầm nói lên sự nghiệp và oai nghi của Chư Phật và Bồ-tát một cách sống động.

Gọi Pháp Mandala vì những chủng tử tự của Chư Tôn có tính cách quy tắc và quỹ tri.

Mandala hay Đạo Tràng như vậy là nơi thờ cúng, chú nguyện và tu hành của những tu sĩ Mật Giáo. Đạo Tràng thay đổi rất nhiều theo từng loại kinh điển và các nghi điển thần bí. Có lúc người ta đắp Đàn bằng đất trộn với bột hương thơm, có khi người ta vẽ những bức tranh rộng lớn, trên đỉnh thượng có hình Phật Đại Nhật Như Lai, thứ nữa là vẽ hình của Chư Tôn Bồ-tát, tùy theo cấp bậc để thờ phượng. Với Chư Tôn Mật Giáo có thuyết giảng về quyền năng pháp thuật của riêng từng vị một. Mỗi vị có tay Ân, tay Quyết riêng biệt và đều có vẻ riêng rẽ trên mỗi bức họa để khi Pháp sư cầu cúng đến vị nào là cứ y

theo kiểu vẽ mà ám tay Quyết. Có nơi dùng kính hình tròn, hình vuông... để làm Đàn Pháp.

Cánh vật nơi cầu nguyện, tham thiền cũng dùng làm biểu hiệu để trợ lực và tiếp ứng cho nhà Đạo để đạt được sở nguyện. Cuộc đát, đèn thờ, phuong hướng, ngày giờ, y phục, màu sắc, thức ăn, đồ cúng, đồ chung cũng có ý nghĩa và tác dụng linh thiêng đối với tâm ý nhà Đạo và tùy thuộc vào từng loại nghi điển. Để dứt trừ những ảnh hưởng tội lỗi, lễ sám được gọi là Túc Tai Pháp “SOKUSAISO”, để làm gia tăng hạnh phúc, có Tăng Ích Pháp “ZOYAKOHO”, để kêu gọi những quyền năng thiên có Câu Triệu “KUYO”, để bẻ gãy những ác cảm của địch thủ và kẻ thù, có hàng phục “GOFUKU”, để cầu Phật và Bồ-tát gia hộ thì có Kính Ái Pháp “KYOAIHO”, và để kéo dài tuổi thọ thì có Diên Mệnh Pháp “YEIMMEIHO”. Tất cả những nghi quỹ thần bí này được coi như hoàn toàn hiệu nghiệm mang lại những gì mà hành giả ước ao.

Tóm lại tất cả những nghi quỹ nói trên là những biểu hiện cho ngôi thứ và sự xoay vần trong hoàn vũ và ảnh hưởng đến cuộc đời ta. Dù vậy sự phức tạp của việc bài biện khi lành lẽ có thể được giản dị hóa mà hành giả Mật Giáo vẫn đạt tới các sự anh linh trong vũ trụ, đó là biết thể hiện hạnh đạo của mình cho phù hợp với nguyên lực của Trời Phật.

VI. PHÉP HỘ MA:

Hộ ma, Trung Hoa dịch là hỏa thiêu, hỏa té để chỉ cho cảnh lửa cháy lẩy lùng hay sự cúng tế bằng lửa. Hộ ma còn có nghĩa là thiêu ám để chỉ cho lửa trí tuệ thiêu đốt nghiệp. Về phép hộ ma, trong Du-già hộ ma nghi quỹ nói: “Túc tai Kiết Phật án. Tăng ích cờ xí báu. Hàng phục Kim Cang nộ. Câu triệu Kim Cang câu. Thỉnh mời liền ứng nhau. Kính ái liên hoa bộ. Năm Du-già như thế nên làm phép Hộ ma”.

Có 2 loại Hộ ma: Ngoại Hộ ma và nội Hộ ma.

-Ngoại Hộ ma là dùng phép hỏa tể cúng dường tất cả thân phổi môn để tăng ích thế lực không thể nghĩ bàn của mật chú và khiếu cho chân ngôn mau được thành tựu.

-Nội Hộ ma là dùng lửa trí tuệ đốt sạch cỏ rác phiền não bên trong, cần phải lấy Bồ-đề tâm làm động lực căn bản. Trong Kiến lập Hộ ma nghi quỹ có nói: “Vì nghiệp chướng che lấp, quán nơi môn chữ A, dùng trí tuệ mãnh liệt, tướng chung quanh thành lửa, như kiếp hỏa lẫy lừng, thiêu đốt nghiệp phiền não, và cùi gỗ vô minh, không còn sót vật chi, tuôn chảy bạch cam lồ, tươi mát mười phương cõi, những nhiệt não chúng sanh, giúp lớn mầm Bồ-đề, thứ lớp sanh các chữ, đây chính là pháp thân, bí mật nội hộ ma”.

Thật sự pháp ngoại hộ ma chỉ có tác dụng diệt tội sanh phước trong sanh tử giới, phép nội hộ ma thì có công năng dứt trừ phiền não khiếu cho siêu thoát luân hồi. Nếu bậc chơn ngôn hành giả chỉ làm phép ngoại hộ ma theo thế để mà không hiểu ý nghĩa về nội hộ ma thì cũng đồng với hạng người thò cúng lửa mà thôi.

Tóm lại trên hết thảy Chư Tôn Bồ-tát, Mật Giáo thờ Pháp Thân của Đức Thích Tôn hay còn gọi là Đại Nhật Như Lai, Phạn ngữ là Tỳ-lô-giá-na Phật (MAHAVAIROCANA). Tổ chức của giáo đoàn Mật Giáo cũng chia thành cấp bậc để tôn xưng lẫn nhau. Nhưng các thuật bí truyền đều đóng cửa cài then, dấu kín cho những người ngoại đạo không biết đến. Sở dĩ như thế là vì Mật Tông là Tâm pháp bí truyền hay còn được gọi là mật pháp tâm truyền, vì đây là một pháp môn bí nhiệm, không được truyền ra quảng đại quần chúng và khi truyền pháp này các hành giả chỉ dùng lối khẩu khẩu tương truyền. Xưa nay các tâm pháp thường thường là bí pháp và ít khi được phổ truyền. Vì sao tâm pháp hay mật pháp lại phải bí truyền? Ngày

xưa, vào học đạo, khi một vị Thầy hay Tổ muốn truyền Tâm pháp cho đệ tử, thường vị ấy phải theo dõi học trò, xem trong số các đệ tử có người nào hạnh tốt, nghiệp trackage nhẹ rồi và có tâm trí quyết cầu giải thoát, dứt bỏ trần ai, thì sẽ gọi riêng đưa đó lại, dùng lời khẩu khẩn tương truyền để dạy riêng cho nó, trao cho nó cái bí pháp quý giá để nó tu luyện cầu giải thoát. Mục đích lựa chọn như vậy là để ngăn ngừa vì tâm pháp là báu vật, nếu trao nhầm kẻ không xứng đáng hoặc không biết giữ gìn, chẳng khác nào vứt báu vật xuống sông biển mà thôi. Nếu hành giả thọ tâm pháp mà nghiệp còn nặng, trần còn mê, tánh còn nặng trước, tâm chưa muôn vứt bỏ, ý chưa quyết giải thoát, thì nhận được pháp báu phỏng có ích gì? Chỉ khiến phá pháp hư hoại đi thôi! Dù nếu không giữ tính cách bí truyền, những nghi thức hành lễ của Mật Giáo cũng mang nhiều bí ẩn phức tạp, nếu có phô bày ra cho thiên hạ trong thấy thật đây, nhưng người ngoài cũng khó mà lường được ý nghĩa trình bày. Vì các lý do trên, tông này mới có danh gọi là “Bí Mật Phật Giáo” gọi tắt là Mật Giáo. Mật Tông còn có một danh gọi khác là Chơn Ngôn Tông vì là biểu thị cho con đường của nguyên ngôn, ở đây thay vì ngôn ngữ nói mà lại chính là con người nói. Con người nói bằng nguyên ngôn nghĩa là bằng Mantra hay là chú, Yantra hay là Ân, Mandala hay là Đàn Pháp và Maithuna hay là Tình Thương.



CHƯƠNG II

SỰ TRUYỀN THỬA

CHƯƠNG II: SỰ TRUYỀN THÙA

Mật Giáo được thuyết minh do Đức Thích Tôn Như Lai hay Đại Nhật Như Lai, chuyên danh là Đại Tỳ-lô-giá-na Phật (Phạn ngữ: MAHAVAROCANA) Pháp thân của Ngài Phổ Hiền Bồ-tát (SAMANTABHADRA), thi giả của Đức Thích-ca Mâu-ni, thì trở thành Kim Cang Thủ Bồ-tát hay Kim Cang Tát-dోa (VAJRAPANI), thi giả của Đức Đại Nhật. Pháp thân Phật, Đức Tỳ-lô-giá-na Như Lai, ở tại cõi trời MA HÈ THỦ

LA THIÊN, tức Kim Cang Pháp giới cung, qua ứng thân của Ngài là Đức Phật Thích-ca ở tại cõi Ta-bà này, sau khi thành đạo vào ngày thứ bảy, đang lúc thọ hưởng pháp lạc, đã vì Ngài Kim Cang Tát-dోa và các vị Đại Bồ-tát ở mười phương thế giới khác đến tập hội mà xiển dương giáo pháp bí mật. Đó là thời gian khởi nguyên của Tông Chơn Ngôn vậy.

Đức Phật Thích-ca đang thiền định



Ngài Kim Cang Bồ-tát đích thân chịu làm lễ “Quán Đánh”, kế thừa pháp màu nhiệm của Đức Đại Nhật Như Lai, lãnh thọ lời Phật dạy, đem giáo pháp ra hoằng hóa và kiết tập thành 2 bộ kinh: Kinh Đại Nhật và kinh Kim Cang Đánh lập thành Thai Tặng Giới Mandala và Kim Cang Giới Mandala. Tại sao 2 Mandala này được gọi là Thai Tặng và Kim Cang?

–“Đại Nhật Kinh Sớ” giải thích: “Uớc về Thai Tặng do

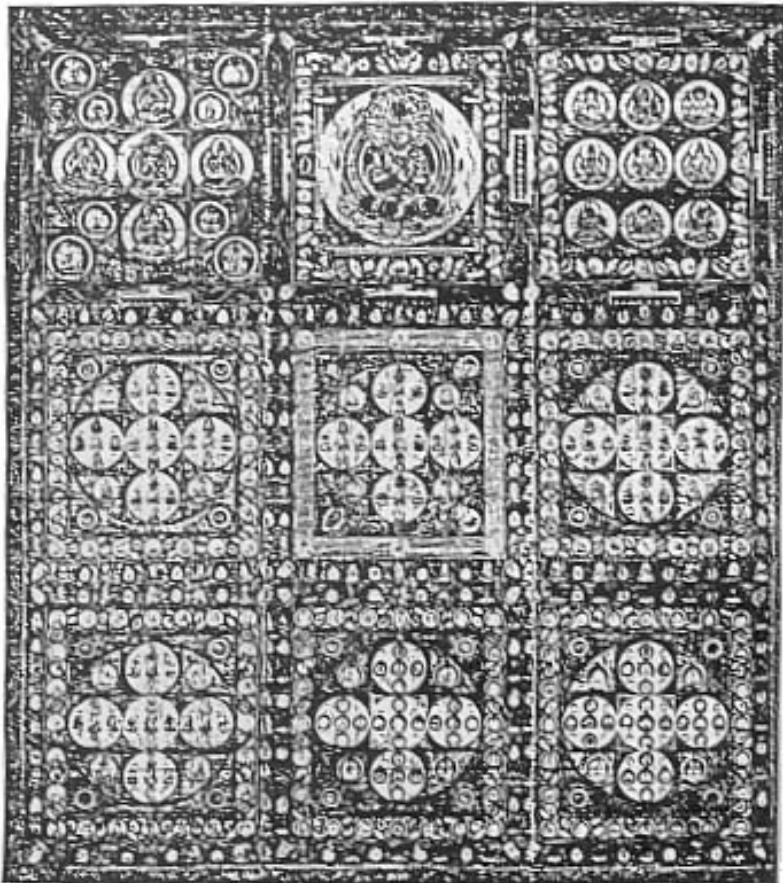
nhân duyên cha mẹ giao hợp, thần thức mới gá vào trong thai, rồi do gió nghiệp tượng thành lằn lằn lớn lên. Đến khi đứa bé được sinh ra thì gân xương, chi tiết đã hoàn thành, các cẩn đều đầy đủ. Từ đó đứa bé lấy theo tộc tính cha mẹ. Cũng thế, hành giả y theo “Chơn Ngôn Môn” học tập Đại bi muôn hạnh, tịnh tâm lằn lằn hiển hiện. Do tâm Đại bi, những việc làm đều vì kiến lập chúng sanh, khiến cho thành tựu sự vui trong pháp giới vô tận. Rồi từ đó, công quả viên mãn, lên ngôi Vô thượng Bồ-đề, được vào giòng giống của Như Lai. Cho nên Đại bi Thai tạng là ước theo dụ mà đặt tên. Đó là y theo Thánh thai bí trí của chư Phật vào nơi đạo tràng tam mật tương ứng, nương phuơng tiện khéo để thành tựu chủng tử Bản giác của mình và tất cả chúng sanh vậy.

–Còn “Kim Cang Đánh Sớ” có nói: “Kim Cang bao gồm 2 ý nghĩa “bền chắc” và năng dụng “cứng bén”. Bền chắc nên không thể phá hoại, cứng bén nên có thể phá hoại các vật khác.

Nói “bền chắc” là ví cho chân lý Bí mật chẳng thể nghĩ bàn của thật tướng, luôn luôn vẫn thường còn, không thể phá hoại. “Năng dụng cứng bén” là dụ cho trí dụng của Như Lai có công năng dẹp phá hết hoặc chướng, làm hiện rõ chân lý thật tướng. Lại theo thế gian, Kim Cang có ý nghĩa không thể phá hoại, chất báu trong các thứ báu và là vật thù thắng trong các chiến-cụ. Đây là tiêu biểu cho Pháp Thân. Nói không thể phá hoại là tiêu biểu cho Pháp Thân của tất cả Như Lai: không sanh, không diệt, không trước, không sau, bền bỉ thường còn không hư hoại. Nói chất báu trong các thứ báu là tiêu biểu cho thật tướng “Trung Đạo” đầy đủ hằng sa Công đức. Nói vật thù thắng trong các chiến-cụ là tiêu biểu cho lý “Đệ Nhất Nghĩa Không”, tất cả phiền não không thể đối địch. Đạo lý ấy như thế, không phải Trời, Người, hay chư Phật tạo tác ra được, nên gọi là Kim Cang.



Thai Tang Giới (Garbhadhatu) Mandala



Kim Cang Gióï (Vajradhatu) Mandala

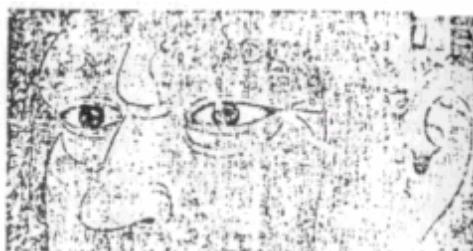
Ngài Kim-Cang Bồ-tát đã viết 2 quyển kinh Đại Nhật và Kim Cang Đánh, mỗi bộ có khoảng mười vạn bài tụng. Ngài lưu pháp lại trong một cái tháp sắt được gọi là “Nam Thiên Thiết Tháp”.

Về sau, Ngài Long Thọ Bồ-tát khai tháp sắt Nam Thiên này, nhờ thần lực gia trì, chính Ngài thấy Ngài Kim Cang Tát-dỏa mật truyền cho Đại Pháp và chúc phúc lại 2 bộ kinh Đại Nhật và Kim Cang.

Ngài Long Thọ Bồ-tát (NAGARJONA 150-250 D.L) là người mạn Nam Án Độ, cực thông minh đỉnh ngộ. Ông là bậc thầy tổ của 8 tông phái Đại thừa Phật giáo, ngoài ra còn quán triệt đạo lý của mỗi tôn giáo khác trên đất Án lúc bấy giờ. Lập trường thuyết giáo của Ngài vững chắc cho đến nỗi không có một học phái Đại thừa nào sau Ngài vượt qua nỗi khi giải thích về những giáo lý căn bản của Phật dạy. Mật tông Phật giáo cũng như các tông phái Đại thừa khác đều đặt cơ sở trên lập trường không lý của Ngài (Trung Quán). Ngài được so sánh như là Phật Tổ tái thế.

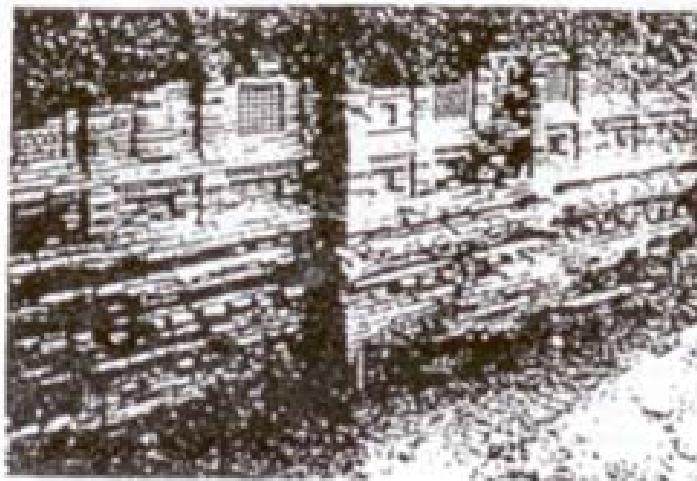
Ngài Long Thọ về sau truyền pháp này cho Ngài Long Trí, là một cao tăng tại viện Đại học Nalanda.

Đại học đường Nalanda là trường Phật giáo lớn nhất ở Ấn Độ. Nơi đây rèn đúc các vị cao tăng Mật Giáo và các tông phái Đại thừa khác. Chư vị Tổ Sư nối nhau mà truyền đạo phần nhiều đều dạy học tại trường ấy. Các Ngài Vô Trước, Thế Thân đều từng là giáo sư tại viện đại học đầu tiên này của



Long Thọ (Nagarjuna), vị Tổ thứ I

Phật giáo. Giới Hiền Luận Sư cũng đã nối tiếp làm Thượng tọa tại đây. Lúc ông đã trên trăm tuổi, Huyền Trang ở Trung Quốc sang vào năm 633 và đã thụ pháp với ông. Các cao tăng hoằng truyền Mật Pháp ở các nước khác sau này đều xuất thân từ đây.



Bức tường cũ của tu viện Nalanda

Ngài Long Trí sau khi tho pháp với ngài Long Tho, đã truyền pháp và giáo hóa các nước miền Nam Thiên Trúc và Tích Lan. Ngài Long Trí đã tho hơn 700 tuổi.

Mật Giáo sau đó đã sớm được phổ biến về hướng Bắc để sang Tây Tạng, Trung Hoa và Nhật Bản và về hướng Nam để qua mấy xứ Tích Lan, Miến Điện, Nam Dương, Cao Miên, Lào... để trở thành 2 ngành Mật Giáo chính: Mật tông Nam Tông và Mật tông Bắc Tông.



Long Trí A-xà-lê (Nagabodhi), vị Tổ thứ II

I. LUỢC SỬ MẬT TÔNG TÂY TẠNG.

Trước khi Mật Giáo được truyền sang Tây Tạng, dân chúng nơi đây chưa có tôn giáo đúng đắn. Đạo Bon, một tôn giáo có tính cách thấp hèn là nền đạo giáo cổ truyền của dân bản xứ. Thời đó người ta chỉ biết kính trọng và sùng mộ chư thần, kể cả hung thần và ác quỷ. Họ van vái khẩn cầu bắt cứ ai để kêu gọi sự giúp đỡ cho những tham dục tối tăm. Các nhà đạo tại đây thì sinh sống bằng cách cho mua bùa, thỉnh phép, lanh muộn thư phù, ém đối và có trãm, nghìn cách chước khác nhau mà dối gạt dân ngu và tạo nhiều điều mê tín thấp kém.

Sử Tây Tạng còn ghi lại rằng, vào năm 137 trước D.L., Phật giáo đã bắt đầu được truyền bá vào đây. Nhưng với cẩn trí thấp thỏi, dị đoan nên dân chúng còn lạt lẽo thờ ơ với đạo Phật. Tại Tây Tạng bấy giờ đã có một ngôi chùa đầu tiên. Nhưng vì giáo thuyết của Phật quá cao siêu khó hành so với căn cơ của phần đông dân chúng và phần thì họ còn ưa chuộng những tham dục thấp hèn, nên công cuộc hoằng hóa Phật pháp tại đây lần đầu đã thất bại.

Kế đó năm 371 sau D.L, có một số nhà truyền giáo khác lại vào Tây Tạng. Các Ông truyền bá đạo lý Từ, Bi, Hỷ, Xả của đạo Phật. Kỳ này cũng chưa được mấy kết quả. Dân chúng tin theo Phật cũng còn rất ít.

Đến thế kỷ thứ 7, vua Tây Ngài Quan Thế Âm Bồ-tát



Tạng SRONG TSAN GAMPO bắt đầu mến mộ Phật pháp, nên phái sứ sang Ân để tham khảo về Phật giáo, thỉnh kinh và rước chư tăng sang Tây Tạng để giảng giải Phật pháp và dịch kinh chữ Phạn ra tiếng bản xứ.

Tương truyền vua năm chiêm bao thấy Bồ-tát Quan Thế Âm hiện đến nhắc nhở tiền căn, nên từ đó vua dốc lòng theo đạo và muốn Phật pháp được lưu truyền sâu rộng trong xứ. Nhà vua còn có 2 vị hoàng hậu rất mộ đạo, một người là công chúa Bạch Ly người Nê-bạc-nhĩ (NEPALAISE) và một người là công chúa Văn Thánh, con vua Đường Thế Tôn. Cả 2 Bà đều có công lớn trong việc xây dựng nền Phật pháp tại Tây Tạng. Sau này các ngôi chùa ở Tây Tạng đều có thờ vua SRONG TSAN GAMPO và 2 bà hoàng hậu của ông để tưởng niệm công đức hỗ trợ ngôi Tam bảo của các Ngài.

A. PHÁI CỔ MẬT:

Đến thế kỷ thứ 8, vua TI SONG DE TSEN (740-786) có rước về Tây Tạng 2 nhà cao tăng Ân Độ là ANTARAKSHITA và PADMA-SAMBHAVA.

Hai vị này là những nhà sư đắc đạo vừa có tài biện luận, tuyên truyền Pháp lý vừa có phép thần thông biến hóa cao siêu. Cả hai ông đều làm cho dân chúng và các đạo sĩ bản xứ thủ cựu rất kính mộ. Hai Ngài đã truyền bá đạo lý rất đắc lực. Từ đây trở về sau Tây Tạng mới ưng chịu văn minh nhà Phật. Nền học thuật và đạo lý ở trong nước đã được mở mang rất sâu rộng. Lúc đó Trường phái Cổ Mật tông ADIYOGA đã được thành lập. Tông phái này chính thức được sáng lập



Đạo Sư Antarakshita

bởi nhà hiền triết Ân PADMA-SAMBHAVA vào năm 749. Người Tây Tạng sau này gọi ông là GURU-RIMPOCHE (*vị Đạo sư quý báu*) hay PADMA JUNGNE (Liên Hoa Sanh). Ngài là một giáo sư danh tiếng về các khoa học thần bí ở viện đại học Nalanda Phật giáo. Được lời mời của nhà vua, ông đến Samye Tây Tạng vào năm 747 và lập một tu viện ở đó, dạy những giáo lý Mật Thừa của Đại thừa cho người Tây Tạng.



Đạo Sư Padma-Sambhava và tám hóa thân của ông

Nước Tây Tạng được tấn bộ rất nhiều, Phật lý được đa số dân chúng học hỏi, tinh thần đạo đức của dân chúng phát triển rất cao, văn minh học thuật trong nước tiến bộ nhanh chóng. Cứ như vậy trải qua thời gian hơn 500 năm, nước Tây Tạng đã tiến hóa rất nhiều nhờ ảnh hưởng của đạo Phật.

B. PHÁI HOÀNG MẠO (MADHYAMIKA).

Vào thế kỷ 14, một nhà sư đứng ra cải cách nền đạo. Ngài tên là TSONGKHAMPA, quê ở tỉnh Am Đô, miền bắc nước Tây Tạng. Kể từ khi đạo Phật hưng thịnh kéo dài đến 500 năm, nhất là trong một trăm năm sau cùng, đạo Phật càng lúc càng suy vi đến mức độ lo ngại. Tăng lúc bấy giờ không giữ mình trong sạch, bận bịu với đoàn thể thiền. Họ ít tham thiền, tưởng đạo mà trong Phật pháp nhờ có tham thiền con người mới được thông minh giải thoát. Thay vì để tâm vào đạo, họ chuyên về phù phép, ếm quỷ, trừ tà, vẽ bùa, vấn niết, xem vận mạng, đoán thiên cơ, không phải nương phượng tiện khéo để cứu nhân độ thế, cảm hóa lòng người mà lại dùng churóc tà mê muội người thế để thiêng hạ nể sợ, khấn cầu và cúng dường, biến giáo pháp của Như Lai thành tín điều huyền hoặc. Nhà sư thì như thế, còn cư sĩ thì kém học, lâm lạc, tham lam, bạc nhược. Thật là kẻ tăng và người tục đều làm sai lạc đạo lý của Đức Thích Tôn.



Đạo Sư Tsongkhampa

Thầy tình hình nhà Phật tiêm nhiễm lăm sự mê muội, mờ ám, Ngài TSONGKHAMPA tự mình suy xét và nảy ý chính đốn, quyết ra tay dẫn dắt kẻ tăng, người tục trở về với chánh giáo. Ngài khuyên kẻ nhà thiền nên ăn ở trong sạch, giữ luật đạo nghiêm chỉnh. Ngài kích bát cách thờ phượng và tế lễ chu Thần vô lỗi, không cho bày bố những điều tà mi, bài bác những hủ tục, khuyên nhủ các sư nên tinh tấn tu hành, tham thiền hỏi đạo, trai giới đạo hạnh.

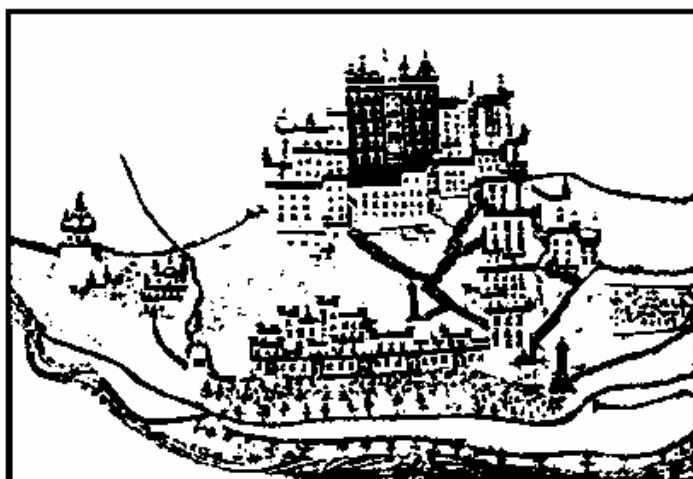
Hết dùng lời nói hùng hồn, lời biện luận sâu xa, tiếng cảnh tỉnh dịu hòa khôn khéo, Ngài TSONGKHAMPA lại dùng đến huyền bí thần thông để cảm kích lòng người. Bấy giờ dân chúng thấy Ngài đạt được nhiều hiển hách anh linh, thấy Ngài có tư tưởng cao sáng, nên họ theo về với Ngài càng lúc lại càng đông. Sự trật tự trong nhà chùa, sự tu hành thanh tịnh được duy trì trở lại.

Tiếng tăm của Đức STONGKHAMPA vang dội khắp nơi. Trong các cõi Á châu miền Trung, các nhà danh sư khắp nơi và các nước gần đến thọ giáo với Ngài rất đông. Năm 1409, Ngài lập ở Lhassa, một cảnh chùa to tát là chùa Gadan. Sau đệ tử càng đông, Ngài phải dựng thêm 2 ngôi chùa nữa ở DREPONG và DERA. Lúc Ngài về Niết-bàn 3 nhà chùa ấy hiệp lại có trên 30 ngàn tăng đồ. Người Tây Tạng và người Mông Cổ đều cho ngài là Phật giáng thế để gây dựng lại nền đạo ở Tây Tạng. Cho đến nay ở Tây Tạng, người ta còn truyền tụng câu này: “Tiền THÍCH-CA, hậu TÔNG-CÁP-BA.”

Cuộc cải cách tôn giáo của TSONGKHAMPA có hiệu quả vững bền. Cho đến hậu đại, phái của Ngài thành lập được mệnh danh là phái Madhyamika hay “Trung Quán”, phái này phát sanh ra phái Kahdampa tức là giáo hội có vị lãnh đạo là Đạt-lai Lạt-ma. TSONGKHAMPA trước khi nhập Niết-bàn đã truyền đạo cho đệ tử là Đức GEDUNGRUBPA nắm giữ giềng mối đạo mà Ngài đã chấn chỉnh và đặt tên là Lạt-Ma giáo. Sau này

chức vua ở Tây Tạng do Đức Đạt-lai Lạt-ma (DALAILAMA) là người trên trước của Lạt-ma giáo nắm giữ. Vua cầm quyền cai trị dân chúng vừa trông nom nền Đạo. Khi vua gần băng hà, Ngài cho biết trước sẽ chuyển kiếp vào nhà nào, hội Lạt-ma sẽ đi thỉnh áú chúa về để giao quyền Thiên tử cho.

Đức Đạt-lai Lạt-ma được dân Tây Tạng coi như là một Đức Phật sống (Phật La-hán). Ngài chưởng quản Lạt-ma giáo và ngự tại điện POTALA nơi thành LHASSA (Lạp-tát), một trong các nghiêm túc vinh diệu. Dưới Đức Đạt-lai một bậc có Đức Ban-thiền Lạt-ma (PANCHENLAMA) mà người dân cũng coi như là một Đức Phật sống. Ngài trông nom chùa chiền, cai quản các sư để tiếp sức với Đức Đạt-lai. Ngài ngự tại Điện Trashi Lumpo ở thành SHIGATSE.



Potala – Cung điện của Đức Đạt-lai Lạt-ma

Ở Tây Tạng, quan chức các nơi, trong triều ngoài quận cũng đều từ các sư tuyển ra. Tại kinh đô LHASSA có nhiều ngôi chùa vĩ đại mà một vài ngôi có cả đền hàng muôn tảng đồ.

Người dân Tây Tạng tất cả đều quy y với Tam bảo. Đạo Phật trở thành Quốc giáo.

C. PHÁI NHỮNG NGƯỜI ÁO VẢI (KARGYUTPA)

Những người tu định của phái KARGYUTPA là những người theo phái MAHAMUDRA hay Đại Thủ Ân. Phái này vẫn sử dụng chơn ngôn, pháp ấn và linh phù trong việc tu định.

Theo truyền thống TILOPA sống vào khoảng thế kỷ thứ 2, đã nhận những lời dạy về triết lý Đại Thủ Ân, nguyên tắc nền tảng của phái KARGYUTPA từ sự gia trì của Đức Phật DORJE CHANG. Đến lượt Tilopa truyền cho Naropa. Naropa là một Bác học Tăng về môn Thần Bí tại viện đại học Nalanda và dạy đạo tại đất Ấn. Marpa, người Tây Tạng đã đến đây để học đạo và được Naropa truyền trao bí pháp và trở về nước lập nên tông phái KARGYUTPA.



Đạo Sư Naropa

Marpa một Đạo sư đắc đạo, bậc thầy của phương pháp điểm đạo truyền pháp, đã dạy giáo lý Mật Thùa cho người Tây Tạng. Ông đã truyền đạo cho 4 đại đệ tử, tất cả đều đạt được sự giải thoát vinh quang.

Ở phương Đông là TSURTON WANGAY, người sứ DOL, một người bần túng Sư tử với ngọc như ý của Mật Lý. Với những móng vuốt của quả quyết ông đã nhìn lên và đạt được sự giải thoát.

Ở phương Nam là NGOGDUM CHUDOR được ví như con Hổ với bộ lông rắn Mật Lý, những móng vuốt của ông ta đã đào sâu bốn đại hạnh Bồ-tát, ngược mắt nhìn trời vì đã già

từ những gì hư ảo của thế giới hư giả và dạo chơi tùy thích vì đã giải thoát.

Trụ cao phương Tây là chim ưng vút cánh METON TSOMPO với đôi cánh vuơn rộng của Mật Lý, đã vượt qua những hố bẫy trầm tư, vĩnh viễn nói lời già từ với những gì hư giả của thế giới huyền ảo này và tung cánh tự do vì đã giải thoát.



ම ພ ສ ຮ ຂ ບ

Đạo Sư Marpa

Trụ cao phuong Bắc với Linh Thúu THOGAPA, đồng thời cũng mang danh là Milarepa của xứ GUNGTHANG với Mật Lý nhuộm thắm mà cuộc đời đã phải trường kỳ chịu đựng như tảng đá mà nơi Linh Thúu làm tổ mà Bậc nam nhi vô song đã nói lời vĩnh biệt với cuộc sống thường tình và đạt được sự Đại giải thoát.

Chiếc y của Marpa đã trao xuống và môn phái của ông thịnh phát qua người kế thừa chân pháp là Milarepa. Tiêu sử lừng danh của Milarepa cũng cần được kể ra đây:

MILATHOGAPA (1055-1135). Cuộc đời đại hiệp sĩ phi thường này đã bắt đầu từ khi lên bảy, cái tuổi thơ đại đã thực sự bắt đầu bước vào địa ngục trần gian này: ngục của lòng tham không đáy; ngục của lửa hận thù phạt lên vô bờ vì bị người thân tộc cướp đoạt quyền thừa kế tài của dòng họ quý phái giàu sang vì cái chết quá sớm của người cha đáng kính. Cuộc đời bị đày đọa khốn cùng này của cậu bé bảy tuổi Milathogapa kéo dài chịu đựng cho đến năm 15 tuổi cái tuổi chập chững nhưng lại quá phong trần; một người một ngựa lên đường tìm thầy học huyền thuật để mong trả thù rửa hận cho thỏa lòng người mẹ già yếu đuối nhưng vẫn gây niềm kiêu hãnh vô biên.

Sau khi học thành tài, Milathogapa đã dùng tài nghệ huyền thuật của mình giết hàng bốn năm chục người có liên hệ với 2 kẻ tử thù chính là ông chú và bà thím độc ác của chàng và phá hoại không biết bao nhiêu của cải, hoa màu của người khác... Milathogapa bị lương tâm cắn rứt, cõi lòng xao xuyến bất an và chỉ mong tìm thầy học đạo mong được giác ngộ, giải thoát đến độ hy sinh bất cứ thứ gì, kể cả thân mạng của chính mình. Định mệnh của Milathogapa là thứ định mệnh đại hạnh nhưng quá khốc liệt khắc khe. Cuối cùng ông đã gặp được Đạo sư định mệnh của mình, Đại Dịch giả Marpa, sư tổ khai sáng tông phái KARGYUTPA của Phật giáo Tây Tạng. Sau tám lần được bậc

Đại sư ném tận đáy hố tuyệt vọng, Mila đã được Thánh thần tẩy thẻ, gột sạch ác nghiệp và thọ lãnh tất cả những chân lý tối mật của môn phái để rồi một mình một bóng lang thang trong các vùng thâm sơn cùng cốc để thiền định và tu tập giáo lý giải thoát vô thượng. Sau khi đã quay lại từ già Đạo sư với sứ mạng vĩ đại trên vai là phải giác ngộ để cứu độ chúng sanh, Milathogapa khi bước chân vào chốn thâm sơn heo hút đã lập lời đại thề như thái tử Tất-đạt-đa trước đó khoảng 17 thế kỷ dưới gốc cây Bồ-đề xứ Thiên Trúc, nếu không đạt được giác ngộ và giải thoát tại nơi này thì vĩnh viễn không trở lại với loài người.

Sau khoảng 10 năm trong thâm sơn cùng cốc tuyết phủ giá lạnh của vùng Hy-mã-lạp Sơn với thân thể suy nhược đến cùng độ vì thiếu thức ăn và quần áo thích hợp, Milarepa đã hiến dâng trọn vẹn cho chân lý phôi hợp nhân tâm với thiên tâm tiêu ngã với đại ngã thành nhất thể chân như của bản thể vũ trụ kỵ áo, Milarepa đã đạt được giác ngộ và giải thoát cho chính mình để rồi cất tiếng hát phổ độ chúng sanh ba cõi; tiếng hát vừa trầm hùng vừa thanh thoát như tiếng chim “Ca-lăng-tần-già”, vừa rạt rào như lời cây tiếng lá, vừa cao thâm như lời của đỉnh núi và hố thẳm. Tiếng ca phát xuất đầu tiên trên các triền núi âm u hoang vắng của dãy Hy-mã-lạp Sơn và dần dần lên mãi tuyệt đỉnh Everest tuyết phủ, tiếp giáp với mây trời vần vũ thiên thu. Tiếng hát lời ngâm này phát nguồn từ một loại trí tuệ và nghệ thuật viên dung siêu việt của một bậc Thánh tăng Bồ-tát Tây Tạng với mảnh vải che thân mỏng manh rách rưới và chiếc tích trượng nhỏ bé nhưng rắn chắc vô biên nện vang từng tiếng rõ ràng theo nhịp chân, leo lên từng phiến đá trắng ngần sau hơn mười năm tu luyện các năng lực thượng thừa và tu tập thiền định không ngừng theo các diệu lý của Mật Tông Phật giáo. Giọng hát của JESUN MILAREPA, đại hành giả Du-già Tây Tạng.



Đạo Sư Milarepa

Người kế vị MILAREPA không phải là RECHUNG người đã ghi lại tiểu sử của MILAREPA, mà là người đệ tử thứ nhất của MILAREPA là DVAGPOLHARJE mà người Tây Tạng thường gọi là “JEJAMPOPA”. JEJAMPOPA mất năm 1152, hai năm sau ngày thành lập nên tu viện T’SURIKA, tổ đình của phái KARGYUTPA và từ đây dòng GURU của phái này tiếp tục không gián đoạn.

Phật giáo Tây Tạng gồm các phái Mật Giáo. Tất cả ba trường phái Cổ Mật ADIYOGA, MADHYMIKA, KARGYUTPA đã thích hợp với môi trường Tây Tạng và sớm sanh sôi nảy nở và ăn sâu vào đầu óc của dân bản xứ và biến Tây Tạng thành một quốc gia Mật Giáo lớn nhất trên thế giới.

II. LUỢC SỬ MẬT TÔNG TRUNG HOA

Kinh điển của phái Mật Giáo tạp bộ (Tạp Mật) được dịch sang tiếng Trung Hoa rất sớm vào thế kỷ thứ tư sau tây lịch. Các hữu (SRIMITRA) người sứ PAI (*KUCCHA, một bộ lạc da trắng*), dịch một vài bản kinh sang Hán Văn. Đó là những loại kinh bùa chú và các loại phù phép khác, thường gồm một vài mật chú và những bài tán Thần hay Thánh ở thượng giới, nhưng thật ra chúng không thể được xem như là biểu dương cho những ước vọng cao.

Phái mà ta mệnh danh là Phật giáo Thuần bộ (Thuần Mật), khởi đầu với ba vị Pháp sư đến Trung Quốc vào đời Đường (713-765).

A. THIỆN VÔ ÚY (SUBHAKARASIMHA 637-735).

Ông từng là một vị vua của xứ ORISSA, sau khi xuất gia làm tăng và đến đại học Nalanda, noi Pháp Mật (DHARMAGUPTA) tu trì để tu học. Sau đó ông thường du hành tại các nước miền Nam Án. Miền Nam lúc bấy giờ chịu

ảnh hưởng giáo lý của Long Thọ Đè-bà, xiển dương về Không Tôn rất thịnh hành. Nên ngài Thiện Vô Úy rất am hiểu về lý Nhất Pháp Giới của Không Tôn. Thâm hiểu Du-già (YOGA), Chơn Ngôn (DHARANA) và Ân Quyết (MUDRA), ông khởi hành đi KASMIR và Tây Tạng và cuối cùng vào đời Đường năm Khai Nguyên thứ 4, tức năm 716 ông đến Tràng An và được vua Huyền Tôn (685-762) tiếp đón rất nồng hậu và phong làm Quốc sư. Năm 717, Ngài dịch kinh “Kim Cang Đánh Hư Không Tạng Câu Văn Trì Pháp”.

Cũng vào thời kỳ này, Vô Hành một học giả Trung Hoa, du hành sang Ấn Độ, gặp Nghĩa Tịnh tại Nalanda và thu thập được nhiều bản kinh Phạn văn. Ông mất trên đường hồi hương. Những tài liệu thu thập của ông vẫn được đưa đến chùa Hoa Nghiêm ở Tràng An. Khi hay tin đó, Thiện Vô Úy đã lựa chọn vài bản kinh quan trọng và vào năm 725 và 726, ông khởi dịch kinh Đại Nhật và các kinh khác. Lúc bấy giờ, mỗi khi Tôn giả Thiện Vô Úy lập đàn tràng và tác pháp chư Tôn đều gia trì và thị hiện nhiều điều cảm ứng phi thường. Số người có duyên lành được cảm hóa rất đông.

B. KIM CANG TRÍ (VAJRABODHI 663-723).

Ông là người Nam Ấn, học đạo tại Nalanda. Năm 15 tuổi,



Thiện Vô Úy (*Subhakarasiṃha*)



Kim Cang Tri (Vajrabodhi)

ông sang Tây Ân học tập “Nhân Minh Luận” trong 4 năm trời với Pháp Xứng (DHARMAKIRTI), nhưng rồi trở về tại Nalanda để thọ Đại giới. Trong sáu năm trời ông chuyên cần học Luật (VINAYA) và Trung Quán Luận (MADHYAMIRA) với SANTABODI. Ba năm kế đó ông học Tướng Tôn và nguyễn cứu Du-già Luận (YOGACHNA) của Vô Trước, Duy Thức Luận (VIYNAPTIMARA) của Thế Thân và Biện Trung Luận của An Huệ với JINADHADRA tại Ca-tỳ-la-vê, Bắc Ân. Rồi 7 năm sau nghiên cứu Kim Cang Đánh (VAJRASEKHANA) và các kinh Mật Giáo khác nơi Long Trí A-xà-lê (NAGABODHI) ở Nam Ân.

Năm Khai Nguyên thứ 8 (720 T.L.), ông đáp thuyền theo đường Nam Hải cùng các đệ tử và Bất Không Tam Tạng, đồng đến Lạc Dương Tràng An (Kinh đô nhà Đường nay là tỉnh Thiểm Tây). Phụng sắc chỉ của vua Đường, ngài kiến lập 2 bộ Mạn-đà-la, mở đàn truyền pháp “Quán Đánh” cùng dịch thuật nhiều kinh điển của Mật Giáo như: Kim Cang Đánh, Lược Xuất Kinh... Kinh điển của ngài thường có nhiều pháp ngữ thiên về phần Pháp Tướng.

Mỗi khi ngài lập Đàn tràng và tác pháp, đều cảm ứng nhiều điều lành, sự cầu mưa, sai thần khiến quỷ, dẹp trừ chướng nạn đều là những việc thông thường của ngài.

C. BẤT KHÔNG (AMOGHAVAJRA 705-774).

Ông là đệ tử xuất sắc của Kim Cang Trí, người Bắc Ân, thọ Sa-di năm 15 tuổi và đến Quảng Đông cùng với thầy, là người mà ông hầu đến tận Lạc Dương và thọ đại giới năm 20 tuổi. Trong 12 năm, ông đã thâm hiểu cả giáo tướng và sự tướng của Mật Giáo. Sau khi đắc pháp với ngài Kim Cang Trí, ông còn theo học với ngài Thiện Vô Úy về Thai Tạng Giới Mandala. Sau khi thầy mất, ông còn trở về Ân Độ tìm thỉnh thêm nhiều kinh điển, tham vấn các bậc cao tài về Mật Giáo tại

Thiên Trúc. Sau ông còn du hành sang Tích Lan gặp được ngài Long Trí A-xà-lê, thỉnh thêm kinh Du-già 18 hội pháp... Lần khác ông còn sang Tích Lan cùng với các đệ tử, cả thảy 37 người và tìm đến Pháp Sư Phổ Hiền (SAMANTABHADRA) để nghiên cứu về giáo lý của Kim Cang Đảnh Du-già (VAYRA-SEKHARA-YOGA) và Đại Nhật Thai Tạng (MAHAVAIROCANA-GHARBHAKUSA) ông trở về Tràng An vào dịp này với một số kinh điển phong phú.



Bát Không (Amoghavajra)

Bát Không là Quốc sư của 3 triều vua: Huyền Tôn, Túc Tôn và Đại Tôn. Ông dịch cả thảy 110 bộ kinh, gồm 143 quyển, trong đó có bộ quan trọng nhất là Kim Cang Đảnh. Đó là bộ kinh mà giáo sư Y TUCCI và giáo sư ONO người Nhật tình cờ phát kiến đồng thời. Giáo sư TUCCI tìm thấy ở Tây Tạng bản Phạn văn và giáo sư ONO, khám phá ra tại Nhật Bản chú giải kinh đó bằng tranh ảnh, được Trí Chứng Đại Sư người

Nhật mang từ Trung Hoa về từ năm 853. Dịp may khám phá này của hai giáo sư danh tiếng đã minh định cho sự đồng nhất của Mật Tông tại các nước Trung Hoa, Tây Tạng và Nhật Bản.

Ngài Bát Không truyền pháp cho 5 vị đệ tử: Hàm Quang, Huệ Lảng, Đàm Trinh, Giác Siêu, Huệ Quả. Sau đó Huệ Lảng truyền cho Thiên Trúc, Trúc Truyền, Đức Mỹ, Huệ Cần, cư sĩ Triệu Chánh. Huệ Quả truyền cho Nghĩa Quán, Chí Thanh... Huệ Quả thì truyền cho Nghĩa Tháo và Không Hải, một Đại sư người Nhật, sau về nước truyền giáo rất mạnh.

D. NHẤT HẠNH (ICHIGYO 683-727).

Ông là đệ tử của Thiện Vô Úy, tinh thông về Tam Luận, Thiền, Thiên thai và lịch số, từng giúp Thiện Vô Úy dịch kinh Đại Nhật. Nhờ nghe thầy giảng, Nhất Hạnh trước tác một bản sớ về kinh này, gọi là “Đại Nhật Kinh Só”, bản sớ giải kinh Đại Nhật, gồm 20 quyển, được xem là Mật Giáo yếu điền sau này. Vì ông là học giả uyên thâm về Thiên Thai Giáo, nên bản sớ giải của ông được xem như chứa đựng rất nhiều giáo nghĩa Thiên Thai. Bản thảo lưu truyền chưa được tu chỉnh, sau cùng được Trí Nghiêm, đệ tử của Thiện Vô Úy và Ôn Cỗ, đệ tử của Kim Cang Trí, hiệu đính và đặt tựa lại là “Đại Nhật Kinh Nghĩa Thích”.

Đông Mật vẫn y theo bản kinh chưa được tu chỉnh, trong lúc Thai Mật lại dùng bản được hiệu đính này.

Nhất Hạnh theo học cả với 2 vị pháp sư Ân Độ, Thiện Vô Úy và Kim Cang Trí và được cả hai truyền cho các nghi quỹ về Kim Cang Giới (VAJRADHATU) và Thai Tạng Giới (GARBHAKOSA), nhưng có người cho rằng ông coi Kim Cang Giới quan trọng hơn.

Nhất Hạnh là một nhà bác học, trí tuệ cao siêu, ông đã từng được vua Đường Huyền Tông phong làm Quốc sư lúc bấy giờ. Đò biếu sau đây sẽ chỉ rõ hệ thống truyền thừa tại Trung Hoa:

**ĐỨC PHẬT ĐẠI NHẬT
LONG THỌ BỒ TÁT
LONG TRÍ BỒ TÁT**

THAI TẠNG GIỚI

- | | |
|---------------------------------|--------------------------------|
| 1. Thiện Vô Úy (673-735) | |
| 2. Nhất Hạnh | 2. Bát Không |
| 3. Nghĩa Lâm | 3. Huyền Chiếu |
| 4. Thuận Hiếu | 4. Huệ Quả |
| 5. Truyền Giáo
Đại Sư (Nhật) | 5. Hoằng Pháp
Đại Sư (Nhật) |

KIM CANG GIỚI

- | | |
|---------------------------|---------------------------------|
| 1. Kim Cang Trí (663-723) | |
| 2. Bát Không | 2. Nhất Hạnh |
| 3. Nghĩa Tháo | 3. Huệ Quả |
| 4. Nghĩa Chân | 4. Truyền Giáo
Đại Sư (Nhật) |
| 5. Từ Giác Đại Sư (Nhật) | 5. Huệ Tắc |
| | 6. Nguyên Chánh |

III. LUỢC SỬ MẬT TÔNG NHẬT BẢN:

Giáo tướng và Sự tướng của Mật Tông ở Trung Hoa được mang về Nhật Bản do 4 vị Đại sư và những vị khác. Ngay từ đó Mật Giáo được tổ chức và hệ thống hòa hoán bị nhò bận tay tài tình của Không Hải (KUKAI), tức Hoằng Pháp Đại Sư (KOBO) tại Cao Dã Sơn (KOYOSAM). Hoằng Pháp Đại Sư, tổ sư của Chơn Ngôn Tông tại Nhật. Ông là nghệ sĩ đầu tiên và lối lạc nhất về điêu khắc và thư pháp. Thể cách văn học của ông được nguõng mō ở cả Trung Quốc lẫn Nhật Bản. Mật Tông hay Kim Cang Thùa có thể tiêu biểu nơi Hoằng Pháp Đại Sư, là người tập thành toàn bộ Mật Giáo tại Nhật. Để tìm hiểu vị trí của Mật Giáo cần lược khảo lịch sử của Phật giáo trong quá trình văn minh do Phật pháp mang đến cho xứ này.

1. PHẬT GIÁO NHẬT BẢN.

Phật giáo được truyền vào Nhật Bản từ Triều Tiên vào năm 552 hay 538. Đầu Tây lịch, khi vua KUDARA cống hiến Khâm Minh Thiên Hoàng (KIMMEI) một tượng Phật Thích-ca bằng đồng cùng một số kinh điển và đạo cụ. Khoảng 50 năm sau khi du nhập chính thức, Thánh Đức Thái tử (574-622) lên ngôi nghiệp chính và Ngài đã xây nhiều ngôi chùa mỹ lệ ở Nại Lương (NARA) và vùng phụ cận, trong số đó có chùa HORYYUJI (Pháp Long Tự) nay vẫn còn tồn tại. Thái tử lại là một đại học giả và đã sưu thích nhiều bản kinh như Pháp Hoa (PUNDARIKA), kinh Thắng Man (SRIMALA) và kinh Duy-ma-cật (VIMALAKIRTI).

Phật giáo thời này chưa chia thành các tông phái rõ rệt như ngày nay. Nhưng có đến 6 trường phái đã phát huy trong thời Nại Lương (NARA). Đó là: A-tỳ-đạt-ma Câu-xá, Thành Thật,

Luật, Pháp Tướng, Tam Luận, Hoa Nghiêm. Tất cả 6 đều là những sản phẩm bác học, một nền triết học mới, một khoa học mới, một tôn giáo mới, một văn hóa mới và là kho tàng vô tận cho những động lực nghệ thuật. Chùa Phật là các trường học, bệnh viện, thí dược viện, cô nhi viện, dưỡng lão viện mà chư tăng là các nhân viên điều hành và tất cả chi phí đều do nhà vua tài trợ. Có lẽ sự trưởng thành của Phật giáo, trong thời buổi đầu đã được nuôi dưỡng quá lãng phí và quá hời hợt. Vào thế kỷ thứ VIII nó trở thành gánh nặng cho quốc gia. Phần các tăng ni được đặc ân lại đã tỏ ra quá ích kinkel. Phần trong đạo giáo, những cái chính yếu bị hy sinh cho những cái thứ yếu được trưng bày ra. Nên đã đến lúc Phật giáo phải được chuyển hướng. Phật giáo Nại Lương (NARA) phải được thay thế bởi Phật giáo Bình An (HELAN).

Cuối thế kỷ thứ VIII, Hoàng Vũ Thiên Hoàng (KWAMMU) thiên đô từ Nại Lương (NARA) đến kinh đô Tokyo. Trái với truyền thống từ trước, Ngài bỏ lại tất cả những đèn đài ở Nại Lương và cho thiết lập những đèn đài mới trên núi “Tỉ Duệ” (HIEI) ở về phía nam kinh đô. Những nhà lãnh đạo mới Phật giáo, Truyền Giáo Đại Sư và Hoằng Pháp Đại Sư, 2 ngôi sao lớn nhất, sáng chói, đã tiến bước lên vũ đài. Mật Giáo khởi đầu hưng thịnh.

2. MẬT TÔNG TẠI NHẬT.

Ở tại Nhật có đến 2 phái Mật Giáo: Thai Mật (TAIMISU) được truyền từ Thiên Thai Tông bởi Truyền Giáo Đại Sư và Chơn Ngôn Tông được truyền vào Đông Tự (TOJI) bởi Hoằng Pháp Đại Sư. Cá 2 không khác nhau lắm, nhưng về sự tướng thực hành thì Đông Mật là một tông phái đặc biệt vì nó phổ biến hơn Thai Mật; còn về Giáo Tướng thì không có gì khác nhau giữa hai phái cả. Thí dụ cả hai cùng đồng quan niệm về Phật Thích-ca và Đại Nhật và thêm nữa trong việc áp dụng lý

thuyết này vào Thần Đạo (SHINTO) ở Nhật. Học giả tham khảo về sự liên hệ giữa Thần Đạo và Phật giáo cần thông rõ điều này, vì từ ngữ Thần Đạo như Lương Bộ (RYOBU) và Nhất Chân (ICHIJITSU) bắt nguồn từ sự sai biệt về tư tưởng của 2 phái Mật Tông này.

A. THAI MẬT.

Truyền Giáo Đại Sư (DENGYODAISHI 767-823) là Sơ tổ của Thai Mật. Khách đến thăm Kyoto sẽ dễ dàng nhận ra ngọn núi Tỉ Duệ (HIEI) đứng ở đâu, vì nó cao nhất, sừng sững ở phía đông của đô thị. Đó là vị trí được Truyền Pháp Đại Sư chọn để thiết lập Thiên Thai Tông của Phật giáo, còn được gọi tại Nhật là Thai Mật. Ngài là một trong những nhà tu Phật đầu tiên nhận chân được những nguy hiểm của đời sống đô thị, mà những người đi trước ngài thụ hưởng quá nhiều. Ngài không những là một bậc thầy thông suốt nền triết lý rắc rối của Thiên Thai Tông mà còn là một học viên sâu sắc về các nghi điển thần bí của Mật Giáo Trung Hoa và phép tu thiền định. Tham vọng của ngài là dung hội hết thảy các tông phái của đạo Phật thịnh hành đương thời. Tất cả những phái mới của đạo Phật sau này trong thời Kiếm Thương (KAMAKURA) có thể tìm thấy dấu vết trên núi Tỉ Duệ, thủ phủ của Truyền Giáo Đại Sư. Truyền Giáo hình như quá tách biệt với thế gian, Tỉ Duệ vẫn cô liêu dù ở gần thị tứ. Những tông phái cũ của triều đại Nại Lương cố nhiên là những đối thủ của các nhà lãnh đạo mới, không chỉ vì lý do tình cảm mà còn cả về những tông chỉ sai biệt. Truyền giáo thuộc Thiên Thai Tông chủ truyền đường lối Nhất Thừa của kinh Pháp Hoa trong khi các tông phái bảo thủ cũ lại theo tông chi Pháp Tướng (YOGACARA), bất đồng ý về việc quy nguyên Thanh văn, Duyên giác và Bồ-tát thừa vào một thừa duy nhất của kinh Pháp Hoa.



Truyền Giáo Đại Sư Dengyodaishi Sơ tổ của Thai Mật

B. ĐÔNG MẬT.

Hoàng Pháp Đại Sư thuộc một mâu thiền tài khác. Ông là người đa tài nhất trong số các vĩ nhân: một học giả uyên áo, một nhà khố tu, một du khách lịch lãm, một nghệ sĩ lối lạc, một người hoạt bát và một tay thư pháp cù khôi. Chủ đích nghiên cứu của ông là kinh Đại Nhật (MAHAVAIRROCANA SUTRA) và kinh Kim Cang Đánh (VAJRASEKHARA SUTRA). Đó là hai khóa bản lớn của Chơn Ngôn Tông. Ở Trung Hoa, ngài là môn đệ của Huệ Quả (KEIKNA) và kế thừa làm đệ Bát tổ của Chơn Ngôn Tông ở Trung Hoa và là sơ tổ của Mật Tông tại Nhật. Khi về nước ngài đã chọn Cao Dã Sơn (KOYASAN) làm thủ phủ cho chơn ngôn Mật Giáo tại Nhật. Ngài thích có một tăng viện trong các núi non nhưng lại vẫn giữ mối liên lạc với thế gian một cách chặt chẽ. Đông Tự (TOJI) ở phía nam Kyoto thường là nơi ghi lại những dấu chân của ngài tại Kinh Đô. Cao Dã Sơn hoàn toàn là một địa điểm không thể đến so với núi Tỉ Duệ của Truyền Giáo, nhưng khách hành hương tụ hội về đó mỗi năm nhiều biết mấy! Núi ấy trong khi đó ở tại vùng xa xôi của một thành phố nhỏ. Tiểu sử linh diệu của



Tượng của Hoằng Pháp hay Không Hải Đại sư (Kukai) ở chùa Todai-Ji, Nại Lương



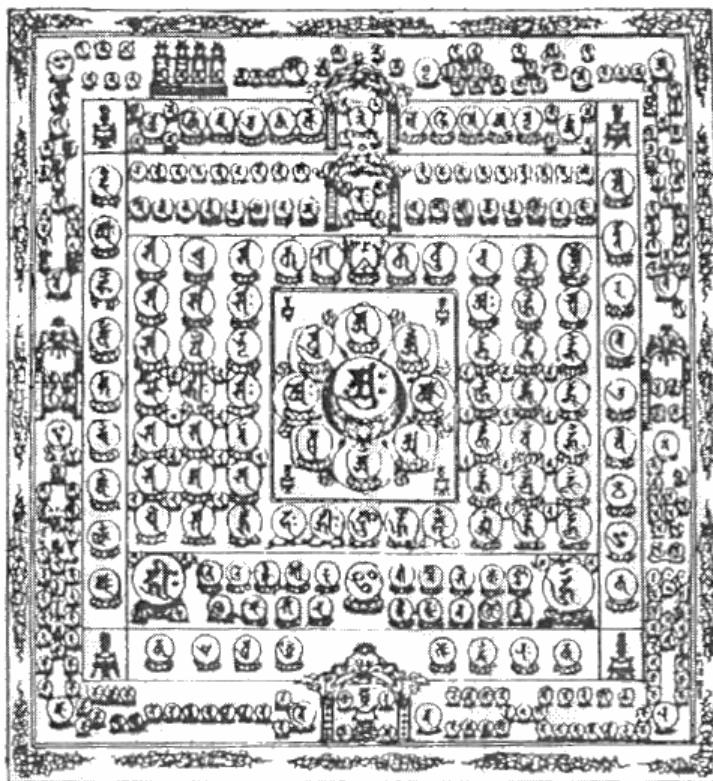
chùa Todai-Ji ở Nại Lương trụ sở chính của Đông Mật



Tâm ngọn núi cao chung quanh đỉnh núi Cao Dã Sơn giống như tâm cánh hoa sen của Thai Tạng giới Mandala. Chính giữa là ngôi chùa Kim Cang Đảnh của Hoằng Pháp Đại Sư

Hoằng Pháp Đại Sư thường được nhiều người hâm mộ. Ngài sanh năm 774, thuộc con nhà quý tộc. Ông là một người hay lạ, huyền bí, khác phàm vừa là một nhà triết học, mỹ thuật, thông thái vừa lại nổi tiếng về các phép thần thông. Có nhiều việc linh do chính tay người làm. Trong lúc mới tu, còn ở trong thời kỳ Sa-di Ngài đã từng chống cự với đám quỷ đến phá Ngài. Lần khác ở tại mũi biển xứ MURATO, có một đám rồng ở dưới nước hiện lên khuấy Ngài trong khi thiền định. Ngài liền niệm chơn ngôn mà đuổi chúng nó và thâu ánh sáng của vì sao hôm vào miệng và phun lên mình bọn rồng đó. Dịp khác, Ngài ngồi nhập định tại một cái Am do Ngài tự cắt, một đám hung thần liền đến làm rộn Ngài, liền khi ấy Ngài vẽ một vòng phép, rồi Ngài ngồi điềm nhiên trong ấy, bọn hung thần chẳng làm chi được và không thể lướt vào. Nhiều khi trong óc của Ngài đã chế ra nhiều kiểu vòng phép, nhiều lá linh phù sử dụng rất hiệu quả. Buổi thiêu niên, cũng như các thanh niên quý tộc khác, Ngài vào học trường đại học để sau này ra làm quan. Nơi ấy Ngài chịu ảnh hưởng tinh thần đạo Khổng. Song Khổng Giáo với phong hóa lẽ nghĩa chẳng vừa với cái tâm của Ngài. Ấy là cái tâm muốn thấu qua kinh tang Phật và cõi đời đặng đạt đến cái chỗ ẩn mật của tư tưởng Phật và cuộc thần bí bao giăng chung quanh con người.

Ké đó Ngài học qua Lão giáo, tự học lấy một cách sót sắng chớ chẳng cần tới thầy. Thấy Lão Tử rõ thông nhiều chỗ sâu thẳm huyền bí, Ngài ngụ ý mà biết một cách quả quyết rằng mỗi vật đều có hai bề. Một bề ngoài và một bề trong, một bề Hiển và một bề Mật, một cái chơn lý phát hiện và một cái chơn lý ẩn nhem. Tư tưởng của Phật cũng ở trong cái luật ấy. Các nhà thành đạo là những người đã đứng vào mặt trong. Sức mạnh của các Ngài dầu lớn, song chưa đủ giải thoát cho loài người. Vậy các Ngài nương lấy tông Chơn ngôn mà cứu nhân độ thế và dùng các phương tiện dẫn độ, những cuộc hành lễ mà



Vòng Phép

đưa sự huyền diệu anh linh trong vũ trụ vào tâm của mọi người. Năm 24 tuổi, Hoằng Pháp giác ngộ sau nhiều cuộc trầm tư mặc tưởng, nhân một hôm nhập định phép Đại Hải Tam-muội, Ngài thấy Phật hiện đến cho Ngài.

Năm 804, Ngài sang Tàu thọ lanh chơn truyền, nối dây liên lạc của chư Tổ từ Đức Thê Tôn. Lần gặp Ngài đầu tiên, Huệ Quả Thát Tổ Chơn Ngôn Tông dạy rằng: “Ta chờ ngươi đã lâu”. Bốn tháng sau, Tổ ban phép Quán Đánh cho Hoằng Pháp và nói rằng: “Đức Thê Tôn truyền đạo cho Đức Kim

Cang, Đức Kim Cang truyền đạo cho Ngài Long Thọ, truyền nối như vậy mãi đến ta; ta nay thấy người đáng thọ pháp, nên ta truyền cho người để người về phô độ nơi quê hương.”

Năm 806, Hoằng Pháp trở về Nhật. Được nhà vua khuyến khích, Ngài liền lập một tu viện tại Cao Dã Sơn để hoằng hóa Chơn Ngôn Tông. Ngài truyền bá học thuyết Chơn Ngôn và độ thé rất mạnh. Danh tiếng của Ngài thật lẫy lừng.

Ngày nay Chơn Ngôn Tông tại Nhật có hơn 10.000 ngôi chùa và tín đồ lên đến hàng chục vạn người. Các hệ phái của tông này kể cả

Thai Mật có cả 2 trường đại học và 2 trường trung học. Mỗi năm đều có xướng xuất ra cả trăm cuộc bố thí và chuẩn bàn. Mật Tông đã được tu tập bởi các thành phần thượng lưu trí thức ở đây. Năm 835, biết rằng phần việc của Ngài ở thế đã mãn, Hoằng Pháp Đại Sư ngài nhập định và thị tịch.



*Huệ Quả hay Tuệ Quả Hòa thượng
(Keikna)*

IV. MẬT TÔNG TẠI CÁC NƯỚC ĐÔNG NAM Á.

Máy xứ Tích Lan, Xiêm, Cao Miên, Nam Dương, Mã Lai, Thái Lan đều thuộc về Phật giáo thiểu thừa là Nam Tông Phật giáo.

Kinh Phật chép rằng về đời vua A-dục, đạo Phật ở Ân đã truyền qua Tích Lan rồi. Hoàng tử con vua A-dục là Mahendra

đã sang truyền đạo Phật ở Tích Lan. Ngài đem theo 3 tạng kinh, rồi các danh sư đến và dịch tiếng bản xứ. Đạo Phật được truyền đến các nước Đông Nam Á cũng chính vào đời vua A-dục. Ở các nơi này người ta tu học cũng chính đáng và nghiêm trang lắm. Mặt khác Mật Giáo được phổ biến tại các nước trên đây cùng một lúc với sự phổ biến Mật Giáo tại Trung Hoa và Tây Tạng.

Sử có ghi ngài Bát Không gặp ngài Kim Cang Trí tại Nam Dương năm 720. Sự kiện này chứng tỏ ngài Kim Cang Trí đã du hóa hoằng bá đạo pháp tại nơi đây vào lúc bấy giờ. Và cũng vào năm này Bát Không đã xin làm đệ tử của ông và ông cùng thầy sang Trung Hoa để tu tập hơn 20 năm tại Lạc Dương. Sau khi thầy mất, ông sang Tích Lan và gặp ngài Long Trí Tam Tạng và dẫn đệ tử cả thầy 37 người đến tham vấn Pháp Sư Phổ Hiền (SAMANTABHADRA) lúc bấy giờ đã có mặt tại Tích Lan nghiên cứu thêm về giáo lý của kinh Kim Cang Đảnh và Đại Nhật Thai Tạng. Ông trở về Tràng An và mang theo một số kinh điển phong phú.

Các sự kiện trên đây đã chứng minh cho sự truyền thừa Mật Giáo do các Pháp Sư Ân Độ tại các nước Đông Nam Á cũng đồng thời điểm tại các nơi khác. Hơn nữa Mật Giáo được phổ biến tại đây cũng bằng một số lượng kinh điển Mật Giáo không kém gì tại Tây Tạng và Trung Hoa.

Ở Xiêm, Miến Điện, Lào, Campuchia, các sư đều có tu tập Mật Pháp. Đa số các vị đều nổi danh về những năng lực thần bí và được dân chúng rất kiêng nể. Một số các vị đã đạt được những năng lực kỳ bí thượng thừa mà dân gian thường truyền tụng.

Riêng tại Việt Nam sau Đinh, Lê, Lý, Trần các chùa Việt không có ai đặc truyền về Mật Giáo, nên không có sư đệ tương truyền.

Năm 1928, cụ Khánh Hòa có thỉnh 3 tạng kinh của Tàu, Nhật đem về Việt Nam. Cho mãi đến năm 1970 không có ai dịch phần Mật Giáo trong Đại Tạng đâu; hoặc có dịch cũng rã rác, không đáng kể. Các chùa đâu đâu vào lúc 4 giờ sáng cũng có trì tụng khóa bản của Mật Giáo như Đại Bi và Thập Chú và hơn nữa trong các thời kinh sáng, trưa, tối... Các sư ở Việt Nam cũng như ở Nhật bản đều có trì tụng Đại Bi để khởi đầu các thời kinh. Chú Đại Bi được rút ra trong kinh “Thiên Thủ Thiên Nhẫn Đại Bi Tâm Đalani”, một bản kinh chú lớn của Mật Giáo được mỗi tín đồ Phật tử tại Việt Nam biết đến và trì tụng. Dù thế khi được hỏi về tông phái Mật Giáo, các Phật Tử gần như không biết đến. Nhưng lạ hơn thế chính ngay các thầy cũng ít người hiểu rõ nên đôi khi lại có những thành kiến sai lầm về Mật Giáo rất tai hại, mặc dù vẫn trì tụng thần chú mỗi ngày.

Thỉnh thoảng cũng có một số sư, tăng tu tập Mật Pháp nhưng đều có tính cách ai coi nấy thực hành, không được sự tương truyền từ các bậc Quán Đánh Sư. Thế nhưng vì tâm đạo bền vững, đạo hạnh trong sáng, nguyên lực độ tha tương ứng với tâm nguyện của Chư Phật và Bồ-tát nên cũng đã đạt được các thần lực bí nhiệm của Mật Giáo từ Chư Tôn bên trên gia trì và làm hiển lộ được các sự ký bí thần thông để cảm hóa người thê. Các chư vị đã xứng đáng thọ hưởng pháp lạc cho riêng mình nhưng vì thiếu sự tương truyền nên không thể ban phép “Quán Đánh” cho các đệ tử. Do đây Mật Giáo tại Việt Nam cũng vẫn giữ mãi tính cách bí truyền mà người thọ nhận vẫn là một ít người được chọn lọc.

Thời gian qua có một số vị tu tập Mật Pháp có vị thế quan trọng ở Việt Nam được nhiều người biết đến; có thể kể ra đây:

–Thượng tọa Thích Viên Đức đã được Hòa thượng Vạn Ân và Từ Thanh ở Phú Yên trao truyền ấn khé bí mật, Ngài đã tu tập và đạt được các thần lực đáng kể về việc trị các bệnh tim

nan y bằng linh phù và nhiều việc kỳ bí khác đã được truyền tụng do Ngài thực hiện... Có thể nói thực sự ông đã có công dịch thuật và hoằng bá các bản kinh Mật Giáo thuộc phần Mật bộ của bộ Đại Tạng Kinh Trung Hoa. Việc học tập Mật Giáo bắt đầu hưng thịnh do việc mạnh dạn phổ biến các bản kinh của Mật Tông bằng tiếng Việt. Ông đã dịch thuật rất nhiều có thể kể sơ lược như:

Kinh Hiển Mật Viên Thông. Kinh Chuẩn-đè Đalani. Kinh Đại Thừa Bảo Trang Nghiêm Vương. Kinh Mật Pháp Nhất Tự Đalani. Kinh Đại Bảo Quảng Bát Lâu Các Thiên Trụ Bí Mật Đalani. Kinh Bảo Nhiếp Ân Đalani. Kinh Phật Đánh Tôn Thắng và một số bản kinh quan trọng khác nhất là quyển “Đông Mật”, gồm nội dung của hơn khoảng trăm quyển kinh của Mật Giáo.

Thật sự về phần giáo pháp, Thượng tọa đã đóng góp công đức rất nhiều về mặt giáo diển cho người Việt Nam về Mật Tông Phật giáo. Tuy nhiên vì thiếu chọn truyền mạch lạc về phép “Quán Đánh” nên Mật Giáo chỉ được hưng thịnh về phần Giáo Tướng còn về Sự Tướng thì Thượng tọa cũng không thể truyền bá được, dầu ngài đã đạt được nhiều thần lực đáng kể.

Ngoài ra còn phải kể đến Hòa thượng Thích Phổ Ứng tại Linh Quang Tịnh xá ở đường Nguyễn Khoái, Khánh Hội. Hàng ngày ông đã chữa trị công khai cho những người bị bệnh tà và đã thi triển được nhiều kỳ bí trước mặt các Phật tử. Tuy nhiên, ông không có ý hướng hoằng truyền bí pháp cả về Sự tướng và Giáo tướng. Có lẽ ông coi Mật Giáo là một pháp môn khó tu tập và chỉ dành đặc quyền cho người xuất gia và hơn thế nữa phải là những người được chọn lọc.

Còn phải kể thêm Thượng tọa Thích Thiền Tâm người hoằng truyền pháp môn Tịnh Độ. Ông đã kiêm trì Mật Giáo và đạt được những thần lực đáng kể; và ông cũng đã dịch được

một số kinh Mật Giáo và đem ra hoằng hóa gần đây. Tuy thế ông không thể thực hiện các chi phần Quán Đánh của Mật Giáo vì thiếu sự chơn truyền.

Tóm lại các Thượng tọa và các Đại đức khác ở Việt Nam có tu tập Mật Giáo đều không thể trông cậy nhiều vào việc hoằng truyền Sư Tướng nhất là làm lễ điểm đạo truyền pháp theo phép Quán Đánh của Mật Tông. Do đó người trì chú khó mong đạt được những ước vọng cao và nào có khác gì những tông phái Hiển Giáo trì Đại Bi, Thập Chú.



CHƯƠNG III

TÔN CHỈ VÀ GIÁO LÝ CĂN BẢN

CHƯƠNG III:

TÔN CHỈ VÀ GIÁO LÝ CĂN BẢN

Giáo thuyết của Mật Pháp được ghi chép lại trong nhiều bộ kinh khác nhau. Tất cả được tập thành trong phần “Mật Bộ” thuộc bộ Đại Tạng Kinh của Trung Hoa và bằng các loại chữ khác. Tuy thế phần Mật Giáo được ghi chép bằng chữ Hán do các vị Pháp Sư vâng chiếu của các vị vua Trung Hoa sùng đạo dịch từ chữ Phạn sang chữ Hán được coi là có tính cách truyền thống và đầy đủ hơn cả. Trong đó phải kể 3 bộ kinh được coi là quan trọng hơn hết vì nó trình bày gần đầy đủ những tôn chỉ và giáo lý căn bản của Mật Giáo. Đó là kinh Đại Nhật (MAHAVAIROCANA SUTRA) thuyết về Mandala được truyền bá mạnh nhất tại miền Nam Án, và tông đồ lập thành phái Thai Tạng Giới và bộ kinh Kim Cang Đánh (VAJRASEKHARA SUTRA) lập thành phái Kim Cang Giới được truyền bá tại mạn Đông và bộ thứ ba là kinh “Tô Tất Địa” để chi bày chơn ngôn, đàn pháp, luật tắc cho hành giả tu tập để đắc thành tất địa. Ngoài ra hằng trăm bộ kinh khác của Mật Giáo cũng đã được đúc kết trong Mật Tạng trên cả ngàn năm nay, tuy thế ít phổ biến về giáo thuyết mà lại thuyết minh nặng về phần phương cách thực hành và oai lực của thần chú do kinh tuyên thuyết. Các bộ kinh này có thể kể một ít như sau: Bí Mật Tạng Đarani, Kinh Bảo Tịnh Đarani, Thủ Hộ Quốc Giới Chủ Đarani Kinh, Diệp Y Quán Tự Tại Bồ-tát Kinh, Kinh Tô-bà-ha Đồng Tử, Kinh Bồ-đề Trường Trang Nghiêm Đarani, Kinh Tối Thắng Tống Trì, Kinh Đại Bảo Quảng Bác, Kinh Mật Pháp Nhất Tự Chú, Kinh Thánh Lục Tự, Kinh Phổ Hiền Đarani, Kinh Văn Thủ Nhất Tự Chú, Kinh Diệu Tý Đồng Tử, Kinh Bất Không Quyền Sách, Kinh Bạch Tân Cái Đarani, Kinh Thiên

Thủ Thiên Nhãm Vô Ngại Đại Bi Tâm Đà-ra-ni, Kinh Như Ý Bảo Luân, Kinh Đại Phật Đánh, Kinh Nhất Thập Diện Quan Thế Âm, Kinh Quán Tự Tại Nghi Quỹ, Kinh Nhất Tự Đánh Luân, Thần Biển Sớ, Mâu Lê Chú Kinh, Kinh Cầu Tức Đắc Đarani, Kinh Vô Cầu Tịnh Quang, Kinh Quán Thế Âm Bồ-tát Bí Mật Tạng Thần Chú, Kinh Đại Thủra Bảo Trang Nghiêm Vương, Kinh Trì Minh Tạng Nghi Quỹ, Kinh Bát-nhã Sớ, Kinh Mạn-dà-la Sớ, Bạch Tán Cái Tụng, Phật Đánh Tụng, Phật Đánh Sớ, Kinh Ngũ Tự Đarani, Kinh Đại Giáo Vương... Để tìm hiểu tổng quát Mật Giáo không gì hơn là tham chiểu hai bộ kinh quan trọng là Đại Nhật và Kim Cang Đánh cũng như sẽ khảo sát sơ lược toàn bộ các bản kinh khác trong Mật Tạng.

I. MẬT GIÁO QUA HAI BỘ KINH ĐẠI NHẬT VÀ KIM CANG ĐÁNH:

Đại Nhật Kinh là lược gọi của kinh “Đại Tỳ-lô-giá-na Thành Phật Thần Biển Gia Trí” gồm 7 quyển, được dịch từ Phạn văn sang chữ Hán vào đời Đường, do ngài Thiện Vô Úy và Nhất Hạnh dịch chung. Kinh Kim Cang Đánh là tên ngắn của “Kim Cang Đánh Nhất Thế Như Lai Chân Thật Nhiếp Đại Thủra Hiện Chứng Đại Giáo Vương Kinh” gồm ba quyển do Đường Bát Không Tam Tạng Pháp Sư dịch. Hai bộ kinh này trên mặt giáo tướng đã giải bày chơn lý, thật tướng của các pháp: Lục Đại, Tứ Mạn, Tam Mật, Thập Trụ Tâm... mà chúng ta cần duyệt xét sau đây:

1. LỤC ĐẠI.

Mật Tông chủ trương Lục Đại là chơn thật thể của vũ trụ. Lục Đại là Địa Đại, Thủy Đại, Hỏa Đại, Phong Đại, Không Đại và Thức Đại. Lục Đại là bản nguyên của các tánh năng sinh (*sinh ra*) năng lưu (*lưu xuất ra*). Trong Lục đại thì 5 Đại trước thuộc về vật, Đại cuối cùng thuộc về tâm (*Thức đại*). Sáu Đại

này mỗi mỗi đều dụng thông, không ngăn ngại, thâu nhiếp lẫn nhau, làm nhân làm duyên cho nhau mà sanh ra các pháp.

Lục đại bao gồm 3 phương diện:

Thể đại: tức là bản thể chung của vũ trụ.

Tướng đại: tức là hình tướng của sự vật và chúng sanh.

Dụng đại: tức là ngôn ngữ, động tác, công dụng của mỗi sự vật.

Như vậy vũ trụ vạn hữu không có gì ngoài Thể đại, Tướng đại, Dụng đại. Thể, Tướng, Dụng là chúng ta dùng trí lực chia chúng ra như thế để quan sát. Chứ thực ra, ba phương tiện ấy không thể rời nhau, không thể tồn tại riêng rẽ được. Ngoài Thể đại thì Tướng đại và Dụng đại cũng không thể có được. Vậy xét một phương diện thì rõ được cả ba.

Như chúng ta thấy ở trên: Sáu Đại dụng thông, thâu nhiếp lẫn nhau và ba phương diện: Thể, Tướng, Dụng, cũng không thể rời nhau. Nên vũ trụ vạn hữu, mặc dù muôn hình vạn trạng, rộng lớn vô biên, vẫn có cái lý dung thông vô ngại, chau biến khắp tất cả. Cái đó gọi là lý tánh hay chơn như. Lý tánh hay chơn như là nồng cốt của Sự tướng. Nhưng nếu không có Sự tướng, thì chơn như hay lý tánh cũng không thể biểu dương được. Lý tánh và Sự tướng là hai khía cạnh tĩnh và động của Nhất Như. Nói tóm lại có Lý tức có Sự, có Sự tức có Lý.

Lý tánh của vũ trụ vạn hữu cũng tức là Phật tánh. Như vậy Phật tánh đều có sẵn trong mỗi chúng sanh, trong mỗi hình thức. Muốn chứng ngộ Phật tánh, muốn thể nhập Chân như, trước tiên phải quan sát Sự tướng. Sự tướng có thể gồm trong 4 loại sau đây, tức là bốn Mandala.

2. BỐN MANDALA.

Mandala có nghĩa là tròn tria đầy đủ, rộng lớn không lường. Bốn pháp Mandala hay gọi tứ mạn tướng đại là bốn

tướng rộng lớn, đầy đủ của bản thể do sáu đại mà biến hiện ra. Bốn pháp Mandala là:

a. **Đại Mandala** (Maha-Mandala). Nghĩa rộng là thân của các loài hữu tình trong mười phương pháp giới, là sắc tướng môn pháp trong mười phương vũ trụ, y theo lục đại mà hiện. Nghĩa hẹp là chỉ cái sắc tướng trang nghiêm của Phật, Bồ-tát... được thể hiện trong các pho tượng chạm trổ, tô vẽ v.v...

b. **Tam-muội-gia Mandala** (Samaya Mandala). Nghĩa rộng là hết thảy cơ khí trong vũ trụ, những vật dụng thường ngày của chúng sanh hay rộng hơn nữa là cái đặc tánh riêng biệt của mỗi pháp. Núi, sông, cây, cỏ... Nghĩa hẹp là chỉ những vật mà Bồ-tát và Phật thường dùng như hoa sen, ngọc Bửu châu, cành dương liễu, chày Kim Cang... để tiêu biểu cho thệ nguyện hay các đặc tánh thù thắng riêng của quý ngài trong việc cứu độ chúng sanh.

c. **Pháp Mandala** (Dharma Mandala). Nghĩa rộng là hết thảy các loại âm thanh, lời nói, hình ảnh, tên gọi, ký hiệu trong vũ trụ. Nghĩa hẹp là chỉ cho những chủng tử tự hay chon ngôn của các đức Phật hay Bồ-tát. Chủng tử ở đây tức là chữ Cái, chữ tiêu biểu cho bản thể của Phật và Bồ-tát, như chủng tử của Đức Đại Nhật Như Lai chữ “A” (අ), chủng tử của Ngài Kim Cang Tát-đỏa là chữ “HUM” (භ). Còn chon ngôn túc là Mật chú và danh hiệu của Phật và Bồ-tát cùng tất cả văn nghĩa trong kinh điển.

d. **Yết-ma Mandala** (Karma Mandala): Yết-ma nghĩa là



HỘM

cử động làm các sự nghiệp. Vậy nghĩa rộng của Yết-ma là chỉ cho hết thảy động tác của chúng sanh và muôn vật. Nghĩa hẹp là chỉ cho hết thảy oai nghi, động tác của chư Phật và Bồ-tát để làm các sự nghiệp độ sanh. Bốn Mandala trên đồng thời tồn tại, đã có một Mandala túc phải có 3 Mandala kia. Bốn Mạn này Phật, Bồ-tát, chúng sanh đều có. Bốn Mạn của Phật không lìa bốn Mạn của chúng sanh, 4 Mạn của chúng sanh không lìa 4 Mạn của Phật. Vì thế kinh thường gọi là 4 Mạn không lìa nhau.

3. TAM MẬT.

Phương pháp tu hành trọng yếu của Mật Tông là Tam Mật. Tam Mật là phương pháp tu hành mầu nhiệm dựa trên thân, ngữ, ý. Tam mật gồm có: Thân mật, ngữ mật, và ý mật. Như trên đã nói, chúng sanh và Đức Như Lai đều do sáu đại làm thể, bốn pháp Mandala làm tướng, không sai khác. Như Đức Đại Nhật có tam pháp giới là thân mật, hết thảy tiếng tăm là ngữ mật, cái thức lớn bao trùm tất cả là ý mật. Còn chúng sanh thì tay bắt ấn là thân mật, miệng niệm chơn ngôn là ngữ mật, tâm chuyên vào Tam-ma-địa (*thiền định*) là ý mật. Nhưng Phật và chúng sanh khác nhau ở tịnh và nhiễm, ngộ và mê, giải thoát và ràng buộc. Vậy chúng sanh muốn được như Phật phải tu hành theo pháp tam mật. Nhờ tay bắt ấn mà tịnh được thân nghiệp, miệng niệm chơn ngôn mà tịnh được khẩu nghiệp, trí quán tưởng Đức Đại Nhật hay các chủng tử tự hoặc linh phù mà dẹp được vọng tưởng, ý nghiệp được thanh tịnh.

Sự tu hành Tam Mật có thể chia làm 2 giai đoạn lớn:

Giai đoạn đầu là Tam Mật Gia Trì. Trong giai đoạn này, sau khi hành giả đã làm chủ được thân, ngữ, ý rồi thì tâm thủy của mình (*tâm vắng lặng như nước đứng yên*) được ánh sáng mầu nhiệm của Đại Nhật Như Lai chói rọi vào, tức là “gia” và tâm thủy mình cùng cảm chịu, thu nhận được ánh sáng mầu

nhiệm ấy, tức là “trì”. Một bên thì gia, một bên thì trì, hai bên thùa tiếp nhau nên gọi là “Tam Mật Gia Trì”.

Giai đoạn hai gọi là Tam Mật Du-già. Khi tam mật gia trì đã thuần thực, thì ánh sáng của Đức Đại Nhật và ánh sáng trong tâm thủy của hành giả hiệp nhau (DU-GIÀ) không sai khác thì gọi là “Tam Mật Du-già”. Đến đây tức là công phu tu hành hữu tướng tam mật đã thành tựu.

Học thuyết Chơn Ngôn Tông coi ba cái Mật này là trọng đại: thân, khẩu, ý. Mỗi vật đều có thân thể, lời nói và tư tưởng, con người thì nói được. Song trong bầu trời những vật khác cũng nói được. Ta chưa nghe và chẳng tầm mà nghe, ta chớ cho vật là câm. Vật vẫn nói, song ta chưa biết nghe, ta không nghe, thế nên Tông Chơn Ngôn mới gọi là thân, khẩu, ý của vạn vật trong vũ trụ là 3 cái mật ẩn, ba cái bí thuật.

Cây cối, cỏ hoa đều nói được hết. Lá xào xạc trên cây, cành khua rắc rắc dưới chiều gió; có khi ta nghe như tiếng ca ngâm; có khi ta nghe như tiếng luận bàn; có khi ta nghe như tiếng nạt nộ. Có dịp ngồi trong một đám rừng sâu và lắng lặng mà nghe, quý ngài sẽ nhận ra rằng cây cối giống hệt như người, bàn bạc, nói năng, chào mời đủ cách. Tiếng suối trên non rò rẽ, kẻ thê thường nhận có bấy nhiêu. Các nhà có cảm, các bậc thi nhân mới mở cái tâm ra, nên nhận là tiếng đòn êm ái, dịu dàng. Máy trang học đạo biết rõ ràng tiếng suối là lời nói đủ âm, đủ dạng. Một đôi khi ngồi dưới bãi biển, ta nghe sóng vỗ vào gành; có khi chúng nó gọi to, có lúc chúng nó ầm ĩ, dường như bàn tính một vật gì.

Mọi vật chung quanh ta. Gia cầm, chim chóc đều nói chuyện và ca mừng rất có ý nghĩa. Vạn vật nào phải là câm. Ấy tại loại người chẳng biết nghe đó. Tiếng nói loài người là một thứ tiếng nói trong bao nhiêu những tiếng nói của vũ trụ. Nếu ta biết tu dưỡng, nếu ta biết để riêng nơi ta một chỗ tinh khiết,

nghiêm trang, nếu ta biết giữ luật đạo, thì ta sẽ hiểu tiếng của vật, cho đến Thần, Thánh, Tiên v.v... ta cũng sẽ thấy hình và tiếng nữa. Điều kiện cần thiết là giữa cái tâm trong sạch, những khiêu trong người ta sẽ mở thông và nhận được các sự ẩn kín trong vũ trụ.

Vì người ta thường chấp theo văn tự, học theo sách vở nên chỉ thấy biết những cái bề ngoài mà thôi. Những môn học thường cho họ biết cái bên ngoài của vạn vật, chứ nào có phân giải với họ về những vấn đề siêu hình, huyền bí, ẩn mật và nào có chỉ cho họ được cái chỗ tuyệt đích mà ta mò không tới, trông không ra, suy không nổi đâu! Thật ra đó mới là cái chỗ loài người rất mong. Họ chỉ thấy vật có hình có thể, chứ họ đâu biết mà nhận ra rằng vật cũng có tư tưởng và lời nói. Vạn vật trong vũ trụ, không trừ vật nào, hễ có hình thể thì có tư tưởng và nói được. Vật nào sống cũng tại tư tưởng, vật là sự phát hiện thành chất của tư tưởng mà tư tưởng lộ ra bằng lời nói, tiếng tăm và dấu hiệu. Không bao giờ có sự lặng thinh mà sự im lặng chính là lời nói ở trong tâm trí. Vậy nên nhờ sự im lặng mà lầm khi vật với vật mới hiểu nhau. Ai mà nhập diệu được hoàn toàn 3 cái thân mật, khẩu mật và ý mật thì đắc ngay quả Phật. Chúng ta phải xét kỹ và học hỏi cho lâu mới thấy cái 3 mật đó. Từ đây về sau chúng ta đừng phân giai cấp, đừng khinh rẻ vật có mạng sống và vật không có mạng sống.

4. THẬP TRỤ TÂM.

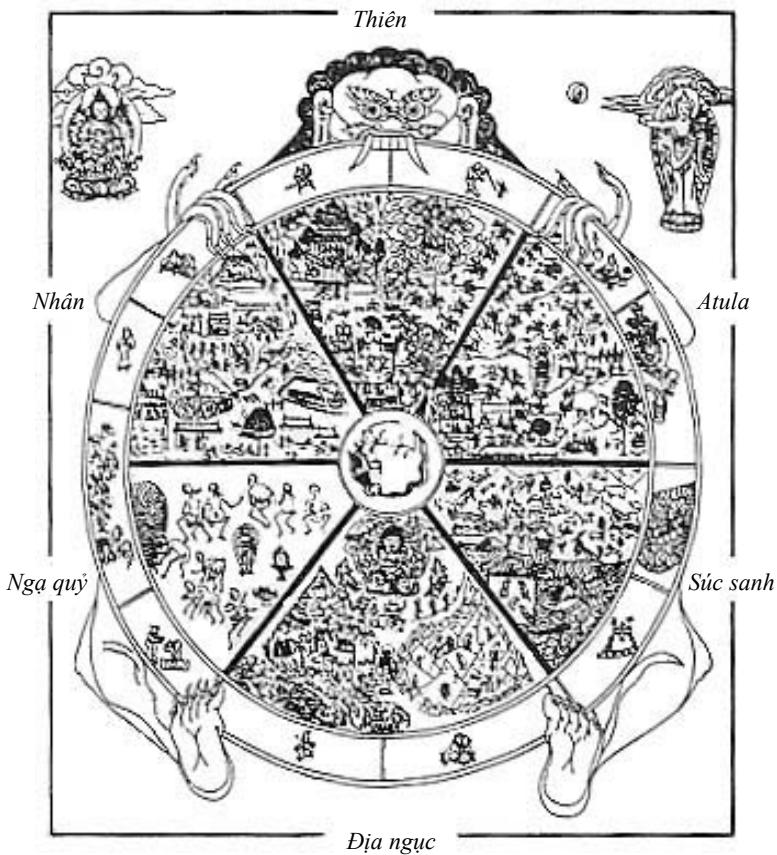
Những nhà Phật giáo Đại thừa tin rằng giáo lý dị biệt giữa các tông phái và tôn giáo khác nhau đều có ích và cần thiết cho những người có khả năng và viễn ảnh khác nhau. Một số những giáo lý này có tính chất quyền biến, bày ra cho tâm thức non nớt của quần chúng; một số khác mới thật là giáo lý tối hậu chỉ thích hợp cho một giai đoạn tiến hóa nào đó và cho một thiểu số người có một trình độ tâm thức cao hơn. Nhưng tất cả những

giáo lý và các tôn giáo đã đóng vai trò xây dựng của chúng trong việc xúc tiến an lạc và phát triển tâm linh nhân loại. Những giáo lý linh thiêng chỉ có một sự dị biệt giữa giáo lý sơ bộ và giáo lý tiên bộ; giữa giáo lý quyền biến và giáo lý tối hậu chứ không giữa giáo lý “đúng” và giáo lý “sai”. Hoằng Pháp Đại Sư (KOKO 774-835) người tập thành toàn bộ Mật Giáo đã phân tích sự phát triển của tâm thức con người và xếp loại thành 10 giai đoạn phát triển của tâm, tức “Thập Trụ Tâm”. Mười bậc tư tưởng trên có ghi trong quyển Đại Nhật Kinh. Đức Hoằng Pháp Đại Sư ví mười bậc ấy như những thời kỳ của một đóa sen dưới hồ:

1) Dị Sanh Kỳ Dương Tâm: những nẻo đường của cuộc sống mù quáng do bản năng điều khiển. Bậc đầu này là lúc con người còn trong cảnh ngu muội; chẳng hơn gì bọn ở 3 cảnh: địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh. Người ta nói rằng những kẻ này sanh ra khác người hiền. Họ sống dưới quyền sai khiến của các sở dục, không biết phân biệt sự phải trái, thiện ác và chẳng hiểu luật nhơn quả. Họ chỉ biết thỏa thích về ăn uống và dâm dục mà thôi. Ở bên Thiên Truóc, người ta gọi hạng này là bọn dê, vì giống vật này khờ khạo và ngu muội hơn hết.

Kìa dưới hồ sen, trước khi nở ra và mọc lên, hoa sen còn là một cái mầm vùi dưới bùn. Ấy là tư tưởng bậc đầu.

2) Ngu Đồng Trí Trai Tâm (Nhân Thừa): Cố gắng vươn lên cho một đời sống đạo đức. Bậc thứ hai là cảnh người biết giữ giới, bậc chung của loài người. Ở đây người ta chưa thông hiểu, song tuân theo giáo điều. Người ta giữ lễ tục theo kinh sách và lời truyền dạy từ xưa. Người theo đạo Phật thì giữ ngũ giới cấm: tránh sát sanh, trộm đạo, tà dâm, vọng ngữ, và ảm túu, nhờ đó khôi tạo cái nghiệp về miệng và thân. Người theo Khổng Giáo thì giữ Tam Cang và Ngũ Thường: quân thần, phụ tử, phu thê, nhơn, nghĩa, lễ, trí, tín. Bên Chơn Ngôn Tông, ở bậc này, kẻ học đạo tham thiền về 3 cái ẩn-mật: thân mật,



Bánh xe Luân hồi

khẩu mật, ý mật. Trỗi bước lần đầu, người ta cũng như cọng sen cát mình lén khỏi lầy. Song còn yếu ớt.

3) Anh Đồng Vô Úy Tâm (Thiên Thừa): Giao đoạn chúng sanh ở cõi Thiên, nỗ lực cho một sức mạnh siêu nhiên. Bậc này là cảnh trí của người trai trẻ không sợ. Đã qua khỏi thời kỳ đáng lo. Tới đây con người tránh được 3 cảnh: Địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ, họ lại ngó thấy cảnh tốt của thần tiên. Họ có gắng trì thập giới của nhà Phật và ưa gần gũi với thiện tri thức, nên chắc khỏi cảnh sa ngã. Người ta cũng kể vào đây phái đồ đạo Lão và Đạo Bà-la-môn chân chánh hành giả Chơn Ngôn Tông bậc này tần hóa khá lăm về thân mật, khẩu mật, và ý mật. Cảnh này ví như hoa sen mà cành đã ra khỏi nước, vượt lên ánh sáng mặt trời.

4) Duy Uẩn Vô Ngã Tâm (Thanh Văn Thừa): Thừa của người vươn lên đòi sống tâm linh cao đẳng như trong các bộ phái tiểu thừa. Câu-xá Tông và Thành Thật Tông. Ở bậc thứ tư, con người không còn giữ cái “bản ngã”. Con người là một cái tâm trí, biết tham xét để tim câu chon lý. Người ta hiểu được: Không có cái tôi, cái bốn ngã, mà có năm cái uẩn: Sắc (*những gì thuộc về vật chất có thể nhìn được hoặc không, còn trong thân thì những gì không thuộc vào các trạng thái tâm lý đều gọi là Sắc*), Thọ (*những cảm giác về khổ hay vui, những tâm lý vui hay buồn*), Tưởng (*suy nghĩ hay tưởng tượng*), Thủc (*cái biết của trí, thành phần phân biệt đối tượng của tâm lý*). Cái bản ngã tự cao, nguyên nhân của các sự bào ảnh, chính nó cũng là bào ảnh nữa, cái bản ngã ấy cũng không thật có nên phải bỏ nó. Cảnh trí này ví như cánh sen còn búp. Chờ khi nồng tới, cái bông búp sẽ nở ra thành một cánh hoa đẹp.

5) Bạt Nghiệp Nhân Chủng Tâm (Độc Giác Thừa): Tự tu tự hưởng nhưng còn vị kỷ. Ở bậc này đã thành Phật Duyên giác. Các Ngài tống ra khỏi tâm những cái tham dục. Các ngài tham thiền về những nhân duyên của lòng tham. Tất cả là 12

cái nối dài với nhau và cái đầu đằng, cái mầm móng là cái vô minh. Nhờ tham thiền các ngài mới lôi chúng ra khỏi mình. Các ngài trở nên minh, đắc quả Phật Duyên giác. Đứng về Tông Chơn Ngôn, bậc thứ tư và thứ năm là cảnh trí của nhà tham thiền về cái chẳng có đích thật. Sự vật tựa hồ như hình rọi vào kính và trăng soi dưới nước. Đời người và cuộc thế tựa hồ như giấc mộng mau qua. Như trên mặt hồ, bông sen rọi xuống rõ ràng, song chẳng qua là bào ảnh.

6) Tha Duyên Đại Thừa Tâm: Tới đây là bậc của các nhà tu Đại thừa đủ lòng bác ái giúp đời. Tuy cuộc thế là mộng ảo chớ cái tư tưởng chẳng phải là ảo mộng. Cái tư tưởng là có thật và mỗi vật đều ở trong đó mà ra ấy là học thuyết của Pháp Tuế Tông. Cái tư tưởng ta thế nào, đời ta thế ấy. Nó lành thì đời ta êm ái, nhẹ nhàng; nó dữ thì đời ta bối rối phiền lo. Và bao giờ tư tưởng ai thấp kém thì đời người ấy không bao giờ thanh cao được. Lại như ta biết cái bí thuật giải thoát mà không độ thoát cho chúng sanh hưởng nhờ, thời ta không thành Phật được. Giá như đức Phật, không đem giáo lý cứu khổ mà độ cho đời thoát ra khỏi bến mê vô tận thì ngài đâu xứng danh là Phật, là danh Đại Từ Bi được. Tư tưởng dễ tấn phát, cần phải lo cho người khác tấn phát với. Ví như hoa sen nở dưới hồ, bị cỏ lá bầu vào, mấy cọng sen mới họp nhau lại mà vượt ra khỏi và lướt lên bầu trời một cách vẻ vang.

7) Giác Tâm Bát Sanh Tâm: Đến bậc này con người đã đạt tới cái tư tưởng “Chân Không”, tức là không phải có và không phải không, cái mực trung thuyết Tam Luận Tông. Người ta tham thiền về 8 cái không: Không sống, Không chết, Không đến, Không đi, Không giống, Không khác, Không có, Không không. Cô súc mà thiền định như vậy cái tưởng bèn thoát khỏi những chỗ thấp thường mà lên chí những đảnh cao nghiêm, vượt tới cõi trời Trung đạo, trong trẻo và êm đềm. Các nhà tu chơn ngôn, bậc thứ 6 và thứ 7 nhập định pháp Du-già

(YOGA: *Hiệp một với Thương Dé*) một cách tự do và dễ dàng. Bậc này như hoa sen lên khỏi mặt nước, tuy không phải là thực hắn chớ không phải là cái bóng rọi trên mặt gương của cái hồ. Không phải thật mà chẳng phải không thật.

8) Nhất Đạo Vô Vi Tâm: Ở bậc thứ 8, người ta tưởng đến nền đạo chung cho tất cả, Nhất Thừa Vô Vi thuộc theo thuyết Thiên Thai Tông. Mọi vật đều như nhau, đều có cái Phật tánh. Cái gì cũng có thể thành Phật hết. Ở đây ví như dưới hồ mà hoa sen mọc lên hứng lấy bóng mặt trời. Khắp cả hồ sẽ có đầy hoa sen! Xinh lịch thay!

9) Cực Vô Tự Tánh Tâm: Bậc thứ 9 đi với thuyết Hoa Nghiêm là thuyết về Hiển giáo cao hơn hết. Tông Hoa Nghiêm giải rằng cái tuyệt đối cũng là một với cái tương đối, nên nó không giữ cái tánh của nó. Ta ví bậc tư tưởng này: hoa sen đến lúc đẹp đẽ, sáng rõ cực điểm, dường như chúa vào nó biết bao sự bí thiết tinh vi.

10) Bí Mật Trang Nghiêm Tâm (Kim Cang Thừa): Tông chỉ của Chơn Ngôn Tông. Bậc thứ 10 là cái tư tưởng tô điểm bằng sự ẩn mật. Đó là tánh chất của Chơn Ngôn Tông. Sự ẩn mật ở đây là ba cái mật: Thân, Khẩu, Ý. Nếu hiểu sự ẩn mật của vũ trụ, thông ba cái mật đó thì thành Phật trong khi sanh tiền, cũng như khi xem hoa sen, ta chẳng phải thích bằng con mắt không mà thôi. Lại khi thấy hoa sen trải qua nhiều thời kỳ từ lúc còn là một hạt giống cho đến lúc hoàn toàn, nếu ta thấy biết có bấy nhiêu, thì ta là người mờ ám đó. Ta phải hiểu cái cuộc đời bè trong linh hoạt và nhiệm màu. Cũng như ta hiểu rằng ta có một cái tâm như Phật và hoa sen cũng có cái tâm nhu ta.



Cảnh giới Địa ngục

5. TRIẾT HỌC MANDALA.

Kinh Đại Nhật và kinh Kim Cang Đánh đã thuyết minh về hai đại-hội bí mật là Thai Tạng Giới và Kim Cang Giới Mandala. Hai Mandala này Chư Tôn, Chân Ngôn, Ân Khê và các chủng tử tự đều khác nhau.

Năm phương Phật trong Thai Tạng Giới là:

- Trung ương Đức Tỳ-lô-giá-na.
- Đông phương Bảo Tràng Như Lai.
- Nam phương Khai Phu Hoa Vương Như Lai.
- Tây phương A-di-dà Như Lai
- Bắc phương Thiên Cổ Lôi Âm Như Lai và các chư tôn Bồ-tát.

Năm phương Phật của Kim Cang Giới là:

- Trung ương Đức Đại Nhật Như Lai.
- Đông phương A-súc-bệ Như Lai.
- Nam phương Bảo Sanh Như Lai.
- Tây phương Vô Lượng Thọ Như Lai.
- Bắc phương Bất Không Thành Tựu Như Lai và các chư tôn Bồ-tát.

Về mặt triết học Thai Giới lấy Đại Viên Cảnh Trí làm tối sơ, lấy Pháp Giới Trí làm sao rốt. Trái lại Kim Cang Giới lấy Pháp Giới Trí làm đầu tiên và lấy Thành Sở Tác Trí làm chung kết. Triết lý về hai Mandala này được trình bày như sau:

1. Thai Tạng Giới.

Theo Đại Nhật Kinh Sớ:

–Thứ nhất “A” ở phương Đông, cứ tiếng Phạn chữ Đông có nghĩa là Phát Động. Theo không gian, thì trong các phương, phương Đông là hơn hết. Đây dụ cho Bồ-đề tâm là bước đầu tiên của muôn hạnh thuộc về Phật Bảo Tràng. Bảo Tràng Phật

là Bồ-đề tâm cũng như trong quân ngũ, ngọn cờ là hướng đạo của binh sĩ, khi tới lui đều phải theo hiệu lệnh đó. Cũng thế muôn hạnh của Bồ-tát cũng đều phải lấy Bồ-đề tâm làm tiêu chuẩn.



Năm phương Phật của Thái Tạng giới. Ở giữa là AH, phương Đông là A, phương Nam là Ā, phương Tây là AM và phương Bắc là AH

Đây là chỉ cho khi thành tựu đạo quả, tức được hưởng pháp lạc chân thật vô lượng không thể nghĩ bàn.

–Thứ tư chữ “AH” có nghĩa vào Niết-bàn ở phương Bắc thuộc về Phật Thiên Cỗ Lôi Âm. Thiên Cỗ Lôi Âm Phật có nghĩa là phương tiện. Đây chỉ cho khi thành tựu đại quả, không những Như Lai riêng minh họ dụng mà còn dùng “Thành Sở Tác Trí” diễn vô số phương tiện hóa độ chúng sanh và sau rốt lại cũng phương tiện mà vào Niết-bàn. Bồ-đề Tâm luận có

- Thứ hai là chữ “Ā” (thuộc loại chữ A) có nghĩa là hạnh Bồ-đề ở phía Nam, thuộc về Khai Phu Hoa Vương. Khai Phu Hoa Vương Như Lai là hoa sen mãn giác. Nếu chỉ có Bồ-đề tâm mà không thực hành 10 độ, muôn hạnh thì giác hoa không nở. Nếu y theo Bồ-đề tâm tu tập Bồ-tát hạnh, hoa Viên giác được sức tự trưởng lẵn nở tròn tria tốt tươi.

–Thứ ba chữ “AM”, có nghĩa là thành tựu Bồ-đề tâm ở phương Tây, thuộc về Phật A-di-dà. A-di-dà là Thọ dụng Phật.

Bảo Tràng Phật



*Thiên Cố Lôi Âm
Phật*

Tỳ-lô-giá-na Phật

*Khai Phu Hoa Vương
Phật*



A-di-dà Phật

Thai Tặng Giới Mandala

nói: “Phật A-di-dà thành tựu Bồ-đề, thọ dụng pháp quả, Phật Thiên Cồ Lôi Âm việc làm đã xong vào Đại Niết-bàn là ý nghĩa này.”

-Thứ năm chữ “AH” (hay Ô) có nghĩa: đầy đủ phuơng tiện ở Trung ương thuộc Tỳ-lô-giá-na. Bản thân và thể hoa-dài của Phật Đại Nhật siêu tuyệt 8 cánh cùng các phuơng sở, chăng phải cánh giới tâm tư, chỉ Phật với Phật mới biết rõ hết. Nhưng vì nghĩ đến bản thể nên Đức Đại Nhật mở tạng Đại Bi để hướng dẫn chúng sanh vào Phật Tuệ, dùng thân lực gia trì hiện thân, khẩu, ý khắp trong các đường sanh tử. Đây tíc là phuơng tiện vậy.

2. Kim Cang Giới.

Mandala ngũ trí Như Lai này được trình bày như sau:



Năm phuơng Phật của Kim Cang giới. Ở giữa là VAM, phuơng Đông là HUM, phuơng Nam là TRAH, phuơng Tây là HRIH và phuơng Bắc là AH.

-Đại Nhật Quang Như Lai (Vairocana), biểu tượng cho Pháp giới thể tánh trí. Chủng tử của Ngài là chữ “ÚM” (OM), tượng trưng cho kinh nghiệm vô biên toàn thể. Chữ ÚM cũng như những chủng tử tự khác mang sức mạnh sáng tác và cũng vì vậy có những lý thuyết về nguyên ngôn tạo hóa (LOGOS: Le verbe créateur) và lý thuyết về thế giới chân động (Théories des vibrations). Trong ngũ uẩn, uẩn liên hệ với Ngài là thức. Thức hay ý thức chấp ngã của cá nhân sau khi kinh nghiệm được pháp tánh vô biên, biến thành ý thức vũ trụ

Bát Không Thành Tựu Như Lai
(Amoghasiddhi – AH)



Đại Nhật Như Lai
(Vairocana – VAM)



Vô Lượng Quang Như Lai
(Amitabha – HRIH)



A-súc-bê Như Lai
(Aksobhya – HUM)



Bảo Sanh Như Lai
(Ratna sambhava – TRAH)

Kim Cang Giới Mandala – Ngũ Trí Như Lai

dưới hình thức ngài Đại Nhật Quang. Ý thức vũ trụ hay pháp giới thể tánh trí được tượng trưng bằng không gian vô biên vừa xanh thẳm vừa xanh thăm, điều kiện tiên quyết của hiện hữu vì nó bảo toàn tất cả không phân biệt. Không gian ở đây là không gian của kinh nghiệm tâm linh, của 5 uẩn: Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức, toàn bộ chứ không phải chỉ riêng cho uẩn sắc dưới hình thức không gian toán học. Trong Mandala Ngũ Trí Như Lai, Ngài Đại Nhật Quang ở trung tâm thân hình màu trắng trong, ngồi trên tòa Sư tử, tay bắt ấn chuyên Pháp Luân (DHARMA CAKRA MUDRA).

–Bát Động Như Lai (AKSOBHYA) hay A-súc-bệ Như Lai, ở hướng Đông biểu tượng cho Đại Viên Cảnh Trí. Chủng tử của Ngài là chữ Hồng (HUM), tượng trưng cho sự nhập thể và thành tựu. Úm và Hồng là 2 giá trị bổ túc. Úm là giải thoát còn Hồng là đem lại cứu độ. Úm đi vào Tống thể còn Hồng từ Tống thể trở về hố thăm của Tâm hồn. Yếu tố nhân thế và tình cảm của chữ Hồng biến Đức Phật thành Bồ-tát, cấp bậc nhỏ hơn nhưng đậm đà hơn, nhỏ hơn nhưng Đại thừa hơn, Hồng là vô biên trong hữu hạn, không thời gian trong thời gian, thiên thu trong chốc lát, “không” trong “sắc” (sắc tức thị không, không tức thị sắc).



A-súc-bệ Như Lai (Aksobhya –HUM)

Ngài Bát Động Như Lai là vị Phật huyền bí trong 5 vị Phật thiền (DHYANI BUDDHAS), tượng trưng cho 2 khía cạnh của thực tại Không và Sắc. Trong Kim Cang Thùra (VAJRAYANA), hai Ngài Đại Nhật và Bát Động có thể đổi vị trí cho nhau tùy thích ứng của tâm hồn mình lúc tọa thiền. Chú trọng về Không hay Sắc, giải thoát hay cứu độ. Ân Ngài sử dụng là Xúc Địa Ân (BHUMI SPARCA MUDRA).

Trong Mandala của Kim Cang Giới, hình vẽ Ngài Bát Động Như Lai thân sắc xanh đậm tay cầm kim cương xuất hiện ngồi trên cặp Bạch tượng oai nghi ở phương Đông lúc mặt trời mới mọc, hào quang của Ngài lại trong sáng như nước (*Thủy Đại*).

–Bảo Sanh Như Lai (RATNA SAMBHAVA), biểu tượng cho Bình đẳng tánh trí. Chủng tử của Ngài là chữ Trạm, tượng trưng cho sự giác ngộ của tâm thức, của Vô phân biệt trí. Giác ngộ là một sự biến chuyển tâm linh, biến chuyển không phải là thay đổi trái bảy giờ, khác trước kia theo một chiều hướng suy luận nào đó nhưng mà lại theo tiếng gọi của uẩn Thọ, nghĩa là sống động với tình thương, với Tù, Bi, Hỷ, Xả. Ngài là vị Như Lai ở phương Nam, thân sắc vàng chói như ánh mặt trời buổi trưa đúng ngọ,



Bảo Sanh Như Lai
(Ratna sambhava – TRAH)

tượng trưng cho sự sung mãn của đời sống tâm linh. Màu sắc của đất, của bình đẳng cũng là vàng. Ân quyết của Ngài, bàn tay mặt ngửa ra chạm đất (DANAMUDRA) biểu tượng cho sự bố thí, cho sự tăng cho chúng sanh 3 bảo vật (Tam bảo) để nương theo đó mà đạt Không tính của Ngài Bất Động và đạt vô ngã của Ngài Bảo Sanh, hầu tiến tới hòa đồng mật thiết với nhau.

Trong Mandala này, hình vẽ của Ngài Bảo Sanh, kim thân tựa trên ngai ngựa, sắc thân vàng chói của Địa đại, Ngài ngự tại hướng Nam.

–Vô Lượng Quang Như Lai (AMITABHA), biểu tượng cho Diệu Quan Sát Trí.

Vô Lượng Quang Như Lai lại là Đức A-di-dà, chủng tử của Ngài là chữ HRIIH và câu chú của Ngài là OM AMITABHA HRIIH. HRIIH là bản chất của Hỏa đại, sôi nóng bùng cháy, phóng hào quang hồng chiếu khắp nơi. Thân Ngài Vô Lượng Quang cũng đỏ thắm như ánh nắng chiều của mặt trời lặn phương Tây. Hoàng hôn là giờ của Thiền định nên Ngài bắt Ân Thiền định (DHYANA MUDRA). Cầm hoa sen nở tượng trưng cho quán tưởng. Uẩn liên hệ với Ngài là



Vô Lượng Quang Như Lai
(Amitabha –HRIIH)

Tưởng. Từ óc phân biệt của Ý thức, Tưởng trở thành quán tưởng của Diệu Quan Sát Trí. Diệu Quan Sát Trí là trí phân biệt cùng tốt của trí tuệ trong lộ trình đi từ Lý qua Sự. Con mắt là tượng trưng cho quan sát cho nên ngôi Ngài Vô Lượng Quang được đặt trên lưng con công, lông cánh đầy cả mắt. Trí quan sát phân tích ở đây hoàn toàn trực giác, không phải lý luận vì căn bản của nó là Bình Đẳng Tánh Trí, tổng hợp những tương quan của vũ trụ. Đứng trên bình diện cá thể và hành động (*thế giới của Sự*), Chủng tử HRIH sống động, tỏa và nở ra trong câu chú UM MA NI PAD ME HUM. Đó là sức mạnh huyền bí của phản ứng không thời gian tính, ấy là tiếng nói của nội tâm, của tâm pháp (BODHIDHARMA) trực chỉ, bộc phát không lý trí. HRIH là chủng tử của Bồ-tát hạnh, của hành động không tính kết quả vì đã khước từ mọi quyền lợi cá nhân, trước sự cứu độ toàn thể chúng sanh. HRIH là tư tưởng kinh Kim Cang thành tựu trong hành động. Ánh sáng hồng chói của Hỏa đại cùng với Ngài Vô Lượng Quang xuất hiện trên lưng con công ở phương Tây.

–Bát Không Thành Tựu Như Lai (AMOGHASIDDHI) biểu tượng cho Thành Sở Tác Trí, chủng tử của Ngài là chữ “A”, tượng trưng cho hành động. Nếu UM là tánh thể của vũ trụ, HỒNG là thành tựu của sự sống, thì AH là hành động tác thành. Những tràng phan ở các chùa Tây Tạng đều có viết ba chữ chủng tử: “UM AH HỒNG”, biểu tượng cho Thể, Ngôn và Tánh. Ngài Bát Không Thành Tựu là vị vương của Phong đại, của gió, của chuyển động, của hơi thở, của sự sống động, Ngài Bát Không còn là một hóa thân của Ngài A-di-đà, vì vậy là vị Như Lai của sự biến hóa vô song nối liền nội tâm và ngoại cảnh, biến chuyển tâm thành sắc, sắc thành tâm, bắc cầu giữa Chân đế và Tục đế. Bát Không (Amagha) là Sự, là thế giới của thành tựu, của pháp thuật (Siddhi), của cứu độ, thực hiện Bồ-tát hạnh. Ngài Bát Không là bí mật nhất trong 5 vị Như Lai. Ngay

cả phương tiện Ngài cõi cũng khác thường. Người chim hay “mệnh mệnh điểu” (Garuda), tượng trưng cho biến hóa và Phong đại.

Uẩn liên hệ với Ngài là Hành, có nghĩa là ý chí, hay sức mạnh tinh thần, phần sống động nhất của tâm hồn chuyển biến thành Thành Sở Tác Trí. Thành Sở Tác Trí nghĩa là trí tuệ biến thành tác dụng, chuyển nghiệp thành duyên, chuyển ý niệm lý tưởng thành sống động sáng tác, chuyển thiên thu thành chốc lát, chuyển khổ hạnh thành giải thoát. Thành Sở Tác Trí lại chuyển những ý niệm khô khan về Lực đại thành những nguyên lý năng động. Địa là tiềm năng (Einstein), Thủy là điện năng, Hỏa là quang năng, Phong là động năng, Không là thời năng (Kuzyref), Thức là tâm năng (Carljung). Thành Sở Tác Trí là hành động của pháp thuật nhiệm màu của trí tuệ và giải thoát.

Ngài Bất Không trong thế giới của Sự, ngoài bi và trí sẵn có, còn có thêm dũng để kiện toàn sứ mệnh. Chữ dũng của Ngài là khởi nguyên của lòng tin tưởng sắt đá rằng “Vạn Pháp Duy Tâm tạo” biểu tượng rằng “Vô Úy Ân” (ABHAYA MUDRA) và bằng ứng thân của Ngài là Đức Di-Lạc (MAITREYA) hay Ngài Thích-ca của tương lai. Tinh thần Vô



Bát Không Thành Tựu Như Lai
(Amoghasiddhi—AH)

Úy của Phật giáo có nghĩa là sẵn sàng nhẫn nhục chấp nhận mọi đau khổ của thế gian để có thể giải thoát chúng sanh bằng cách tự giải thoát. Đó là một hành động huyền bí của Mật Tông: nhảy vào cứu người ta mà lại cứu chính mình vì Đại Nguyện.

Trong Mandala, Ngài Bất Không là vị Nhu Lai ở phương Bắc của gió lạnh, với mặt trời nửa đêm, của thế giới tâm linh huyền bí, hào quang của Ngài màu lục, kết tinh của màu xanh pháp tánh, vũ trụ của Ngài Đại Nhật và màu vàng tình thương muôn loài của Ngài Bảo Sanh.

II. CÁC KINH KHÁC TUYẾT VỀ THẦN CHÚ THUỘC PHẦN MẬT GIÁO.

Ngoài 2 bộ kinh căn bản Đại Nhật và Kim Cang Đảnh, nhiều bộ kinh khác được phiên dịch từ Phạn ra Hán văn do nhiều vị Tam Tạng Pháp Sư đưa ra hoằng hóa, đã được tập thành trong phần Mật bộ của Bộ Đại Tạng Kinh do công đức của các nhà vua Trung Hoa đã tín ngưỡng và sắc chỉ cho các vị Pháp Sư dịch thuật và truyền bá trong nước. Bộ Đại Tạng Kinh được lưu truyền cho đến ngày nay và dĩ nhiên bao gồm Mật Tạng trong đó.

Việc trình bày giáo thuyết căn bản của các bộ kinh Mật Giáo thuộc phần Mật bộ không mấy khó khăn mặc dù có đến hàng mấy trăm bản kinh thuyết về các Đarani khác nhau vì các lý do sau đây:

1) Các kinh điển của Mật Giáo đặt nặng về phần thực nghiệm tâm linh hơn là để trình bày các triết thuyết.

2) Mặc dù có các chi tiết hoàn toàn khác biệt, các bộ kinh đều được trình bày căn cứ vào các điểm tựa chung, đó là: Chỗ Pháp hội. Đại chúng tham dự Pháp hội. Cơ duyên tuyên thuyết thần chú. Pháp kiến lập Đạo tràng. Pháp họa tượng. Pháp Hộ

ma. Pháp niêm tụng Công đức thành tựu của Mật chú. Chư Tôn hộ trì thần chú. Chúc lụy.

3) Các đạo chơn ngôn tuy nhiều, nhưng nếu hành trì nhất đạo chơn ngôn được thành tựu, thời tất cả công năng của các thần chú khác cũng đều được thành tựu.

4) Trong Mật bộ Đại Tạng kinh, thần chú được thuyết không ra ngoài 25 bộ. Có thể kể như sau:

- Phật Bộ: là chủ của Chư Phật giới thiệu.
- Liên Hoa Bộ: là chủ của Bồ-tát Quan Thế Âm và Liên Hoa Bộ Thánh Chúng giới thiệu.
- Kim Cang Bộ: là chủ của Kim Cang Thủ Bồ-tát và Kim Cang Bộ Thánh Chúng giới thiệu.
- Bảo Bộ: là chủ của Phật do Chư Thiên giới thiệu.
- Yết Ma Bộ: là chủ của Phật do Quỷ Thần giới thiệu.

Năm bộ này mỗi bộ gồm có 5 bộ nhỏ, nên toàn bộ có tất cả là 25 bộ thần chú.

Nay công đức của 25 bộ thần chú này, rộng lớn thì vô lượng nhưng có thể tóm lược trong 10 môn sau đây:

1. Hộ trì quốc vương an lạc Nhơn dân môn.
2. Năng diệt tội chướng viễn ly quý thần môn.
3. Trừ thân tâm bệnh, tăng trưởng phước huệ môn.
4. Phàm sở cầu sự giai Bát Tư Nghì môn.
5. Lợi lạc hữu tình cứu thoát u linh môn.
6. Là chư Phật Mẫu giáo hạnh bốn nguyện môn.
7. Tứ Chúng dì tu Kim Cang Thủ Hộ môn.
8. Linh, Phàm đồng Phật Như Lai, Quy mạng môn.
9. Cụ tự tha lực hiện thành Bồ-đề môn.
10. Chư Phật Như Lai thượng nãi cầu học môn.

THỨ NHẤT: HỘ TRÌ QUỐC VƯƠNG AN LẠC NHÂN DÂN.

-“Bí Mật tạng Đarani kinh” nói “Đarani năng hộ trì quốc vương an lành nhân dân.”

-“Bảo Tịnh Đarani kinh” nói “Trong tất cả quốc độ, nơi nào có Đarani lưu hành, thì thường khiếu nhơn vương được ủng hộ, thế lực tự tại; cũng hay ủng hộ sự chánh hòa của quốc vương, những kẻ như Vương tử, Hậu phi, Tề tướng, Phụ thần, các quan tướng thày đều được ủng hộ, khiếu được an vui. Trong nước nếu có nội ngoại oán địch, mưu kế, gian trá, tật dịch cơ cẩn, nắng hạn, lụt lội, ác thú độc long, tất cả việc bất tường như vậy thày đều đoạn dứt, lại khiếu tiền tài, lúa thóc phong nhiêu, kho lẫm đầy rẫy, hoa trái sung thịnh, nhân dân an vui.”

-“Bảo Tạng Đarani Kinh” nói “Đarani lưu hành chỗ nào, hay ủng hộ các Quốc vương, Vương tử, Phi hậu, Công chúa, trăm quan, phu, tướng, khiếu cho các tai nạn tiêu diệt, sở nguyện viên thành, thiên thần gia hộ, không khiếu ma quỷ đến nhiễu não và trong nước được mươi thứ quả tốt:

1. Trong nước không có tha binh, oán tặc xâm nhiễm.
2. Trong nước không có tinh tú biến quái mà khởi lên tai nạn.
3. Trong nước không có ác quỷ thần hành các tật dịch.
4. Trong nước không có gió lửa, sương muối, mưa đá, các nạn.
5. Trong nước không có kẻ oan gia rình tìm được.
6. Trong nước không bị các ma bức bách.
7. Trong nước không có các hoạn tử.
8. Trong nước 5 món thóc lúa đầy đủ, trái ngon quả ngọt

V.V...

9. Trong nước thiêng long, mưa gió thuận thời, không có nắng hạn bão lụt.

10. Trong nước người không bị các thú dữ như: cọp, beo, sói, các ác thú làm tổn hại.

–Thát Phật Kinh Chú nói: “Đarani, nếu nhụt nguyệt, đi không đều, có thể khiến cho đi ngay lại, lúa gạo mất mùa, nắng khiến được mùa, đại thần muru phán, ác tâm tự diệt. Tật dịch đao binh, thảy đều tiêu tán; các vị Nhơn vương muốn hiện đời được an vui, lia các hoạn nạn, nên cần tâm đọc tụng Đarani và nên khuyên hậu phi, thê nữ và các vương tử cùng tụng niệm”.

–Thủ Hộ Quốc Giới Chủ Đarani nói: “Vì sao lại nói hộ noi Quốc vương một cách thiêng vị? Thật ra Quốc chủ an vui thì vạn dân mới an vui, vì vậy nên nói hộ noi quốc chủ”.

–Diệp Y Quán Tự Tại Bồ-tát Kinh nói: “Đarani năng trừ tất cả tai họa, tật dịch, đói kém, giặc cướp, binh đao, nắng hạn, không đều, tinh tú thất độ. Cũng hay tăng trưởng phước đức, cõi nước giàu mạnh, nhơn dân an vui, quốc vương, nam nữ đều được trường thọ.”

-Kinh Tô-bà-ha Đồng Tử nói: “Ly ngoài chơn ngôn không có pháp riêng nào nắng ban vui cho chúng sanh được”.

THÚ HAI: NĂNG DIỆT TỘI CHUỐNG, VIỄN LY QUÝ THẦN MÔN.

Kinh Bồ-đề Trường Trang Nghiêm, Kinh Tối Thắng Tổng Trí, Kinh Lầu Các Đarani v.v... Hơn 20 bản kinh đều nói: viết chép Đarani để trong tượng Phật, Tháp, trong Bảo Xứ, hoặc viết trên tràng phang, trên cây, viết trên vải, lụa, giấy, tre, hoặc trên vỏ cây hoa, vách tường, bản mộc; khiến chúng sanh được xem thấy; hoặc thân tay rờ đến; hoặc đi qua dưới bóng; hoặc những bụi tràn trên chữ chân ngôn mà gió thổi nơi thân; hoặc chép viết, đeo mang tại đanh, trên thân

trong áo; hoặc viết trên tràng phang, nếu gió thổi trên phang rơi vào chỗ chúng sanh; hoặc chép trên chuông, trong linh, mõ, loa, bạt v.v.., mà các tiếng ấy phát ra nghe được tiếng ấy. Tất cả những điều vừa nói trên đều khiến cho chúng sanh, dù bị tội ngũ vô gián là nghiệp mà chư Phật cho rằng không sám hối được, cũng thảy đều sẽ diệt tan, các đời sau sanh về các nước Phật, huống chi thân tựng trì đó ư?

Lại Mật Pháp Trung Nhựt Tự Chú Kinh và hét thảy Đarani kinh đều có nói: “Người trì tụng nói 4 phương hướng, trong vòng 500 dặm, các ác tinh diệu, quỷ thần, thiên ma v.v... hết thảy chạy tản lạc mà đi. Vị nào có phát thiện tâm thủ hộ thì không đi. Nếu có kẻ nào có ý làm chướng ngại mà ở lại phá, liền bị chư Hộ Pháp đập bể đầu ra trăm miếng; thân tâm đập nát. Nhờ thế nên hành giả không bị các ma chướng mà được đến Bồ-đề.

Mật Bộ các kinh đều nói: Đarani năng lìa ma chướng, nơi đây chớ nên luận bàn. Như Hiển Giáo, trong kinh Phát Hoa sọ có kẻ giảng tụng, tu tập kinh Pháp Hoa có bị các ma chướng nên nói phẩm Đarani khiến trừ ác ma. Kinh kia nói: ‘Nếu chẳng thuận Chú ta, não loạn người thuyết pháp, đâu bị phá bảy phần, như nhánh cây A-lê.’”

—Thích Ma Ha Diễn Luận: Dạy người tọa thiền cần phải tụng chú để trừ ma.



Hộ Pháp

–Chỉ Quán Kinh cũng có nói: “Nếu các ma chướng làm não loạn sự tọa thiền, hành giả nên tụng Đại Thừa Phương Đǎng và các chú trì ma nói trong Kinh Giáo. Nếu khi xuất thiền cũng nên tụng chú”.

–Kinh Kim Quang Minh: “Hàng Thập Địa Bồ-tát còn lấy thần chú để hộ trì, huống gì phàm phu u?”

–Kinh Thủ Lăng Nghiêm có nói: “Nếu không trì chú mà ngồi Đạo tràng khiến thân tâm xa lìa các ma sự lẽ đó không bao giờ đúng”. Cũng như “đời mạt thế chúng sanh, muôn tu tam-muội sợ đồng tà ma, nên phải khuyến khích trì thần chú của Ta (Phật). Nếu chưa năng tụng chép nơi thiền đường hay đeo trên mình, thì tất cả các ma chướng không dám đụng đến.”

Các văn như vậy Tạng Giáo rất nhiều, hiện thấy người đời bị quỷ thần não hại. Kẻ trì chú còn trừ cho họ được, huống chi tự thân mình lẽ nào ma quỷ dám làm hại u!

THỨ BA: TRỪ BỆNH THÂN TÂM, TĂNG TRƯỞNG PHƯỚC HUỆ

–Kinh Thánh Lục Tự Đarani, Kinh Văn Thủ Nhất Tự Chú v.v... Hơn 15 bốn kinh, đều nói môn hạnh Đarani năng trừ được các món thân tâm bệnh khổ. Nói thân tâm bệnh ấy là tất cả các thứ bệnh. Hoặc 4 đại làm các thứ bệnh; hoặc ngũ tạng làm các thứ bệnh; hoặc quỷ thần làm ra bệnh; hoặc những bệnh do túc nghiệp gây ra. Những bệnh như vậy, lấy thần chú bất tư nghị lực có thể trừ lành.

–Kinh Trí Cú Thần Chú, Kinh Đại Bi Tâm Đà-ra-ni năng khiến cây khô trở lại sanh hoa trái, huống chi là các bệnh hưu tình mà không trừ được sao!!!”

–Kinh Diệu Tý Đồng Tử, Kinh Tô Tất Địa v.v... đều nói: “Nếu cầu thượng phẩm đại thành tựu, không được dùng chon ngôn gia trì quỷ thần cầm các trùng rắn để lành bệnh người

khác. Làm việc đó thì hay ngăn ngại việc lớn, kẻ tu học nêu y lời Phật, coi chừng dè dặt. Nhưng nếu thật lòng đại bi sâu rộng, ôm lòng Bồ-tát thì không ngăn cản việc đó.”

–Kinh Bất Không Quyền Sách: “Trừ quỷ thần bệnh (*bệnh tà*) phải tu ba nghiệp thanh tịnh, đủ từ bi tâm; chư vị Bồ-tát mới hay làm việc đó.”

–Kinh Bạch Tán Cái Đarani nói: “Nếu có túc-tập tham tâm không được trừ diệt, thì phải một lòng tụng thần chú của ta. Như cô Ma-đăng-già đã cùng ông A-nan nhiều kiếp ân ái, đem chủ lực của Ta, làm cho ái tâm vĩnh đoạn, trở thành A-la-hán; còn như cô dâm nữ kia chẳng có tâm tu hành; khi thần chú thấm vào cũng mau chứng bậc vô học, huống gì bản tâm cầu đạo Bồ-đề đây ư!”

–Kinh Đại Bi Tâm Đà-ra-ni nói: “Chí tâm xung niệm Đarani, lửa dâm dục tắt, tà tâm loại trừ.”

–Như Ý Luân Kinh và nhiều bản kinh Đarani nói: “Chơn ngôn hành giả hiện năng tăng trưởng tất cả phuước huệ, phàm lời đã nói ra, người đều tin thọ, chỗ dụng y vật, tài bảo, tất cả cử ý tùng tâm, năng khiến trong vòng 500 do-tuần; người, trời, quỷ, thần đều đến quy ngưỡng. Lại tự nhiên thông hiểu hết cả Kinh, Luật, Luận và các sách vở của thế gian. Hoặc nhớ tất cả không quên điều gì; mỗi ngày nhớ đến hàng ngàn bài tụng.

–Kinh Đại Nhật Đánh Như Lai Phóng Quang Tát Đát Đa, Bát Đát Ra, Đại Thần Lực Đô Nhiếp Nhất Thiết Chú Vương Kinh, Đại Oai Đức Tối Thắng Kim Luân Tam Muội Chú nói: “Nếu đọc tụng, ấy, dù các chúng sanh này, tự thân của mình không làm các phuước nghiệp, mười phương Như Lai đã có công đức tất phải ban cho người này.” Lại nói: “Nếu trì thần chú, không sanh nghi hối, mà kẻ thiện nam đó, do các bậc cha mẹ sanh ra mà tâm không được thông thì mười phương chư

Phật đều nói dối”. Lại nói rằng: “Chưa tinh tấn khiên được tinh tấn, vô trí tuệ sẽ được trí tuệ v.v... Như chất thuốc dược nhĩ ở thế gian còn hay khiến người trừ bỏ ngủ nghỉ, tăng trưởng tinh thần, huống nữa thần chú lại không sanh trí tuệ u!”.

–Kinh Bát Không Quyển Sách Thần Chú Tâm Kinh nói: “Nếu có tú chúng thọ trì trai giới, chuyên tâm trì tụng thần chú 7 biển, chẳng xen tạp ngũ khác, phải biết người này hiện đời chắc chắn giữ được hai mươi món lợi thù thắng. Hai mươi lợi đó là:

- 1) Thân không bị bệnh tật, được an ổn khoái lạc.
- 2) Do nghiệp lực đời trước, tuy có sanh bệnh nhưng trị mau lành.
- 3) Thân thể mềm mại, da thịt sạch sẽ, trắng đẹp; mặt mày sáng sủa.
- 4) Được mọi người thương kính.
- 5) Mật hộ các cẩn (tai, mắt...)
- 6) Được nhiều tiền của quý báu, tùy ý tho dụng.
- 7) Đã có tài bảo, vương, giặc nước, lửa không thể xâm tồn.
- 8) Sự nghiệp làm ra đều thành tựu tốt.
- 9) Đã có các món tròng tia, không sợ ác long, sương muối, bão lụt làm tiêu hủy.
- 10) Nếu có lúa thóc tai họa xâm phạm, nên tụng thần chú gia trì nơi tro, hoặc nước trải qua 7 biển, rồi đem rưới vào ruộng khắp 8 phương; trên, dưới để làm kiết giới, bấy giờ các tai hoạnh đều được diệt trừ.
- 11) Không bị sự bạo ác của quỷ thần, la-sát đến hớp đoạt tinh khí.

12) Tất cả hữu tình nghe, thấy, hoan hỷ, an lạc thường tôn trọng, không nhảm chán.

13) Không hề sợ sệt tất cả các oán cùu.

14) Dù có oán cùu cũng mau tiêu diệt.

15) Người và các kẻ phi nhân không thể xâm hại.

16) Yếm mị, trù rủa, thuốc độc, yếm chú chẳng dính vào thân.

17) Phiền não, triền cầu không thể hiện hành.

18) Dao, độc, nước, lửa không thể làm phương hại.

19) Chư Thiên, thiện thần thường theo hộ vệ.

20) Đời đời không xa lìa Từ, Bi, Hỷ, Xả.

- Kinh Thập Nhất Diện Quan Thế Âm Thần Chú có nói: “Nếu có các tịnh tín, thiện nam, tín nữ thường trì tụng thần chú, hiện thân sẽ thu được mười món thắng lợi; mười món đó là:

1) Thân thường vô bệnh.

2) Thường được mười phương chư Phật nhiếp tho.

3) Tài bảo, y thực dụng vô tận.

4) Năng hàng phục kẻ oán địch mà không lo sợ.

5) Khiên các bậc tôn quý cung kính vâng lời.

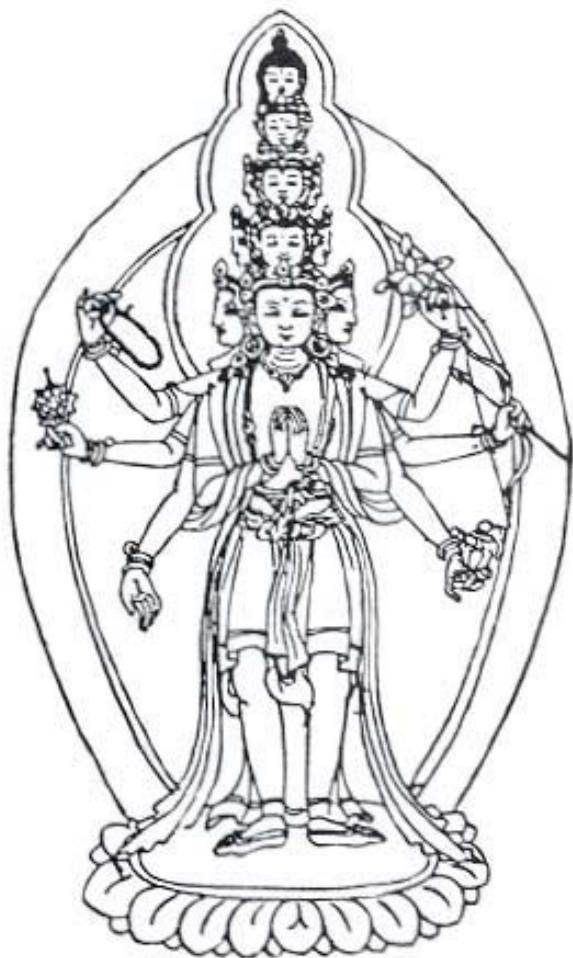
6) Cổ độc, quỷ mị, không thể làm trúng thương.

7) Tất cả dao, gậy không thể làm thương tồn.

8) Nước không thể nhận chìm.

9) Lửa không đốt được.

10) Lâm chung không bị hoạnh tử.



Thập Nhát Diện Quan Thế Âm

THỨ TU: PHÀM CÓ SỞ CẦU, GIAI BẤT TU NGHÌ.

“Kinh Quán Tự Tại Nghi Quỹ”, “Kinh Văn-thù-su-lợi Nghi Quỹ”, “Kinh Nhất Tự Đảnh Luân” và hơn 10 bốn kinh khác đều nói: Chọn Ngôn hành giả khi cầu thành tựu thì dùng 4 thứ vật:

- 1) Cung, tên, rựa, búa, câu, luân, xứ, cảnh, sổ châu, bình bát, cà-sa; tất cả các vật dụng của chư tăng.
- 2) Hùng hoàng, thư hoàng cũng như các món thuốc khác.
- 3) Lấy đất trên bờ sông hòa với bùn dẻo rồi nắn thành hình sư tử, voi, ngựa, trâu... tức là loài đi, chạy, hoặc gà, ngỗng, chim, công, sí, điểu... là loài bay hoặc các hình thú khác.
- 4) Đắp, vẽ hay điêu khắc các hình tượng Phật, Bồ-tát, Minh Vương. Tùy lòng ưa muôn phân biệt ra làm một việc.

Y như pháp trên, xong rồi đem để trong Đàn, như pháp tung chú, khi thấy được ánh lửa xẹt ra, hoặc tay cầm, hoặc xoa thân, hoặc cõi lên cùng trợ bạn trí thức bay lên hư không. Hoặc có người thấy; tất cả đều được bay lên hư không, dạo chơi khắp thế giới, cúng dường chư Phật, Bồ-tát; đều thọ mạng một kiếp, chứng được Sơ địa. Nếu thấy khói xẹt ra, hoặc tay cầm hoặc xoa thân, sẽ được làm vua ở cõi tiên, trụ thọ muôn muôn tuổi. Nếu hơi khí nóng phát ra được tất cả Nhơn, Thiên kính ái, sở cầu như ý.

Đây là tướng thành tựu của 3 phẩm thượng, trung, hạ.

–Nếu hỏa quang hiện ra, được tất cả chư Thần thường đến ủng hộ, các chúng Bát bộ thường cung kính. Dùng tất cả thần chú đều được tối thắng, linh nghiệm.

–Nếu tướng khói hiện ra, tùy chỗ đi, ở đâu không chướng nạn, sở cầu toại tâm.

–Nếu khí nóng hiện ra, được tất cả người và quỷ thần đồng tâm kính ái.

Ở Thiên Trúc có 1 người được thành tựu Thương phẩm, dẫn 500 người bay lên hư không. Như tại đây (Trung Hoa) có ông Hoài Nam Vương luyện chú nấu thuốc, gà, chó, đền liếm trong vạc đều bay lên hư không. Cho nên mọi người nói rằng: Hoài Nam thành đạo, chó sủa trong mây; Vương Kiều đắc tiên, kiềm bay lên trời. Được lực còn như vậy, huống chi thần chú của Phật không thể nghĩ bàn u!

-Thần Biến Sớ nói: “Người, tay cầm Tiên Phượng chưa từng hòa hiệp dùng uống, lại hủy báng rằng: ban ngày bay lên hư không, cho là hư dối; toàn là chuyện không tưởng.”

-Đại Giáo Vương Kinh Darani nói: “Hoặc khiến người tìm Long nữ làm vợ, hàng Dược-xoa làm tôi tớ, cầm quyền tác vào Tu-la cung; chú vào tử thi khiến khai mở những của báu dưới đất; hoặc nói thành nơi thánh dược; hoặc nói tìm đến các tài bảo v.v...

Trong Hiển giáo việc này ít nghe, cho nên Tiên đức nói: “Ngoài Tam thừa ra, riêng có pháp trì minh vậy.”

*Hỏi: Bốn ý của chư Phật là khiến đoạn tham, sân, si; có sao khiến người khơi lòng tham cầu thế sự vậy?

*Đáp: Chư Phật có phương tiện độ sanh không thể nghĩ bàn. Nghĩa là có những chúng sanh không chịu cầu thăng tới đạo Bồ-đề và lại tùy lòng ưa muôn khiến trì chú mà cầu. Do sức thần chú không thể nghĩ bàn, việc mong cầu được toại lòng, tất cả tội nghiệp được tiêu diệt, tự nhiên siêu phàm nhập thánh. Như đứa trẻ con có bệnh không chịu uống thuốc, thầy thuốc có đủ trí, thoa thuốc nơi vú mẹ trẻ nít kia nút vào, không ngờ đã uống được thuốc hay, trừ được bệnh khô.

-Kinh Quyền Tác Tâm Chú có nói: “Nếu có chúng sanh dù đem dua mị để cầu phú quý, danh lợi; nếu được nghe chú này, các chúng sanh đó đời đời kiếp kiếp thành tựu được phước tu trí tuệ.”

–Thần Biến Sớ nói: “Cảnh giới chơn ngôn, hàng Thập địa Bồ-tát còn cho rằng chẳng phải cảnh giới của các Ngài; huống là những người trong cõi tử u!”

THÚ NĂM: LỢI LẠC HỮU TÌNH CỨU THOÁT U LINH.

Đại Bảo Quảng Lâu Các Kinh, Đại Bi Tâm Kinh, Mậu Lê Chú Kinh v.v... hơn 15 bôn kinh đều nói: “Nếu có chúng sanh được thấy thân người trì chú, hoặc nghe âm thanh lời nói, hoặc đi qua trong bóng của họ, thì được tận diệt được tội thập ác, ngũ nghịch, đời sau được sanh vào các tịnh độ của Phật. Lại người trì chú, chỗ mặt họ thấy, chỗ thân họ chạm xúc, hết thấy loài hữu tình cũng diệt tất cả tội, đời sau sanh các nước Phật. Như người trì chú, khi đi đường có gió thổi, hơi gió này chạm vào hành giả rồi cuốn đi; hoặc thân tắm rửa trong sông, nước trôi cuốn đi những kỵ cọ; hoặc khi trời mưa, ngừng mặt lên không trung tụng chú, những hạt nước mưa trên không cũng thấm nhuần linh lực; hoặc trên đỉnh núi tung chú, chỗ nào tầm mắt phóng tới; tất cả sự kiện trên để ảnh hưởng đến các chúng sanh, khiến mọi tội lỗi đều tiêu diệt, đời sau được sanh về cõi tịnh độ của chư Phật, hóa sinh trong hoa sen. Như thế gian chỗ có thuốc độc, đi qua dưới gió, khi gió chạm vào liền bị tồn thương còn có công lực khó lường; huống nữa thần chú không thể nghĩ bàn ư!

–Kinh Quyển Tác nói: “Nếu nghe Đarani mà sanh hủy báng, cũng vẫn được lợi ích. Như người có ác tâm đi vào trong rừng long não chiên-đàn, rồi chặt bẻ, đậm, đạp; làm cho gãy ngã tất cả, chính thân kẻ phá hoại đó cũng dính được cái hương khí thơm tho kia. Cho nên trong Phật Đảnh Tạng có nói: “Thần thông biến hóa khó nghĩ bàn Đarani môn thật là đệ nhất.”

Các Kinh: Vô Cầu Tinh Quang, Bất Không Quyển Tác, Phật Đảnh Tôn Thắng, Kinh Tùy Cầu v.v... nói: “Nếu vong nhơn tạo nhiều ác nghiệp khi chết bị đọa tam đồ; chơn ngôn



Thiên Tây phùng Cực Lạc của Đức Phật A-di-dà

hành giả liền xung tên, tuổi, tộc họ của vong linh rồi chuyên tâm chú tung, lúc bấy giờ vong ấy sẽ lia khói được ác thú và sanh nơi thiền thượng. Hoặc lấy chơn ngôn chú vào nơi đất cát, hoặc hoa xen rải trên mộ, trên thi hài của vong nhơn, liền được sanh về cõi tịnh độ của Phật. Ngoài ra, các y vật, thân phần cốt nhục của vong nhơn mà được bóng người trì chú chói vào, cũng sanh về những nước Phật. Lại chép Đarani rồi đặt trên hài cốt của vong nhơn, vong đó liền sanh nơi Thiên cung. Cho nên bậc Tiên đức có nói: “Bụi rơi bóng chói; thần đạo Thiên cung; rải đất, rưới nước; thúc lìa ác thú.”

*Hỏi: Vong nhơn tạo nghiệp đã thành, bị đọa trong tam đồ vì sao chơn ngôn hành giả hoặc xung tên, họ vong nhơn; hoặc chú nguyện vào cát, đất để trên mộ, trên thi hài mà lại giúp cho vong nhơn đó chuyên khỏi đường ác khổ, còn được vui sướng ở nước Phật ư! Chẳng những kẻ tục-sĩ ôm lòng hoài nghi, mà chính các vị xuất gia cũng khó tin.

*Đáp: Kê trí lấy thí dụ mà được hiểu: “Như cám chú của người đời; cám lửa không cháy, cám dao không đứt, cám rắn không mổ. Còn hay khiến hữu độc thành ra hết độc; huống chi là thân chú của Đức Như Lai, không thể đổi khổ được vui đó ư!

Ngài Trang Tử nói: “Ngoài lục hiệp, Thánh nhơn xét đến nhưng không luận bàn.”

–Kinh Hoa Nghiêm có nói: “Lượng trí công đức đầy đủ của Thập địa Bồ-tát, thì Cửu địa Bồ-tát không hay biết, huống nữa Đức Như Lai là vua trong các Thánh; chỗ có bí mật tâm ẩn, đâu có thể lấy vọng tính của phàm phu mà muôn so lường đó ư! Kìa như con cá nầm đáy giếng làm sao biết sự sâu rộng ở biển Đông, chỉ nên tin chắc đó.”

–Kinh Quán Thế Âm Bồ-tát Bí Mật Tạng Thần Chú có nói: “Nếu có người trì chú, phàm ra làm việc gì cũng được thành tựu, chỉ cần phải thâm tín, không được sanh nghi.”



Ngài Quan Thé Âm Bồ-tát Thiên Thủ Thiên Nhãn

“Người trì chú còn có công năng lợi lạc hữu tình, cứu thoát u linh.”

–Kinh Thiên Thủ Thiên Nhãm Đại Bi Tâm Đà-ra-ni nói:
Người trì chú sẽ không bị 15 món ác tử:

- 1) Không khiến người kia chết vì đói khát, khốn khổ.
- 2) Không bị chết vì cột trói, đánh đập.
- 3) Không bị oan gia, cùu địch mà hại chết.
- 4) Không bị quân trận giết nhau mà chết.
- 5) Không bị chết vì cop beo làm hại.
- 6) Không bị vì rắn rít độc làm hại.
- 7) Không bị chết vì nước trôi, lửa cháy.
- 8) Không bị chết vì trúng độc dược.
- 9) Không bị trúng độc hại chết.
- 10) Không bị cuồng loạn, thất niệm mà chết.
- 11) Không bị chết vì núi, cây, bờ gộp sập đè.
- 12) Không bị ác yểm mị mà chết.
- 13) Không chết vì tà thần, ác quỷ rình hại.
- 14) Không bị ác bệnh triền mà chết.
- 15) Không bị phi phản tự hại mà chết.

–Kinh Bất Không Quyến Tác Thần Chú Tâm nói: “Người tụng chú lúc lâm chung được 8 món lợi thù thắng:

- 1) Khi mạng lâm chung, thấy Quán Tự Tại Bồ-tát hiện ra tướng Tỳ-kheo đến trước mặt an ủi.
- 2) Mạng chung được an ủn, không bị các sự thống khổ.
- 3) Lúc sắp bỏ mạng, mắt không trọn lên, miệng không hả méo, tay buông thong thả, chân duỗi ngay ngắn, không tiết ra phân đơ, nước tiểu, không bị trụt, rót xuống đất.

4) Lúc sắp bỏ mạng, an trụ nhờ chánh niệm, ý không loạn tưởng.

5) Lúc chết không úp mặt.

6) Khi sắp chết được vô tận biện.

7) Khi đã xả mạng rồi, tùy nguyện sanh về cõi tịnh độ của chư Phật.

8) Thường cùng thiện hữu không xa rời nhau.”

–Kinh Thập Nhất Diện Quan Thế Âm Chú nói: “Người tụng chú được 4 món công đức:

1) Khi lâm chung được thấy chư Phật.

2) Mạng chung không bị đọa vào chốn ác thú.

3) Không bị hiềm nạn, tai ách mà chết.

4) Được sanh vào cõi Cực lạc thế giới.”

THÚ SÁU: CHƯ PHẬT MẪU GIÁO HẠNH BỒN NGUYỆN.

Tất cả Chư Phật đều từ Đarani sanh ra.

Kinh Lâu Các nói: “Chơn Ngôn là mẹ của Chư Phật, thành chủng tử Phật, nếu không chơn ngôn thì không thành Chánh giác. Tất cả Tam tạng kinh điển đều do Đarani xuất ra.”

Kinh Tối Thượng Đại Bảo Thùra Vương nói có 4 thùra:

1) Thanh Văn Thùra.

2) Duyên Giác Thùra.

3) Phương Quảng Đại Thùra.

4) Tối Thượng Kim Cang Thùra, đó là Đarani tạng vậy.

Thần Biển Sao nói: “Nghìn dòng, muôn phái khởi từ núi Tích Thạch, Côn Lôn; 12 phần Kinh phát xuất từ tạng Tổng Trì bí mật, lại muôn hạnh cũng do Đarani mà ra. Nghĩa là trong chơn ngôn, mỗi mỗi một chữ toàn là Vô Tướng Pháp

Giới, muôn hạnh đều từ pháp giới mà ra.”

–Kinh Trì Minh Tạng Nghi Quỹ nói: Chữ ÁN (ÚM) tức là vô tướng pháp giới mà ra.

–Thân Biển Sớ nói: “Vô tướng pháp giới toàn là chơn ngôn, chơn ngôn toàn là vô tướng pháp giới, và lại chơn ngôn cũng gọi là Tam tạng, nghĩa là trong chơn ngôn mỗi mỗi một chữ đều gồm đủ cả: Giới, Định, Huệ, dù muôn hạnh, không ra ngoài Lục độ, không ly Tam học. Đã nói chơn ngôn bao gồm Tam tạng, tức biết chơn ngôn bao gồm muôn hạnh. Chơn ngôn là tổng hạnh, các pháp môn khác đều là chi lưu các hạnh môn.”

*Hỏi: Trên dẫn kinh nói rằng: Đarani là Thiền Định Tạng, trăm nghìn tam-muội thường hiện tiền. Nay lại nói: Chơn ngôn tổng hàm Tam tạng, tức biết chơn ngôn tổng chứa tất cả môn Thiền định. Có gì Thiền giả ngày nay không cho trì chú?

*Đáp: Trong các truyện ký Thiên Trúc và Trung Hoa, xưa nay các Thiền Đức đều vâng làm các điều thiện, hướng gì thần chú là Vô tướng định môn, tâm ấn của Phật ư! Trong Bách Tán Cái Đarani có bài tụng rằng: “Khai vô tướng môn viên tịch tông, tự tự quán chiếu Kim Cang Định” hoặc “Du-già diệu chỉ truyền tâm ấn, Ma-ha-diễn hành tổng trì môn.” Hoặc như Long Thọ Bồ-tát, trong Truyền Đăng Lục, ở Tây Thiền thiền tông, là tổ thứ 14 còn chép lược ra Kinh tạng trì minh để hoằng dương thần chú Chuẩn-đế. Ngài Nhất Hạnh Thiền Sư là Thánh Nhơn ở xứ Trung Hoa còn tán thuật Thần biến chơn ngôn. Ngài Trí Giả Thiền Sư chứng Túc mạng thông cùng rộng bày nghi quỹ trì chú. Khê Phù Thiền Sư, có người hỏi Tối Thượng Thừa, ngài liền dạy tụng Mật Ngôn. Vậy xưa các Thiền sư đâu không cho trì chú ư!

Lại như Thiền Tôn đã nói: Tất cả các pháp đều là Chân Nhơn. Trì tụng Chơn Ngôn, đâu không phải là Chân nhơn? Nay

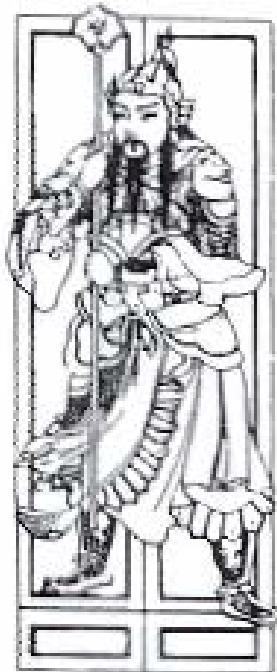
có Thiền sư hoặc Giảng sư thấy hoằng truyền mật chú, sợ mất lợi của mình, tâm sinh tật đố. Vậy xin quý vị hiện tại cũng như vị lai đề phòng ác báo. Bên trên tuy có nói: hủy báng vẫn được lợi ích, nhưng sự lợi đó mong manh lắm; và hủy báng thường bị phạt vì Mật Chú là tâm ấn của Chư Phật, có vô lượng Minh Vương, Chư thiên, Long Thần thảy đến hộ trì; nên khiếp người hủy báng hiện đời đa phần bị trùng phạt xin mong kẻ trí phải cẩn dè đặt vậy.

THÚ BÁY: TỨ CHÚNG DỊ KIM CANG THỦ HỘ.

Tất cả tứ chúng chỉ cần hiểu lời nói; đi, đứng, ngồi, nằm, trong bốn oai nghi, được dễ dàng tụng đọc. Lại chỉ miệng niệm được coi là chơn hạnh, năng trừ phiền não, an lạc pháp thân, không cần thông suốt giáo điển, như người bệnh được uống thuốc, uống vào liền trừ bệnh, thân an, không cần phải hiểu rộng sách thuốc.

–Kinh Bát-nhã Sớ nói: “Tổng Trì (*thần chú*) cũng như diệu dược, cũng như thiên cam lồ, năng trị lành các bệnh, uống thử đó thường an vui”.

–Phật Đánh Đarani Sớ nói: “Trai giới không thọ bẩm mà được đầy đủ, quả chứng tuy xa mà có thể được; tiêu hết nạn, đạt tới lợi ích; tự tu hành lại hóa độ cho người khác, bởi nhơn của người, bởi quả của người, không có việc gì mà không đạt được.”



Chu Thiên

–Mạn Trà La Sớ nói: “Ai niệm thần chú của Đức Như Lai. Tâm tâm ám hợp tâm của Như Lai, đọc mật ngôn của Bồ-tát, sanh tử nào không lánh xa, Niết-bàn nào mà không chứng đắc. Nếu y các Tôn khác tu hành, cần yếu phải biết rộng giáo lý của Phật, tỏ ngộ được chân tâm, nhiên hậu tu hành, mới là chánh hạnh; nếu chưa ngộ mà tu, thì không phải chánh hạnh. Như người bệnh ở đời, cần yếu phải biết rộng sách thuốc, hiểu rõ được tánh mới trị được bệnh, tức khó được trong muôn một vây. Nên biết thần chú hạnh môn tóm lược công đức thâm sâu, khắp dẫn 7 chúng mau đến Bồ-đề, rất là yếu đạo”.

–Ngài Nghĩa Tịnh Tam Tạng có nói: “Lên trời cõi rồng, sai xứ trăm thần, phương pháp lợi sanh chỉ cần thần chú giúp đỡ.”

* Hỏi: Nếu y theo Hiển giáo sanh lòng tin, nương theo lòng tin phát sanh sự hiểu biết, nương sự hiểu biết phát khởi hạnh tu hành, tu hành thành Chánh quả. Nay Mật Tông thần chú không cần sanh hiểu biết, chỉ cần trì tụng sẽ được đạo quả, hẳn đã vượt qua quy tắc thông thường, thật khó mà sanh lòng tin.

* Đáp: Như người bệnh trong thế gian không hiểu phương thuốc, gặp được thuốc thần diệu mà uống, liền được thân tâm an ổn. Nếu đã không hiểu được tánh, vì sao trừ bệnh thân an? Thuốc đời còn như vậy, huống chi thần chú không thể nghĩ bàn của Đức Như Lai, cũng như giáo pháp của Như Lai khó thể lấy một lý mà suy cạn. Đã nói Hiển, Mật có khác; không thể lấy một mặt mà giải.

–Khởi Tín Sao nói: “Ép chặt trụ đòn mà lên giây, toàn là ngu, ôm cây đợi thỏ, chẳng phải kẽ trí; chỉ nên tin mà tu trì sẽ mau đắc đạo quả. Nếu chẳng có lòng tin, thì luống uổng công chẳng ích gì.”

–Kinh Đại Bi Tâm Đà-ra-ni nói: “Tụng trì thần chú thì tất

cả mọi sự mong cầu đều được kết quả toại nguyện, chỉ trừ đối với thần chú mà sanh lòng nghi. Nếu có sinh nghi không tin, trong trăm vạn kiếp luồng uồng công khó nhọc mà chẳng gần được Tam bảo.”

–Các kinh trong Mật Tạng thường nói: “Kẻ hành giả đối với chơn ngôn, trong 4 oai nghi, có vô lượng Thiên Long, Bát bộ chúng, Kim Cang Thiện Thần thường theo gia hộ”.

–Kinh Quảng Đại Viên Mãn Vô Ngại Đại Bi Tâm Đà-rani nói: “Tụng trì Darani là Vô úy tạng, Long Thiên, Thiện Thần thường theo gia hộ. Nếu như pháp tụng chú, túc có tất cả Thiện Thần, Long Vương, Kim Cang Mật Tích thường theo hộ vệ không xa lìa hai bên người trì chú như giữ gìn đôi tròng con mắt, như hộ mạng mình... Người trì chú, hoặc ở núi non đồng vắng, ngủ riêng một mình, các Thiện Thần sẽ thay nhau ngủ nghỉ để bảo vệ trừ sạch tai chướng. Nếu gặp giặc, trận đánh, trộm cướp, trốn lạc qua nước khác Thiện Thần, Long Vương sẽ dẫn dắt về chỗ cũ. Nếu ở nơi núi rừng, đồng vắng, nước lửa thiêu thôn, Long Vương ứng hộ hóa ra nước lửa, cho nên có bài kệ: “Long Thiên Thánh chúng đồng từ hộ, trăm ngàn tam-muội đốn huân tu.”



Chu Thàn

–Kinh Đại Phật Đánh Darani nói: “Giả sử có chúng sanh nơi tâm tán loạn, miệng vẫn tụng thần chú, thường được tám vạn bốn ngàn na-do-tha, hăng hà sa cu-chi Kim Cang Tạng

Vương Bồ-tát chủng tộc mỗi mỗi đều có các Kim Cang chung làm quyến thuộc, ngày đêm thường theo hộ vệ người này. Dù có Ma Vương phương tiện rình tìm người kia, cũng không thể được. Các tiểu quỷ thân xa lánh kẻ thiện nhon này ngoài 10 do-tuần. Nếu quyến thuộc của ma muôn rình tìm đến xâm nhiễm, nhiều hại kẻ thiện nhon các chúng Kim Cang lấy chày đập nát đầu, nhỏ như hạt bụi; nǎng khiến người này việc làm như nguyễn”. Cho nên có bài tụng: “Tám vạn bốn ngàn Kim Cang chúng; đi, đứng, nằm, ngồi đều theo hộ thân.”

Mật bộ các kinh đều rộng nói hộ trì cho người tụng chú. Muốn biết rõ thêm, xin xem trong Tạng giáo.

THÚ TÁM: KHIẾN PHÀM ĐỒNG PHẬT NHƯ LAI QUY MẠNG.

Chơn ngôn người hành giả, trì tụng thần chú, khi khóa số đã mãn. Thân, khẩu, ý, ba nghiệp ra làm các việc thiện, ác đều thành pháp môn vô lậu công đức.

–Bạch Tán Cái Tụng nói rằng: “Tụng xong một vạn tám ngàn biến, biến biến nhập nơi Vô tướng định; tên thành kiên cố Kim Cang Tràng tự tại được gọi là Phật giữa loài người. Dù cho mắng chửi, chẳng lấy làm lỗi, chư Thiên vẫn nghe tiếng thành ra tiếng Phạn Âm.”

–Kinh Đại Bi Tâm Đà-ra-ni nói: “Tụng trì Darani áy, trong miệng nói ra lời gì, hoặc thiện hay ác, tất cả Thiên Long nghe đều là Pháp âm thanh tịnh”. Lại còn có bài kệ: “Thí như thuóc linh đơn, diêm sắt thành vàng báu, tụng trì Darani, biến phàm thành Thánh hiền.”

–Kinh Biến Sớ có nói: “Chơn ngôn hành giả nǎng khiến 3 nghiệp giống như 3 nghiệp của Bổn Tôn”. Cho nên 10 phương thế giới các Đức Như Lai hộ niệm cho người trì chú vậy (Phật Đảnh Tạng).



Tứ Thiên Vương Hộ Thέ

THÚ CHÍN: ĐẦY ĐỦ THA LỰC, TỰ LỰC, HIỆN THÀNH BỒ-ĐÈ.

Trong Hiển Giáo có Tự lực và Tha lực. “Thập Trụ Luận” và “Niệm Phật Cảnh” có nói:

1. Tự Lực Môn: Nghĩa là tu Lực độ hết thảy luôn hạnh, gọi là khó hành đạo, như người đi bộ xa nghìn dặm thì phải đến chậm.

2. Tha Lực Môn: Các pháp môn niệm Phật gọi là dễ hành đạo, như người đi đường thủy xuôi thuyền, thuận gió thì được đến mau.

Nay trong chơn ngôn Bí Mật thần chú, đầy đủ cả hai lực Tự và Tha.

–Kinh Đại Thừa Bảo Trang Nghiêm Vương và các kinh có nói: “Hành giả chơn ngôn, ngày ngày được đầy đủ Ba-la-mật, viên mãn công đức.”

–Phật Đánh Tụng nói: “Không trì trai mà gọi là trì trai, không trì giới mà xung là trì giới... Khi nghe Phật Đánh Đarani liền được Cụ túc Thanh văn giới.”

–Phật Đánh Sớ nói: “Hạnh môn Bồ-tát tùy hành thời đủ; nay không thành tựu mà tự đủ; là nhờ sức của thần chú có đầy đủ muôn hạnh; lời nói không sai.”

–Kinh Mật Pháp Trung Nhất Tự Chú nói: “Sau khi diệt độ, Ta biến thân làm chú này” v.v... tức là Tha lực môn. Kinh Đại Bảo Quang Bác nói: “Ta từ nơi vô lượng cu-chi trăm ngàn kiếp, tuy hành khổ hạnh mà không được Bồ-đề, nhờ có vừa nghe Đarani, thì tăng thêm hạnh tương ứng, liền thành Chánh giác.”

–Ngũ Tự Đarani có bài tụng: “Chư Phật súc bồn thệ, hiện thành các việc Thánh”, và “Nếu họ chưa công đức, chỉ trong đời này liền được Bồ-đề, không cần lao nhọc, tần tu nhiều kiếp”.

-Thần Biển Sớ nói: “Xét Đarani làm Đại bát tư nghỉ thừa, thành Phật thần thông”, có nghĩa là y các món khác để tu thành Phật, như cõi dê ngựa, đi nghìn dặm đường, qua thời gian rất lâu mới đến. Y Đarani môn đệ tu, như cõi thần thông đi nghìn dặm đường, móng ý liền đến nơi. Chỗ đến tuy không khác, nhưng chỗ phương pháp có chậm mau. Lại như các môn thành Phật như mài vàng đá lấy ngọc Nhu ý, tu theo chơn ngôn thành Phật như súc thần thông lấy ngọc Nhu ý.

–Thần Biển Sao còn nói: “Các vị Bồ-tát vì cầu Bồ-đề, tuy tu các khổ hạnh khó làm, như sự cứu lửa cháy dầu, trải qua vô lượng kiếp còn không được thành tựu, chơn ngôn hành giả nếu tu không thiểu pháp tắc thì chỉ trong đời này sẽ được thành công đặc chứng Bồ-đề. Ngoài ra “Đốn siêu các địa vị, mau xa lìa phiền não ràng buộc, là vì nhờ chú thuật”.

–Đại Giáo Vương Kinh có nói: “Nếu không y bí mật khóa tụng tu hành, sẽ không thành công trọn vẹn ở cõi Vô thượng Bồ-đề”.

THỨ MƯỜI: CHU PHẬT, NHU LAI THƯỢNG NÃI CẦU HỌC.

(*Chu Phat Nhu Lai còn tìm cầu học*).

-Đại Thừa Bảo Trang Nghiêm Vương Kinh nói: “Các Phật cũng cầu thần chú, huống nữa phàm phu không trì tụng sao?”

Lại nói: “Đức Quan Âm có 6 chữ Đại Minh Đarani, tất cả Nhu Lai đều không biết chỗ sở đắc kia; nhân vị Bồ-tát làm thế nào mà biết được”... đến nỗi nói: “Phật trên hoa sen đã thành Phật rồi, mới trải qua vâng thờ các Phật, để cầu 6 chữ Đại Minh này v.v...”

*Hỏi: Phật có đủ trí, đâu không biết Đarani đó ư?

*Đáp: có 3 dụng ý.

1) Tiêu-biểu Đarani này là thù thắng thâm sâu, khiên tôn

trọng. Như trên đã nói Phật không biết mà tự cầu đó.

2) Phật trong Quyền giáo: Như A-la-hán hay Bích-chi-phật. Phật trong Quyền giáo không thể biết được Viên tôn mật chú, như Tiêu thura cực quả không hay biết được pháp thâm sâu của Đại thura.

3) Mật Tôn thần chú: tức thế lại là Viên vien quả hải, cho nên Phật không đắc được. Như Thích Đại Thura Luận: “Viên vien quả hải Phật cũng không đắc được”.

* Hỏi: Vì sao chư Phật không đắc được Viên vien quả hải?

* Đáp: Viên vien quả hải là pháp bốn tánh, tiêu biểu chẳng phải Phật tu nhơn đoạn chướng mà được; lại tiêu biểu ra ngoài nhân quả vậy. Vì thế nên nói chư Phật không được mà tự cầu đó. Ngài Hiền Thủ nói: “Tánh đức quả hải, tức là thập Phật cảnh giới vậy”. Mười môn từ trước đến đây là lược bày Mật bộ, y tận kinh điển, chẳng phải riêng do kẻ nào mà hay biết được mật chỉ. Những bậc bác học thượng trí, xét kỹ nơi đây mà rõ.



CHƯƠNG IV

PHƯƠNG PHÁP TU HÀNH

CHƯƠNG IV:

PHƯƠNG PHÁP TU HÀNH

Cũng như các tông phái khác trong Phật giáo, sự tu hành của Mật Tôn gồm có hai phương diện: Sự và Lý; hay nói theo danh từ của Mật Tôn là Giáo tướng và Sự tướng.

–Sự tướng là tất cả những thực hành như: tụng chú, kết ánh, cúng dường, lập đàn, v.v... Tất cả những thực hành ấy phải theo đúng khuôn phép nhất định, chứ không thể dùng ý riêng mà làm càn được.

–Giáo tướng là tất cả những ý nghĩa sâu xa mầu nhiệm mà chư Phật và Bồ-tát đã rút ra trong Sự tướng để chỉ dạy chúng ta.

–Người tu hành phải học tập và thực hành cả 2 phương diện ấy, không được thiên bối bên nào. Không học Giáo tướng thì không lãnh hội ý nghĩa của Sự tướng để làm cho đúng. Không học Sự tướng thì tất cả đều nói suông. Giáo tướng thì có thể nương theo kinh điển mà học hỏi, còn Sự tướng thì phải có các bậc A-xà-lê túc là các vị truyền đạo Mật Tôn, truyền cho mới biết được.

Ngoài sự tu hành hằng ngày, phương pháp tu hành trọng yếu của Mật Tôn là tam mật. Tam mật là phương pháp tu hành mầu nhiệm dựa trên thân mật, khẩu mật và ý mật. Trong Mật giáo, có nhiều phương cách để tu tập tam mật, tùy theo căn cơ và sở thích của hành giả. Nhưng tất cả phép thiền Mật Tôn đều đặt trọng tâm vào việc hướng tư tưởng đến tinh thần đại nguyện Bồ-tát Hạnh trước khi để tự do lựa chọn phương pháp thích nghi cho mỗi cá nhân. Vì lý do đó, việc học tập và am tường giới luật để tiến lần đến việc giữ Đại Giới là điều hữu ích cho một hành giả Du-già.

I. GIỚI LUẬT.

Đức Phật khi còn tại thế, tùy căn cơ, tùy hoàn cảnh mà chế ra nhiều loại Giới luật để răn dạy đệ tử và hóa độ chúng sanh. Sau khi Ngài nhập Niết-bàn, Ngài Uuu-ba-ly vị đệ tử của Phật, tinh thông về Giới luật đứng lên pháp tòa trong kỳ kết tập kinh điển lần thứ nhất để tụng đọc lại những Giới luật mà Đức Phật đã chế ra.

Về sau tuần tự theo thời gian, Nguyên thủy Phật giáo lần hồi chia ra nhiều nhánh hay bộ phái. Mỗi bộ phái lại theo một bộ luật riêng, nhưng tựu chung cũng đều xây dựng căn cứ trên bốn trọng giới và Tam tu tịnh giới (*Nhiếp luật nghi giới*, *Nhiếp thiện pháp giới*, *Nhiều ích hữu tình giới*).

Theo Phật giáo, nghiệp định đoạt tất cả đời sống của chúng ta. Nghiệp có 3 loại: nghiệp của hành động, nghiệp của lời nói, nghiệp của ý nghĩ. Muốn các nghiệp được thanh tịnh, chúng sanh phải giữ gìn Giới luật. Giới luật được chế ra để ứng dụng cho từng loại căn cơ từ thấp đến cao, như: Ngũ giới cấm, Bát quan trai giới, Thập thiện, 250 giới của Tỳ-kheo, và 350 giới của Tỳ-kheo-ni, Đại giới hay Bồ-tát giới. Những giới nào có tính cách tiêu cực, tự lợi chỉ có mục đích chính là tránh tội lỗi cho riêng mình là thuộc về giới Tiêu thừa như: Ngũ giới, Bát quan trai giới, Sa-di và Sa-di-ni giới, Tỳ-kheo và Tỳ-



Đức Phật Thích-ca đang thuyết Pháp

kheo-ni giới. Những giới nào có tính cách tích cực, nhắm vào mục đích lợi tha hơn tự lợi thì thuộc về Đại thừa giới như: Bồ-tát giới trong kinh Phạm Võng và Tam tịnh giới là đại giới của các tông phái khác.

A. NGŨ GIỚI CẤM VÀ CÁC ÍCH LỢI THỰC TIỄN.

1) Giới không sát sinh hại vật: hiện đời không làm người hung dữ khỏi bị tù tội, về sau khỏi đọa trong 3 đường dữ là địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh.

2) Giới không tà dâm: hiện tại thành người tốt, gia đình mình và người không bị rầy rà, đánh đập, khổ sở vì ghen tuông.

3) Giới không trộm cướp: hiện đời làm người lương thiện, khỏi bị giam cầm xiềng xích, đời sau không mắc quả báo bị người giựt của cướp nhà.

4) Giữ giới không nói dối: không nói láo xược, thèo lèo, đâm thọc, không nói hung ác và thô tục, thì không bị người khinh khi, trí tuệ tăng trưởng.

5) Giữ giới không cờ bạc, hút sách, rượu chè: thì khỏi mất tiền, thiếu nợ, khỏi say sưa làm điều tội lỗi và khỏi bị người khinh khi.

B. BÁT QUAN TRAI GIỚI.

Gồm có Ngũ giới cấm kể trên và cộng thêm ba giới:

- Không nằm giường cao, đẹp, rộng.
- Chẳng làm và nghe ca kịch âm nhạc.
- Chẳng dùng các món trang sức, dầu thơm.

Đây là 8 giới mà Phật chế ra cho người tại gia tập sống như người xuất gia.

C. MUỜI GIỚI (Sa-di và Sa-di-ni)

Bát quan trai giới cộng thêm 2 giới:

- a. Chẳng giữ vàng, bạc, tiền.

b. Chẳng ăn trái giờ.

Mười giới là cơ sở của người xuất gia trì giới, tức là tu các việc thiện và diệt những điều ác.

Ngũ giới, Bát quan trai giới, Thập giới trên đây đều thuộc về giới Tiêu thừa. Bốn giới đầu: sát, đạo, dâm, vọng gọi là giới cản bản hễ phạm đến thì tội lỗi rất nặng. Nếu y theo pháp Tiêu thừa thì không thể sám hối được, còn y nơi pháp Đại thừa thì cho sám hối theo pháp “Vô sanh sám hối” mới dứt đặng. Rượu hay giúp làm phạm đến 4 giới cản bản nên đồng gọi là giới cản bản. Các giới tại gia, xuất gia, Tiêu thừa, Đại thừa đều lấy 5 giới đây làm cản bản.

D. HAI GIỚI BỒN CỦA CÁC TỲ-KHEO VÀ TỲ-KHEO-NI (Cụ túc giới).

a. Ba-la-di: (Tăng 4 điều; Ni 8 điều) phạm đến 4 giới này: sát, đạo, dâm, vọng tội không cho sám hối bỏ hẳn ra ngoài Phật pháp.

b. Tăng-già-bà-thi-sa: (Tăng 13 điều; Ni 17 điều) phạm đến một trong các giới này, tỳ như năm căn bị tàn khuyết.

c. Ni-tát-kỳ-ba-dật-đè: (Tăng 120 điều; Ni 208 điều) phạm đến một trong các giới này thì xả thân bị đoạ.

d. Ba-la-đè-đè-xá-ni: (Tăng 4 điều; Ni 18 điều) phạm đến giới này có thể đến Tỳ-kheo kia xin sám hối.

e. Đột-kiết-la: (Tăng 100 điều; Ni 100 điều) pháp giới rất nhiều và nhỏ nhặt cần phải mỗi giờ mỗi phút cẩn phòng gìn giữ.

E. BỎ-TÁT GIỚI HAY GIỚI ĐẠI THỪA CỦA KINH PHẠM VÔNG (10 giới trọng và 49 giới khinh).

Mười món trọng cấm giới là:

- 1) Chó vì vui mà sát sanh.
- 2) Chó trộm cướp của người.

- 3) Chớ cùng với phái nữ mà hành dục (xuất gia), tà dâm (tại gia).
- 4) Chớ có ý nói dối.
- 5) Chớ mua hay bán rượu.
- 6) Chớ nói lỗi của túr chúng.
- 7) Chớ tự khen mình mà chê người.
- 8) Chớ bôn xén pháp với kẻ cầu pháp mà còn hủy nhục họ.
- 9) Chớ vì lời can mà giận dữ và chẳng phục thiện.
- 10) Chớ hủy báng Tam bảo.

Phạm phải 10 giới trọng này, lỗi rất nặng. Bốn mươi chín giới khinh nếu phạm có thể sám hối.

F. GIỚI ĐẠI THỪA CỦA MẬT GIÁO: (Bồ-đề Tâm Bồ-tát Giới Yết Ma Nghi Quỹ).

Tại miền trung Thiên Trúc, nước Ma-đà-già (MAGADHA), thành Vương Xá (RAJAGRAHA), chùa Nalanda Trúc Lâm, Có vị Tam tạng Sa-môn huý DUBACALA, Trung Hoa gọi là Thiện Vô Uý (SUBHAKARASIMHA). Ngài vốn con nhà hào quý, thuộc dòng Sát-ly (KSATRYA), rất thông về pháp nghĩa Đại thừa. Sau khi sang Trung Hoa, có một đệ Thiện Vô Uý A-xà-lê cùng với một Đại đức Thiền sư ở chùa Hội Thiện tại Tung Nhạc là Kính Hiền Hòa Thượng, đối biện về Phật pháp, luận sâu đến yếu chỉ của Đại thừa. Lời biện luận của ngài đã mở rộng tâm giới nhân giới của quần sanh, khiến cho nhiều người mê đạo. Trong đó có nghi quỹ thọ Bồ-đề Tâm Bồ-tát Giới Yết-ma Nghi Quỹ của Mật pháp được truyền đến ngày nay. Có thể tóm lược đại nét như sau:

- 1- Kính Lễ Môn.
- 2- Cúng Dường Môn.
- 3- Sám Hối Môn.

- 4- Quy Y Môn.
- 5- Phát Bồ-đề Tâm Môn.
- 6- Giá Nạn Môn.
- 7- Thỉnh Sư Môn.
- 8- Yết-ma Môn (Tam tụ tịnh giới:
Nhiếp luật nghi giới, tránh các điều ác 10 giới.
Nhiếp thiện pháp giới: làm các việc thiện.
Nhiều ích hữu tình giới: làm các việc lợi ích cho người.)
- 9- Kiết Giới môn.
- 10- Tu Tứ Nhiếp Môn.
- 11- Thập Trọng Giới (*riêng của Mật Giáo*).

II. ĐU NGÔN

Tuy hành giả đã thọ Bồ-tát giới, nhưng cũng nên thọ giới pháp nội chứng thanh tịnh Vô lậu của Chư Phật mới có thể vào Định Môn. Giới pháp đó chính là Đarani bí mật mà Chư Phật đã nương vào để đi đến biển Nhất thế trí. Pháp bí mật này khó được nghe nay chỉ đối với người hữu duyên mà khai thị một đôi phần thiết yếu.

Đarani thứ I: (.....)

Chân ngôn này tung qua ba lần, có thể nghe và đi vào cấm giới thanh tịnh cùng các pháp bí mật khác, có đầy đủ luật nghi thanh tịnh của tất cả Bồ-tát.

Đarani thứ II: (.....)

Chân ngôn này tung ba biến, có thể phát tâm Bồ-đề kiên cố cho đến khi thành Phật không bị thoái chuyển.

Đarani thứ III: (.....)

Tung ba biến liền được tất cả Giới tạng rất sâu và đầy đủ nhân Nhất thế chủng trú.

Đarani thứ IV: (.....)

Tụng ba biến, có thể vào tất cả ngôi quán đảnh Mandala, đối với các pháp bí mật khi nghe không còn bị chướng ngại, kham vào vị quán đảnh của Bồ-tát và thọ trì các Định môn.

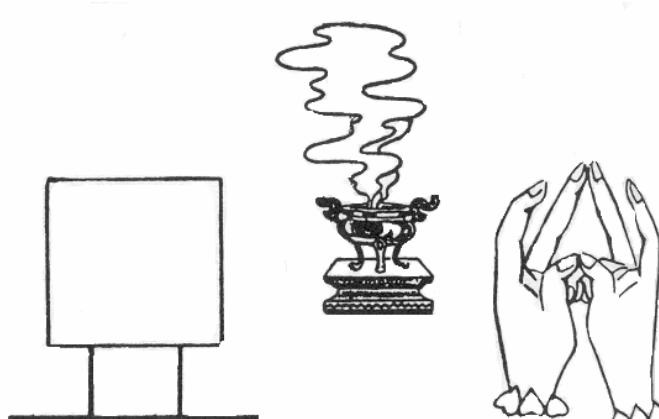
(*Thiện Vô Uý Tam Tạng Thọ Giới Sám Hối Văn và Thiền Môn Yếu Pháp*).

III. NGHI THỨC TRÌ NGŨ BỘ CHÚ – TINH HOA CỦA MẬT-TÔNG PHẬT GIÁO.

GIAI ĐOẠN I: Hành trì trong vòng 100 ngày (108 biến mỗi thời công phu).

GIAI ĐOẠN II: Hành trì trong thời gian một năm ($5 \times 108 = 540$ biến mỗi thời công phu).

GIAI ĐOẠN III: Hành trì trong thời gian ba năm ba tháng ba ngày ($5 \times 108 = 540$ biến mỗi thời công phu).



Kiếng Đàn

Án Chuẩn-đè

Chọn ngày rằm, trước tượng Phật, mua một tấm kiêng chưa từng đổi trước mặt, kiết Án Chuẩn-de trì 108 biến “Ngũ Bộ Chú” trong Kiếng Đàn. Sau mỗi lần công phu để “Kiếng Đàn” trước mặt ngồi bân già hay kiết già trì chú theo nghi thức sau: (*trì niệm trong tâm để thiền định trong Mật Tông*).

A. NGHI THỨC KÍNH LỄ MUỜI PHƯƠNG PHẬT, PHÁP, TĂNG.

1. Chí tâm đánh lễ Nam-mô Thập Phương Pháp Giới Thanh Tịnh Diệu PHÁP THÂN TỲ-LÔ-GIÁ-NA PHẬT (*tức Thượng Đế*). (1 lạy)
2. Chí tâm đánh lễ Nam-mô Thập Phương Pháp Giới Viên Mẫn BÁO THÂN LÔ-XÁ-NA PHẬT. (1 lạy)
3. Chí Tâm Đánh Lễ Nam-mô Thập Phương Pháp Giới Giải Thoát TƯỚNG NGHIÊM THÂN NHÚT THIẾT ỦNG HÓA PHẬT. (1 lạy).
4. Chí Tâm Đánh Lễ Nam-mô Thập Phương Pháp Giới Thâm Diệu Mật Tạng Nhất Thiết Đà-ra-ni Môn. (1 lạy)
5. Chí Tâm Đánh Lễ Nam-mô Thập Phương Pháp Giới Pháp Trí Nhị Nghiêm Thân Nhất Thiết Hải Chúng Bồ-tát. (1 lạy).

B. NGHI CÁCH TRÌ NGŨ BỘ CHÚ:

Kiết Án Chuẩn-de niệm thàm:

ÚM LAM – ÚM XỈ LÂM – ÚM MA NI PAD MÊ HUM –
ÚM CHIẾC LỄ CHỦ LỄ CHUẨN ĐỀ TA BÀ HA - BỘ LÂM.
(đọc toàn bộ 5 câu chú này 108 lần).

C. HỒI HƯỚNG CÔNG ĐỨC TRÌ CHÚ:

1. Phục nguyên:

Tam Bảo Chứng Minh. Oai Thần Hộ Niệm. Bồ-tát Thanh văn. Phạm Thiên Đế Thích Tú Thiên Vương Chúng. Thiên Long Bát Bộ. Hộ Pháp Thần Vương. Nhất Thiết Thiện Thần.

Đồng Thuỷ Chứng Giám. Đệ Tử Chứng Đǎng. Chí Tâm Trì Chú. Hồi Hướng Công Đức. Sơn Lâm Thủy Lục. Không Dã Thị Thành. Oan Hồn Yếu Tử. Nhất Thiết Hương Linh. Cầu Sanh Tịnh Độ.

2. Thứ Nguyên:

Đệ Tử Chứng Đǎng. Tiêu Trù Nghiệp Chuóng. Tà Ma Ngoại Đạo. Yêu Quái Ác Tinh. Ly My Vọng Lượng. Áp Từ Chú Trở. Tật Bệnh Tội Khiên. Tai Nạn Hoạnh Ương. Nhất Thiết Ác Duyên. Tất Giai Tiêu Diệt.

3. Phổ Nguyên:

Tứ Thới An Lạc. Sở Trụ Phong Nhiêu. Phước Huệ Tăng Long. Tùy Tâm Mẫn Nguyên.

NAM-MÔ CÔNG ĐỨC LÂM BỒ-TÁT

(Đọc 3 lần lạy 3 lần)

IV. BẨY PHÁP MÔN TU TẬP THIỀN ĐỊNH CỦA MẬT GIÁO.

Nghiên cứu tỳ giáo về nhiều loại kỹ thuật thiền định của các tôn giáo, học phái và tông phái khác nhau là một chủ đề khó khăn và hấp dẫn vượt quá phạm vi của sách này. Nhưng những pháp môn tu tập thiền định chánh của Phật giáo Đại thừa có thể tóm tắt trong bảy nhóm:

1. **Tu thiền bằng Sô Túc Quán.** Theo lý thuyết căn bản “Tâm Khí Bát Nhị”, nếu ta có thể điều phục được hơi thở ta có thể điều phục được tâm. Do đó, luyện thở là một trong những lối nhập định (Samadhi) hay nhất.

Chữ “Sô túc quán” ngụ ý tập điều ngự hơi thở theo một phương pháp đã được quy định. Các phương pháp thông thường nhất là đếm hơi thở, hoặc là đinh chỉ, hoặc giữ nó lại.

Trong hai cách này, có lẽ cách thứ nhất là cách dễ dàng và an toàn nhất. Cách này vẫn được các Thiền sư tha thiết tiến dẫn và được rất nhiều hành giả tu tập suốt hàng thế kỷ. Không giống các loại khác, loại thiền định này có thể tu tập mà không cần dựa tuyệt đối vào sự hướng dẫn của Đạo sư (GURU) nếu ta thâm hiểu về những kỹ thuật thở và hiểu nguyên tắc căn bản của pháp môn tu tập thiền định. Đại Sư Trí Khải Khai Tô Thiên Thai Tông Trung Hoa giải thích phép luyện thở “Sô và Tùy” rất minh bạch trong tập sách lừng danh của ngài “Lục Diệu Pháp Môn” hay 6 lối tuyệt diệu vào giác ngộ.



Thiền Định

2. Tu thiền bằng cách chuyên tâm vào một điểm. Đây là một lối tu thiền có vẻ giản dị, nhưng thực ra khó khăn. Nhiều Đạo sư (GURU) khuyên hành giả trước tiên phải tinh thông các phép luyện thở đến một mức độ nào đó trước khi khởi sự pháp tu thiền “chuyên tâm vào một điểm” này, nếu không hành giả hắn thấy nó khó khăn và chán nản. Chuyên tâm vào một điểm ngoài thân thể, nghĩa là tập trung sự chú ý vào bất cứ một đối tượng nào trước mặt ta thì an toàn hơn, nhưng không hữu hiệu bằng chuyên tâm vào một điểm đặc biệt nào đó trong thân thể. Tập trung chú ý vào bất cứ thành phần nào trong thân thể hắn đưa lại những kết quả phi thường và đôi khi lạ lùng. Chuyên tâm vào một trọng tâm thân thể đặc biệt nào đó hắn luôn luôn đem lại một kinh nghiệm tâm linh đặc biệt. Chẳng hạn chuyên tâm vào một điểm giữa hai chân mày sẽ đưa lại kinh nghiệm ánh sáng và chuyên tâm vào lỗ rún đem lại một kinh nghiệm an

lạc. Khi chuyên tâm vào trái tim, các nguồn lực tích cực của thân thể sẽ chóng trở nên hợp nhất và vì thế sẽ kịp thời đưa lại kinh nghiệm “không chiêu diệu” hay “không an lạc”. Những nhà Phật giáo Mật tông xác nhận rằng mỗi trung tâm trong năm trung khu (Chakras) chính của thân thể có những chức vụ đặc biệt và những công dụng ưu biệt của nó. Chỉ có một Đạo sư (GURU) đã đắc đạo mới giải thích được chúng một cách mực thiết, có thẩm quyền tài liệu chi tiết hơn về vấn đề này có thể tìm thấy trong văn học Mật Tông Tây Tạng.

3. Tu thiền bằng cách quán tưởng. Nếu ta nhắm mắt và quán tưởng một hình ảnh ta sẽ khám phá ra ngay là việc ấy khó khăn biết bao. Hình ảnh ấy luôn luôn mập mờ và dao động: nó phai mờ, phù trầm và không chịu đứng yên hay hiện ra hoàn toàn. Quán tưởng là một trong những pháp môn hay nhất để chế phục tâm và khí (prana). Mật Tông đặc biệt nhấn mạnh tính cách hữu dụng của nó và áp dụng nó trong hầu hết các hình thức thiền định. Hàng trăm quán tưởng tu tập pháp khác nhau được cung ứng cho các nhu yếu cá nhân và cho các ứng dụng đặc biệt. Quán tưởng một đối tượng tĩnh hoặc một hình ảnh bên ngoài thân thể được xem là một cách luyện tập sơ bộ và chuẩn bị, quán tưởng một đối tượng lưu hành trong một quỹ đạo hữu hạn trong thân thể được xem là một pháp môn tu tập cao hơn. Có quán tưởng một hình ảnh hết sức phức tạp với những chi tiết của nó tuyệt cho những người sơ cơ đang học cách thăng ngự cái tâm loanh quanh của mình, và những thiền định cao hơn thì nên quán tưởng một hình ảnh giản dị hơn. Trong các loại quán tưởng tiến bộ hơn hành giả phải quán tưởng một hình ảnh lớn trong một không gian rất nhỏ. Nhiều đạo sĩ Tây Tạng có thể quán tưởng rõ rệt một Mạn-đà-la (Mandala) lớn trong khoảng một hạt đậu nhỏ xíu. Do đó, quán tưởng một mặt có thể khai mở cái tiềm lực vĩ đại và linh động của tâm và mặt khác có thể đem hành giả đến trạng thái định cao.

4. Tu thiền theo Mantram Yoga (*niệm hay tụng các minh chú hay huyền môn*). Trong khi “Quán Tưởng” là một pháp môn tu tập thiền định sử dụng tâm nhẫn, Mantram Yoga, sử dụng tâm nhĩ. Âm thanh cũng như thị giác, có thể sử dụng như là một phương tiện đưa ta nhập định. Niệm một lời cầu nguyện hay Mantram, hoặc niệm một chữ đơn độc linh thiêng như “OM” hay “AH” là một pháp môn tu tập rất được phổ cập ở Đông phương. Mặc dù Phật giáo không nhấn mạnh sự quan trọng của âm thanh đến mức như “Ân Độ Giáo”, thế nhưng “Yoga âm thanh” xưa nay vẫn là một trong các trụ cột thiền định Phật giáo và được tu tập sâu rộng với các tu sĩ và cư sĩ Phật giáo. Nó được phổ cập như vậy là vì 3 lý do:

Nó là loại thiền định dễ dãi và an toàn nhất, nó là loại thiền định có tính cách sùng mộ và nó thỏa mãn các nhu yếu tôn giáo của quần chúng. Pháp môn tu tập thiền định bằng cách niệm một lời cầu nguyện, một Mantram, hoặc danh hiệu một vị Phật là loại thiền định phổ cập và ảnh hưởng nhất trong các thiền định khác nhau và được Phật giáo đồ đủ mọi trình độ tu tập.

5. Tu thiền bằng cách vận động. Samadhi là một tâm trạng mà ta có thể đạt đến được bằng rất nhiều phương pháp mà trong đó, nói tổng quát, loại trực tiếp nhất là loại “tinh”. Nhưng như thế không hề có ý nghĩa đó là cách độc nhất để nhập định. Một vài lối vận động đặc biệt nào đó cũng có thể đưa đến nhập định. Chẳng hạn Thái Cực Quyền danh tiếng của Đạo giáo Trung Hoa do Đạo sĩ vĩ đại, Trương Tam Phong thời nhà Minh sáng chế, là một pháp tu tập thiền định tuyệt diệu cũng như Thiếu Lâm của Mật tông Phật giáo là một pháp môn độc đáo nhằm khai mở những quyền năng vô hạn của con người. Các loại quyền này do Tiên Thánh mật truyền và là một lối luyện tập rất ôn nhu, được phát minh một cách tinh xảo để đem các nguồn lực tiêu cực và tích cực đến chỗ hài hòa viên

mẫn, do đó tự điều hòa tâm, chế phục khí và còn có thể đưa ta đến nhập định trực tiếp.

Có một pháp môn tu tập thiền định độc đáo khác do các Đạo gia phát minh, gọi là “Nhất Tự Quyết” hoặc các loại Yoga xác thân của Mật giáo, nhờ đó mà hành giả có thể đánh thức dậy cái KUNDALINI (*Sinh Lực*) trong một vài ngày bằng một số cách vận động đặc biệt của hai ngón tay cái. Cách chính xác của vận động này được giữ tuyệt đối bí mật và chỉ được mật khải khi hành giả tiến hóa đến một trình độ tâm linh nào đó. Nói tổng quát, Phật giáo không nhấn mạnh đến sự áp dụng vận động cho các mục đích thiền định, mặc dù Phật không bác bỏ sự hữu dụng của nó và còn áp dụng nó trong những trường hợp nhất định nào đó như là một lối luyện tập phụ trợ rất hay.

6. Tu tập thiền bằng cách chuyện tâm vào thiện ý (hay những tư tưởng sùng mộ). Theo quan điểm tâm linh, lối thiền định này quan trọng hơn hết trong 5 lối thiền định chúng ta vừa bàn đến. Có một giáo lý, được rất nhiều hành giả Phật giáo tu tập, gọi là “Tứ Vô Lượng Tâm” dùng để tôi luyện thiện tưởng và thiện ý đối với tất cả chúng sanh và giảm bớt những chướng ngại giữa mình và người khác, những chướng ngại đã gây ra quá nhiều bất hạnh cho thế gian. Lối thiền định này được các Phật tử xem là nền tảng và chuẩn bị cho các lối thiền định khác. Ở Tây Tạng những bài kệ về “Tứ Vô Lượng Tâm” này được tụng niệm và chiêm nghiệm trước khi bắt tay tu tập bất cứ lối thiền định nào. Thiếu sự chuẩn bị tâm linh phát sinh nhờ sự rèn luyện thiện ý và sùng mộ, bất cứ loại nào cũng khó mà có kết quả lành mạnh được, thay vì vậy nó còn có thể đưa ta đi lạc đường. Các hành giả không ngộ được sau thời kỳ tu thiền dài đǎng đǎng thường khám phá ra rằng công trình chuẩn bị trong phạm vi sùng mộ và tâm linh của họ thiếu sót. Khi ấy họ hǎn trở lại tu tập pháp căn bản như là “Tứ Vô Lượng Tâm”, “Bồ-tát Nguyện” câu nguyện, lễ bái, v.v... để trừ bỏ khiếm khuyết của

họ trong phạm vi này. Những người nỗ lực nghiêm nghị để giác ngộ không bao giờ được sao lãng nó.

7. Tu thiền bằng cách đồng nhất tâm tánh: Đây là lối thiền định “dễ dãi” của thiền và “Đại Thủ Ân” (MAHAMUDRA). Đó là một lối thiền không có một đối tượng gì để chuyên tâm vào cả, tác động đột khởi và tuyệt diệu của tâm, tuyệt đỉnh và và cốt túy của tất cả giáo lý. Đối với những kẻ chưa vào cổng thì đây là một pháp môn khó nhất. Nhưng đối với một kẻ đã vào thì đây là một pháp môn dễ nhất. Tất cả những luyện tập và tu tập khác chỉ là những chuẩn bị cho nó. Điểm cốt yếu của pháp môn này là nhận ra được bản tánh của tâm mình, hoặc ít ra thoáng thấy được nó. Một khi đã nhận ra được tâm tính, hành giả hẵn cố thâm nhập vào nó bất cứ lúc nào và bất cứ ở đâu không chút khó khăn. Trong động hoặc trong tĩnh, cái ý thức “không chiêu diệu” hẵn luôn luôn chiêu sáng trong hành giả. Mặc dù sau khi nhận ra hoặc thấy tâm tính vẫn còn một con đường dài để đi, cái “thoáng thấy” đầu tiên được tất cả các hiền triết Phật giáo xem là điều quan trọng nhất, mà tất cả các hành giả thoát tiên phải cố đạt được. Một khi đã vào được cái “cổng không cổng”, thiền định không còn là một tu tập hoặc một nỗ lực. Bây giờ nó đã trở thành một tác động tự nhiên ngẫu phát của đời sống. Nhưng để đạt được cái “cổng không cổng” này, ta phải tu tập chăm chỉ pháp môn “không có gì để tu này” hoặc theo con đường thiền, hoặc theo con đường Đại Thủ Ân. (“Tạng Thư Về Đại Giải Thoát” hay Tibetan Book of The Great Liberation và “Yoga Tây Tạng và Giáo Lý Bí Truyền” hay Tibetan book Yoga and Secret Doctrine cuốn II của Evans-Wentz).



**CHƯƠNG V
QUẢ TUỐNG**

CHƯƠNG V: QUẢ TUỐNG

I. MỘNG CHỨNG.

Này Tô-bà-ha Đòng tử! Khi niệm tụng không nên quá chậm, cũng không được quá mau, âm thanh vừa nghe không được lớn nhỏ, chẳng nên gián đoạn, chớ xen tạp nói chuyện với người, chớ để tâm duyên nơi cảnh khác, với các tư thế chớ có sai lầm. Ví như nước sông lớn ngày đêm trôi chảy không ngừng nghỉ, người trì tung tu các công đức như cúng dường, lễ bái, tán thán... ngày đêm tiếp tục cũng lại như vậy. Nếu hành giả thoát tướng đến các cảnh tạp nhiễm, hoặc khởi niệm giải đái, ái dục, nên mau hồi tâm quán vân tự của chơn ngôn; hoặc quán bốn tông hay thủ án. Ví như người tu Tỳ-bat-xá-na trụ tâm nơi chót mũi hoặc giữa đôi mày, lần lần tâm được thuần thực, khi đối cảnh không còn loạn động. Đó gọi là quán hạnh thành tựu. Bậc Du-già hành giả cũng thế, nếu đối với cảnh sở duyên về chơn ngôn tâm không lay động, tức được “Trì minh” thành tựu. Cho nên muôn cầu tất địa hành giả nên nghiệp tâm nơi một cảnh. Khi tâm đã được điều phục sự hoan hỷ tự phát sanh, tùy nơi hoan hỷ thân liền nhẹ nhàng, tùy nơi nhẹ nhàng thân được an vui, tùy nơi an vui tâm liền được định, tùy nơi được định, không còn nghi lực khi niệm tụng, tùy nơi niệm tụng tội liền tiêu diệt, tùy nơi tội tiêu diệt tâm được thanh tịnh. Vì tâm thành tựu nên thành tựu pháp chân ngôn. Cho nên Như Lai nói: “Tất cả các pháp vui thù thắng của nhân thiêng. Do tâm tạp nhiễm mới bị nỗi khổ tam đồ cho đến cảnh gian nan nghèo khổ.” Nếu tâm thanh tịnh cùng cực, hành giả sẽ xa lìa đất, nước, gió, lửa, sanh già bệnh chét, không chấp hai bên, đi vào cảnh giải thoát vắng lặng. Như tâm được một ít phần thanh tịnh, pháp chơn

ngôn cũng dễ thành, hành giả sẽ xa lìa sự vui vô thường, biến hoại. Các pháp đều từ tâm sanh, chẳng do thời gian, không phải tự nhiên xuất hiện, không phải do tự nhiên tạo tác, chẳng phải không nhân duyên, cũng chẳng từ nơi ngã mà sanh, chỉ vì vô minh nên chúng sanh lưu chuyền trong nẻo luân hồi, do 4 đại hòa hợp giả gọi là Sắc, sắc chẳng phải ta, ta chẳng phải sắc. Do đó suy diễn ra, 4 uẩn kia cũng không. Sắc uẩn vô thường như cụm bột, Thọ như bóng nước, Tưởng như hơi nóng, Hành như chuối cây, Thức dường trò huyền. Nhận xét như thế mới là chánh kiến, nếu khác là tà kiến.

Lại nữa, Tô-bà-ha Đồng tử! Nếu hành giả trì tụng chân ngôn đủ số lượng, tự biết mình gần với Tất Địa. Tai sao thế? Vì trong giấc mơ, kẻ trì tụng tất thấy một hoặc nhiều hóa tướng như sau: Thấy mình bước lên lâu cao đẹp, đi lên đỉnh núi cao hoặc leo lên cây to. Thấy mình cưỡi ngựa bạch, cưỡi cọp bạch, cưỡi con tê ngưu, cưỡi bạch tượng, cưỡi trâu trắng hoặc trâu vàng. Nghe giữa hư không có tiếng sấm lớn, nghe tiếng thuyết pháp. Thấy mình có được tiền của, được tràng hoa, được áo ngũ sắc sạch đẹp, được rượu thịt, được các thứ trái cây có nước, được hoa sen xanh, vàng, đỏ, trắng, được tôn dung của Như Lai, được xá-lợi của Phật, được kinh điển Đại thừa, được lạc đà, được trâu nghé, được dây xe đồ vật, được cây phất trần, được dép giày, được gươm đao, được cây quạt làm bằng lông đuôi chim công, được chuỗi vàng, chuỗi ngọc, được châu báu, được gái xinh đẹp đoan chánh, thấy mình ở trong đại hội, được cùng Phật, Bồ-tát, chư Thánh Tăng đồng tòa mà thọ thực. Thấy mình gặp cha mẹ được những đồ trang sức, được nằm giường ngàn có nệm trắng lót phủ. Thấy mình đi qua biển cả, qua sông lớn, đầm rộng, qua hồ ao. Thấy tắm gội thân thể, thấy mình vào chùa vào tháp, vào tăng phòng. Thấy Như Lai ngồi nơi tòa báu vì hàng Nhơn, Thiên, Bát Bộ thuyết pháp, mình cùng đồng dự nơi Pháp hội nghe lời Phật dạy. Hoặc thấy hàng

Duyên giác nói pháp Thập Nhị Nhân Duyên, thấy Thánh tăng nói về bốn quả chứng, thấy Bồ-tát nói pháp Lục độ Ba-la-mật, thấy Đại Lực Thiên Vương nói pháp khoái lạc ở cõi trời, thấy Ưu-bà-tắc nói pháp chán lìa thế tục, thấy Ưu-bà-di nói pháp chán lìa nữ nhân. Hoặc thấy Quốc vương, thấy chúng A-tô-la Đại Lực, thấy Bà-la-môn đại tịnh hạnh, thấy bậc trượng phu anh tuấn, thấy hàng phu nhân đoan chánh, thấy bậc trưởng giả chánh trực, giàu sang, hiền lành. Trong giác mộng, hành giả thấy mình cùng quyền thuộc tụ hội một chỗ, thấy khô hạnh tiên nhơn, thấy các trì minh tiên nhơn, thấy người trì tụng nhiệm màu, thấy nuốt mặt trời, mặt trăng, thấy mình nằm trên biển cả, chúng sanh ở biển trời vào bụng. Hoặc thấy mình uống nước bốn biển đại châu, thấy mình cưỡi con rồng phun nước tưới nhuần khắp bốn châu lớn, thấy mình bay lên hư không, thấy mình ngồi ở núi Tu Di, Long Vương bốn châu đều đến đảnh lễ. Hoặc thấy mình vào trong đám lửa lớn, thấy người nữ ản vào thân mình.

Này Tô-bà-ha Đồng tử! Khi người trì chơn ngôn công hạnh sắp thành tựu, tất thấy những điềm mộng thù thắng như thế. Lúc thấy như thế rồi, nên biết thời gian nửa tháng hoặc một tháng sắp tới, hành giả sẽ được tất-địa. Nếu luận về mộng tướng của người trì tụng chơn ngôn thì thật không kể xiết, ta chỉ lược thuật thế thôi. Như hành giả tinh tấn không lui sụt, quyết định sẽ thấy cảnh giới thượng thượng (Kinh Tô-bà-ha Đồng Tử).

II. QUẢ TUỐNG TU TRÌ.

Nếu hành giả trì môn bí mật này, tu tập được tinh thuần rồi, tất cả sở cầu đều được như ý, thông hiểu nghĩa màu tối thượng của các pháp chứng Vô Ngại Tuệ, không còn phân biệt, lòng tin đầy đủ, có thể biết việc ba đời của người khác. Hành giả lại được chư Phật, Bồ-tát hiện thân đến trước, khai thị về

đạo lý xuất sanh tất cả các Pháp môn và có thể soi biết tự tánh của ngã pháp. Du-già Hành nhơn, khi đã được như thế rồi, có thể biến hóa các tướng, như hiện ra thân Chấp Kim Cang Đại Phẫn Nộ Vương hay điều phục tất cả loại khó điều phục, hoặc hiện các sắc thân có đại quang minh để cứu độ chúng sinh, làm lợi ích lớn. Hành nhơn lại có thể thành tựu tất cả minh chú, ấn tướng tam-muội, cùng pháp Mandala, trở thành bậc Đại Chú Minh Vương Tối Thắng. Tất cả các thần Tỳ-na-dạ-ca cực hung mãnh, cho đến ma hoặc ma tộc, ngày đêm thường theo ủng hộ hành giả, ở tất cả các chỗ mà không hiện thân, không cho các loại ác rình rập, chờ dịp thuận tiện để làm hại. Người trì chú thường kiến lập nghiệp thân, ngũ, ý trú nơi chánh pháp, được tất cả chư Phật, Bồ-tát xót thương nghiệp thọ, được tài biện luận không sợ hãi đối với tất cả pháp và hay quán soi tự tánh vô ngã. Tất cả Phạm Vương, Đề Thích, cùng chư Thiên ở thế giới này, cho đến Hộ Thê chư Thiên ở mười phương ngày đêm cũng thường hộ vệ, khiến cho hành giả khi đi, đứng, nằm, ngồi thường được yên ổn (*Kinh Phật Thuyết Tối Thắng Diệu Kiết Tường Căn Bản Trí Tối Thượng Bí Mật Nhất Thê Danh Nghĩa Tam-ma-địa Phản*).

III. CHÍN PHẨM THÀNH TỰU CỦA MẬT CHÚ.

Công phu tu tập thành tựu, hành giả sẽ đạt được một trong chín 9 phẩm sau đây của mật chú:

1. HẠ PHẨM.

a) Ha Ha: Năng nghiệp phục tất cả tứ chúng, phàm có sở cầu, cù ý tùng tâm, tất cả Thiên Long thường đến thăm hỏi, lại hay hàng phục tất cả trùng thú và quỷ my.

b) Ha Trung: Có công năng sai sứ tất cả Thiên Long Bát bộ hoặc ra vào A-tô-la cung hoặc Long cung, đi ở tùy tâm.

c) Ha Thương: Liền được Tiên đạo, thừa nương hư không

bay đi qua lại. Trên trời dưới đất đều được tự tại: thê gian xuất thê gian chẳng việc gì mà không đạt đến.

2. TRUNG PHÂM.

a) Trung Ha: Làm vua trong các Tiên chú, Phước đức, Trí tuệ, ba cõi không gì có thể so kíp.

b) Trung Trung: Liền được thần thông qua lại các thế giới, làm chuyễn luân vương, trụ thọ một kiếp.

c) Thương Trung: Hiện chứng từ Sơ địa Bồ-tát trở lên.

3. THƯƠNG PHÂM.

a) Thương Ha: Được đến Ngũ địa Bồ-tát trở lên.

b) Thương Trung: Được đến Bát địa Bồ-tát trở lên.

c) Thương Thương: Tam mật biến thành tam thân, chỉ trong đời này chứng quả Vô thượng Bồ-đề.

Đây là tóm lược chín phẩm thành tựu tu trì của người hành giả tu Mật pháp.



CHƯƠNG VI

CHÚ ÂN PHÙ VÀ CÁC VÒNG PHÉP

CHƯƠNG VI:

CHÚ ÂN PHÙ VÀ CÁC VÒNG PHÉP cũng như MANDALA của Mật Tông Trung Hoa – Tây Tạng – Nhật Bản và Cao Miên

I. LỤC TỰ THẦN CHÚ VƯƠNG KINH.

*Khai Nguyên Thập Di Biên, lục chép ra trong đời Lương.
Thích Viên Đức dịch Hán ra Việt.*

Như thật tôi nghe, một thời Phật ở tại nước Xá Vệ, trong rừng Kỳ-đà. Lúc bấy giờ có một người nữ ngoại đạo Chiên-đà-la, chuyên làm các ác vã Phù yểm đảo. Hoặc nhờ Thần núi, Thần cây, Quỷ thần dưới gốc cây. Nhật, Nguyệt, Ngũ Tinh, Nam Đầu Bắc Thần, hết thảy Vọng Lượng, các Ma Tà Mị. Yểm hoặc Tôn giả A-nan-đà và các người lành khác, hằng hả sa số như vậy. Khi ấy Đức Như Lai nhơn thấy ông A-nan-đà tinh thần hoảng hốt, Ngài vì thương xót tất cả hữu tình ba đời, liền nói Lục Tự Thần Chú Vương Kinh này. Trước chư Phật đã nói, ta (Phật) nay cũng nói, tức nói Chú rằng:

**An Đà Lệ, Bát Đà Lệ, Ca La Chi Sí Do Lê, Đề Xà Bà
Đé, Tân Đầu Bà Đé, Đà Đầu Lê, Đà Cưu Đề Lê, Đà Cưu
Ma Đé, Tu Ma Đé, An Đà La Bàn Đà La, Đàm Đà La Đè
Đâu La, Đà Na Diên Đà, Mạn Đà Bà Đé, A Na A Na Dạ, Ma
Đậu Ma Bà Đé, Ca La Tra Sí Do La Phù Đắng Đà Di, Đề
Ám Bà Đé, Tân Đầu Ma Đé, A La Bà Đà Đé, Tỳ Trá Tỳ Đè
Nị, Chất Tra Tỳ Đè Nị, Chất Tra Tỳ Đè Nị, Ta Bà Ha.**

Nếu có kẻ nào làm ác chú trù ém, nếu đã làm rồi, hoặc đang làm. Hoặc Trời, hoặc Ma, hoặc Rồng, hoặc Dạ-xoa, hoặc La-sát, hoặc Ngạ quỷ, hoặc Cưu-bàn-trà, hoặc Phú-đon-na, hoặc Tỳ-xá-xà, hoặc A-ba-ma-la, hoặc Uuu-ba-ma-la, hoặc Kiết-giá, hoặc Khư-ủ-đà, hoặc Tỳ-đà-la, hoặc Bán-tỳ-đà-la, hoặc Sa-môn, hoặc Bà-la-môn, hoặc Sát-lợi, hoặc Tỳ-xá, hoặc

Thủ-đà, hoặc Ma-đăng-già, hoặc Ma-đăng-già nữ, hoặc Chiên-đà-la, hoặc Chiên-đà-la nữ, hoặc tôi hoặc tú, hoặc nam, hoặc nữ, hoặc ngoại đạo Ni-càn-đà hoặc ngoại đạo xuất gia nam nữ, các thứ như vậy v.v..., hoặc hay chú yém trù rửa, trùng độc.

Ta (Phật) nay lấy Lục Tự Thần Chú Vương Kinh này, nếu làm yém trên Trời thì trên Trời liền diệt. Nếu làm yém dưới Trời thì dưới Trời liền diệt. Nếu hướng trên làm yém thì hướng trên liền diệt. Nếu hướng dưới làm yém thì hướng dưới liền diệt. Nếu trên vách làm yém thì trên vách liền diệt, nếu làm yém dính nơi vách thì dính nơi vách liền diệt. Nếu yém trong đám mây mù thì trong đám mây mù ấy liền diệt. Nếu làm yém trong hư không thì trong hư không ấy liền diệt. Nếu làm yém trên mặt đất thì trên mặt đất liền diệt. Nếu yém dưới đất thì dưới đất liền diệt. Nếu làm yém tám phương xa thì tám phương xa liền diệt.

Nếu bên trong trên dưới bốn phương làm yém thì ở trong trên dưới bốn phương liền diệt. Nếu theo ngọn gió thổi làm yém thì theo trong ngọn gió thổi liền diệt. Nếu bên trong nước bốn biển lớn làm yém thì bên trong nước bốn biển lớn liền diệt. Nếu trong bên mé sông Hoài, sông Hồng làm yém thì trong bên mé sông Hoài, sông Hồng liền diệt. Nếu bên trong bờ đường đi làm yém thì bên trong bờ đường liền diệt. Nếu bên trong các vũng nước làm yém thì bên trong các vũng nước liền diệt. Nếu bên trong núi, suối, khe, hang, đồi, gò, hầm làm yém thì bên trong núi, suối, khe, hang, đồi, gò, hầm liền diệt. Nếu bên trong năm núi lớn làm yém thì bên trong năm núi lớn liền diệt. Nếu bên trong đầm, rừng, gành lớn làm yém thì bên trong đầm, rừng, gành lớn ấy liền diệt. Nếu bên trong cỏ cây lớn, cây nhỏ, làm yém thì bên trong cây cỏ cây lớn, cây nhỏ liền diệt. Nếu bên trong cây rẽ nhánh cây cỏ làm yém thì bên trong rẽ nhánh cây cỏ liền diệt. Nếu bên trong đường đi tắt lớn nhỏ làm yém thì bên trong đường đi tắt lớn nhỏ liền diệt. Nếu bên trong

ngã tư đường lớn nhỏ làm yém thì bên trong ngã tư đường lớn nhỏ liền diệt. Nếu bên trong ngoài cửa thành lớn, thành nhỏ, phường, thôn làm yém thì bên trong ngoài cửa thành lớn, thành nhỏ, phường, thôn liền diệt.

Nếu trong nội thành lớn, nhỏ, phường, thôn làm yém thì trong nội thành lớn, nhỏ, phường, thôn liền diệt. Nếu bên ngoài cửa nội, ngoại cung làm yém thì bên ngoài cửa nội, ngoại cung liền diệt. Nếu trong cửa cung làm, trong cửa cung liền diệt. Nếu nơi bên trong mồ mả làm yém thì bên trong mồ mả liền diệt. Nếu bên trong nhà cửa, liêu, xá, thành, tường làm yém, hết thảy đều tiêu diệt. Nếu noi mái nhà làm yém thì noi mái nhà tiêu diệt. Nếu bên cây cột yém thì bên cây cột liền diệt. Nếu dưới đá tán cây cột yém thì dưới đá tán cột liền diệt. Nếu bên trong đóng đất phân yém thì bên trong đóng đất phân liền diệt. Nếu bên trong giếng, bếp, cối giã, cối xay làm yém thì bên trong giếng, bếp, cối giã, cối xay liền diệt. Nếu yém bên trong hỏa lò thì bên trong hỏa lò liền diệt. Nếu yém bên trong nhà tiêu, chuồng thú thì bên trong nhà tiêu, chuồng thú liền diệt. Nếu yém bên trong dụng cụ xe lớn, xe nhỏ thì bên trong dụng cụ xe lớn, xe nhỏ liền diệt. Nếu yém bên trong đồ phục sức yên ngựa thì bên trong đồ phục sức yên ngựa liền diệt đó. Nếu yém nơi giường, chõng, áo, mèn, nĩ, nệm, giày, mǎo, nơi bên trong các đồ đựng thì bên trong giường, chõng, áo, mèn, nĩ, nệm, giày, mǎo, các đồ đựng liền diệt. Hoặc bên trong tất cả đồ ăn uống làm yém thì bên trong tất cả đồ ăn uống liền diệt. Nếu yém gần bên người và nơi tất cả chỗ đi, đứng, nằm, ngồi, hết thảy như vậy đều tiêu diệt.

Nếu ngày làm thì ngày diệt, nếu đêm làm thì đêm diệt. Nếu ngày đêm thường làm thì ngày đêm diệt. Thần chú này có công năng đoạn tuyệt Đé Thích chú đạo, hay đoạn tuyệt Phạm Thiên chú đạo, hay đoạn tuyệt Tứ Thiên Vương chú đạo và tất cả các chú đạo huyền thuật đã có của tà quỷ hết

thầy đều đoạn dứt. Nếu có bị kẻ nào chú ác yêm trùng, trù rủa cùng độc được thầy đều tiêu diệt. Hoặc Khu-ủ-đà, hoặc Tỳ-đà-la, hoặc Kiết-giá, hoặc Phú-đơn-na đã làm thầy đều diệt trừ hết các ác, các thiện trợ giúp. Nguyện nhờ chú này thường được an lành, dùng chơn thật chưƠng cú này, khiến đệ tử... ngày an, đêm an, đêm ngày thường an. Sống lâu trăm tuổi, được thấy trăm thu. Bởi vì sao? Trong thế gian bậc Tối Thượng không ai hơn Phật. Các trời tôn trọng, chúng thần phụng ngưỡng. Nếu có kẻ hành ác chú đạo, nếu đã làm, hoặc đang làm, hay trong thời gian làm, hoặc thành tựu, hay chưa thành tựu cũng thấy đều tiêu diệt và tất cả các độc hại người. Chỗ nào có Lục Tự Thần Chú Vương Kinh này, hoặc đọc tung hoặc thọ trì nhớ niệm, các ác nghiệp trọng chưƠng đã có thầy đều tiêu diệt. Tức nói chú rằng:

**Khu Chi Khu Trụ Khu Tỳ Chi, Giam Thọ, Giam Thọ,
Đa Chi, Bà Chi, Ta Bà Ha.**

Nếu có kẻ nào làm ác chú trù rủa, nếu đã làm hoặc đang làm. Hoặc Trời, hoặc Rồng, hoặc Dược-xoa, hoặc La-sát và tất cả kẻ làm ác chú trù rủa thầy đều tiêu diệt. Hoặc Khu-ủ-đà, hoặc Tỳ-đà-la, hoặc Phú-đơn-na đã làm thầy đều tiêu diệt, các ác tiêu tan các thiện trợ giúp, nguyện nhờ chú này thường được an lành, dùng chơn thật ChưƠng cú này, khiến đệ tử... ngày an, đêm an, đêm ngày thường an. Sống lâu trăm tuổi, được thấy trăm thu. Bởi vì sao? Tối thượng trong thế gian không qua phép Phật. Trời người cung kính, chúng ma vâng phụng, ly dục không nhiễm. Tức nói chú rằng:

**Khu Chi Khu Trụ Khu Tỳ Chi, Giam Thọ, Giam Thọ,
Đa Chi, Bà Chi, Ta Bà Ha.**

Vì có sao? Tối thượng trong thế gian không ai hơn Tăng, lương thiện phước điền, Hiền Thánh cung kính, các thiện ủng hộ. Tức nói chú rằng:

Khư Chi Khu Trụ Khu Tỳ Chi, Giam Thọ, Giam Thọ, Đa Chi Bà Chi Đâu Đế, A Nī Đé, A Châu Đé, Ta Ba Ha.

Nếu kẻ nào làm ác chú trù rửa, hoặc hòa hợp độc dược, hoặc chơn, hoặc ngụy, đã làm phi pháp. Hoặc thân trước hoặc thân này, làm các ác nghiệp, tất cả trọng tội thảy đều tiêu diệt. Tức nói chú rằng:

**Ma hru bà ô ma đê, ô ma đà đồ đà nī, khư ủ đà bà đê
đồ đà nī tần đầu ma đê, chất đê chất da đê bà đồ đà nī, a bệ
chiên a bệ, ta bà ha.**

Nếu có người hay tụng trì Lục Tự Thần Chú Vương Kinh, giả sử khiến chú vào cây khô, có thể được hoàn sanh nhánh lá, huống gì thân người, khiến người ấy được sống trăm tuổi, được thảy trăm thu. Chư Phật đã nói, A-nan đã truyền. Nếu người đọc tụng thông suốt đều tự hộ mình, các ác lìa thân, các điều thiện nhóm tụ. Nếu chú nguyện cho người khác, hay trừ các ác khổ hoạn cho người ấy. Người đọc tụng phải đoạn dứt ngũ tâm, chí tâm thanh khiết, nhiên hậu mới làm. Các nạn hung họa không còn dư sót, đều được cát tường lợi ích. Tức nói chú rằng:

**Ha ha giá lị, ha ha na di, ha ha phù đà ma đê, ha ha ni
ha trú, ni cù sa, ha ha ni ha đà, khư ủ đà, ni tỳ sa khư ủ đà,
i nī di nī, đà tê, đà đà tê, ta bà ha.**

Kính lễ Tam bảo, kính lễ Thánh Trí Hải Biên Chiêu Trang Nghiêm Vương Như Lai. Kính lễ hết thảy Như Lai Ứng Chánh Đăng Giác. Kính lễ Thánh A Phược Lô Chỉ Đế Tháp Phạ La Ma-ha Tát-đóa, quy mạng như vậy rồi, vậy sau nói Thần chú, mong nhờ Thần chú này thường an lành. Kính lễ Thánh A Phược Lô Chỉ Đế Tháp Phạ La, quán chiêu thân con (*câu này xung ba lần*) thương xót con. Tức nói chú rằng:

**Ô ha ni mộ a ni a đà ni a đà tỳ a đà xà tỳ ni đam tỳ ni,
an đà lệ, bát đà lệ, tử bì đê, an đà la bà tử ni, tát lục đậu**

**suất tra, ba la đậu suất tra, chất đầm diêm bà dạ, đam bà
dạ, ma ha dạ da bà mậu la, đè na mậu giá đè, lô lụ chất tra
na đà tử, lô lụ lô lậu chất tra bát đà tử, ta bà ha.**

Chú này hay hộ tất cả ách nạn, vô cầu thanh tịnh giải thoát quang minh quán chiểu, cột trói tất cả kè tặc làm ác, không có mê hoảng, người niệm lành được cứu độ tất cả các ác ma nạn, hiện đời ủng hộ ngã thân, sư tử, voi điên, cọp beo, chó sói, khỉ, vượn và các ác cầm thú muốn hại người, khiến thảy bị trói. Tôi nay vì đệ tử... và cùng bạn đồng hành. Tất cả chú lực hướng đến chỗ nào đi, đứng, nằm, ngồi nguyện thảy bình an. Túc nói chú rằng:

**Tri hê rị, tri rị, thâu rị ma ăng kỳ, chiên ðà rị xoa la
xoa la la da ta bà ha.**

Kính lễ Tam bảo át nguyện chú này, khiến đại cát tường, khéo dùng chú pháp này, ngày đang dùng áy tắm rửa sạch sẽ, y phục thanh tịnh, thân tâm diêm tĩnh, không được hành dâm, không ăn ngũ tân, không uống rượu thịt, không nói lời ác, phải lấy chỉ tráng, tay nắm giăng ra, tụng chú 7 biến, một biến một gút. Làm dây thành rồi, nếu có quan sự, bị lời thị phi. Hoặc gặp tranh cãi, hoặc trù chử rửa, hoặc bàn mưu sàm tấu, vu cáo bậy bạ, và tất cả các ác, lấy chú gút này đeo nơi áo người, những nạn như trên thảy đều tiêu diệt. Sau việc qua rồi, thỉnh Phật, Pháp, Tăng thiêu các danh hương, trai phen cúng dường, thâm tu cầu phước, bi kinh báo Phật từ ân, chủ tự mở gút, phát đại nguyện rằng: Con cùng tất cả tú sanh, vĩnh tuyệt bát nạn, sở nguyện tùng tâm. Túc nói chú rằng:

**Hê đậu ma đế da xá bà đế, bà la sa thiên bà đế, ô thọ bà
đế, uất da la ni, a xoa dạ bà đế, a nâu thiên đế mục xí bà la
bà mục đế, bà la bà chỉ đậu ta ha.**

Kính lễ quá khứ, vị lai, hiện tại tất cả Thường trú Tam Bảo.

Kính lễ Thánh Trí Hải Biển Chiếu Trang Nghiêm Vương
Như Lai.

Kính lễ tất cả Như Lai Úng Chánh Đẳng Giác.

Kính lễ Thánh A Phược Lô Chỉ Đế Thất Phật La tiêu phục
độc hại cứu khổ đại bi giả.

Kính lễ Mạn-thù-thát-lợi Bồ-tát, Tam-mạn-đa Bạt-đạt-la
Bồ-tát, Từ Thị Bồ-tát, Khí Âm Cái Bồ-tát, Tịch Căn Bồ-tát,
Huệ Thượng Bồ-tát, Thường Bất Ly Thế Bồ-tát, Thủ Lăng
Nghiêm Tam-muội, Hu Không Tạng, Bảo Tràng, Không Tước
Vương Đà-la-ni, Lục Tự Chuông Cú, Dược Vương Dược Kiên
Ý, Bát Ô Hạnh Đẳng Bồ-tát Ma-ha-tát. Xung các danh hiệu
quy y như vậy, hết thảy Thánh chúng đắc đạo. Vậy sao nói Đà-
la-ni Thần chú này. Tức nói chú rằng:

**Ca ra ni ma đé, tỳ dū da ni, dà đé bà ra tỳ, da xá thủ la
bà lè, dà đè nâu đè tán dà bà đè, xá đà mục khur, uất đà la
ni, xá đà bà ra tỳ xá tỳ thiên đà, ca rị xa, bà tát na bà dà đé,
cứu xá la bà bà ni, a nâu sang đé tỳ san đé tri đé, a tri đé,
than na dà đé, a than na dà đé, a bà ta rị, a xá ta ra nī, bà la
nī mục lè, mâu ra mâu ra bà đà lè, xá ni bà ra lục, tu lê bà
đé thù đé bà la lục, tu tỳ ma lè yêm ma lè, ta ha.**

Chú này hay trừ hết thảy tối tăm, Như Lai truyền trì, chư
Thiên kính thọ. Thiện thần hộ niệm, Phạm thiên giải bày. Đề
Thích kính thờ, ủng hộ cõi đời, các Thánh thâu rõ, chư Tiên
thọ trì, các họ hòa hợp, giải thoát ràng buộc, hết thảy các trời
và cùng các người, dứt các phiền não, hàng phục ma oán, chế
phục ngoại đạo, bẻ gãy các lối kiêu mạn. Các Pháp sư đàm
luận tranh tụng đều được vượt thắng, căn lành tăng trưởng,
thân tâm thanh tịnh, không bỏ đại chúng, vui các học pháp,
giữ gìn kinh điển, pháp tạng thâm sâu, lợi ích Tam bảo,
thương xót tất cả các loài chúng sanh, trang nghiêm chúng
nghĩa, có hết thảy lợi ích lớn như vậy, nên gọi là Vô Tận Tạng

Đà-la-ni Chương Cú, chǎng phải hộ mà hay hộ, nếu có người hay đọc tụng, biên chép, thọ trì hoặc khuyên người biên chép, cho đến lấy hương hoa cúng dường kinh quyển ấy, thì được vô ngại ba mươi hai nạn sợ hãi. Người dùng chú pháp này sớm chiều tắm gội sạch sẽ, súc miệng rửa tay, y phục thanh tịnh, thắp hương chí tâm đánh lễ, đọc tụng ba biến như vậy xong rồi, chồ ra làm việc gì, lời nói đàm luận, bốn chúng chiêm ngưỡng, hướng đến phương nào cũng được cát tường. Mọi người quy kính, thấy đều vui mừng, oan gia vâng thuận. Các ông A-nan-dà, hết thấy nên phải một lòng phụng trì Đà-la-ni Chương Cú này. Khi nói pháp đây, tất cả Trời, Rồng, Bát bộ, Quý thần, nghe Phật Ngài nói, đều đại vui mừng làm lễ mà trở về.



II. UẾ TÍCH KIM CANG THUYẾT THẦN THÔNG ĐẠI MÃN ĐÀ-LA-NI PHÁP THUẬT LINH YẾU MÔN.

*Bắc Thiên Trúc, Sa-môn Tam Tạng A-chát-đạt-tản
truyền sang từ đời Đường.*

*Ngài Vô Năng Thắng Tướng dịch Phạn ra Hán.
Sa-môn Thích Viên Đức dịch thành Việt Văn.*

Tôi nghe như vậy, một thời Đức Phật ở tại Câu-thi-na, xứ Lực Sĩ Xanh, gần bên sông Bạc-đè trong rừng Sa-la Song Thọ.

Lúc bấy giờ đức Như Lai sắp nhập Niết-bàn, khi đó có vô lượng trăm ngàn vạn chúng, hết thảy Trời, Rồng, tám bộ nhơn và phi nhơn... đứng chung quanh bốn phía Đức Phật than khóc, buồn rầu, khổ não.

Bấy giờ lại có chư Thiên, đại chúng, như ông Thích Đề Hoàn Nhơn v.v... đều đến cúng dường, chỉ có ông Lễ Ké Phạm Vương, đem chư Thiên nữ, nương ở bốn phía doanh vây chung quanh ông mà ngồi, Thiên nữ trước sau, cả thảy ngàn vạn ức chúng cùng chung vui chơi. Nghe Đức Như Lai vào cõi Niết-bàn mà không đến thăm hỏi.

Bấy giờ chư đại chúng liền nói: Ngày nay đức Như Lai vào Niết-bàn, vậy sao Phạm vương kia không đến ư?! Vương kia chắc có tâm ngã mạn mới không đến đây. Hết thảy đồ chúng chúng ta nên sai khiến Tiểu Chú tiên, đến nơi kia khiến họ về. Nói lời ấy rồi liền vội thúc trăm ngàn chúng Chú tiên đến chỗ nơi ấy mới thấy các thứ bất tịnh làm thành vách. Tiên kia thấy rồi thấy đều phạm chú mà chết.

Bấy giờ đại chúng ngạc nhiên chưa từng có, lại thúc vô lượng Kim Cang cũng khiến trì chú mà đi, mãi đến bảy ngày không người tới được. Đại chúng thấy việc đó rồi, thêm phần buồn rầu.

Bấy giờ, đại chúng đồng thanh mà nói kệ rằng:

“Khổ thay Đại Thánh Tôn,
Niết-bàn sao mau quá?
Các trời còn quyết định,
Không người được tim kêu,
Đau xót thày cõi trời,
Niết-bàn như lửa tắt.”

Bấy giờ, chư đại chúng nói kệ này rồi lại bội phần gào khóc buồn khổ thảm thiết. Lúc ấy đức Như Lai thương xót chư đại chúng liền dùng Đại biến Tri Thân Lực nơi bên tay trái của quả tim mà hóa ra Kim Cang bất hoại. Liền từ chỗ ngồi ở trong đại chúng mà đứng dậy, bạch đại chúng rằng: Tôi có đại Thần chú, hãy thu lấy Phạm vương kia. Nói lời ấy rồi liền ở trong đại chúng hiển bày thần thông làm cho Tam thiền đại thiền thế giới sáu lần chân động, cung Trời, cung Rồng cùng các cung điện Quỷ thần thảy đều sụp đổ, liền tự thân bay đến chỗ Phạm vương kia lấy tay chỉ đó, các thứ vật xú uế kia biến làm đại địa.

Bấy giờ Ngài Kim Cang bảo với người kia rằng: Người thật là đại ngu si, đức Như Lai ta muốn vào cõi Niết-bàn, sao người không đến?! Liền lấy sức bất hoại Kim Cang mà chỉ đó, Phạm vương phát tâm đến chỗ Đức Như Lai.

Bấy giờ đại chúng khen ngợi rằng: Đại Lực Sĩ, Người thật là đại thần lực mới đem Phạm vương về đến nơi đây. Lúc đó Ngài Kim Cang liền nói rằng: Nếu có chúng sanh nào trong thế gian bị chư Thiên ác ma hung mãnh và các ác quỷ, hết thảy các ngoại đạo làm náo loạn, người ấy chỉ tung Thần chú của ta mười vạn biển, ta tự hiện thân mà hộ hết thảy các Hữu tình, tùy ý mà được viên mãn, vĩnh viễn xa lìa nghèo cùng, khốn khổ, thường được an vui. Thần chú này có công năng như thế. Trước phát lời đại nguyện, niêm đức Bổn Sư của ta: NAM-MÔ BỒN SƯ THÍCH-CA MÂU-NI PHẬT.

Sau khi đức Như Lai diệt độ, nếu ai thọ trì Thần chú này

thê độ quần sanh, khiến cho Phật pháp bất diệt, cửu trụ ở đời, phát lời nguyệt áy rồi liền thuyết Thần chú Ué tích Chơn ngôn Đại Viên Mãn Đà-la-ni rằng:

**“Úm, bút quát hốt lốt, ma ha bát ra, ngân na ngái, vân
trắp vân, vĩ hiệt vĩ, ma na thê, ô thâm mộ hốt lốt, hùm hùm
phấn phấn tóha.”**

Bấy giờ Ngài Kim Cang thuyết Thần chú này rồi lại nói nữa rằng: Sau khi đức Như Lai diệt độ, nếu ai thường tụng Thần chú này, nếu có chúng sanh thính nguyện thọ trì Thần chú đây, tôi thường vì sự sai khiến của người áy mà làm cho họ sở cầu như nguyện. Tôi nay trước đức Như Lai mà nói Thần chú này, cúi xin đức Như Lai trong cõi Niết-bàn thấu rõ cho chúng con. Bạch Thế Tôn! Nếu có chúng sanh bị nhiều thứ quỷ, ác thần làm não loạn, trì Thần chú này đều không thể làm hại, vĩnh viễn xa lìa các khổ nạn.

Bạch Thế Tôn! Nếu có kẻ trai lành và người gái tín nào muốn cứu trị lành vạn bệnh thì tụng Thần chú của con, trên bốn mươi vạn biến, thấy có các bệnh, trị đều hiệu nghiệm, không luận sạch hay dơ, tùy ý sai khiến, con thường theo gia hộ, hết thảy các sở nguyện đều được viên mãn.

Nếu muốn khiến cây khô sanh cành lá, lấy một lượng Bạch giao hương để thoa trong tim cây, lấy cành dương chi, chú trong cây một trăm biến, ngày ba thời, cho mãn ba ngày, cây liền sanh hoa trái.

Nếu muốn suối khô có nước, lấy vôi sạch mà rải khắp chung quanh áy, lấy hoa tốt bỏ vào trong ba mươi lít nước sạch ở giếng, đem để ở trong giữa lòng suối, giờ Dần buổi sáng, chú 108 biến, nước liền phun ra như bánh xe quay.

Nếu muốn núi khô, sanh cây cỏ, lấy dao thép bén, búa bốn hướng của núi áy, chú ba ngàn biến, mãn bảy ngày liền sanh cây cỏ.

Nếu muốn khiến loại dã thú hung mãnh đến hàng phục, lấy An tát hương, nhìn về hướng có dã thú ấy mà đốt, chú một ngàn biển, đêm lại, các dã thú kia kéo nhau tụ tập trước cửa nhà của người trì chú, quy hàng hiền hậu, giống như gia súc mình nuôi vậy, tùy ý mình sai bảo, đòi đòi không xa lìa.

Nếu muốn quỷ Dạ-xoa tự đến hàng phục, lấy mươi nhánh đào, tè cho bằng gốc, lấy năm mươi lít nước đổ vào bình sành (*cái thạp*) đem nấu, bỏ đào liễu ấy vào ngâm, xong lấy ra, lấy ba lượng lớn đinh hương, ba lượng lớn nhũ đầu hương, ba lượng lớn bạch giao hương, sau cùng hòa trong năm mươi lít nước nấu đào liễu ấy, liền đem đổ trong một cái chậu bể, lấy nhánh đào dài ba thước mà khuấy nước đó, tung chú một trăm biển, hết thấy quỷ Dạ-xoa, La-sát đều đến hiện hình, cùng người làm pháp này mà hầu chuyện, cầu xin theo làm thi giả.

Nếu muốn diệt ác tâm của các quỷ thần, độc xà, rắn rết, những mãnh thú hung dữ v.v... lấy vôi sạch rải khắp cửa hang của chúng, tự nhiên chúng chui ra, tung chú nho nhỏ một trăm biển, thì các rắn độc trùng thú kia, liền diệt hết tâm độc, không dám làm tổn thương người khiến mau được giải thoát.

Nếu muốn chó dữ không cắn người, lấy một nắm corm chú bảy biển vào cho nó ăn, vĩnh viễn không cắn người mà cũng không còn gầm sủa hung hăng.

Nếu muốn người ác đến hàng phục mình, viết tên họ người ấy để dưới bàn chân, chú một trăm biển, tâm mình nghĩ đến người kia, người kia liền đến hàng phục, bỏ hết tâm oán ghét.

Nếu muốn người ghét nhau, viết tên họ của hai người đó, để dưới bàn chân, tung chú hai trăm mươi tám biển thì hai người ấy đòi đòi xa lìa, không còn thương mến.

Nếu có người ghét nhau, muốn khiến họ thương kính, mến nhau, liền viết tên họ của các người ấy, để dưới bàn chân tung

chú một trăm lẻ tám biển thì các người ấy thương kính, mến nhau, đời đời không xa lìa.

Nếu có người chưa an lạc, muốn khiến họ được an lạc cũng làm như trước, viết tên họ của người ấy, dưới bàn chân chú ba trăm biển thì người kia được an vui, nên vì người kia phát lời đại nguyện, ta đối với người ấy, khi bấy giờ, liền tự đem vô lượng trân bảo ban cho người nghèo cùng, thảy được đầy đủ. Lại phép nữa: Nếu người trì chú, cầu các món trí, cầu các món tuệ, chỉ tụng chú mười vạn biến tự được các món đại trí tuệ và các thứ thiện mĩ, biện tài trời chảy, tùy ý mà được, chỗ cần dùng ấy thảy đều ban cho.

Nếu người trì chú cầu các thứ trân bảo, ma-ni như ý châu v.v... chỉ chí tâm tụng này, tùy theo nhiều ít, ra liền ban cho họ, được mãn sở nguyện.

Nếu muốn trị lành người bệnh, thì nên kiết án Đốn bệnh (*trước lấy tay trái, ngón trỏ, ngón giữa quấn lại với nhau*) kiết án như vậy, chú 108 biển, lấy án Đốn bệnh này quơ quơ bảy lần dưới người bệnh, người ấy liền mạnh.

Nếu trị bệnh người sắp chết, trước kiết án Cấm ngũ lô, sau mới trị tức bệnh liền dứt. Án này cũng giống như trước, chỉ khác là ngón vô danh co vào trong lòng bàn tay, ngón út thẳng ra, chú một trăm biển, bệnh liền lành.

Nếu trị bệnh tà, chỉ ở bên đầu người bệnh, xông An túc hương, tụng chú thì bệnh liền lành.

Nếu trị bệnh trùng độc, viết tên họ của người ấy trên giấy, tụng chú thì bệnh liền lành.

Trị bệnh tinh mị cũng như pháp trước mà trừ.

Nếu trị bệnh nằm liên miên, viết tên họ người bệnh cùng tên họ của con quỷ làm bệnh, vùi dưới giường tụng chú, con quỷ theo tên họ mà hiện hình, khiến quỷ ấy nói việc ba đời mỗi mỗi hướng về người bệnh mà nói thì bệnh liền lành.

Nếu có bệnh thời khí, thấy vị Sư trì chú này thì bệnh liền lành.

Nếu muốn khiến Hành bệnh Quỷ vương, không vào địa giới của mình thì vào mười ngày trai (*thập trai*) tụng chú của tôi 1.008 biến, năng trừ vạn dặm bệnh hoạn.



III. UÉ TÍCH KIM CANG CẨM BÁCH BIÉN PHÁP KINH.

*Bắc Thiên Trúc, Sa-môn Tam Tang A-chát-đạt-tán
truyền sang từ đời Đường.*

*Ngài Vô Năng Thắng Tướng dịch Phạn ra Hán.
Sa-môn Thích Viên Đức dịch thành Việt văn.*

Bấy giờ, Ngài Kim Cang lại bạch Phật rằng: Bạch Thê Tôn! Nếu có kẻ trai lành, người gái tín nào trì chú của con mà vô hiệu nghiệm thì không có lẽ đó.

Muốn khiến núi sập, lấy ba mươi lít hạt cải trăng, lấy An tất hương loại tốt, vì nghi trong núi ấy có vật báu, lấy một dao thép bén, búa bốn hướng của núi ấy, làm giới hạn lấy một cái khăn sạch, một cái lư hương xông An tất hương, trước tụng chú 1.008 biến, lấy hạt cải trăng rải khắp bốn phía cho đến bảy lần, làm phép ấy thì núi liền sập. Nếu có của báu trong đó thì vị thần giữ kho liền bỏ kho báu mà đi, tha hồ lượm lấy.

Nếu muốn khiến biển khô nước, trước tiên chú 1.008 biến, lấy vàng hoặc đồng làm thành hình con rồng, quăng xuống biển, nước biển liền khô cạn.

Nếu muốn khiến nước sông, suối chảy ngược, lấy An tất hương nắn thành hình con voi, không luận lớn nhỏ, ném xuống nước chú 108 biến, tức nước liền chảy ngược. Muốn khiến chảy lại như cũ, tụng chú trong hòn đá sạch, quăng xuống nước, thì nước chảy như xưa.

Nếu có chớp nháy, sấm sét, rồng độc làm bão lụt mưa gió liền kết án Chỉ Lôi Điện (*lấy tay trái, ngón giữa, ngón vô danh, ngón út, co vào trong lòng bàn tay, thăng ngón cái ra, nắm trên tiết thứ nhất của ngón trỏ*) tụng chú mà chú đó, quơ quơ về hướng ấy, sấm sét liền hết.

Nếu muốn khiến hết thảy Quý thần đến hàng phục để sai sứ, lấy ba mươi lít nước đổ vào cái bát bằng đồng, lấy vôi sạch

rải chung quanh rồi kiết án Giáo Nghiệp Lục (*lấy hai ngón vô danh co vào trong lòng bàn tay, dựa lưng của hai ngón tay ấy vào nhau, hai ngón tay giữa chạm đầu lại, hai ngón trỏ và hai ngón út xòe ra như hoa nở, hai ngón tay cái vịn tiếp giữa của hai ngón trỏ*) kiết án như vậy thầm niệm chú 108 biến, thì các loại ác quỷ trong thế giới đều vân tập, tự hiện thân hình, bỏ tâm ác độc, làm theo người sai khiến.

Nếu cám núi không cho các loại đền, tụng chú 108 biến, kêu lớn ba tiếng, liền kiết án Nghiệp Sơn (*lấy tay phải, ngón vô danh co trong lòng bàn tay, ngón trỏ, ngón giữa, ngón cái, tất cả các ngón đều thẳng ra*) hướng lên trên tụng chú bảy biến, liền lui ra sau bảy bước rồi mới án lên núi ấy, thì ở trong núi tất cả chim, thú v.v... liền rời khỏi núi. Nếu kiết án này, chú bảy biến hướng lên hư không án 21 lượt thì trên hư không mây tràn không qua lọt.

Nếu muốn khiến người không nói được, trước viết tên họ của người ấy bỏ vào trong miệng mình ngậm lại, thì người ấy miệng không nói được, nhà ra liền nói được.

Nếu tụng tất cả chú khác, trước phải làm đàm, còn tụng chú này của tôi (Kim Cang) thì khỏi làm đàm, chỉ lấy gỗ đẽo một cái chày Kim Cang đem để nới trong tháp Phật, hoặc trong tịnh thất, dùng các hương thơm cúng dường thoa đất, tùy theo chày lớn nhỏ, nên cần các thứ hương hoa cúng dường, để chày trong đàm, tụng chú 108 biến thi cái chày ấy liền tự động hoặc biến hiện các vật lạ, không lấy gì làm ngạc nhiên, sợ hãi. Lại nữa! Tụng chú 108 biến thì cái chày ấy tự nhích lên ba thước rồi lại năm, sáu, bảy thước cho đến một trượng trờ lại.



Chày Kim Cang

Người trì pháp này, liền quỳ xuống quy y sám hối, phát lời nguyện, thì ta ở trong ấy liền hiện chơn hình, tùy theo ý của người đó làm theo khiếun cho họ các sở nguyện mau được như ý. Tôi liền thọ ký cho họ được đắc quả Bồ-đề, liền được thân tâm giải thoát. Trước trì tụng mười vạn biến cho đầy đủ vậy, sau mới làm các phép tắc, nếu chưa đủ túc số như vậy thì không được hiệu nghiệm.

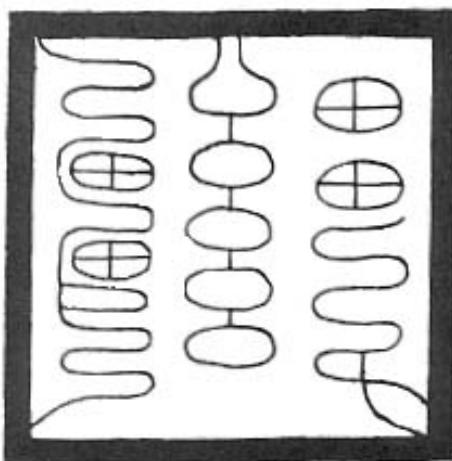
Bấy giờ, Ngài Uế Tích Kim Cang nói Thần chú này rồi, đại chúng đồng khen rằng: Hay thay Đại lực sĩ, Ngài hay nói pháp đại nhiệm mà này, thật là tối thượng, khiếun cho tất cả chúng sanh đều được giải thoát.

Bấy giờ, Ngài Uế Tích Kim Cang liền bạch đại chúng rằng: Các vị phải biết, đối với pháp của tôi mà lưu hành đến chỗ nào, tôi và tất cả đại thần Kim Cang thường theo hộ cho người trì pháp này, trợ giúp cho họ mau được thành tựu.

Bấy giờ, Ngài Uế Tích Kim Cang lại nói nữa rằng: Nếu có chúng sanh nào thọ trì pháp này, tôi liền hiện thân trước người ấy, làm cho họ sở cầu được như nguyện. Tôi cũng ban cho họ được các phép hóa hiện, các thứ thần thông, không bị chướng ngại, nhưng phải thường niệm danh hiệu đức Bổn Sư Thích-ca Mâu-ni Phật của chúng ta, tôi thường theo đến đó, khiếun cho tất cả các pháp đều được thành tựu.

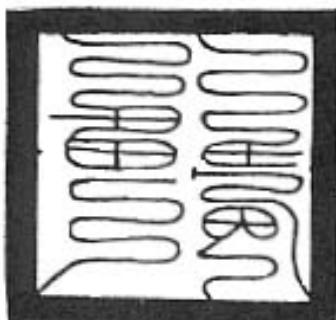
Bấy giờ ngài Kim Cang tiếp nói các phù ấn sau đây:

ẤN PHÁP ĐỆ NHỊ



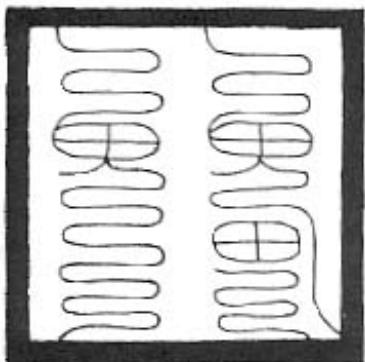
Ấn này khắc vuông một tắc tám phân, chú một ngàn biến, dùng bạch giao hương thoa. Ngày khắc ấn này không được cho người thấy.

Dùng ấn in nơi Tâm (*ngực*) thì được Tâm trí, Tự nhiên trí, Túc mạng trí. Trì ấn này 100 ngày, liền được các Đại pháp môn.



Ấn này khắc vuông một tắc hai phân, chú 600 biến, lấy An-tất-hương thoa đeo nơi thân.

Khiến tất cả mọi người thấy mình đều vui mừng, được đại tự tại, xa lìa vĩnh viễn các khổ.

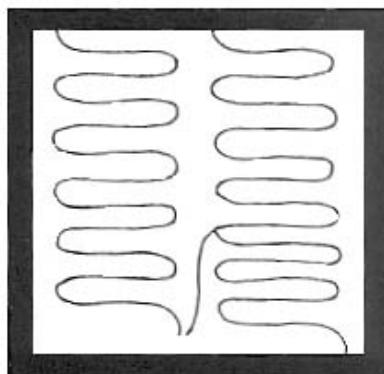


Ấn này khắc vuông một
tắc năm phân, chú 600 biến,
lấy Bạch giao hương thoa.

Dùng Ấn, in dưới lòng
bàn chân, liền bay được lên
hư không, tùy ý mà bay đến
các hướng.

Ấn này khắc vuông một
tắc tám phân, dùng Bạch giao
hương thoa, chú 7.000 biến.

Dùng Ấn, in nơi chân, có
thể ngày đi 300 vạn dặm,
người không thấy được.



*CUỐC CHÚ: Bốn Ấn vuông trên đã đo đúng, thuộc tác
của Tàu. Quý vị tu trì cứ nương đây làm khuôn mẫu.*

THẦN BIẾN DIÊN MẠNG PHÁP



Người bị bệnh liên miên, viết bùa này
nơi tim (ngực) họ, thì bệnh liền lành.

Đại Kiết cấp cấp như Luật lệnh.



Đau tim viết Bùa này lập tức liền trù
lành.

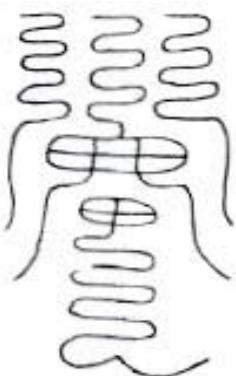
Đại Kiết lợi cấp cấp như Luật lệnh.
Trước tụng chú bảy biến.



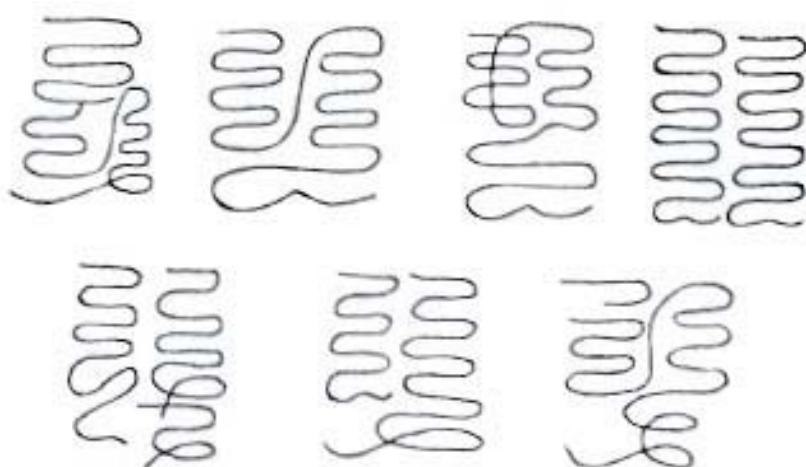
Bệnh Quỷ, lấy màu đỏ viết cho uống đó.



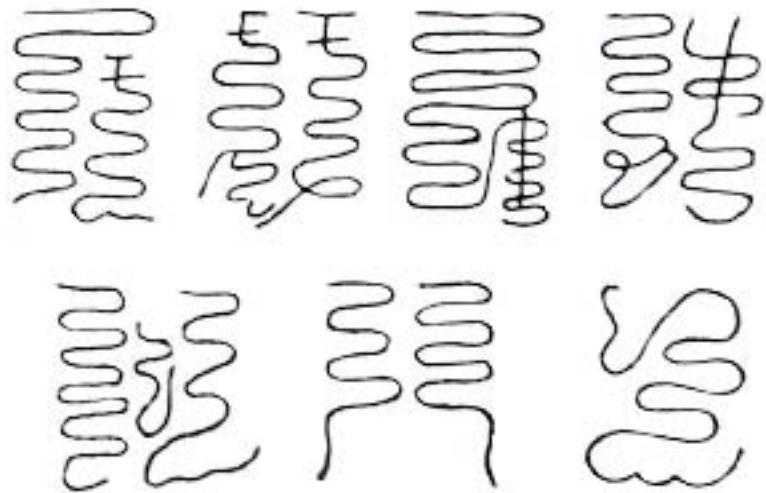
Người bị bệnh Tinh Mị Quỷ, lấy màu
đỏ, viết bảy lá lớn cho uống, liền lành, rất
thần nghiệm.



Nếu người làm pháp này, lấy vải sa tanh trắng (một trượng bảy) 10m7 tấc, đem giặt cho thật trắng, để trong Đại Luân Thé Giới (*Quả Địa Cầu*). Khiến người sống lâu 70 tuổi. Nếu không có người làm được vậy, thì ở trong chính giữa sân nhà, đào đất bảy thước, chôn vải ấy thì được thông minh, tăng trưởng trí tuệ, biện tài vô ngại.



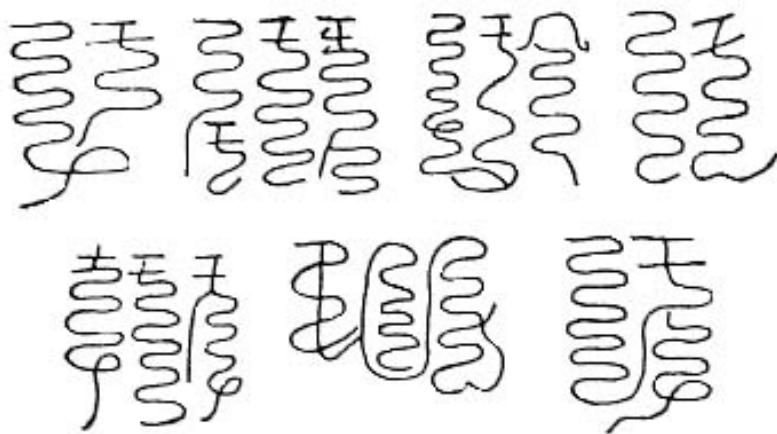
Bảy chữ Bùa này có công năng trị vạn bệnh, viết mà uống đó, khiến cho người sống lâu, tăng trưởng trí tuệ rất đại thần nghiêm.



Bảy chữ Bùa trên, nếu có cầu các thứ trân bảo, dùng màu đỏ viết Bùa này uống, cho mãn bảy ngày, thì có các thứ trân bảo tự nhiên đem đến. Nếu cầu tài vật của người, viết tên họ người ấy để dưới bùa này, thì người kia liền đem tài vật dâng đến.

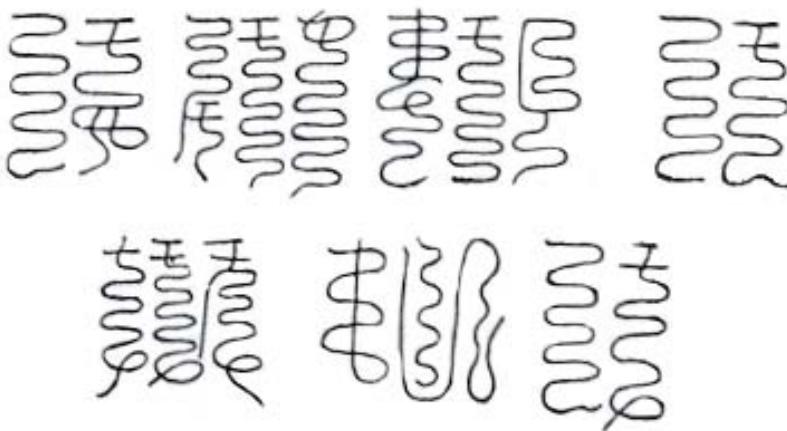


Ba chữ Bùa trên, dùng màu đỏ viết, dán trên 4 chân giường, thì thường có 8 vị Đại Kim Cang theo gia hộ, không tạm bỏ rời. Nhưng phải uy nghiêm, thanh tịnh, không được cho các vật ô uế vào phòng, phải cẩn thận dè đặt đó.



Bảy chữ Bùa này, dùng màu đỏ viết trên giấy, uống 1.000 cái (*vò viên bằng múi cam*) khiến người sống lâu, ngang bằng Trời Đất. Khi làm phép này, không được cho người thấy.

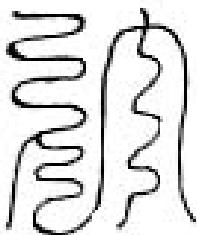
Bảy chữ Bùa trên, nếu có người bị các thứ bệnh, viết Bùa



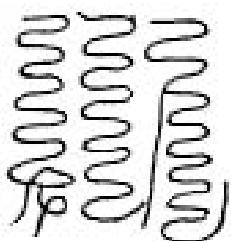
này uống đều được trị lành. Nếu người viết bùa này uống đó, thì được sống lâu, tăng trưởng trí tuệ, rất đại thần nghiệm vậy.



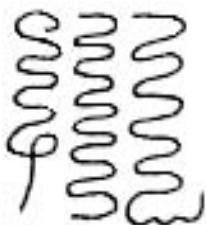
Khi có nạn lửa lớn bốc cháy, viết chữ Bùa này ném vào đó, tụng chú 108 biến, hướng có nạn lửa ấy tự nhiên tắt.



Khi có gió lửa ác nổi lên (bão lửa), viết bùa này, chú 108 biến, ném vào hướng có gió đó thì ác kia liền diệt.



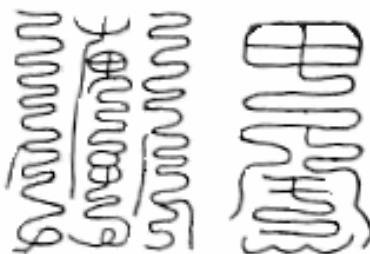
Khi có nước lớn nổi lên, viết bùa này ném vào trong nước lớn đó, lập tức dứt nước chảy, không làm chìm người được.



Khi có mưa lụt lớn, viết bùa này, chú 108 biến, ném vào hướng có mưa đó, lập tức liền đình lại.

Dùng màu đỏ viết Bùa này, uốn 3 lá thì mới có thể viết bùa cho người khác, tức có linh nghiệm.

Nếu không làm như vậy, dùng các Bùa đều vô hiệu nghiệm.



Bấy giờ, Ngài Ué Tích Kim Cang nói pháp này rồi đại chúng thêm phần vui mừng, cùng chư Thiên Long, Đại Quý Thần v.v... vâng lời dạy mà làm lễ lui về.



IV. KINH THIÊN THỦ THIÊN NHÃN QUÁN THẾ ÂM BỒ-TÁT QUẢNG ĐẠI VIÊN MÃN VÔ NGẠI ĐẠI BI TÂM ĐÀ-LA-NI.

*Đời Đường, Sa-môn Đà-Phạm Đạt-ma
người xú Tây Thiên Trúc dịch.*

Như thế tôi nghe, một thời, đức Phật Thích-ca Mâu-ni ngự nơi đạo tràng Bảo Trang Nghiêm, trong cung điện của Quán Thế Âm Bồ-tát ở tại non Bồ-dà-lạc-ca, đức Phật ngồi nơi tòa sư tử, tòa này trang nghiêm thuần bằng vô lượng ngọc báu tạpmani, xung quanh treo vây nhiều tràng phan bá bảo.

Khi ấy, đức Như Lai ở trên pháp tòa, sắp muốn diễn nói môn Tống trì Đà-ra-ni, có vô lượng số Bồ-tát Ma-ha-tát câu hỏi. Các vị ấy là: Tống Trì Vương Bồ-tát, Bảo Vương Bồ-tát, Dược Vương Bồ-tát, Dược Thượng Bồ-tát, Quán Thế Âm Bồ-tát, Đại Thế Chí Bồ-tát, Hoa Nghiêm Bồ-tát, Đại Trang Nghiêm Bồ-tát, Bảo Tạng Bồ-tát, Đức Tạng Bồ-tát, Kim Cang Tạng Bồ-tát, Hư Không Tạng Bồ-tát, Di-lạc Bồ-tát, Phổ Hiền Bồ-tát, Văn-thù-sư-lợi Bồ-tát ... Những vị Bồ-tát như thế đều là bậc Quán đảnh đại Pháp vương tử.

Lại có vô lượng vô số đại Thanh văn tăng đều là bậc A-la-hán, tu hạnh Thập địa câu hỏi. Trong ấy, ngài Ma-ha Ca-diếp làm thượng thủ.

Lại có vô lượng Phạm-ma-la Thiên câu hỏi. Trong ấy, ngài Thiện Tra Phạm Ma làm thượng thủ.

Lại có vô lượng chư Thiên tử ở cõi trời Dục giới câu hỏi. Trong ấy, ngài Cù-bà-dà Thiên tử làm thượng thủ.

Lại có vô lượng Hộ thê tứ Thiên vương câu hỏi. Trong ấy,

ngài Đè-đầu-lại-tra làm thượng thủ.

Lại có vô lượng Thiên, Long, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-dà, Nhơn, Phi Nhơn câu hội. Trong ấy, ngài Thiên Đức đại Long vương làm thượng thủ.

Lại có vô lượng chư Thiên nữ ở cõi trời Dục giới câu hội. Trong ấy, ngài Đồng Mục Thiên nữ làm thượng thủ.

Lại có vô lượng Thần Hư không, Thần Giang hải, Thần Tuyễn nguyên, Thần Hà chiểu, Thần Dược thảo, Thần Thọ lâm, Thần xá trạch, Thần cung điện, cùng Thủy thần, Hỏa thần, Địa thần, Phong thần, Thổ thần, Sơn thần, Thạch thần v.v... đều đến tập hội.

Bấy giờ, đức Quán Thé Âm Bồ-tát ở trong đại hội, mỉm phóng ánh thần thông quang minh, chiếu sáng mười phương sát độ và cõi tam thiên đại thiền thế giới này đều thành sắc vàng. Từ Thiên cung, Long cung cho đến cung điện của các vị tôn thần thảy đều chấn động. Biển cả, sông, nguồn, núi Thiết Vi, núi Tu Di, cùng thô sơn, hắc sơn, cũng đều rung động dữ dội. Ánh sáng của mặt trời, mặt trăng, tinh tú, châu báu và lửa đều bị ánh kim quang rực rỡ kia lán át làm cho ẩn mất không hiện.

Lúc đó, ngài Tống Trì Vương Bồ-tát thấy tướng trạng hy hữu ấy, lấy làm lạ cho là việc chưa từng có, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, cung kính chấp tay, dùng lời kệ hỏi Phật, để biết tướng thần thông kia do ai làm ra, kệ rằng:

Ai thành Chánh giác trong ngày nay?
Khắp phóng ánh sáng như thế này.
Mười phương sát độ thành sắc vàng,
Cả cõi đại thiền cũng như vậy.
Ai được tự tại trong ngày nay?
Phô diễn thần lực ít có này.

Không ngăn cõi Phật đều rung động,
Cung điện Long thần cũng long lay.
Sức thần thông này ai làm ra,
Là ánh quang minh đáng Phật-dà,
Là cửa Bồ-tát, đại Thanh văn,
Hay trời Đế Thích, cùng Phạm ma?
Nay trong chúng hội đều sanh nghi,
Chẳng biết đây là nhân duyên gì?
Muốn cầu hiểu rõ, tâm thành kính,
Hướng trông về ngôi đại từ bi.

Đức Phật bảo Tống Trì Vương Bồ-tát:

“Thiện nam tử! Các ông nên biết trong pháp hội này, có vị Bồ-tát Ma-ha-tát, tên là Quán Thế Âm Tự Tại, từ vô lượng kiếp đến nay đã thành tựu tâm đại từ bi, lại khéo tu tập vô lượng Đà-ra-ni môn. Vì Bồ-tát ấy vì muốn làm cho chúng sanh được lợi ích an vui, nên mới mật phóng sức thần thông như thế.”

Đức Như Lai vừa nói lời áy xong, Quán Thế Âm Bồ-tát liền từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa y phục nghiêm chỉnh, chắp tay hướng về Phật mà thưa rằng: “Bạch đức Thế Tôn! Con có chủ Đại Bi tâm Đà-ra-ni, nay xin nói ra, vì muốn cho chúng sanh được an vui, được trừ tất cả bệnh, được sống lâu, được giàu có, được diệt tất cả nghiệp ác tội nặng, được xa lìa chướng nạn, được tăng trưởng tất cả công đức của pháp lành, được thành tựu tất cả các thiện căn, được tiêu tan tất cả sự sơ hãi, được mau đầy đủ tất cả những chỗ mong cầu. Cúi xin Thế Tôn từ bi doãn hứa.”

Đức Phật bảo: “Thiện nam tử! Ông có tâm đại từ bi, muốn nói thần chú để làm lợi ích an vui cho tất cả chúng sanh. Hôm nay chính là lúc hợp thời, vậy ông nên mau nói ra, Như Lai tùy hỷ, chư Phật cũng thê.”

Quán Thế Âm Bồ-tát lại bạch Phật: "Bạch đức Thê Tôn! Con nhớ vô lượng úc kiếp về trước, có Phật ra đời, hiệu là Thiên Quang Vương Tịnh Trụ Như Lai. Đức Phật ấy vì thương nghĩ đến con và tất cả chúng sanh nên nói ra môn Quảng Đại Viên Mãn Vô Ngại Đại Bi Tâm Đà-ra-ni. Ngài lại dùng tay sắc vàng xoa nơi đầu con mà bảo: "Thiện nam tử! Ông nên thọ trì tâm chú này, và vì khắp tất cả chúng sanh trong cõi nước ở đời vị lai, mà làm cho họ được sự an vui lớn."

Lúc đó con mới ở ngôi Sơ địa, vừa nghe xong thần chú này liền chứng vượt lên đệ Bát địa. Bấy giờ con rất vui mừng, liền phát thệ rằng: "Nếu trong đời vị lai, con có thể làm lợi ích an vui cho tất cả chúng sanh với thần chú này, thì xin khiến cho thân con liền sanh ra ngàn tay ngàn mắt."

Khi tôi phát thệ rồi, thì ngàn tay ngàn mắt đều hiện đủ nơi thân. Lúc ấy, cõi đất mười phương rung động sáu cách, ngàn Đức Phật trong mười phương đều phóng ánh quang minh soi đến thân con, và chiếu sáng khắp mười phương vô biên thế giới. Từ đó về sau, con ở trong vô lượng pháp hội của vô lượng chư Phật, lại được nghe và thọ trì môn Đà-ra-ni này. Mỗi lần nghe xong, con khôn xiết vui mừng, liền được vượt qua sự sanh tử vi tế trong vô số úc kiếp. Và từ ấy đến nay, con vẫn hằng trì tụng chú này, chưa từng quên bỏ. Do sức trì tụng ấy, tùy theo chỗ sanh, con không còn chịu thân bào thai, được hóa sanh nơi hoa sen, thường gặp Phật nghe pháp. Nếu có vị Tỳ-khưu, Tỳ-khưu-ni, Uu-bà-tắc, Uu-bà-di hay đồng nam, đồng nữ nào, muốn tụng trì chú này, trước tiên phải phát tâm từ bi đối với chúng sanh, và sau đây y theo con mà phát nguyện:

Nam-mô Đại bi Quán Thế Âm,
Nguyện con mau biết tất cả pháp.
Nam-mô Đại bi Quán Thế Âm,
Nguyện con sớm được mắt trí tuệ.

Nam-mô Đại bi Quán Thế Âm,
Nguyễn con mau độ các chúng sanh.
Nam-mô Đại bi Quán Thế Âm,
Nguyễn con sờm được phượng tiện khéo.
Nam-mô Đại bi Quán Thế Âm,
Nguyễn con mau lên thuyền Bát-nhã.
Nam-mô Đại bi Quán Thế Âm,
Nguyễn con sờm được qua biển khố.
Nam-mô Đại bi Quán Thế Âm,
Nguyễn con mau được giới định đạo.
Nam-mô Đại bi Quán Thế Âm,
Nguyễn con sờm lên non Niết-bàn.
Nam-mô Đại bi Quán Thế Âm,
Nguyễn con mau về nhà vô vi.
Nam-mô Đại bi Quán Thế Âm,
Nguyễn con sờm đồng thân pháp tánh.
Nếu con hướng về nơi non đao,
Non đao tức thời liền sụp đổ.
Nếu con hướng về lửa, nước sôi,
Nước sôi, lửa cháy tự khô tắt.
Nếu con hướng về cõi địa ngục,
Địa ngục liền mau tự tiêu tan.
Nếu con hướng về loài ngã quý,
Ngã quý liền được tự no đủ.
Nếu con hướng về chúng Tu-la,
Tu-la tâm ác tự điều phục.
Nếu con hướng về các súc sanh,
Súc sanh tự được trí tuệ lớn.



*Ngài Quan Thé Âm Bồ-tát
Thiên Thủ Thiên Nhẫn*

Khi phát lời nguyệt áy xong, chí tâm xưng danh hiệu của con, lại chuyên niêm danh hiệu Bổn sư con Đức A-di-dà Như Lai, kế đó tiếp tụng Đà-ra-ni thần chú này. Nếu chúng sanh nào, trong một ngày đêm tụng năm biến chú, sẽ diệt trừ được tội nặng trong ngàn muôn ức kiếp sanh tử.”

Quán Thế Âm Bồ-tát lại bạch Phật: “Bạch đức Thế Tôn! Nếu chúng sanh nào trì tụng thần chú Đại Bi mà còn bị đọa vào ba đường ác, con thè không thành Chánh giác. Tụng trì thần chú Đại Bi, nếu không được sanh về cõi Phật, con thè không thành Chánh giác. Tụng trì thần chú Đại Bi, nếu không được vô lượng tam-muội biện tài con thè không thành Chánh giác. Tụng trì thần chú Đại Bi, tất cả sự mong cầu trong đời hiện tại, nếu không được vừa ý, thì chú này không được gọi là Đại Bi Tâm Đà-ra-ni, duy trừ cầu những việc bất thiện, trừ kẻ tâm không chí thành. Nếu các người nữ chán ghét thân nữ, muốn được thân nam, tụng trì thần chú Đại Bi, như không chuyển nữ thành nam, con thè không thành Chánh giác. Như kẻ nào tụng trì chú này, nếu còn sanh chút lòng nghi, tất không được toại nguyện. Nếu chúng sanh nào xâm tồn tài vật, thức ăn uống của thường trú sẽ mang tội rất nặng, do nghiệp ác ngăn che, giả sử ngàn Đức Phật ra đời cũng không được sám hối, dù có sám hối cũng không trừ diệt. Nếu đã phạm tội áy, cần phải đối mười phương Đạo sư sám hối, mới có thể tiêu trừ. Nay do tụng trì thần chú Đại Bi liền được trừ diệt. Tại sao thé? Bởi khi tụng chú Đại Bi tâm Đà-ra-ni, mười phương Đạo sư đều đến vì làm chứng minh, nên tất cả tội chướng thảy đều tiêu diệt. Chúng sanh nào tụng chú này, tất cả tội thập ác ngũ nghịch, báng pháp, báng người, phá giới, phạm trai, hủy hoại chùa tháp, trộm của tăng-kỳ, làm nhơ phạm hạnh, bao nhiêu tội ác nghiệp nặng như thế đều được tiêu hết, duy trừ một việc: kẻ tụng đối với chú còn sanh lòng nghi. Nếu có sanh tâm áy, thì tội nhỏ nghiệp nhẹ cũng không được tiêu, huống chi tội nặng! Nhưng tuy không

南無阿彌陀佛



Tây Phương Giáo Chu
Đức Phật A-di-dà

liên diệt được tội nặng, cũng có thể làm nhân Bồ-đề về kiếp xa sau.

Bạch đức Thê Tôn! Nếu các hàng trời, người tụng trì thần chú Đại Bi, thì không bị 15 việc chết xấu, sẽ được 15 chô sanh tốt.

–Thế nào là 15 việc chết xấu?

Không bị chết do đói khát khốn khổ.

Không bị chết do gông tù đánh đập.

Không bị chết vì oan gia thù địch.

Không bị chết giữa quân trận chém giết nhau.

Không bị chết do cọp sói cùng ác thú tàn hại.

Không bị chết bởi rắn rít độc cắn.

Không bị chết vì nước trôi lửa cháy.

Không bị chết bởi phạm nhầm thuốc độc.

Không bị chết do loài sâu trùng độc làm hại.

Không bị chết vì điên cuồng mê loạn.

Không bị chết do té cây, té xuống núi.

Không bị chết bởi người ác trù ém.

Không bị chết bởi tà thần, ác quỷ làm hại.

Không bị chết vì bệnh ác lâm thân.

Không bị chết vì phi mạng tự hại.

Tụng trì thần chú Đại Bi, không bị 15 việc chết xấu như thế.

–Sao gọi là 15 chô sanh tốt?

Tùy theo chô sanh, thường gặp đáng Quốc vương hiền lành.

Tùy theo chô sanh, thường ở cõi nước an lành.

Tùy theo chô sanh, thường gặp thời đại tốt,

Tùy theo chõ sanh, thường gặp bạn lành.

Tùy theo chõ sanh, thân cẩn thường được đầy đủ.

Tùy theo chõ sanh, đạo tâm thuần thực.

Tùy theo chõ sanh, không phạm cấm giới.

Tùy theo chõ sanh, thường được quyền thuộc hòa thuận, có ân nghĩa.

Tùy theo chõ sanh, vật dụng, thức ăn uống thường được đầy đủ.

Tùy theo chõ sanh, thường được người cung kính giúp đỡ.

Tùy theo chõ sanh, tiền của châu báu không bị kẻ khác cướp đoạt.

Tùy theo chõ sanh, những việc mong cầu đều được toại nguyện.

Tùy theo chõ sanh, Long Thiên, thiện thần thường theo ủng hộ.

Tùy theo chõ sanh, thường được thấy Phật nghe pháp.

Tùy theo chõ sanh, khi nghe chánh pháp ngộ giải nghĩa sâu.

Nếu kẻ nào trì tụng chú Đại Bi, sẽ được 15 chõ sanh tốt như thế! Cho nên tất cả hàng trời, người, đều nên thường tụng trì, chớ sanh lòng biếng trễ.”

Khi đức Quán Thế Âm Bồ-tát nói lời ấy rồi, liền ở trước chúng hội, chắp tay đứng thẳng, đối với chúng sanh khởi lòng từ bi, nở mặt mỉm cười, nói chương cú mầu nhiệm Quảng Đại Viên Mãn Vô Ngại Đại Bi Tâm Đà-ra-ni rằng:

Nam mô hắc ra đát na đà ra dạ da. Nam mô a rị da bà lô kiết đế thước bát ra da. Bồ đề tát đóa bà gia. Ma ha tát đóa bà da. Ma ha ca lô ni ca da. Án. Tát bàn ra phạt duệ. Số đát na đát tả. Nam mô tất kiết lật đóa y mông a rị da. Bà

lô kiết đế thất phật ra lăng đà bà. Nam mô na ra cẩn trì. Hê rị ma ha bàn đà sa mế. Tát bà a tha đậu du bắng. A thệ dụng. Tát bà tát đà na ma bà tát đà. Na ma bà đà. Ma phật đặc đậu. Đát diệt tha. Án a bà lô hê. Lô ca đế. Ca ra đế. Di hê rị. Ma ha bồ đề tát đáo. Tát bà tát bà. Ma ra ma ra. Ma hê, ma hê rị đà dụng. Cu lô cu lô, yết mông. Độ lô độ lô phật xà da đế. Ma ha phật xà da đế. Đà ra đà ra. Địa rị ni. Thất phật ra da. Giá ra giá ra. Mạ. Mạ phật ma ra. Mục đế lệ. Y hê di hê. Thất na thất na. A ra sâm phật ra xá lị. Phật sa phật sâm. Phật ra xá da. Hô rô hô rô, ma ra. Hô rô hô rô hê ly. Ta ra ta ra. Tát rị tát rị. Tô rô tô rô. Bồ đề dạ, bồ đề dạ. Bồ đà dạ, bồ đà dạ. Di đế lý dạ. Na ra cẩn trì. Địa rị sắc ni na. Bà dạ ma na. Ta bà ha. Tát đà dạ. Ta bà ha. Ma ha tát đà dạ. Ta bà ha. Tát đà dū nghệ. Thất bàn ra dạ. Ta bà ha. Na ra cẩn trì. Ta bà ha. Ma ra na ra. Ta bà ha. Tát ra tăng a mục khư da. Ta bà ha. Ta bà ma ha a tát đà dạ. Ta bà ha. Giả kiết a ra tát đà dạ. Ta bà ha. Ba đà ma yết tát đà dạ. Ta bà ha. Na ra cẩn trì bàn đà ra dạ. Ta bà ha. Ma bà lị thắng yết ra dạ. Ta bà ha.

Nam mô hắt ra đát na đà ra dạ da. Nam mô a rị da. Bà lô kiết đế. Thước bàn ra dạ. Ta bà ha. Án, tất diện đô. Mạn đà ra. Bạt đà dạ. Ta bà ha.

Bồ-tát thuyết chú xong, cõi đất sáu phen biến động, trời mưa hoa báu rơi xuống rải rác, mười phương chư Phật thảy đều vui mừng, Thiên ma ngoại đạo sợ dựng lông tóc, tất cả chúng hội đều được quả chứng. Hoặc có vị chứng quả Tu-dà-hoàn, có vị chứng quả Tu-dà-hàm, hoặc có vị chứng quả A-na-hàm, có vị chứng quả A-la-hán, hoặc có vị chứng được Sơ địa, Nhị địa, Tam địa, Tứ địa, Ngũ địa cho đến Thập địa, vô lượng chúng sanh phát lòng Bồ-đề.

Khi ấy Đại Phạm Thiên vương từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa y phục nghiêm chỉnh, chấp tay cung kính bạch với đức Quán Thế

Âm Bồ-tát rắng: “Lành thay Đại Sĩ! Từ trước đến nay, tôi đã trải qua vô lượng Phật hội, nghe nhiều pháp yếu, nhiều môn Đà-ra-ni, song chưa từng nghe nói chuông cú thần diệu: Vô Ngại Đại Bi Tâm Đà-ra-ni này. Cúi xin Đại sĩ vì tôi, nói hình trạng tướng mạo của Đà-ra-ni áy. Tôi và đại chúng đều ưa thích muốn nghe.”

Quán Thế Âm Bồ-tát bảo Phạm vương: “Ông vì phuong tiện lợi ích cho tất cả chúng sanh, nên hỏi như thế. Nay ông khéo nghe, tôi sẽ vì các ông mà nói lược qua.

Này Phạm vương! Những tâm đại từ bi, tâm bình đẳng, tâm vô vi, tâm chẳng nhiễm trước, tâm không quán, tâm cung kính, tâm khiêm nhường, tâm không tạp loạn, tâm không chấp giũ, tâm Vô thượng Bồ-đề, nên biết các thứ tâm áy đều là tướng mạo của môn Đà-ra-ni này. Vậy, ông nên y theo đó mà tu hành.”

Phạm vương thưa: “Tôi và đại chúng hôm nay mới hân hạnh được biết tướng mạo của môn Đà-ra-ni này, từ đây chúng tôi xin thọ trì chẳng dám lãng quên.”

Bồ-tát lại nói tiếp: “Nếu kẻ thiện nam, thiện nữ nào tụng trì thần chú này, phải phát tâm Bồ-đề rộng lớn, thè độ tất cả muôn loài, giữ gìn trai giới, đối với chúng sanh khởi lòng bình đẳng, và thường nên trì tụng chớ cho gián đoạn. Lại nên ở nơi tịnh thất, tắm gội sạch sẽ, mặc y phục sạch, treo phan, đốt đèn, dùng hương hoa, cùng các thứ ăn uống để cúng dường, buộc tâm một chỗ, chớ nghĩ chi khác, y như pháp mà tụng trì. Lúc ấy, sẽ có Nhựt Quang Bồ-tát, Nguyệt Quang Bồ-tát cùng vô lượng Thần tiên đến chứng minh, giúp thêm sự hiệu nghiệm. Bấy giờ ta cũng dùng ngàn mắt chiếu soi, ngàn tay nâng đỡ, khiến cho kẻ ấy từ đó về sau có thể hiểu suốt tất cả sách vở thế gian, thông đạt các điển tích Vi Đà và tất cả pháp thuật ngoại đạo. Chúng sanh nào tụng trì thần chú này, có thể trị lành tám muôn bốn

ngàn thứ bệnh ở thế gian, hàng phục các thiên ma, ngoại đạo, sai khiến được tất cả quý thần. Những kẻ tụng kinh tạ thiền ở nơi non sâu, đồng vắng, bị sơn tinh, tạp mị, các quỷ vong lượn làm náo loạn phá hoại, khiến cho tâm không an định, chỉ cần tụng chú này một biến, các quỷ thần áy thảy đều bị trói. Nếu hành giả có thể tụng trì đúng pháp, khởi lòng thương xót tất cả chúng sanh, lúc ấy ta sẽ sắc cho tất cả Thiện thần, Long vương, Kim Cang Mật Tích thường theo ủng hộ, không rời bên mình, như giữ gìn trong con mắt hoặc thân mạng của chính họ.”

Tiếp đó, Bồ-tát liền đọc lời kệ sắc lệnh rằng:

Ta sai Mật Tích, Kim Cang Sĩ,
Ô-sô-quân-đồ Ương-câu-thi,
Bát bộ lực sĩ, Thủởng-ca-la,
Thường theo ủng hộ bên hành giả.
Ta sai Ma-hê Na-la-diên,
Kim-tỳ-la-dà Ca-tỳ-la,
Thường theo ủng hộ bên hành giả.
Ta sai Bà-cáp Ta-lâu-la,
Mãn Thiện Xa-bát Chân-dà-la,
Thường theo ủng hộ bên hành giả.
Ta sai Tát-giá Ma-hòa-la,
Curu-la-đon-tra Bán-chỉ-la,
Thường theo ủng hộ bên hành giả.
Ta sai Tát-bà-dà-la Vương,
Ung Đức Tỳ-la Tát-hòa-la,
Thường theo ủng hộ bên hành giả.
Ta sai Phạm Ma Tam-bát-la,
Ngũ Bộ Tịnh Cư Diêm-ma-la,
Thường theo ủng hộ bên hành giả.
Ta sai Thích Vương, Tam Thập Tam,
Đại Biện Công Đức Bà-đát-na,

Thường theo ủng hộ bên hành giả.
Ta sai Đè-dàu-lại-tra Vương,
Các thần Mẫu nữ, chúng Đại Lực,
Thường theo ủng hộ bên hành giả.
Ta sai Tỳ-lâu-lặc-xoa Vương,
Tỳ-lâu-bác-xoa, Tỳ-sa-môn,
Thường theo ủng hộ bên hành giả.
Ta sai Kim Sắc Khổng Tước Vương,
Hai mươi tám bộ Đại tiên chúng,
Thường theo ủng hộ bên hành giả.
Ta sai Ma-ni Bạt-đà-la,
Táng Chi đại tướng, Phật-la-bà,
Thường theo ủng hộ bên hành giả.
Ta sai Nan-đà, Bạt-nan-đà,
Bà-dà-la Long, Y-bát-la,
Thường theo ủng hộ bên hành giả.
Ta sai Tu-la, Càn-thát-bà,
Ca-lâu, Khẩn-na, Ma-hầu-la,
Thường theo ủng hộ bên hành giả.
Ta sai Thủy, Hỏa, Lôi, Điện thân,
Curu-bàn-trà vương, Tỳ-xá-xà,
Thường theo ủng hộ bên hành giả.

Các vị thiện thần này cùng thần Long vương, thần Mẫu Nữ đều có 500 Đại lực Dạ-xoa làm quyến thuộc, thường theo ủng hộ người thọ trì thần chú Đại Bi. Nếu người đó ở nơi núi hoang, đồng vắng, ngủ nghỉ một mình, các vị thiện thần ấy thay phiên nhau canh giữ không cho tai ương, chướng nạn xâm phạm đến thân. Nếu hành giả đi trong núi sâu lạc mất đường về, tụng trì chú này, Thiện thần, Long vương hóa làm người lành chỉ đường dẫn lối. Như hành giả trú nơi núi rừng, đồng vắng, thiếu thốn nước lửa, Long thần vì ủng hộ, hóa ra nước, lửa.”

Đức Quán Thê Âm Bồ-tát lại vì người tụng chú, nói bài kê thanh lương tiêu trừ tai họa rằng:

Hành giả đi trong núi đồng vắng,
Gặp những cọp sói, các thú dữ,
Rắn, rít, tinh mị, quỷ vọng lượng.
Tụng tâm chú này khỏi bị hại.
Nếu đi biển cả hoặc sông, hồ,
Những rồng rắn độc, loài Ma-kiệt,
Dạ-xoa, La-sát, cá, rùa lớn,
Nghe tụng chú này tự lánh xa.
Nếu bị quân trận giặc bao vây,
Hoặc gặp người ác đoạt tiền của,
Chí thành xung tụng chú Đại Bi,
Giặc cướp tự khỏi lòng thương xót.
Nếu bị vua quan, quân sĩ bắt,
Gông cùm trói buộc, giam ngục tù,
Chí thành xung tụng chú Đại Bi,
Vua, quan tự mở lòng ân xá.
Nếu đi vào nhà nuôi sâu độc,
Uống ăn để thuốc muôn hại nhau,
Chí thành xung tụng chú Đại Bi,
Thuốc độc biến thành nước cam lô,
Nữ nhơn bị nạn khi sanh sản,
Khô vì ma quái làm ngăn cản,
Chí thành xung tụng chú Đại Bi,
Quỷ tà sợ trốn sanh an ổn,
Gặp rồng, dịch quỷ gieo hơi độc,
Nóng bức khô đau sấp mạng chung,
Chí thành xung tụng chú Đại Bi,
Bệnh dịch tiêu trừ, mạng trường cữu,
Rồng, quỷ lưu hành bệnh thủng độc,
Ung sang lở lói nhiều khô đau,

Chí thành xưng tụng chú Đại Bi,
Khạc ra ba lần hơi độc mát.
Chúng sanh đời trước khởi lòng ác,
Trù ém hại cho thỏa oán thù,
Chí thành xưng tụng chú Đại Bi,
Liền phản trở lại người trù ém.
Chúng sanh cõi trước đời mạt pháp,
Lửa dâm dục thạnh, tâm điên đảo,
Ngoại tình, xa vợ, bỏ chồng con,
Ngày đêm mãi tưởng điều sai quấy,
Nếu hay xưng tụng chú Đại Bi,
Lửa dục tiêu trừ, tâm tà dứt.
Công lực Đại Bi chỉ lược qua,
Nếu ta nói hết không cùng kiếp!

Khi ấy, Quán Thế Âm Bồ-tát lại bảo Phạm vương rằng:

“Này Phạm vương! Nếu chúng sanh nào muôn tiêu trừ tai nạn ma chướng nên lấy chỉ ngũ sắc xe làm một sợi niết, trước tiên tụng chú này 5 biến, kế tụng 21 biến, cứ tụng xong mỗi biến lại thắt một gút, rồi đeo nơi cổ hoặc bờ vai dãy đeo trong thân. Tâm chú Đại Bi đây do chín mươi chín ức hàng sa chư Phật đời quá khứ đã nói ra. Các đức Phật ấy vì thương xót muôn cho người tu hành: công đức Lục độ chưa đầy đủ, mau được đầy đủ; mầm Bồ-đề chưa phát, mau được phát sanh; hàng Thanh văn chưa chứng quả, mau được chứng quả; các vị thần tiên trong cõi đại thiên chưa phát lòng Bồ-đề, mau được phát tâm Vô thượng Bồ-đề. Nếu chúng sanh nào chưa được tín căn Đại thừa, do sức oai thần của Đà-ra-ni này, hạt giống Đại thừa tự sanh mầm và tăng trưởng; lại do súc từ bi phương tiện của ta, khiến cho sự mong cầu của họ đều được thành tựu.

Lại nữa, người trì tụng Đà-ra-ni này, khi thốt ra lời nói chi, hoặc thiện hoặc ác, tất cả Thiên ma ngoại đạo, Thiên, Long, Quỷ thần đều nghe thành tiếng pháp âm thanh tịnh, đối với kẻ

Ấy khởi lòng cung kính, tôn trọng như Phật.

Người nào trì tụng Đà-ra-ni này nên biết người ấy chính là tạng Phật thân, vì chín mươi chín ức hằng hà sa chư Phật đều yêu quý. Nên biết người ấy chính là tạng quang minh, vì ánh sáng của tất cả Như Lai đều chiếu đến nơi mình. Nên biết người ấy chính là tạng từ bi, vì thường dùng Đà-ra-ni cứu độ chúng sanh. Nên biết người ấy chính là tạng diệu pháp, vì nghiệp hết tất cả các môn Đà-ra-ni. Nên biết người ấy chính là tạng thiền định vì trăm ngàn Tam-muội thấy đều hiện tiền. Nên biết người ấy chính là tạng hư không, vì hằng dùng không huệ quán sát chúng sanh. Nên biết người ấy chính là tạng vô úy, vì Thiên, Long, Thiện thần thường theo hộ trì. Nên biết người ấy chính là tạng diệu ngữ, vì tiếng Đà-ra-ni trong miệng tuôn ra bất tuyệt. Nên biết người ấy chính là tạng thường trụ, vì tam tai ác kiếp không thể làm hoại. Nên biết người ấy chính là tạng giải thoát, vì thiên ma ngoại đạo không thể bức nã. Nên biết người ấy chính là tạng được vương, vì thường dùng Đà-ra-ni trị bệnh chúng sanh. Nên biết người ấy chính là tạng thần thông, vì được tự tại dạo chơi nơi mười phương cõi Phật. Công đức người ấy khen ngợi không thể cùng!”

—Này thiện nam tử! Chúng sanh nào nghe danh tự của môn Đà-ra-ni này còn được tiêu diệt tội nặng sanh tử trong vô lượng kiếp, huống chi là tụng trì? Nếu người nào được thần chú này mà tụng trì, phải biết kẻ ấy đã từng cúng dường vô lượng chư Phật, gieo nhiều căn lành. Nếu kẻ nào tụng trì đúng pháp, lại có thể vì chúng sanh dứt trừ sự khổ nạn, nên biết người ấy là bậc có đủ tâm đại bi, không bao lâu nữa sẽ thành Phật. Cho nên, hành giả khi thấy mọi loài, đều nên vì chúng tụng chú này, khiến cho chúng được nghe để cùng gây nhân Bồ-đề, thì sẽ được vô lượng, vô biên công đức.

Nếu kẻ hành trì khéo giữ gìn trai giới, dụng tâm tinh thành, vì tất cả chúng sanh sám hối tội nghiệp đời trước, tự mình cũng

sám hối những ác nghiệp đã gây ra từ vô lượng kiếp đén nay, nơi miệng rành rẽ tụng Đà-ra-ni này tiếng tăm liên tiếp không dứt, thì trong đời hiện tại liền chứng được bốn đạo quả của bậc Sa-môn. Nếu là hạng lợi căn, có phuơng tiện Tuệ quán thì quả vị Thập địa còn chứng được không lấy gì làm khó, huống chi là những phuorc báo nhỏ nhặt ở thế gian. Những việc như thế, nếu có mong cầu, đều được toại nguyện.

Đức Phật lại gọi ngài A-nan mà bảo:

—Này A-nan! Khi trong một nước có tai nạn nổi lên, nếu muôn được an ổn, vị quốc vương ở xứ ấy phải biết dùng chánh pháp trị dân, có độ lượng khoan hồng, không làm oan uổng trăm họ, tha ké tù phạm, và giữ thân tâm tinh tấn đọc tụng chú này. Hành trì như thế luôn bảy ngày đêm, thì trong cõi nước ấy tất cả tai nạn thảy đều tiêu tan, ngũ cốc phong thạnh, dân chúng được an vui.

Lại trong một xứ, nếu gặp những tai ương dồn dập như: bị nước nghịch đem binh xâm lấn, dân tình rối loạn không yên, quan đại thần mưu phản, bệnh dịch lưu hành, mưa nắng trái thời hoặc nhựt, nguyệt sai độ v.v... Muôn diệt các thứ tai nạn ấy, vị quốc vương phải lập đàn tràng, tạo tượng Thiên Nhãn Đại Bi để day mặt về phuơng Tây, sám các thứ hương, hoa, tràng phan, bảo cái, hoặc trăm thức ăn uống mà cúng dường, rồi dùng thân tâm tinh tấn, đọc tụng churong cú thần diệu. Hành trì như thế đúng bảy ngày thì nước giặc quy hàng, chánh tinh yên ổn, lân bang hòa hảo thương mến lẫn nhau, trong triều từ vương tử cho đến trăm quan đều hết dạ trung thành, nơi cung vi phi tần, thể nữ khởi lòng hiếu kính đối với vua, các Thiên, Long, Quỷ thần đều ủng hộ trong nước khiến cho mưa gió thuận mùa, hoa quả tốt, nhân dân vui đẹp.

Lại nếu trong nhà có những tai nạn như ma quái nổi dậy, quyền thuộc đau nặng, tiền của hao mòn, gia đình rối loạn,

người ác gieo tiếng thị phi hoặc vu khống để hãi hại, cho đến trong ngoài lớn nhỏ chẳng hòa thuận nhau. Muốn diệt những tai nạn ấy, gia chủ phải lập đàn tràng, hướng về tượng Thiên Nhãn, chí tâm niệm danh hiệu Quán Thé Âm Bồ-tát và tụng Đà-ra-ni này đủ ngàn biến, thì tất cả các việc xấu như trên thảy đều tiêu diệt, gia đình được vĩnh viễn an vui.

Ngài A-nan lại bạch Phật rằng:

—Bạch đức Thé Tôn! Chú này tên gọi là chi? Con nên thọ trì như thế nào?

Đức Phật bảo:

—Thần chú này có những tên như sau:

Quảng Đại Viên Mân Đà-ra-ni.
Vô Ngại Đại Bi Đà-ra-ni.
Cứu Khổ Đà-ra-ni.
Diên Thọ Đà-ra-ni.
Diệt Ác Thủ Đà-ra-ni.
Phá Ác Nghiệp Chuóng Đà-ra-ni.
Mân Nguyên Đà-ra-ni.
Tùy Tâm Tự Tại Đà-ra-ni.
Tốc Siêu Thánh Địa Đà-ra-ni.

Ông nên y như thế mà thọ trì.

Ngài A-nan lại bạch Phật:

—Bạch đức Thé Tôn! Vị Bồ-tát Ma-ha-tát, bộ chủ của thần chú này, tôn hiệu là chi, mà khéo nói môn Đà-ra-ni như thế?

Đức Phật bảo:

—Vị Bồ-tát ấy hiệu là Quán Thé Âm Tự Tại, cũng tên là Nhiên Sách, cũng gọi là Thiên Quang Nhãn.

—Này thiện nam tử! Quán Thé Âm Bồ-tát thần thông oai lực không thể nghĩ bàn, trong vô lượng kiếp về trước đã từng thành Phật hiệu là Chánh Pháp Minh Như Lai. Vì nguyên lực

đại bi, vì muôn làm duyên phát khởi cho tất cả các hàng Bồ-tát, vì muôn an vui thành thục cho chúng sanh, ngài mới giáng tích hiện làm Bồ-tát. Vậy ông và đại chúng, các hàng Bồ-tát Ma-ha-tát, Phạm vương, Đề Thích, Long thần đều nên cung kính, chớ sanh lòng khinh mạn xem thường. Nếu tất cả hàng trời, người thường xung niêm, cúng dường Quán Thế Âm Bồ-tát, sẽ được vô lượng phước, diệt vô lượng tội, khi mạng chung sanh về cõi nước của Phật A-di-dà.

Đức Phật bảo ngài A-nan:

—Thần chú của Quán Thế Âm Bồ-tát nói ra đây, chân thật không dối. Nếu muốn thỉnh Bồ-tát đến, nên tụng chú vào hương chuyết-cụ-la 21 lần rồi đốt lên, Quán Thế Âm Bồ-tát liền đến (*chuyết-cụ-la chính là An tức hương*).

Đức Phật lại bảo ngài A-Nan:

—Quán Thế Âm Tự Tại Bồ-tát có ngàn tay, mỗi tay đều tiêu biêu cho hành tùy thuận các sự mong cầu của chúng sanh. Đó cũng do tâm Đại bi của vị Đại sĩ ấy hóa hiện.



1. Nếu chúng sanh nào muốn được giàu lớn, có nhiều thứ châubáu, đồ dùng, nên cầu nới tay cầm châub như ý.

Chân ngôn rằng: **Án, phạ nhựt ra, phạ đa ra, hồng phấn tra.**



2. Nếu muốn trị các thứ bệnh trên thân, nên cầu nơi tay cầm cành dương liễu.

Chân ngôn rằng: **Án tô tất địa, ca rị phạ rị, đa nǎm đa, mục đa duệ, phạ nhụt ra, phạ nhụt ra bạn đà, hạ nǎng hạ nǎng, hòng phẩn tra.**



3. Nếu muốn trị các chứng bệnh trong bụng, nên cầu nơi tay cầm cái bát báu.

Chân ngôn rằng: **Án, chỉ rị chỉ rị, phạ nhụt ra, hòng phẩn tra.**



4. Nếu muốn trị bệnh mắt mờ không thấy ánh sáng, nên cầu nơi tay cầm châu nhụt tinh ma ni.

Chân ngôn rằng: **Án, độ tǐ, ca giả độ tǐ, bát ra phạ rị nǎnh, tát phạ hạ.**



5. Nếu muôn hàng phục
tất cả thiên ma thần, nên cầu
nơi tay cầm cây Bát-chiết-la.

Chân ngôn rằng: **Án nê
bệ nê bệ, nê bà dã, ma ha
thất rị duệ, tát phạ hạ.**



6. Nếu muôn hàng phục
tất cả oán giặc, nên cầu
nơi tay cầm chày Kim cang.

Chân ngôn rằng: **Án phạ
nhựt ra, chỉ nánh, bát ra nê
bát đa dã, tát phạ hạ.**



7. Nếu muôn trừ tánh ở
tất cả chồ sợ hãi không yên,
nên cầu nơi tay thí vô úy.

Chân ngôn rằng: **Án, phạ
nhựt ra, năng dã, hồng phấn
tra.**



8. Nếu bị các việc khuấy rối, muốn được an ổn, nên cầu nơi tay cầm dây quyên sách.

Chân ngôn rằng: **Án chỉ rị lā ra, mô nại ra, hồng phẩn tra.**



9. Nếu bị bệnh nhiệt độc, muốn được mát mẻ hết bệnh, nên cầu nơi tay cầm châm Nguyệt tinh ma-ni.

Chân ngôn rằng: **Án tô tất địa yết rị, tát phạ hụ.**



10. Nếu muốn được mau gặp các bạn lành, nên cầu nơi tay cầm tên báu.

Chân ngôn rằng: **Án ca mạ lā, tát phạ hụ.**



11. Nếu muốn hàng phục tất cả quý, thần, vọng, lượng, nên cầu nơi tay cầm gươm báu.

Chân ngôn rằng: **Án đé thế, đé nhá, đỗ vĩ nảnh, đỗ đè bà dà dã, hồng phấn tra.**



12. Nếu muốn trừ những chướng nạn ác bên thân, nên cầu nơi tay cầm cây phát tráng.

Chân ngôn rằng: **Án bát na di nảnh, bà nga phạ đé, mô hạ dã nhá, nga mô hạ nảnh, tát phạ hạ.**



13. Nếu muốn tất cả người trong quyền thuộc được hòa thuận nhau, nên cầu nơi tay cầm cái hồ bình.

Chân ngôn rằng: **Án yết lệ, thảm mẫn diệm, tát phạ hạ.**



14. Nếu muốn xua đuổi loài hổ báo, sài lang và tất cả ác thú, nên cầu nòi tay cầm cái bàng bài.

Chân ngôn rằng: **Án dược các sam nǎng, na dã chiến nại ra, đạt nậu bá rị dã, bạt xá bạt xá, tát phạ hạ.**



15. Nếu muốn trong tất cả thời, tất cả chỗ, lìa nạn quan quân vời bắt, nên cầu nòi tay cầm cây phủ việt.

Chân ngôn rằng: **Án vị ra dã, vị ra dã, tát phạ hạ.**



16. Nếu muốn có tôi trai tớ gái để sai khiến, nên cầu nòi tay cầm chiếc vòng ngọc.

Chân ngôn rằng: **Án bát na hàm, vị ra dã, tát phạ hạ.**



17. Nếu muốn được các thứ công đức, nên cầu noi tay cầm hoa sen trắng.

Chân ngôn rằng: **Án phạ nhụt ra, vị ra dã, tát phạ hạ.**



18. Nếu muốn được sanh về mươi phương tịnh độ, nên cầu noi tay cầm hoa sen xanh.

Chân ngôn rằng: **Án chỉ rị, phạ nhụt ra, bộ ra bạn đà, hồng phấn tra.**



19. Nếu muốn được trí tuệ lớn, nên cầu noi tay cầm cái gương báu.

Chân ngôn rằng: **Án vĩ tát phỗ ra, na ra các xoa, phạ nhụt ra, mạn trà lā, hồng phấn tra.**



20. Nếu muốn được diện kiến mười phương tất cả chư Phật, nên cầu nòi tay cầm hoa sen tím.

Chân ngôn rằng: **Án tát ra tát ra, phạ nhụt ra, hòng phán tra.**



21. Nếu muốn lấy được kho báu ẩn trong lòng đất, nên cầu nòi tay cầm cái bảo kíp.

Chân ngôn rằng: **Án phạ nhụt ra, bát thiết ca rị, yết nǎng hàm, ra hòng.**



22. Nếu muốn được đạo Tiên, nên cầu nòi tay hóa hiện mây ngũ sắc.

Chân ngôn rằng: **Án phạ nhụt ra, ca rị ra tra hàm tra.**



23. Nếu muốn sanh lê cõi
Phạm Thiên, nên cầu nơi tay cầm
bình quân trì.

Chân ngôn rằng: **Án phạ
nhụt ra, thế khê ra, rô tra hàm
tra.**



24. Nếu muốn được sanh lê
các cung trời, nên cầu nơi tay cầm
hoa sen hồng.

Chân ngôn rằng: **Án thương
yết lệ, tát phạ hạ.**



25. Nếu muốn xua đuổi giặc
nghịch ở phương khác đến, nên
cầu nơi tay cầm cây bảo kích.

Chân ngôn rằng: **Án thảm
muội dã, chỉ nanh hạ rị, hồng
phấn tra.**



26. Nếu muốn triệu tất cả chư Thiên, Thiện thần, nên cầm nòi tay ống loa báu.

Chân ngôn rằng: **Án thương
yết lệ, mạ hạ thảm mân diệm, tát
phạ hạ.**



27. Nếu muốn sai khiến tất cả quỷ thần, nên cầm nòi tay cầm cây gậy đầu lâu.

Chân ngôn rằng: **Án độ nǎng,
phạ nhụt ra xá.**



28. Nếu muốn mười phương chư Phật sớm đến đưa tay tiếp dẫn, nên cầm nòi tay cầm xâu chuỗi ngọc.

Chân ngôn rằng: **Nǎng mồ ra
đát nǎng, đát ra dạ dã. Án a na bà
đé vī nhá duệ, tát địa tát đà lật
thé, tát phạ hạ.**



29. Nếu muốn có được tất cả Phạm âm thanh tốt nghiệp màu, nên cầu nơi tay cầm chiếc linh báu.

Chân ngôn rằng: **Nắng mồ bát ra hàm bá noa duệ. Án a mật lật đầm, nghiêm bệ thất rị duệ, thất rị chiêm rị nánh, tát phạ hạ.**



30. Nếu muốn được miệng nói biện luận hay khéo, nên cầu nơi tay cầm chiếc ấn báu.

Chân ngôn rằng: **Án phạ nhụt ra, nánh đầm nhá duệ, tát phạ hạ.**



31. Nếu muốn được Thiên thần, Long vương thường đến ứng hộ, nên cầu nơi tay cầm Cu thi thiết câu.

Chân ngôn rằng: **Án a rô rô, đa ra ca ra, vĩ sa duệ. Nắng mồ tát phạ hạ.**



32. Nếu vì lòng từ bi muốn cho tất cả chúng sanh được nhờ sự che chở giúp đỡ, nên cầu nơi tay cầm cây tích trượng.

Chân ngôn rằng: **Án na lật thế, na lật thế, na lật tra bát đế, na lật đế na dạ bát nǎnh, hồng phấn tra.**



33. Nếu muốn cho tất cả chúng sanh thường cung kính yêu mến nhau, nên cầu nơi tay hiệp chưởng.

Chân ngôn rằng: **Án bát nạp mạng, nhá lăng hất rị.** (Theo trong Tạng bản, lại có chân ngôn: **Án vĩ tát ra, vĩ tát ra, hồng phấn tra.**)



34. Nếu muốn tùy theo chỗ sanh, thường ở bên Phật, nên cầu nơi tay hiện hóa Phật.

Chân ngôn rằng: **Án chiến na ra, ba hàm tra rị, ca rị na, chỉ rị na, chỉ rị nỉ, hồng phấn tra.**



35. Nếu muốn được đài đài kiếp kiếp thường ở trong cung điện Phật, không thọ sanh ở bào thai, nên cầu nơi tay hiện hóa cung điện.

Chân ngôn rằng: **Án vi tút ra, tút ra, hòng phán tra.**



36. Nếu muốn được làm quan, lên chức, nên cầu nơi tay cầm cung báu.

Chân ngôn rằng: **Án a tá vī, lệ, tút phạ hạ.**



37. Nếu muốn được học rộng nghe nhiều, nên cầu nơi tay cầm quyển kinh báu.

Chân ngôn rằng: **Án a hạ ra, tút ra phạ ni, nẽ dã dà ra, bố nẽ đế, tút phạ hạ.**



38. Nếu muốn từ thân này
cho đến thân thành Phật, tâm Bồ-
đề thường không lui sụt, nên cầu
nơi tay cầm bất thối kim luân.

Chân ngôn rằng: **Án thiết na**
di tả, tát phạ hạ.



39. Nếu muốn mười phương
chư Phật mau đến xoa đầu thọ ký,
nên cầu nơi tay đánh thượng hóa
Phật.

Chân ngôn rằng: **Án phạ**
nhựt rị ni, phạ nhựt lâm nghệ
tát phạ hạ.



40. Nếu muốn có được cây
trái ngũ cốc, nên cầu nơi tay cầm
chùm bồ đào.

Chân ngôn rằng: **Án a ma lā**
kiêm đế nẽ nành, tát phạ hạ.



41. Nếu muốn cho tất cả loài hữu tình đói khát được no đủ mát mê, nên cầu nơi tay hóa nước cam lô.

Chân ngôn rằng: **Án tố rô rô, bárc ra tố rô, bárc ra tố rô, tố rô tố rô dã, tát phạ hạ.**



42. Nếu muốn hàng phục ma oán trong cõi đại thiên, nên cầu nơi tay tổng nghiệp thiên thủ.

Chân ngôn rằng: **Đát nẽ dã thá, phạ lồ chỉ đế, thấp phạ ra dã, tát bà đốt sắc, tra ô phạ di dã, sá phạ hạ.**

–Này A-nan! Những việc có thể cầu mong như thế, kể có ngàn điều. Nay Ta chỉ nói lược qua chút ít phần thôi.

Khi ấy Nhụt Quang Bồ-tát vì người thọ trì Đại Bi Tâm Đà-ra-ni nói đại thần chú đê ứng hộ rằng:

**Nam mô bột đà cù na mêt. Nam mô đạt mạ mạc ha đê.
Nam mô tăng già đa dạ nê. Đế chỉ bộ tất tát đốt chiêm nạp
mạ.**

Nhụt Quang Bồ-tát bạch Phật:

–Bạch đức Thé Tôn! Tụng chú này diệt được tất cả tội, cũng đuổi được ma và trừ thiên tai. Nếu kẻ nào tụng chú này

một biến, lẽ Phật một lạy, mỗi ngày chia ra làm ba thời tụng chú lẽ Phật như thế, trong đời vị lai tùy theo chỗ thọ thân, thường được tướng mạo xinh đẹp, được quả báo đáng vui mừng.

Nguyệt Quang Bồ-tát cũng vì hành nhơn mà nói Đà-ra-ni để ủng hộ rằng:

Thâm dê dê đồ tô tra. A nhã mật dê ô đô tra. Thâm kỳ tra. Ba lại đê. Gia di nhã tra ô đô tra. Câu la đê tra kỳ ma tra. Sá phạ hạ.

Nguyệt Quang Bồ-tát lại bạch Phật:

—Bạch đức Thé Tôn! Tụng chú này năm biến, rồi lấy chỉ ngũ sắc se thành niết, gia trì chú vào, buộc tréo nơi tay, chú này do bốn mươi hằng hà sa chư Phật đời quá khứ đã nói ra, nay tôi cũng nói để vì các hành nhơn mà làm duyên ủng hộ. Chú này có công năng trừ tất cả chướng nạn, tất cả bệnh ác, thành tựu tất cả pháp lành, xa lìa tất cả sự sợ hãi.

Đức Phật bảo ngài A-nan:

—Ông nên dùng lòng trong sạch tin sâu mà thọ trì môn Đại Bi Tâm Đà-ra-ni này và lưu bố rộng ra trong cõi Diêm-phù-đê, chờ cho đoạn tuyệt. Đà-ra-ni này có thể làm lợi ích lớn cho chúng sanh trong ba cõi. Tất cả bệnh khổ ràng buộc nơi thân, nếu dùng Đà-ra-ni này mà trị thì không bệnh nào chẳng lành. Dùng đại thần chú này tụng vào cây khô, cây áy còn được sanh cành lá, trổ bông trái, huống chi là chúng sanh có tình thức ư? Nếu thân bị đau bệnh, dùng chú này trị mà không lành, lẽ áy không bao giờ có.

—Này thiện nam tử! Sức oai thần của Đại Bi Tâm Đà-ra-ni không thể nghĩ bàn! Không thể nghĩ bàn! Khen ngợi không bao giờ hết được! Nếu chẳng phải là kẻ từ đời quá khứ lâu xa đến nay đã gieo nhiều căn lành, thì dù cho cái tên gọi còn không được nghe, huống chi là được thấy! Nay đại chúng các ông, cả

hàng trời, người, long, thần, nghe Ta khen ngợi phải nêu tùy hỷ. Nếu kẻ nào hủy báng thần chú này tức là hủy báng chín mươi chín ức hằng hà sa chư Phật kia. Nếu người nào đối với Đà-ra-ni này sanh nghi không tin, nên biết kẻ ấy sẽ vĩnh viễn mất sự lợi ích lớn, trăm ngàn muôn kiếp không bao giờ nghe thấy Phật, Pháp, Tăng, thường chìm trong tam đồ, chẳng biết bao giờ mới được ra khỏi.

Khi ấy, tất cả chúng hội, Bồ-tát Ma-ha-tát, Kim Cang, Mật Tích, Phạm vương, Đê Thích, Tú đại Thiên vương, Thiên, Long, Quỷ, Thần, nghe đức Như Lai khen ngợi môn Đà-ra-ni này xong, thấy đều vui mừng, y lời dạy mà tu hành.



V. THÁT CU-CHI PHẬT MÃU SỞ THUYẾT ĐÀ-RA-NI KINH.

*Đường Thiên Trúc, Ngài Tam Tạng Pháp Sư Quảng Trí
Bát Không phụng chiểu dịch Phạn ra Hán văn.*

Tỳ-khưu Thích Viên Đức dịch Hán ra Việt văn.

Nhu thị ngã văn, nhất thời, Bạt-già-phạm, tại danh xưng là Đại Thành, Thê-đa lâm, Cáp Cô Độc viên, cùng Đại Tỳ-khưu chúng, các chư Bồ-tát và chư Thiên Long Bát Bộ trước sau doanh vây chung quanh. Nghĩ thương chúng sanh đời vị lai bạc phuớc, liền nhập Chuẩn-đè Tam-ma-địa, nói quá khứ Thất Cu-chi Phật đã nói Đà-ra-ni rằng: NAM MÔ TÁT ĐA NÃM, TAM MIỆU TAM BỒ ĐÈ CU CHI NÃM, ĐÁT ĐIỆT THA. ÁN, CHIẾT LỆ, CHỦ LỆ, CHUẨN ĐÈ, TA BÀ HA. Nếu có người tu hành chơn ngôn, xuất gia hay tại gia Bồ-tát tụng trì Đà-ra-ni này, mãn chín mươi vạn biến, những tội đã tạo trong vô lượng kiếp như: thập ác, ngũ nghịch, tứ trọng, ngũ vô gián thấy đều tiêu diệt. Sanh ra chỗ nào, thường gặp chư Phật, Bồ-tát, giàu có nhiều của báu, thường được xuất gia. Nếu có tại gia Bồ-tát tu trì giới hạnh kiên cố không lui, tụng Đà-ra-ni này, thường sanh cõi trời, hoặc trong cõi người, thường làm bậc Quốc vương, không đọa ác thú, gần gũi Hiền thánh. Chư Tiên kính ái ứng hộ gia trì, nếu có việc kinh doanh trong đời, không bị các tai hoạnh. Nếu xuất gia Bồ-tát, đầy đủ các cầm giới, ba thời niêm tụng y giáo tu hành. Hiện đời sở cầu xuất thế gian tất địa, định tuệ hiện tiền, chứng địa vị Ba-la-mật viên mãn, mau chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề. Nếu tụng mãn một vạn biến túc nơi trong mộng thấy Phật, Bồ-tát, liền thở ra vật đen (vật đen tiêu biểu cho ác nghiệp, mửa ra là tướng tội diệt phuớc sanh nên tự thấy trong miệng mửa ra vật đen hoặc com đen). Người kia nếu tội rất nặng tụng hai vạn biến, túc trong mộng thấy các Thiền đường, tự, xá; hoặc lên núi cao hoặc thấy

trên cây cao (*không bị hē lụy về tội nghiệp, nên nhẹ bước đi lên, thành tựu thiện nhơn, nên thấy Thiên đường, Tự xá*). Hoặc nơi trong ao lớn tắm rửa (*rửa trừ tội cầu được thân thanh tịnh*). Hoặc thấy bay bồng lênh hư không (*không bị tội nghiệp ràng buộc nên thân khinh cử nhẹ nhàng*). Hoặc thấy cùng các Thiên nữ an vui khoái lạc (*nghĩa là do súc thiện cẩn giữ gìn tương ứng nên thấy cùng vui khoái lạc*).

Hoặc thấy thuyết pháp (*được thi giáo lợi hỷ*): dạy dỗ lợi ích vui mừng. Hoặc thấy nhô tóc, cạo tóc (*nhô tóc là phép của Tây Quốc ngoại đạo, nhô tóc cạo tóc, đều là tiêu biểu đoạn trù căn gốc, phiền não*). Hoặc ăn sữa cõm, uống bạch cam lò (*ăn sữa cõm là thành tựu thé gian phuorc thiện, uống cam lò là được pháp vị xuất thé*). Hoặc vượt sông lớn, biển lớn (*được vượt qua bể khổ*). Hoặc thăng lên tòa sư tử (*đắc được tòa Pháp Vương*). Hoặc thấy cây Bồ-đề (*là kiến đạo tướng*). Hoặc thừa thuyền (*là thừa nương thuyền Bát-nhã, được tướng lên bờ giải thoát*).

Kinh Tô-tát-đia nói: Hoặc thấy Sư tử, Voi, Trâu, Nai, Ngỗng v.v... đều là tướng Tát-đia thành tựu. Hoặc thấy Sa-môn (*được xa lìa nhiễm ô ở đời mà ra khỏi tam giới*). Hoặc thấy cư sĩ lấy áo trắng, áo vàng che đầu (*vàng là tiêu biểu cho chánh, trắng là tiêu biểu cho tịnh, lấy bạch tịnh chánh pháp mà phù hộ*). Hoặc thấy mặt trời, mặt trăng (*tiêu biểu phá vô minh phiền não tối tăm*). Hoặc thấy kẻ đồng nam, đồng nữ (*không bị tham dục phiền não nhiễm ô*). Hoặc trên cây có trái nhũ quả (*nhũ nghĩa là trắng, trắng đó là thiện nghiệp, nghĩa là được Thé, Xuất thé gian thiện nghiệp quả báo*). Hoặc thấy người hắc trượng phu trong miệng phun ra lửa hừng hực, cùng đấu chiến với họ mà được thắng (*nghĩa là cùng với sân phiền não ma cùng chiến được thắng*). Hoặc thấy trâu nước, ngựa dữ đến chạm húc, người trì tụng hoặc đánh hoặc nạt sợ mà bỏ chạy (*nghĩa là si phiền não ma, mình được thắng*). Hoặc ăn sữa tươi,

cháo, sữa chín, cơm (*nghĩa là được thiện vị phước thiện thành tựu*). Hoặc thấy Tô-ma-na hoa. Hoặc thấy bậc Quốc vương (*được Đại Nhơn hộ niệm, được nghiệp tôn quý thù thắng*).

Nếu không thấy những cảnh giới như vậy đó, phải biết người này đời trước đã tạo tội ngũ vô gián, nên trở lại tung mǎn bảy mươi vạn biến, liền thấy cảnh giới như trên, tức biết tội diệt liền thành Tiên hạnh.

Nhiên hậu y pháp họa vẽ bốn tượng (*Chuẩn-đè Bốn Tôn Tượng*), hoặc ba thời, hoặc bốn thời, hoặc sáu thời, y pháp cúng dường của thế gian, xuất thế gian Tất-địa, cho đến Vô thượng Bồ-đề, tất cả đều được, nếu có tu trì Đà-ra-ni này, phải biết vị lai thành tựu, xứ sở có nạn hay không nạn, Tất-địa châm mau nên ở nơi tịnh thất, lấy Cù-ma-di thoa đắp một tiều đàn, tùy sức cúng dường. Lấy kiết giới chon ngôn, kiết mười phương giới (*bốn phương, bốn phương bàn, trên dưới*). Lấy một bình nước hương thơm để tại trong đàn, nhất tâm niệm tụng bình kia động chuyển, nên biết chỗ đã làm, việc sở cầu thành tựu, nếu không động chuyển việc kia không thành.

Lại phép nữa: dùng một cái bát sành mới, thoa đắp hương thơm để nới trong đàn, chuyên tâm niệm tụng, nếu cái bát kia chuyển động, việc tức thành tựu, nếu không động chuyển, việc tức không thành.

Lại phép nữa: muốn biết việc vị lai, trước thoa đắp một đàn nhỏ, khiến một đồng tử có đủ tướng phước đức, tắm rửa sạch sẽ, mặc y phục mới thanh tịnh, dùng Thất Cu-chi chon ngôn gia trì hương thơm thoa vào tay đồng tử, lại gia trì nới cảnh hoa bảy biến, để trong tay đồng tử, khiến đồng tử che mặt đứng nới trong đàn, lại lấy một cảnh hoa khác tụng chon ngôn gia trì một biến đánh lung tay đồng tử một cái cho đến 21 lần, liền hỏi đồng tử việc lành dữ, đồng tử đều nói.

Lại phép nữa: lấy một cái kính soi sáng để trong đàn, trước

tụng chơn ngôn gia trì cành hoa 108 biến, vậy sau lại tụng chơn ngôn 1 biến đánh vào mặt gương một cái, nơi trên mặt gương liền có văn tự hiện nói việc thiện ác.

Lại phép nūra: muôn biết việc lành hay không lành, thành tựu hay không thành tựu. Lấy dầu thơm Tô-ma-na hoa, tụng chơn ngôn gia trì 108 biến, thoa mặt ngón tay cái bên hữu, tụng chơn ngôn âm thanh không đoạn dứt, khiên đồng tử xem trên mặt ngón tay, hiện hình tướng chư Phật, Bồ-tát, hoặc hiện văn tự nói đủ thiện ác.

Lại phép nūra: nếu có người bị quỷ mị làm bệnh, lấy nhánh dương liễu hoặc nấm cỏ tranh, tụng chơn ngôn đậm phuối lên thân người bệnh, tức được trừ lành.

Lại phép nūra: nếu người mắc trọng bệnh tụng chơn ngôn 108 biến xung tên người bệnh, lấy sữa bò tươi hộ ma túc lành bệnh.

Lại phép nūra: nếu có hài nhi khóc dạ đè (*khóc ban đêm*) khiến đứa gái nhỏ bên mặt se chỉ, tụng chơn ngôn gia trì gút 21 gút, đeo nơi cổ trẻ hài nhi, tức không khóc dạ đè nữa.

Lại phép nūra: trước gia trì nơi bạch giới tử (*hạt cải trắng*) 108 biến, nhiên hậu lấy giới tử tụng chơn ngôn, một biến ném vào người bị bệnh quỷ mị, mãn 21 biến quỷ mị kia chạy trốn, người bệnh trừ khỏi.

Lại phép nūra: hoặc có bệnh quỷ mị, lấy Cù-ma-di thoa một cái tiêu đòn, lấy than trầu vẽ nơi đất làm thành hình quỷ mị, tụng chơn ngôn lấy thạch lựu làm các roi gậy, quỷ kia khóc la trốn bỏ chạy mà đi.

Lại phép nūra: hoặc người bị quỷ mị làm đau ôm, mà người bệnh ở viễn xứ xa xôi, không thể tự đến được, hoặc người trì tụng không đến nơi bệnh nhơn, lấy nhánh dương liễu hay nhánh đào hoặc cành hoa, gia trì thần chú 108 biến, sai người đem đến chỗ bệnh nhơn đậm phuối trên thân bệnh nhơn, hoặc lấy

hoa bảo người bệnh ngửi, hoặc lấy hoa đánh bệnh nhơm, quỷ mị túc đi, người bệnh liền khỏi.

Lại phép nữa: nếu bị rắn mổ, hoặc bị quỷ nữ Noa-kiết-nê bắt giữ, đi xung quanh bệnh nhân tụng chơn ngôn, bệnh kia khiên khỏi.

Lại phép nữa: nếu người mắc bệnh ung nhọt sưng v.v... và bị các độc trùng cắn lấy đàm hương nhồi dẻo hòa với đất làm bùn, tụng chơn ngôn bảy biến thoa lên mụt ghẻ túc lành.

Lại phép nữa: nếu người đi đường, tụng chơn ngôn này, không bị giặc cướp làm thương tổn, cũng xa lìa các nạn ác cầm thú.

Lại phép nữa: nếu có sự lý luận tranh tụng, đấu tranh, và đàm luận câu hòn, tụng chơn ngôn này là thắng mạnh hơn hết.

Lại phép nữa: nếu đi trong sông sâu biển lớn, tụng chơn ngôn này không bị trôi chìm, và trong nước có các loài ác long, ma yết, cá sấu, cá mập làm tổn hại.

Lại phép nữa: nếu bị giam cầm tù tội, người áy trì tụng thần chú Chuẩn-đè này, mau được giải thoát.

Lại phép nữa: nếu trong nước có tật bệnh, mười đêm lấy dầu mè, bột gạo thơm, hòa với bơ, mật, làm phép Hộ ma túc được tai diệt, quốc độ an ninh.

Lại phép nữa: nếu cầu giàu có nhiều của báu, mỗi ngày lấy các món ăn làm phép Hộ ma túc được tiền tài của báu giàu có.

Lại phép nữa: nếu muốn người kính thương, vui mừng áy, trong chơn ngôn xưng tên người kia túc được hoan hỷ thuận phục.

Lại phép nữa: nếu không có y áo niêm tụng túc được y áo.

Lại phép nữa: trong ý mong cầu niêm tụng đều được như ý.

Lại phép nữa: nếu người thân thể chi tiết đau nhức, gia trì

trong tay 21 biến thần chú, xoa bóp chõ đau tức khỏi.

Lại phép nữa: nếu mắc bệnh sốt rét và đau đầu, niêm thần chú trì nơi tay 21 biến xoa bóp cũng được trừ lành.

Lại phép nữa: thoa đắp một đòn nhỏ, lấy một cái bát đồng đựng đầy tro cùi thơm thanh tịnh, bảo đồng tử hai tay đẻ trên bát tro, người trì tụng nên tụng thần chú, sứ giả của Bốn tôn nhập vào thân của đồng tử, bát kia liền chuyển động, tức xuông lời đồng tử, tức tự kiết Tam bộ Tam-muội-gia án, tức tụng Tam-bộ chơn ngôn, liền lấy đá mềm trơn, viên phấn đưa qua cho đồng tử, đồng tử tức nơi trên đất, họa vẽ việc quá khứ, vị lai, tốt, xấu, lành, dữ, và thất lạc kinh luận, quên mất nghĩa khó, Án chú tức được biết rõ.

Lại phép nữa: hai bên quân địch nhau, viết Đà-ra-ni này trên vỏ cây hoa, treo trên cây sào tre, bảo người tay cầm tụng chơn ngôn, địch kia tức phá tan.

Lại phép nữa: nếu người nữ không có con trai hay con gái, lấy ngưu huỳnh, nơi trên vỏ cây hoa viết thần chú này, khiến đeo không lâu sẽ có con trai hay con gái.

Lại phép nữa: lại có người nữ chồng không kính trọng, lấy một cái bình mới đựng nước đầy, nơi trong bình đẻ đồ thát bảo (*vàng, bạc, ngọc, v.v...*) và các linh dược, ngũ cốc, bách giới tử (*hạt cải trắng*), lấy dây lụa trắng buộc nơi cổ bình, dùng chơn ngôn gia trì 108 biến, bảo người nữ kiết căn bản án (*án Chuẩn-dè*) để an trên đỉnh đầu, lấy nước rót tưới vào đỉnh đầu, tức được yêu thương kính trọng, chẳng những kính trọng cũng có con ở trong thai được an ủn.

Lại phép nữa: người hành giả mỗi khi niêm tụng, kiết đại án tụng chơn ngôn in tháp, mãn sáu mươi vạn biến việc sở cầu tức được đầy đủ. Quán Tự Tại Bồ-tát, Kim Cang Thủ Bồ-tát, Đa-la Bồ-tát, tức vì hiện thân sở cầu như ý, hoặc làm vua trong cung A-tu-la, hoặc được Bồ-tát địa, hoặc được thuốc trường

niên, hoặc được kính ái pháp thành tựu.

Lại phép nữa: noi Bồ-đề đạo tràng, ở trước Đại Chế-đế, tụng Đà-ra-ni này được thấy Thánh Tăng chung nói chuyện, và Tát-địa thành tựu, được chung kia đồng hành, tức đồng bậc Thánh Tăng kia vậy.

Lại phép nữa: nơi trên đỉnh núi cao, niệm tụng một câu-chi biến (100 úc biến) Kim Cang Thủ Bồ-tát tức đem người này, lanh 560 người đồng vào cung điện A-tu-la, thọ mạng một kiếp, được thấy Đức Di-lạc Bồ-tát, thính văn chánh pháp, nghe pháp rồi chứng được địa vị Bồ-tát không thoái chuyển.

Lại phép nữa: trên núi Tỳ-bồ-la (*núi đây ở Ma-kiết quốc*.
Lại nói rằng: chỉ có núi cao cũng được). Trước tượng tháp Xá-lợi niệm tụng, tùy sức dùng hương hoa cúng dường, xin vật để nuôi thân mạng, theo tháng ngày mừng một đến ngày rằm, tụng Đà-ra-ni mãn 30 vạn biến, lấy ngày mãn đó, một ngày một đêm không ăn, bội thêm sự cúng dường, đến cuối đêm tức thấy Kim Cang Thủ Bồ-tát, đem người tu hành đến tự trong cung, vì hành giả chỉ bày cửa hang A-tu-la vào trong hang được cam lồ của trời, sống lâu bằng mặt trời, mặt trăng.

Lại phép nữa: noi Tam đạo Bảo giai, chỗ Bảo tháp từ trên trời xuống. Hành giả xin ăn, nhiễu quanh tụng câu-chi biến, 100 úc biến, tức thấy Vô Năng Thắng Bồ-tát cùng nguyện vì nói diệu pháp, chỉ bày đạo Vô thượng Bồ-đề, hoặc thấy A-loi đế Mẫu, đem người này vào trong cung mình, cho thuốc trường niên, hoàn đồng niên thiếu, doan chánh đáng mừng. Lại được phục tàng của báu giấu kín, đại nhơn hứa khả, nên rộng làm lợi ích Tam bảo. Được tất cả Bồ-tát an ủy, chỉ bày Chánh đạo cho đến Bồ-đề đạo tràng.

Lại phép nữa: nếu người không có túc căn lành, không có giống Bồ-đề, không tu Bồ-đề hạnh, vừa tụng một biến thì sanh mầm Bồ-đề pháp huống gì thường hay niệm tụng thọ trì.

VI. THẤT CU-CHI ĐỘC BỘ PHÁP.

*Đời Đường, Tam Tạng Sa-môn THIỆN VÔ UY
dịch Phạn ra Hán.
Sa-môn HIỀN CHON dịch Hán ra Việt.*

Tổng nghiệp 25 bộ đại Mạn-đà-la Ân CHUẨN-ĐÈ BIỆT PHÁP. Trước tay trái, ngón trỏ, ngón áp út vô danh, ngón út đê vào lòng bàn tay, kế lấy ngón tay cái bấm trên móng ngón trỏ, ngón út, ngón vô danh. Tay phải cũng làm y như vậy. Hai đầu ngón tay giữa hiệp lại đứng, kế đó tụng chú CHUẨN-ĐÈ 7 biến.

Kiết giới ân: Tả hữu hai tay đê ngón giữa ngón vô danh vào lòng bàn tay, 2 ngón út đứng thẳng, 2 ngón trỏ hiệp nhau đứng, 2 ngón cái đều bấm đốt giữa cùng ngón trỏ, kế tụng chú CHUẨN-ĐÈ 21 biến, tụng chú ỦM XỈ LÂM 21 biến.

Bắt ân hộ thân: 2 bàn tay chắp lại, 2 ngón trỏ tráo lại 2 đầu ngón trỏ đê ra ngoài, 2 ngón cái đều bấm lóng giữa của ngón trỏ, còn ngón giữa, ngón vô danh, ngón út đứng thẳng.

Nếu gấp đạo tặc, bắt ân này, đê trên đầu và chuyển sang 2 vai, xuống ngực đưa lên trán, giữa chân mày, thì đạo tặc chẳng dám xâm phạm.

Bắt ân trị bệnh: 2 ngón tay trỏ và hai ngón giữa đê trong lòng bàn tay tréo lại, hai ngón vô danh, hai ngón út hiệp lại đứng thẳng. Ngón tay cái bấm đốt giữa ngón trỏ.

TỔNG NHIỆP ÂN: 2 tay phải, trái, ngón út, vô danh, tréo đê vào lòng bàn tay, 2 ngón giữa đứng thẳng hiệp 2 đầu ngón lại, mở hai ngón trỏ hơi cong cong, 2 ngón cái đè lên ngón vô danh.

Lúc nào triệu thỉnh, cũng bắt y như vậy; nhưng 2 đầu ngón cái đê cung vào nhau, giống hoa đài tọa. Tụng chú CHUẨN-

ĐỀ 7 biến, lấy án để hai bên vai, lên mặt, giữa khoảng 2 chân mày, lên mái tóc, xuống ngực và tụng chú CHUẨN-ĐỀ 108 lần.

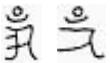
PHÁ THIÊN MA ÂN: Tả hữu 4 ngón, áp trên ngón cái, trong lòng bàn tay, nghi chỗ nào có MA, QUÝ, ĐỘC LONG thì bắt án này tụng chú CHUẨN-ĐỀ.

THỈNH QUÝ THẦN ÂN: 2 bàn tay phải trái, dùng ngón giữa áp trên ngón cái, án lên trên cái đàm, các ngón tay còn lại, đều ngay giống như ngà voi đứng, chỉ hơi cong ngón trỏ, ngón út qua lại tụng chú CHUẨN-ĐỀ 7 biến, tất cả quỷ thần đều đến.

Phật dạy: Chú và án này có công năng diệt trừ thập ác, ngũ nghịch, tất cả tội nặng, thành tựu tất cả thiện pháp công đức. Ai thực hành theo pháp trì chú này, chẳng riêng gì cho người tại gia hay người xuất gia. Nếu người tại gia còn uống rượu, ăn thịt có vợ con chẳng phân là tịnh, uế chỉ họ y theo pháp ta dạy đâu chẳng kết quả tốt.



VII. NGŨ BỘ CHÚ – TINH HOA CỦA MẶT TÔNG PHẬT GIÁO.

*CHƠN NGÔN: ỦM LAM  (hoặc riêng tri
chữ Lam cũng được, Lam hoặc Lãm)

Chữ Lam tịnh pháp giới này, nếu tưởng hoặc tụng, hay khiêu ba nghiệp thảy đều thanh tịnh, tất cả tội chướng tận diệt tiêu trừ. Lại hay thành tựu xong xuôi tất cả việc thù thắng, tùy chỗ trú xứ thảy được thanh tịnh, y phục không tịnh lại được tịnh y, thân không tắm rửa lại được sạch sẽ. Nếu dùng nước làm sạch không gọi là chơn tịnh, nếu gồm pháp giới tâm, Lam Tự này tịnh đó, tức gọi rốt ráo thanh tịnh bình. Như một hạt linh đơn, điểm sắt thành vàng báu. Một chữ Chơn ngôn biến nhiễm thành tịnh. Kê rằng:

Ra tự sắc trăng sạch
Không điểm trang nghiêm đó.

(Chữ Phạn RA  trên an không điểm tức thành chữ LAM  vậy).

Như trên đảnh kia minh châu để nơi nhục ké, Chơn ngôn đồng pháp giới, vô lượng các tội trừ. Tất cả chạm chỗ uế, phải gia Tự môn này. Cho nên Liên Hoa Bộ Niệm Tụng Pháp nói: nếu chạm chỗ dơ uế, phải quán tưởng trên đảnh có chữ pháp giới sanh ra, phỏng ánh sáng sắc đỏ. Nghĩa là LAM tự vậy.

(Nếu thật không có ngoại duyên đầy đủ, không nước tắm rửa, thiếu y mới thanh tịnh, dùng chữ LAM này tịnh đó, nếu ngoại duyên đầy đủ mà không tắm rửa thay áo mới, để làm

phép tịnh này là người không có lòng cung kính, là người biếng nhác, chính là lỗi khinh慢 vậy. Như thế làm sao sanh phước diệt tội được? Thành tựu việc sở cầu Tất-địa. Nếu trước như pháp tắm rửa sạch sẽ, mặc y mới thanh tịnh, lại dùng chon ngôn này tịnh nữa, tức trong ngoài thanh tịnh, việc mong cầu sẽ mau được linh nghiệm).

*VĂN-THÙ NHÚT TỰ CHỌN NGÔN: ỦM XỈ-LÂM.

Chữ Phạn: Ủm xỉ-lâm

𠩺 晴

Chữ xỉ-lâm này là hai âm (*nhi hiệp*), hoặc ba âm (*tam hiệp*): Thát-li-long, hoặc bốn âm (*tứ hiệp*): Thέ-li-hê-dâm. Ngài Nghĩa Tịnh dịch: Thát-lạc-hê-diêm. Bốn chữ như vậy hợp làm một tiếng, mới thành Phạn âm một chữ. Như không thể hiểu rành Phạn âm, thì thật khó được chọn diệu. Một chữ Vương Chú này, công lực rất lớn không thể nghĩ bàn.

Như Văn-thù Nhứt Tự Đà-ra-ni Pháp nói: Đức Thế Tôn bảo các chư Thiên rằng: Nên biết Đà-ra-ni này là vua lớn trong các Chú, có đại Thần lực. Nếu có người trai lành, gái tín, hay thọ trì Văn-thù su-lợi Bồ-tát thường đến ủng hộ. Hoặc khi thức, hoặc trong chiêm bao, vì hiện thân tướng và các việc lành. Chú này còn hay nghiệp được Văn-thù su-lợi Bồ-tát, huống các Bồ-tát và các chúng Hiền Thánh, Thế, Xuất thế gian. Chú này có công năng tiêu trừ tất cả tội ngũ nghịch, tứ trọng và nghiệp thập ác. Nên biết Chú này đối với các Thần chú trong thế gian và xuất thế gian rất là thù thắng hơn hết. Là tâm của chư Phật hay khiến tất cả các sở nguyện thấy đều đầy đủ. Khi chưa làm phép (*tác pháp*) tức hay thành tựu tốt đẹp các việc như ý. Nếu phát vô thượng đại Bồ-đề tâm, tụng một biến có năng lực thủ hộ tự thân mình. Nếu tụng hai biến có

năng lực thủ hộ đồng bạn. Nếu tụng ba biển có năng lực thủ hộ người trong một nhà. Nếu tụng bốn biển có năng lực thủ hộ người trong một thành. Nếu tụng năm biển có năng lực thủ hộ người trong một nước. Nếu tụng sáu biển có công năng thủ hộ người trong nhất thiên hạ. Nếu tụng bảy biển có công năng thủ hộ người trong tứ thiên hạ. Nếu trong mỗi buổi sớm mai tụng một biển chú này trong nước rửa mặt hay khiến người thấy sanh lòng hoan hỷ, còn nói rằng: Nếu có chúng sanh bị Phi đầu Quỷ bắt giữ, lấy tay mình thoa nơi mặt người kia, tung chú 108 biển, làm ra tướng mạo đáng sợ, liền lấy tay trái kiết bốn sanh án (*lấy ngón tay cái co để trong lòng bàn tay, bốn ngón sau nắm ngón tay cái lại, hình như cầm cú*) tức tự nộ hét, đôi mắt ngầm nghiêm, tụng thần chú này mà thoa vào người bệnh, hoạn bệnh tức trừ. Nếu tất cả quý gây làm hoạn bệnh, dùng chú này chú vào tay mặt 108 biển, thiêu An tức hương xông đó, tay trái kết án bốn sanh, tay mặt xoá vào đầu bệnh nhơn, bệnh tức trừ lành. Nếu muốn đi qua tất cả chỗ hiểm nạn, sư tử, hổ lang, độc xà, oán tặc nên cần phải thân tâm không được gần gũi người nữ và ăn đồ ngũ tân, tất cả rượu thịt, đổi các chúng sanh khỏi đại bi tướng, chí tâm tụng chú 49 biển, thì các oán ác tự nhiên lui tản, giả như có gặp cũng đều hoan hỷ. Chú này có những chúng sanh, hoặc một kiếp, hoặc vô lượng kiếp, cho đến danh tự cũng không thể nghe được, huống gì được thấy mà chuyên tâm trì tụng, Đà-ra-ni này hay khiến chúng sanh hiện đời và đương lai thường được an ẩn, cùng các Như Lai và chúng đại Bồ-tát, thường làm quyền thuộc. Vậy cho nên phải ân cần sanh tâm tướng khó gặp, không nên khinh nhẹ, khởi nghi hoặc tâm, rộng như các kinh đã nói, không thể chép hết.



Manjusri(Tây Tạng)



Monju(Nhật Bản)



Wen Chu (Trung Quốc)

*LỤC TỰ ĐẠI MINH CHƠN NGÔN

- Úm ma ni pát mê hum.
- Úm ma ni bát di hồng.
- Úm ma ni pét-nạp minh hồng.

Chơn Ngôn Phạn Tự:



Kinh Trang Nghiêm Bảo Vương nói: Khi bấy giờ đức Quán Tự Tại Bồ-tát nói Thần Chú Đại Minh này, bốn đại bộ châu và cung điện của các cõi trời, thảy đều rung động, nước bốn biển lớn, nổi sóng ào ạt, hết thảy các ma làm việc chướng ngại sợ hãi chạy trốn tản mát.

Phật bảo Trù Cái Chướng Bồ-tát rằng: Sáu chữ Đại Minh Đà-ra-ni này, khó được gặp gỡ, nếu có người nào được sáu chữ Đại Minh Vương đây thì người đó tham, sân, si độc không thể nhiễm ô, nếu đeo mang trì giữ nơi thân, người đó cũng không nhiễm trước bệnh ba độc. Chơn ngôn này vô lượng tương ưng, với các Như Lai mà còn không biết, huống gì Bồ-tát làm thế nào biết được? Đây là chỗ bốn tâm vi diệu của Quán Tự Tại Bồ-tát. Nếu người nào hay thường thọ trì chú Đại Minh này ở lúc trì tụng có chín mươi chín căn-già hà sa số Như Lai tập hội, lại có vi trấn số Bồ-tát tập hội, lại có vô số Thiên Long Bát Bộ đến để hộ vệ người ấy. Người trì tụng Thần chú này bảy đời dòng họ đều sẽ được giải thoát, trong bụng có loài trùng sẽ được địa vị bất thoái chuyển của Bồ-tát. Nếu đeo trì trong thân

trên đảnh, có người được thấy người đeo trì ấy cũng như đồng thấy thân Kim Cang của Như-Lai. Nếu hay ý pháp niệm tụng, tức được vô tận biện tài, ngày ngày thường đủ sáu Ba-la-mật viên mãn công đức. Nếu trong miệng hơi thở ra chạm vào người nào, người đó liền khởi tâm lành xa lìa các sân độc, sẽ được bất thoái chuyển Bồ-tát, mau chứng Vô thượng Bồ-đề. Người đeo trì giữ gìn Chú này, lấy tay rờ đến người nào, hoặc lấy mắt liếc nhìn đến các loài dị loại, các hữu tình, thấy đều mau được địa vị Bồ-tát. Người như vậy vĩnh viễn không thọ các khổ sanh, lão, bệnh, tử.

Lại nữa Phật nói: Vi trùn đã có, ta có thể đếm số lượng kia được, cho đến nước đại hải ta có thể biết số lượng kia. Nếu có người niệm sáu chữ Đại Minh một biến, đã được công đức mà ta không thể tính đếm số lượng, giả như trong bốn đại bộ châu, tất cả kẻ nam nữ đều chứng được địa vị Thất địa Bồ-tát, công đức đã có cùng với người niệm Lục Tự Đại Minh một biến mà công đức không sai khác. Nếu có người viết chép Đại Minh này, đồng với việc viết chép 8 vạn 4 ngàn Pháp tạng. Nếu lấy kim bảo cõi Trời tạo hình tượng của các đức Như Lai số như vi trùn, không bằng chép viết một chữ trong sáu chữ Đại Minh này, chỗ thu hoạch công đức quả báo không thể nghĩ bàn, người ấy sẽ được 108 món Tam-ma-địa môn. Chỉ niệm một biến sẽ được tất cả Như Lai đem y phục ấm thực thuốc thang và đồ ngồi nằm đầy đủ tất cả để cúng dường. Pháp này ở trong Đại thừa rất là tối thượng, tinh thuần vi diệu. Tất cả Như Lai và các Bồ-tát thấy đều cung kính chấp tay làm lễ.

Khi nói sáu chữ Chơn ngôn này có bảy mươi trăm úc các đức Như Lai đều đến tập hội, đồng nói: Thất-cu-chi Chuẩn-đè Đà-ra-ni. Vậy nên biết sáu chữ Chơn ngôn cùng với Chuẩn-đè Chơn ngôn đầu đuôi tương tu. Như muốn cùng Chuẩn-đè Chơn ngôn đồng tụng ấy, có thể trước Chuẩn-đè Chơn ngôn niệm tụng. Song cần yếu hiệp hai chữ nạp-minh làm một chữ mới

phù hợp Phạn âm. Hoặc muôn riêng trì tụng, công đức như trên đã nói. Nếu muôn như pháp kiết Đàn niêm tụng rõ như bản kinh văn, đây không chép hết.

Ngài Kim Cang Trí nói: Nếu cầu giải thoát mau ra khỏi sinh tử, tu pháp Tam-ma-địa Du-già quán hạnh, vô ký vô số niêm tụng, tức tưởng tự tâm như mặt trăng tròn sáng vắng lặng thanh tịnh, trong ngoài phân minh. Lấy chữ Án 唵 trong Tâm nguyệt luân ấy. Lấy chữ **CHIẾT LỆ CHỦ LỆ CHUẨN ĐỀ TA PHẠ HA**, từ trước xoay vòng bên hữu làn lượt liên tục nối nhau thành vòng tròn, quán xét nghĩa của mỗi chữ, tâm luôn luôn tương ứng không sai khác.

* VIÊN MINH BÓ LIỆT PHẠN THƠ ĐÒ



TRÌ MINH TẠNG NGHI QUÝ NÓI:

Chữ Án là Tỳ-lô-giá-na Phật căn bản.

Chữ Chiết là Đại Luân Minh Vương căn bản.

Chữ Lê 隆 là Đại Phẫn Nộ Bất Động Tôn Minh Vương
căn bản cũng là MÃ ĐẦU MINH VƯƠNG CĂN BẢN.

Chữ Chu 朱 là TỨ TÝ PHẬT THÂN CĂN BẢN.

Chữ Lê 隆 là BẤT KHÔNG QUYỀN TÁC CĂN BẢN
cũng là Quán-tự-tại Bồ-tát căn bản.

Chữ CHUẨN 正 Đại Tôn-na Bồ-tát căn bản.

Chữ ĐÈ 鐵 là KIM CANG TÁT-ĐỎA BỒ-TÁT.

Chữ TA-PHẠ 泰 là Y-CA NẶC-TRA BỒ-TÁT căn bản.

Chữ HẠ 泰 là PHẠ-NHỰT RA-NĂNG KHU' MINH
VƯƠNG CĂN BẢN.

* THÚ ĐÉN TỰ DUY TỰ MẪU CHỦNG TỬ NGHĨA

Chín chữ: Thánh Phạn tự này, hay sanh tất cả chữ, cho nên nói rằng tự mẫu. Nói là chủng tử ấy, là dẫn sanh nghĩa, nghiệp trì nghĩa. Lấy một chữ đầu làm chủng tử, sau các chữ là sơ hữu quán trí, y sở dẫn sanh nghiệp vào chữ ban đầu. Nếu đắc được Án tự môn bí mật tương ứng này, tức đắc được vô tận pháp tạng của chư Phật, ngộ được tất cả các pháp vốn không sanh, một mà khắp đến tất cả, lời nói khắp hết, vì lời nói do ngộ tất cả pháp vốn không sanh, nên đạt đến các pháp vốn “không”, đem các pháp nhập vào thật tướng, cho nên không sanh, không diệt, đã ngộ đến tất cả pháp thì lời nói bất dứt, không còn ngôn thuyết; pháp tướng là bình đẳng, như trận mưa lớn rưới khắp cho nên nói là bình đẳng. Mỗi một chữ phải tư duy quán sát, thời tất cả hạnh nguyện đều được đầy đủ.

Chữ Án (úm) là nghĩa ba thân, cũng là nghĩa tất cả các

pháp vốn không sanh. Ngài Kim Cang Trí dịch: Chữ Án (úm) tự môn ấy, là nghĩa lưu chú như dòng nước chảy không sanh, không diệt, là nghĩa tối thắng của tất cả cá pháp.

Chữ Chiết là nghĩa tất cả pháp không sanh, không diệt.
Ngài Kim Cang Trí dịch: là nghĩa vô hành tất cả pháp.

Chữ Lệ là nghĩa vô sở đắc của tất cả pháp tướng.

Chữ Chủ là nghĩa vô sanh diệt của tất cả pháp. Ngài Kim Cang Trí dịch: Là nghĩa vô khởi trụ của tất cả pháp.

Chữ Lê là nghĩa vô cầu của tất cả pháp.

Chữ Chuẩn là nghĩa vô đẳng giác của tất cả pháp.

Chữ Đề là nghĩa vô thủ xá của tất cả pháp.

Chữ Ta-phạ là nghĩa vô ngôn thuyết bình đẳng của tất cả pháp.

Chữ Ha là nghĩa vô nhơn của tất cả pháp. Nghĩa là với tất cả pháp vô nhơn vắng lặng, vô trụ Niết-bàn.

Do tất cả pháp vốn không sanh, nên túc được bất sanh bất diệt. Do bất sanh bất diệt nên được tướng vô sở đắc. Do tướng vô sở đắc nên túc được vô sanh diệt. Do vô sanh diệt nên túc được vô cầu. Do vô cầu nên túc được vô đẳng giác. Do vô đẳng giác nên túc được vô thủ xá. Do vô thủ xá nên túc được bình đẳng vô ngôn thuyết. Do bình đẳng vô ngôn thuyết nên được vô nhơn, vô quả, Bát-nhã tương ưng, vô sở đắc lấy làm phương tiện nhập vào thắng nghĩa, thật thò-chứng pháp giới chơn nhu. Đây là Tam-ma-địa niệm tụng vậy.

Giải: Bởi ngộ tất cả pháp vốn không sanh, bình đẳng không hai, nên vô phân biệt trí cùng Bát-nhã Ba-la-mật, vô trí vô đắc tương ưng nhau. Do vô sở đắc trí này, làm phương tiện ngộ nhập tối thắng nghĩa đế, chứng pháp giới chơn nhu. Pháp chơn nhu hải này không thể đem lời nói trình bày, vì là cảnh giới Thành trú sở chứng tự giác ngộ của chư Phật, nên không thể đem tâm hiểu biết phân biệt mà suy lường.

*PHẬT ĐÁNH ĐẠI LUÂN NHÚT TỰ MINH VƯƠNG CHƠN NGÔN: Gọi là Thần Chú BỘ-LÂM

(Đây là Phạn tự Bộ-lâm  kéo lưỡi ngân âm thanh dài ra, hai chữ hợp lại làm một chữ, cũng nói Bộ-lâm hoặc Phô-long. Lại nói Bộ-lung, hoặc Bột-long. Bát Không Tam Tạng dịch: Bột-lỗ-úm ba chữ hợp lại làm một chữ. Chư rằng chữ Lỗ kéo dài lưỡi chung làm một âm. Lại nữa, tiếng kéo dài ra từ trong yết hầu mà phát âm thanh như đánh trống lớn. Bản xưa dịch Bộ-lâm hơi sai không được đúng lắm. Như vậy âm giọng rất khó đúng chỉ người nào giỏi Phạn âm mới có thể được đó).

Kinh Căn Bản Nghi Quỹ nói: Phật Đánh Đại Luân Nhứt Tự Minh Vương này được thành tựu cho đến đối với chánh pháp của Đức Như Lai khi sắp muôn diệt, có công năng làm các Phật sự. Lại hay ủng hộ tất cả Pháp tang của các Đức Như Lai. Một chữ Minh Vương này, sau khi Phật diệt độ trong thời kỳ mật pháp, giúp đỡ người tu hành ở trong thế gian được thù thắng hơn tất cả chơn ngôn, và chư Phật, Bồ-tát cũng đều thọ trì, bởi vì quá khứ Phật Bồ-tát đã truyền nói. Nếu ở chỗ nào có người tu hành chuyên tâm trì tụng Đại Minh Chú này, ở chỗ đó trong khoảng địa giới, năm do-tuần có tất cả các ác tinh diệu (*sao xấu*) không dám xâm giàn, các ác quý thần đều tự chạy trốn tản mát, cho đến tất cả các ác không dám làm hại, hơn nữa với Thiên nhơn, Thánh nhơn, cũng không dám giàn. Nếu người trì tụng tất cả nghiệp chướng đều được thanh tịnh, nếu có ủng hộ hay ẩn thân mình, nhập vào tất cả trong nhiều các bộ, không chỗ chướng ngại, đối với thế gian và xuất thế gian không dám làm hại, có công năng bẻ gãy tất cả các ác chú trong thế gian. Chơn ngôn này là đỉnh đầu của tất cả chư Phật, là tâm của Văn-thù Bồ-tát, hay ban thí vô úy (*không sợ hại*) hay ban an vui cho tất cả chúng sanh, phàm có tu trì tùy ý

đắc quả, đồng ngọc Như ý châu có công năng làm mãn nguyện tất cả, nếu trì tụng các Thần chú khác mà không thành tựu, nên dùng Chơn ngôn này cùng chung Thần chú khác đồng trì tụng, quyết định thành tựu. Nếu không thành tựu và linh nghiệm, thì các Chư Thần của Thần chú kia đều sẽ phá bể làm bảy phần. Phải biết Chơn ngôn này hay giúp tất cả các Thần chú mau được thành tựu.



VIII. LINH PHÙ – BẢO BỘ.

Đây là những linh phù của Bảo Bộ (*bùa Lỗ Ban*) trong Mật Tông Phật giáo Trung Hoa. Liệt kê sau đây là danh hiệu của chư Tiên chúng hộ những linh phù:

- Bồng Tiên Chúng - Cửu Thiên Huyền Nữ Nguồn Quân.
- Nguyên Thủy Chân nhân Thiên Tiên.
- Địa Tiên Ngũ Tỷ Chân nhân.
- Thiếu Dương, Thuần Dương, Chánh Dương Tam vị Chân quân.
- Ngũ Hồ Ánh Tuyết Tam Đinh Chân nhân.
- Ngục Trụ Đạo Lão Tiên Nữ.
- Tử Dương Chân nhân.
- La Sơn Tiên Ông Cát Chân nhân.
- Tích Tiên Thái Bạch Lý Chân nhân.
- Dã Nhân Huyền Chân nhân.
- Văn Môn Lữ Chân nhân.
- Tử Hà Thủi Chân nhân.
- Ngọc Đánh Bạch Chân nhân.
- Nam Ngũ Tướng Chân nhân.
- Bắc Thất Chân Chân nhân.
- Vân Nga Tiên Nữ.
- Qué Anh, Khánh Nô, Đạo Nô, Tuyết Nô, Chân Khanh Nguyên Chân Ngọc Cô Tổ Nữ.
 - Thiên Thượng Địa Hạ Thủy Phủ Âm Gian Tam Đảo Thập Châu Đông Thiên Phước Địa Cổ Vãng Kim Lai Nhất Thiết Tiên Chúng.

(三 憲 燕 雜 號)

*Viết mục Đỏ giấy Vàng đốt
bỏ vào nước tán sái 4 phương.*



1

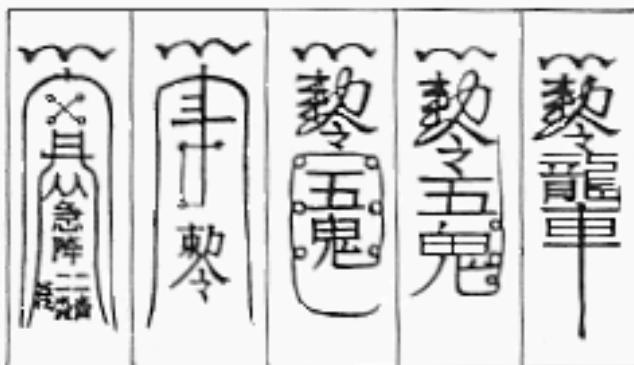
2

3

4

5

- Linh Phù dùng để khai đàn, đốt (hình 1).
- Linh Phù dùng để dán vào lư hương (Hình 2 và 3).
- Linh Phù dùng đốt hòa vào nước tán sái 4 phương và dùng để rửa tay trước khi Lê (Hình 4 và 5).



6

7

8

9

10

- Linh Phù dùng để đốt bỏ vào nước rưới lên Tà (Hình 6,7,8 và 9).
- Linh Phù dùng để thỉnh chư Thiên chúng, đốt (Hình 10).



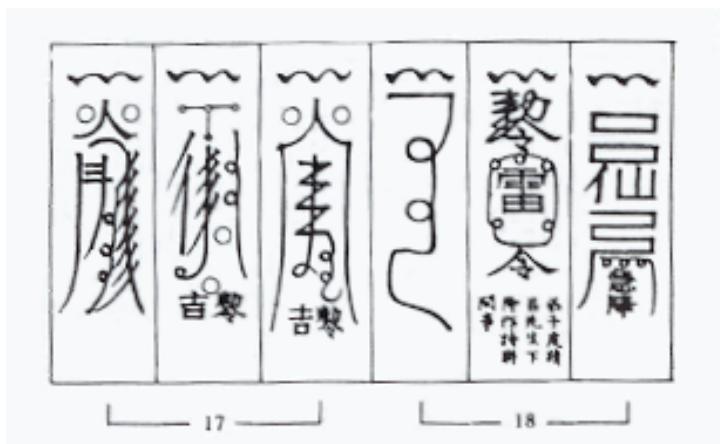
- Linh Phù dùng để dán lên đầu Cơ (hình 11).
- Linh Phù dùng để dán trên giường (Hình 12).
- Linh Phù dùng để dán dưới Cơ (Hình 12,13).



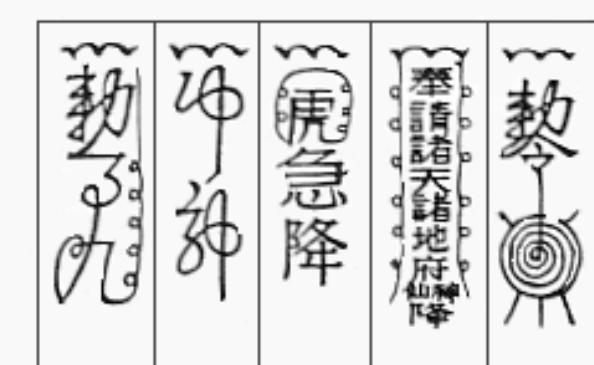
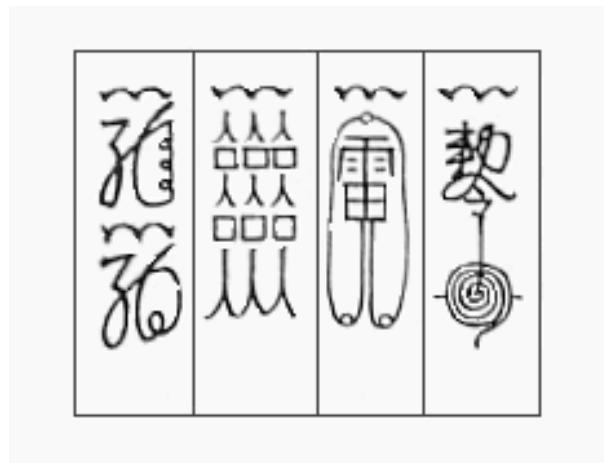
- Linh Phù dùng để thỉnh chư Tiên chung, đốt thỉnh (Hình 14).



- Linh Phù dùng để trục Tà, đốt hay dán (Hình 15).
- Linh Phù dùng để định Cơ (Hình 16).



- Linh Phù dùng để giao cảm với chư Tiên (Hình 17).
- Linh Phù dùng để đốt thỉnh Lữ Thuần Dương Tiên Sanh Giáng Cơ (Hình 18).



- Linh Phù dùng để thỉnh chư Tiên cấp giáng (Hình 19).



20

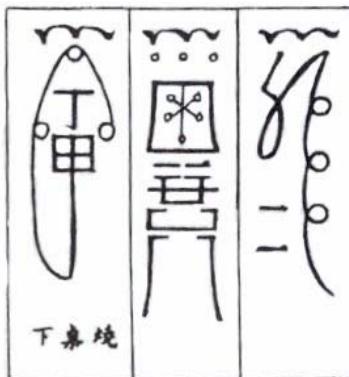
- Linh Phù dùng để thỉnh Tử Cô Tiên (Hình 20).



— 21 —

— 22 —

- Linh Phù dùng để dán trên cột trám Yêu (Hình 21).
 - Linh Phù dùng để dán dưới bàn trám Yêu (Hình 22).

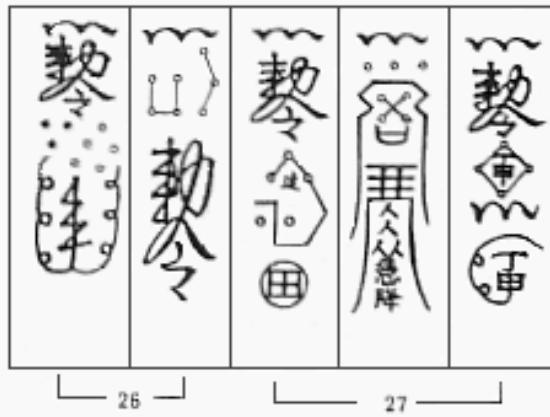


23

24

25

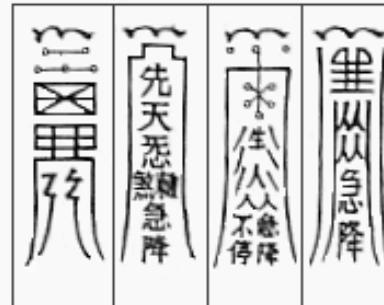
- Linh Phù dùng để đốt dưới bàn (Hình 23).
- Linh Phù dùng để dán trên bàn trằm yêu (Hình 24).
- Linh Phù dùng để dán dưới cửa trằm yêu (Hình 25).



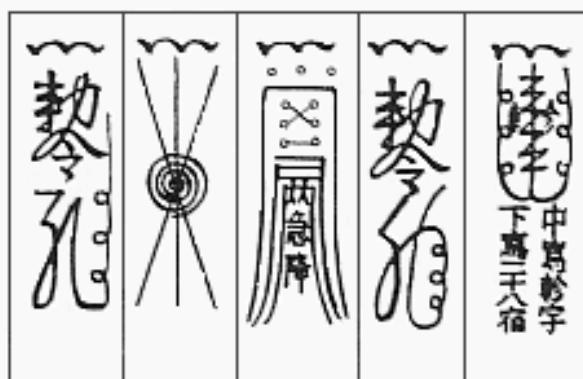
26

27

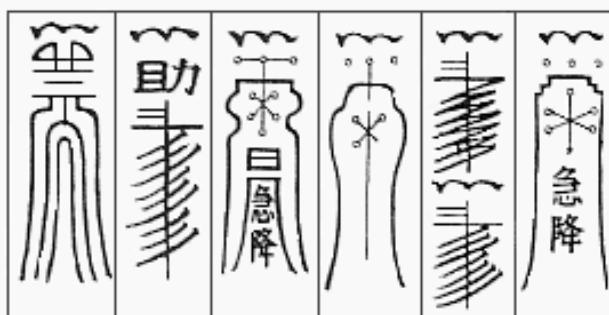
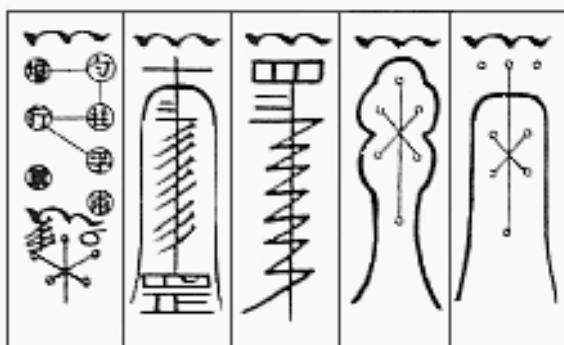
- Linh Phù dùng để dán lên Cơ bút (Hình 26).
- Linh Phù dùng để thỉnh chư Tiên giáng khẩn cấp, đốt (Hình 27).



- Linh Phù dùng để mời Thần Tiên cấp giáng, đốt (Hình 28).

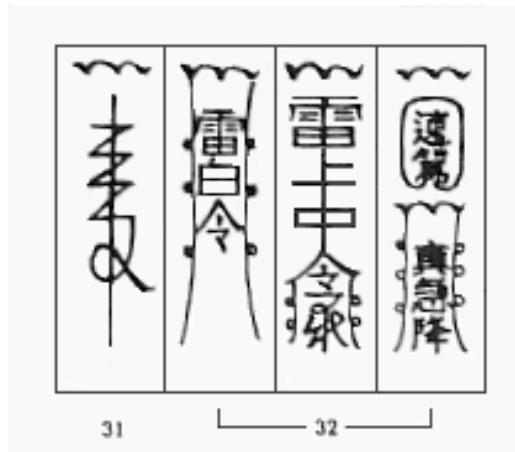


- Linh Phù dùng để dán lên đầu cơ (Hình 29).

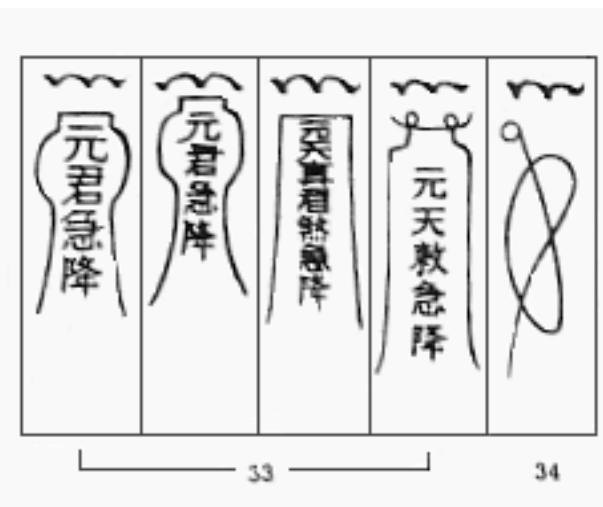


— 30 —

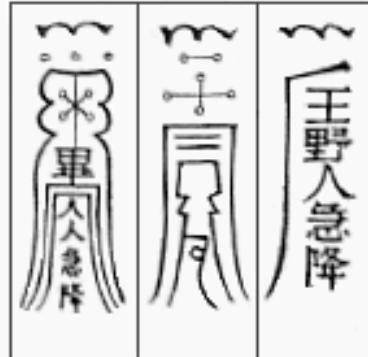
- Linh Phù Thạch Đầu (hình 30).



- Linh Phù Toán bất chuyên (Hình 31).
- Linh Phù Toán bất nam (Hình 32).



- Linh Phù dùng để thỉnh Nguồn quân chi vị, đốt (Hình 33).
- Linh Phù dùng để thỉnh Phạm Thái Bảo, đốt (Hình 34).

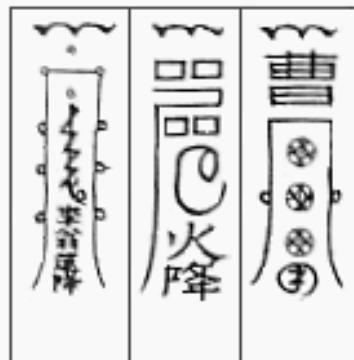


35

36

37

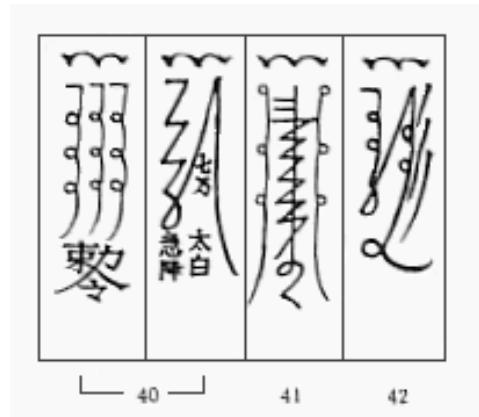
- Linh Phù dùng để thỉnh Bồng Lai Tử Cô, đốt (Hình 35).
- Linh Phù dùng để thỉnh Văn Khúc Tinh, đốt (Hình 36).
- Linh Phù dùng để thỉnh Dã Nhân Phù, đốt (Hình 37).



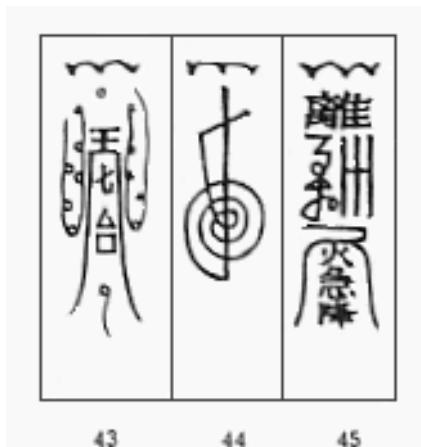
— 38 —

39

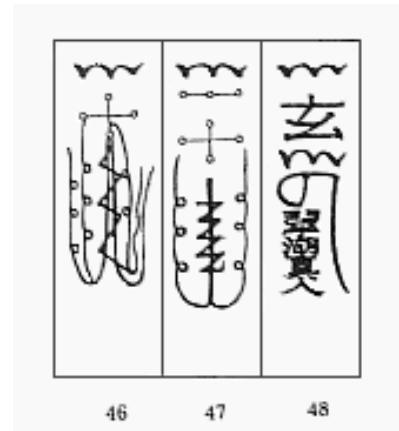
- Linh Phù dùng để thỉnh Thái Bạch Tiên, đốt (Hình 38).
- Linh Phù dùng để thỉnh Tào Tiên, đốt (Hình 39).



- Linh Phù dùng để thỉnh Chư Nữ Tiên chúng, đốt (Hình 40).
- Linh Phù dùng để thỉnh Cát Chân nhân, đốt (Hình 41).
- Linh Phù dùng để thỉnh Lý Tiên, đốt (Hình 42).



- Linh Phù dùng để thỉnh Trương Tiên, đốt (Hình 43).
- Linh Phù dùng để thỉnh Thiết Quài Tiên, đốt (Hình 44).
- Linh Phù dùng để thỉnh Chung Ly Tiên, đốt (Hình 45).

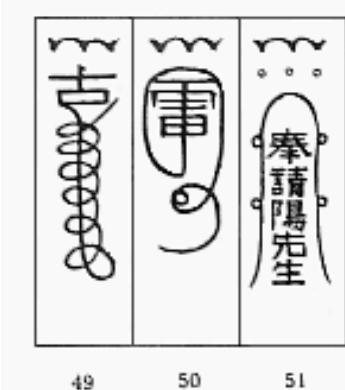


46

47

48

- Linh Phù dùng để thỉnh Hàn Tương Tử Tiên, đốt (Hình 46).
- Linh Phù dùng để thỉnh Tiên Tuyễn, đốt (Hình 47).
- Linh Phù dùng để thỉnh Thúy Hồ Tử Tiên Phù, đốt (Hình 48).

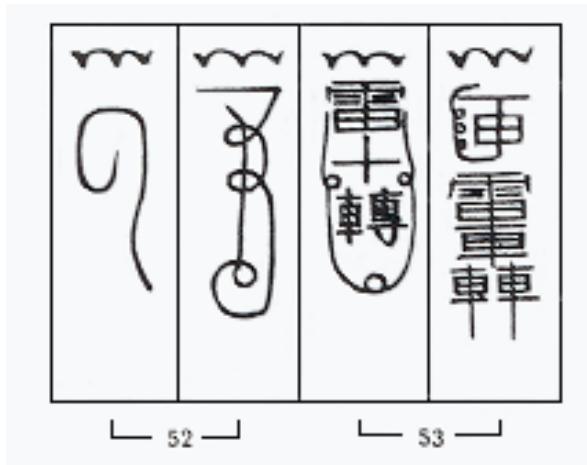


49

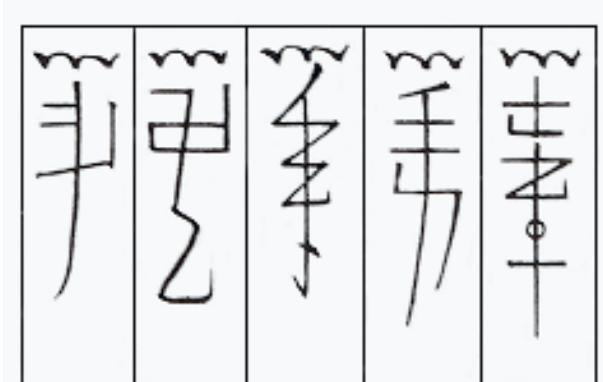
50

51

- Linh Phù dùng để thỉnh Đâu Sĩ chư Tiên giáng Cơ, đốt (Hình 49).
- Linh Phù dùng để thỉnh Phan Khang Vương Tiên, đốt (hình 50).
- Linh Phù dùng để thỉnh Dương Tiên, đốt (Hình 51).



- Linh Phù dùng để phụng tống chư Thần, đốt (Hình 52).
- Linh Phù dùng để phụng tống Tuý Tiên, đốt (Hình 53).



54

- Linh Phù dùng để phụng tống chư Tiên, đốt (Hình 54).

Hậu Hán Thái Cực Tả Cung Cát Tiên Ông trị toàn thân bá bệnh Tâm Pháp Linh Phù:



55



56



57

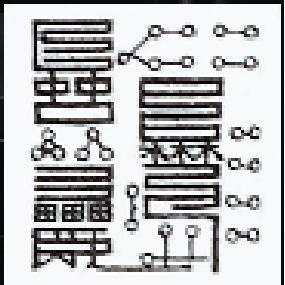
- Linh Phù trị bệnh ở đầu, tai, mũi, miệng, yết hầu, họa Phù đốt uống (Hình 55)

- Linh Phù trị bệnh ở thân, ngực, bụng, ngũ tạng, v.v... (Hình 56)

- Hình Linh Phù trị bệnh từ hạ thân (*Rún trớ xuồng*) bàng quang và các bệnh nữ nhân (*kinh nguyệt, thai sản, v.v...*) Nếu người mang bệnh có thể dùng lá tre, lá dâu viết Linh Phù hay giấy vàng vẽ Linh Phù 3 Đạo. Hướng về Hướng Đông Nam niêm:

Thái Ât Cứu Khô Thiên Tôn (300 lần)

Sắc uống hay đốt Linh Phù uống, một tuần sẽ khỏi. (Hình 57)

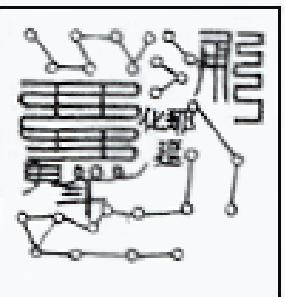


58

Án Lục Giáp Thần – Dùng cây Táo hay Trầm hương khắc Ân (*1 thước 2 tấc Tàu*), người khắc tịnh khẩu. Thiên hương nguyện niêm:

Lục Giáp Thần (3 lần)

Xong rồi khắc Ân (Hình 58). Người Thượng căn tu tập có thể Đǎng vân. Trung căn tu tập có thể được Quỷ Thần kinh nễ. Hạ căn tu tập có thể An bang Tê thế.



59

Án Thiên Nữ Khê Nữ Thần – Ân này dùng cây Táo bị sét đánh vuông (*1 thước 2 tấc Tàu*). Ngày Tam nguyên hay mùng 5 tháng 5, vào ngày tịnh thất thiên hương nguyện Thiên Nữ. Khắc xong nên dùng cây bá làm hộp dùng gầm lót, đựng Ân. Nếu cầu nguyện Thiên Nữ thì lấy Ân mật niêm. (Hình 59)



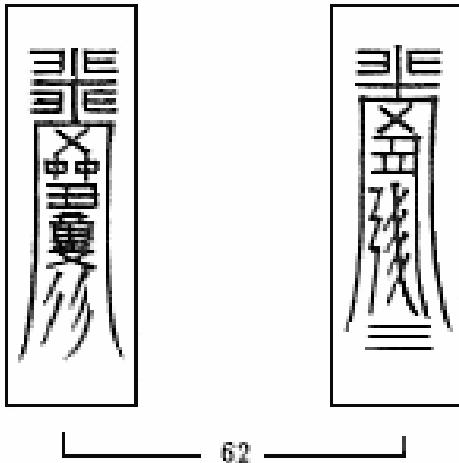
60

Lôi Công Ân Ân Thần Pháp – Lấy mực đỏ họa phù, ở Đạo tràng niệm Chú đeo noi thân túc được che chở người khác không trông thấy. Nếu dùng đê trộm cắp của cải kẻ khác không linh nghiệm. (Hình 60)



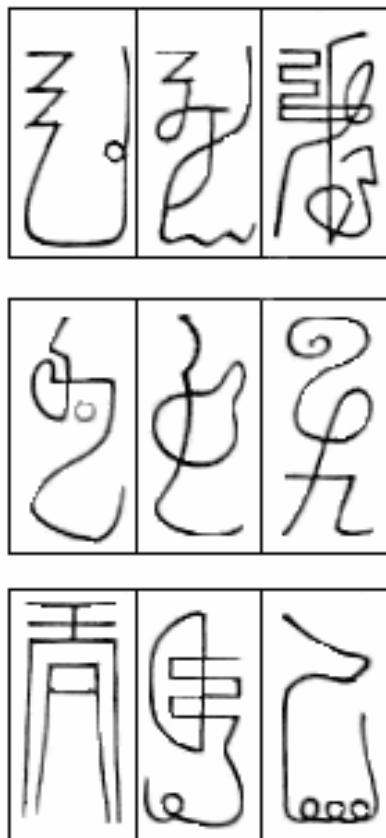
61

- **Mười hai Khέ nǚ Thần Ân.** Hành giả dùng cây Lê làm thành 12 Ân. Mỗi Ân mặt rộng (2 tấc 8 phân Tàu), dài (5 tấc Tàu). Khắc Ân vào ngày mùng 5 tháng 5. Hành giả dùng Ân in Linh Phù, mỗi ngày uống 12 Đạo (vò thành viên uống) vào giờ Ngọ hay 12 giờ đêm trong vòng 93 ngày và mỗi buổi sáng trong vòng 7 ngày. Hành giả tu tập có thể có năng lực khinh thân phi hành. (Hình 61)



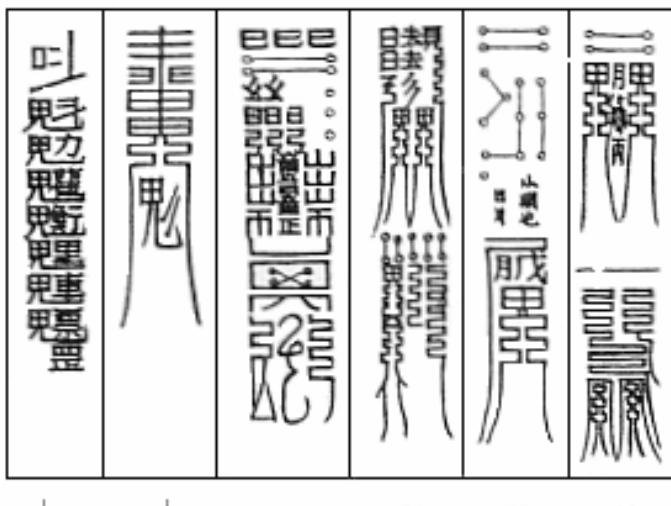
— 62 —

- **Lục Giáp Tống Phù** (*Nấu Đậu đen Ân Gia Pháp*). Vào ngày mùng 1 tháng Giêng dùng đậu đen không phân biệt ít nhiều hướng về sao Bắc đẩu tuyên đọc chú 49 biến. Ngày Giáp tử canh năm cũng y như trên (*Hướng về sao Bắc Đẩu Thiên Hương tung chú 49 biến*). Đến ngày Lục Giáp lấy Đậu áy nấu chín (*lúc nấu lại hướng về Sao Bắc Đẩu tung chú 7 biến*). Sau áy đem Đậu phơi khô. Lúc gặp hiềm nạn lấy Đậu ngâm trong miệng, tay cầm Lục Giáp Tống Phù (*Dùng cây Đào làm thành hai miếng cây họa Phù lén áy*) thì sẽ thoát nạn. Nếu không muốn người khác tìm thấy nhà, hay lúc hiềm nạn cần phải che chở cho nhiều người lấy 49 hạt Đậu đã nguyện và 4 Đạo Lục Giáp Tống Phù chôn chung ở 4 góc nhà, tức người khác không thể tìm thấy được. Lúc muốn hóa giải lấy Đậu và Phù lén lại (Hình 62).



63

- 9 Đạo Linh Phù này dùng để trị các thứ bệnh trên thân, viết lên giấy đốt uống (Hình 63)



— 64 —

65

66

67

68

- Linh Phù dùng để cho vợ chồng hòa hiệp, họa Phù niêm Chú (Hình 64).
- Linh Phù dùng để tránh tai ương, Đại họa. Dùng một miếng cây (gỗ Đào) vẽ Đạo Phù này bằng mực Đỏ. Treo trong nhà có thể tránh tai họa trộm cướp, yêu ma (Hình 65).
- Linh Phù dùng để Hộ Thân. Dùng mực Đỏ viết lên miếng cây bằng gỗ Đào mang trong người đi đường tránh được nạn, cướp hay thú dữ (Hình 66).
- Linh Phù dùng để tránh binh đao. Dùng mực Đỏ viết Phù đeo trên người. Nếu có phải đi đánh trận cũng qua được những nạn hung (Hình 67).
- Linh Phù phản hung biến kiết. Lúc cát nhà, chôn cát, động thổ hay bị người khác ém phá dùng mực Đỏ viết Phù này dán ở cửa hay chính giữa nhà hay mồ mà sẽ được bình an. (Hình 68)

SƠ LƯỢC TIỀU SỬ CỦA CỤ SĨ TRIỆU PHƯỚC

- Sinh năm 1948 tại tỉnh Trà Vinh. Tốt nghiệp tiểu học tại Trà Vinh.
- 11 đến 17 tuổi: học nội trú trường dòng Lasan (Mossard Thủ Đức), tốt nghiệp Brevet Elementaire
- 17 đến 20 tuổi: học nội trú trường dòng Lasan Đà Lạt (College D'Adran) tốt nghiệp tú tài đồi Pháp (Baccalaureat de l'enseignement secondaire).
- 20 tuổi đến 21 tuổi: bị tổng Động viên và giải ngũ với cấp bậc thiếu úy hải quân.
- 22 tuổi đến 25 tuổi: tốt nghiệp cử nhân luật khoa Sài-gòn luật công pháp.
- 25 tuổi đến 27 tuổi: Giáo sư Pháp văn
- 28 tuổi đến 29 tuổi: trường chay 2 năm, tu tập Mật tông và nghiên cứu các tôn giáo (Phật giáo, Thiên Chúa giáo, Ấn Độ giáo, Thông Thiên Học, Cao Đài, Hoà Hảo v.v...), tiếp cận và tìm hiểu các giáo phái huyền bí tại Việt Nam.
- 30 tuổi: Truyền bá Mật Tông và trừ tà tại Việt Nam.
- Cuối năm 1981: Định cư tại Hoa Kỳ theo diện ODP
- 1982: Viết 5 loạt bài về các hiện tượng thần bí tại Việt Nam trên Báo Trắng Đen.
- 1983: Lần lượt ấn hành các bản kinh Mật Tông quyển Thượng, Trung và Yếu Lược và truyền bá môn thần bí học tại Hoa Kỳ và các nước.
- 1981-2005 : Định cư và sống 24 năm liền tại tiểu bang Colorado Hoa Kỳ.
- Từ đó đến nay (2005) đã trực tiếp và gián tiếp điểm đạo cho trên 10.000 người thuộc đủ mọi tôn giáo (Phật giáo, Công Giáo, Tin Lành, Hồi Giáo, Cao Đài, Hoà Hảo...) và

vô thần bao gồm từ giới khoa bản (thạc sĩ, tiến sĩ, bác sĩ, luật sư, kỹ sư, các nước Hoa Kỳ, Âu Châu, Liên Sô, Ba Lan, Trung Hoa, v.v...) đến nay các tướng tá Việt Nam Cộng Hoà và Cộng sản cùng như cho các giới lao động buôn gánh bán bưng, các giới giang hồ lầu xanh, bài bạc.

- Năm 2005 và sau đó sẽ lần lượt viết thêm về các kinh nghiệm và nghiên cứu siêu hình thần bí.

CÁC BẢN KINH ĐÃ ĐƯỢC ĂN HÀNH:

1. Phật Giáo Thánh Kinh
2. Kinh Chuẩn Đề Đà La ầy Hội Thích
3. Mật tông Phật Giáo Tinh Hoa (Quyển Thượng)
4. Mật tông Phật Giáo Tinh Hoa (Quyển Trung)
5. Mật tông Phật Giáo Tinh Hoa (Yếu Lược)
(Tái bản 1000 cuốn lần thứ 5, năm 2005)
6. Phong Thần và Huyền Bí Học

Hội Ái Hữu Mật Giáo California
9735 Broadway
Temple City, CA 91780
email: matgiao@yahoo.com

CÁC SÁCH THAM KHẢO

1. GRACE E. CAIRNS: Philosophies of History (Chapter IV, cyclical time and the philosophy of the Mandala). New York: Philosophical Library, Inc.
2. ALEXANDRA DAVID NEEL: Mystiques et magiciens du Tibet, immortalite et reincarnation, Paris: Librairie Plon- Au coeur des himalayas. Le Nepal Dessart- Iniations Iamaiques: Editions – Adar.
3. MIRCEA ELIADE: Le yoga, immortalite et Paris Payot.
4. ALICE GETTY: The Gods of northern Buddhism. Tokyo, Charles E. Tuttle Company.
5. ANAGARIKA GOVINDA: Essays on the Bodhisattva Ideal. Kalimpong “Stepping stones” – Principles of Tantric Buddhism- Delhi, 2500 years of Buddhism Time, space and the problem of Free Will. Calcutta, the Maha Bofhijournal 1955 – The Foundation of the tibetan mystisicm, The Psychological attitude of early buddhist philosophy London, Rider Company.
6. H. DE GLASENAPP: Mysteres bouddhistes, doctrines et rites secrets du “Vehicle de diamant.” Paris, Payot.
7. H. V. GUENTHER: Yugaraddha, the tantric view of life – Benares chowkamba sankrit series, 1952 – Mantrayana and Sahajayana – Delhi, 2500 years of Buddhism. Jewel ornament of Liberation of S. Gam PO.PA London, Rider ET. Co.
8. CARL JUNG ET RICHARD WILHEIM (WILHELM): The secret of Golden Flower, London, Routhedge Kegan Paul.
9. DAVUD SNELLGROUE: The Tantras, Thirdpast of Buddhist Texts though the ages, New York Philosophical library. The Hevajra Tantra. London, New York, Oxford University Press.
10. HEINRICH LIMMER: Kunstmorm und yoga im indisehen Kulbild Berlim, Frankfurter Verlag Anstald. Myths and symbols in Indian Artand Civilization. New York, Panthein Books, Bollingen

series, The art of Indian Arts, New York, Pantheon books, published for Bollingen Foundation.

11. W.Y. EVANS WENTZ: Milarepa, le yoga tibetain et les doctrines secrete. Le livre tibetain de la grande liberation Bardo Tholdol. Le livre des morts Tibetais (Paris, Librairie d'Amerique et d'Orient Adrien Maisonneuve).
12. GIUSEPPE TUCCI: The theory and practice of the Mandala, London, Rider and Company. The Symbolison of the temples of bsam yas, Roma East and West Vol. VI, No. 4, 1956.
13. BHATTACARYAl Guhyasamajatantra. Baroda, Gackqad's Orient series Vol 53, 1931. Origin and Development of Vajrayana, calculta. The home of Tantric Buddhism, B.C. law volume 1945. Nispanna yogavali (desciption of 26 Mandalas) Baroda Gackwad of series CIX 1949.
14. AIRANE MacDONALD: Le Mandala de Manjusrimulakala. Paris Adrien Maison neuve.
15. NGUYỄN HỮU KIỆT: Tây Tạng Huyền Bí (The third eye-Lobsang Rampa)- Xứ Phật Huyền Bí (Autobiography of a yogi-yogananda)- Á Châu Huyền Bí (La vie des maitres- Bairdt Spalding)- Ai Cập Huyền Bí (A search in secret Egypt)- Đông Phương Huyền Bí(A search in secret path) của tiến sĩ Paul Brunton, Nhà sách: Sumhel Weiser Publications Inc. – 740 Broadway N.Y. 10003
16. ĐOÀN TRUNG CÒN – Chọn Ngôn Tông (10 Phái Phật Giáo) – Phật Học Tùng Thư xuất bản
17. THÍCH THIỆN HOA- Mật Tông (10 Tông Phái Phật Giáo) Phật Học Phổ Thông
18. VIỆN ĐẠI HỌC VẠN HẠNH. Shingon (Chọn Ngôn Tông)- 10 Tông Phái Phật Giáo của một Giáo sư Nhật.
19. NGÔ TRỌNG ANH: Mật Tông Dưới Mắt Của Người Phương Tây (2 bài duyên thuyết tại viện Đại học Vạn Hạnh 1967) Tập chí Tư Tưởng
20. HEN CHEN CHI: Thiền Đạo Tu Tập
21. D.T. SUZUKI: Thiền Luận quyển Thượng- Trung-Hạ

22. ĐÔNG MẬT: Gồm cả trăm bản kinh của Mật Tông Nhật Bản (T.T Thích Thiền Tâm dịch- T.T Thích Viên Đức hiệu đính)
- 23 HIỀN MẬT VIÊN THÔNG: Ngũ Đại Sơn- Kim Hà Tự. Sa môn Đạo han tap, Tran Giac soan, Thích Viên Đức dịch.
24. THE BUDDHISM OF TIBET OR LAMAISM (L.A. WADDELL)
25. MẬT TẠNG KINH TRUNG HOA, Phần Mandala (Quyển Thượng, Trung, Hạ)
26. LE BOUDHA SECRET DU TANTRISME JAPONAIS or THE SECRET MESSAGE OF TANTRIC BUDDHISM- Pierre Rambach (Rizzoli International Inc. 712 Fifth Avenue, New York 10019)

MỤC LỤC

LỜI TỰA.....	1
CHƯƠNG ĐẶC BIỆT	3
CHƯƠNG I: KHÁI NIỆM VỀ MẬT GIÁO.....	7
I. Giáo Chu Bí Mật.....	7
II. Adhistana	14
III. Phép Quán Đánh	20
IV. Các Ký Hiệu Tạo Pháp Thuật	22
V. Đàn Pháp	32
VI. Phép Hộ Ma	34
CHƯƠNG II: SỰ TRUYỀN THƯA.....	38
I. Lược Sử Mật Tông Tây Tạng	45
A. Phái Cổ Mật:	46
B. Phái Hoàng Mạo.....	48
C. Phái Nhũng Người Áo Vải.....	51
II. Lược Sử Mật Tông Trung Hoa.....	56
A. Thiện Vô Úy.....	56
B. Kim Cang Trí.....	57
C. Bất Không.....	59
D. Nhất Hạnh.	61
III. Lược Sử Mật Tông Nhật Bản.....	63
1. Phật Giáo Nhật Bản.....	63
2. Mật Tông Tại Nhật.....	64

A. Thai Mật	65
B. ĐÔNG MẬT.....	67
IV. Mật Tông Tại Các Nước Đông Nam Á.....	71
CHƯƠNG III: TÔN CHỈ VÀ GIÁO LÝ CĂN BẢN	77
I. Mật Giáo Qua Hai Bộ Kinh Đại Nhật và	
Kim Cang Đánh.....	78
1. Lục Đại.....	78
2. Bốn Mandala.....	79
3. Tam Mật.....	81
4. Thập Trụ Tâm.....	83
5. Triết Học Mandala.....	90
II. Các Kinh Khác Tuyên Thuyết Về Thần Chú Thuộc Phần Mật Giáo.....	100
CHƯƠNG IV: PHƯƠNG PHÁP TU HÀNH	128
I. Giới Luật.....	129
II. Dư Ngôn	133
III. Nghi Thức Trì Ngũ Bộ Chú	134
IV. Bảy Pháp Môn Tu Tập Thiền Định Của Mật Giáo....	136
CHƯƠNG V: QUẢ TUỐNG.....	143
I. Mộng Chứng	143
II. Quả tướng tu trì	145
III. Chín Phẩm Thành Tựu Của Mật Chú.....	146
CHƯƠNG VI: CHÚ ÁN PHÙ và các VÒNG PHÉP	149
I. Lục Tự Thần Chú Vương Kinh.....	149
II. Ué Tích Kim Cang Thuyết Thần Thông Đại Mân Đà-ra-ni Pháp Thuật Linh Yêu Môn.....	157

III. Uê Tích Kim Cang Câм Bách Biêն Pháپ Kinh.....	163
IV. Kinh Thiêն Thủ Thiêն Nhãп Quán Thê Аm Bồ-tát Quâпg Đại Viên Mân Vô Ngai Đại Bi Tâm Đà-ra-ni.....	174
V. Thâт Cu-chi Phật Mẫu Sở Thuyết Đà-ra-ni Kinh.....	210
VI. Thâт Cu-chi Độc Bộ Pháپ.....	217
VII. Ngũ Bộ Chú.....	219
VIII. Linh Phù – Bảo Bộ.....	230

